

Tác Giả và Tác Phẩm

Đào Vũ Anh Hùng

(Phần 2)

Tiểu sử

Tên thật: Đào Bá Hùng - Sinh năm 1943 tại Hà Nội
Hiện cư trú tại Dallas, Texas.

Tác phẩm

(xem *Mục lục*)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Không bỏ anh em không bỏ bạn bè – 2

Viết về câu nói: Không bỏ anh em không bỏ bạn bè - Nguyễn Viết Trường - 11

Vàng rơi không tiếc - 12

Hào hoa là lính không quân – Hoàng Khởi Phong - 21

Phụ đính I

30 tháng tư thương nhớ nhà văn Chu Tử - 28

Mùa xuân tưởng nhớ Trần Việt Hoài - 29

Phan Nhật Nam Dựa Lưng Nổi Chết - 35

Cuộc chiến đấu bi hùng của Thiếu sinh quân Vũng Tàu - 41

Đêm chờ ngưng bắn nhớ An Lộc - 44

Trận đánh cuối cùng - 52

Phụ đính II

Bà tôi – 61

Bạn cũ – 67

Giòng đời ... & ... Hồi âm Giòng đời - 74

Phụ đính III

Nguyệt san Lý Tường – Khải Triều - 82

Bên dưới những đôi cánh sắt – Trần Ngọc Tụ - 85

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Viết văn từ năm 1960 với bút hiệu Đào Vũ Anh Hùng.

Gia nhập làng báo năm 1964.

Đầu tiên cộng tác với tờ Ngày Nay của nhà văn Hiếu Chân. Viết thường xuyên cho các báo Sóng Thần, Hòa Bình, Kịch Ảnh, Truyện Hay Thứ Tư và Lý Tưởng KQ.

Biên tập viên, phóng viên các báo Tương Lai, Tiền Tuyến, Thân Dân, Tranh Đấu, Bến Nghé, Sóng và tuần báo Đồi.

Tại hải ngoại, cộng tác với nhiều báo và tạp chí ở Hoa kỳ và Âu châu.

Quản trị và điều hành ĐPT Tiếng Nói Việt Nam tại Dallas, TX. (1983 - 1985).

Chủ biên Đặc san Đường Mây và Lý Tưởng Không Quân (1990-2000).



(xem thêm Đào Vũ Anh Hùng ở Bên dưới những đôi cánh sắt tác giả Trần Ngọc Tự - tr 89)

Không bỏ anh em không bỏ bạn bè



“ Câu chuyện bắt đầu vào một buổi sáng: Thứ tư ngày 27-03-1968 tại Không Đoàn 62 Nha Trang. Trung úy phi công Trần duy Nguyễn, hoa tiêu PD524/KĐ62, ba mươi hai tuổi, cao một mét sáu chín, nặng 72 ký. Chiếc L19 mang số AP112584 danh hiệu Liver 02 .Phi vụ liên lạc hành quân Nha Trang- Pleiku. Trung úy Nguyễn lái chiếc L19 đó. Anh cất cánh rời phi đạo 30 hồi 07 giờ 50 phút. Khoảng nửa tiếng sau thì chiếc Liver 02 ngộ nạn.

Nguyễn bay tới giữa vùng Khánh Dương – Dục Mỹ thì thấy trời xấu. Mây trắng đặc dày và sương mù kín phủ bốn phía núi non. Anh làm vòng ngược quay về, nhưng động cơ bung tiếng nổ khác thường rồi ngưng tắt. Nguyễn biết lâm nguy. Nhưng anh vẫn đủ bình tĩnh kiểm lại một lần máy móc và làm các động tác khẩn cấp cho trường hợp hạ cánh bắt buộc. Anh không liên lạc được với Phi Vân bằng vô tuyến. Lúc ấy chiếc Liver 02 đang ở trên ngàn rươi bộ và Nguyễn nhận ra khúc đường đèo M’Drak chênh vênh sườn núi mịt mù sương. Anh cho tàu lao xuống đèo. Rơi như hòn đá. Rơi như một khối vắn thạch từ cõi thinh không giáng xuống. Thật nhanh, thật kinh hồn và Nguyễn chưa xong thẳng thốt, anh nghe tiếng dậm xầm dữ dội của khối sắt

nặng ngàn cân cộng với trọng lượng thân thể mình khi đụng ngọn cây rùng. Toàn thân anh rung động như nhận chịu một cơn trời xập. Rồi không biết không hay gì nữa trong cõi hôn mê mịt mùng lãng đãng bắt đầu một cuộc phiêu lưu định mệnh...

Nguyễn còn sống nhưng bị gãy cánh trên tay trái và thân thể anh bầm dập đau đớn thảm thương. Những đêm, những ngày, gần một trăm tiếng đồng hồ kiệt cùng sức lực, đói lạnh gian nan bỏ lết lần tìm về miền đất sống trong khi tử thần cao ngạo bao lần vung lưới hái nhưng không giết anh ngay. Mà thông thả vờn đùa cắt cứa thân anh từng mảnh thịt da quý báu. Cuối cùng với lòng can đảm tuyệt vời, với sức chịu đựng siêu nhiên, với ý chí quyết sống mãnh liệt, Nguyễn đã thoát vòng hung hiểm, trở về. Hôm đó, chủ nhật 31 tháng 03, ngày ăn mừng đầy tháng con trai đầu lòng của Nguyễn....”

MỘT

ASOC gọi xuống Phi Đoàn báo có một L19 mất tích trên đường đi Pleiku, yêu cầu cho các phi hành đoàn túc trực chuẩn bị việc tìm cứu. Trung trả lời nhận rõ và tôi thấy gương mặt bạn hốt hoảng:

- Tụi bây kêu mấy đứa trực Rescue và Ground-alert sửa soạn lên. Tao qua ASOC lấy Frag và hỏi chi tiết xem đứa nào rớt.

Tôi nhảy hai bước níu lấy vai Trung

- Không biết đứa nào mà sui quá vậy?...

Trung không nói gì và tôi hỏi xong mới nghĩ Trung có biết gì hơn tôi đâu mà nói? Tôi thấy Nam từ phòng Hành quân đi ra, tay cầm tấm bản đồ:

-A hay quá, các cậu vào đây. Peacock vừa báo về cho bên này biết ông Trung úy Nguyễn đến giờ này vẫn không thấy đáp Pleiku, chắc rớt dọc đường...Các cậu vào lấy chi tiết rồi làm ơn nói Trung úy Bình cho an hem tìm ngay hộ. Phía Pleiku trời xấu nhưng mình cũng rang tìm may ra hấn còn sống và mình đem về kịp.

- Tội nghiệp...! Tôi hỏi Nam, Nguyễn nào?

- Nguyễn 524 đấy. Hấn qua bay L19 mấy hôm nay...

Tôi xựng sốt. “Nguyễn 524 hả?” và cũng buột miệng kêu lên. “Tội nghiệp”. Đồng thời nghe dọc theo sống lưng mình một dòng cảm xúc tái người chạy ngược lên tủy não. Toàn thân bủn rủn. Tôi không nghe biết những điều Trung bàn bạc với mọi người trong phòng Hành quân Không đoàn những gì. Chỉ nghe, chỉ biết một nỗi kinh hoàng rời rã tứ chi. Tấm bản đồ vùng Hai to lớn trên tường, những chấm xanh chấm đỏ. Những đường bút chì mở khoanh tròn vạch thẳng. Rừng núi, sông ngòi, đường xá và đồng ruộng...Tôi thấy màu biển xanh nhoẹt nhoẹt trước mắt. Cái tai nạn của Lê chiêu Hiền tháng trước...

Chiếc U17 vùi sâu đáy biển trên đường từ Quy Nhơn về Nha Trang. Lần đó chúng tôi bay vòng ngược vòng xuôi đến mấy mươi lần dọc theo triền cát, trên vùng biển xanh, đỏ mắt trông tìm mà chỉ thấy cát trên bờ và biển diềm nhiên đưa sóng ngu si làm lũi lao vào ghềnh đá...Những cái chết không tìm ra thân xác. Hoặc có tìm ra cũng chỉ là những tử thi biến dạng, tan nát thịt xương, đen cháy cong queo. Thật tội thương cho những người phi công dọc ngang trời rộng. Biết có một ngày hung hiểm đến mà vẫn thản nhiên nhận chịu căn phần, vẫn chứa chan tim óc trẻ trung nổi nhiệt nồng yêu sống, mê luyến không gian. Không ai muốn mà cũng chẳng ai trông chờ bất hạnh đến cho mình. Bất hạnh thê thảm nhất là sự chết non đến rất tình cờ. Người sống và kẻ chết đều không ngờ tới cuộc vĩnh biệt không lời từ giã.

Bất hạnh đã đến với anh Nguyễn rồi sao? Mong gì một sự trở về bình yên trong những phi vụ phi cơ rớt nơi vùng núi cao biển sâu này? Tôi muốn kêu lên cho thoát nỗi nghẹn ngào thương sót kết tinh thành khối chặn ngang cổ họng...Xót thương lo lắng cho anh Nguyễn. Anh Nguyễn dễ thương không phải với tôi ruột thịt mà tôi đã thực tình lo lắng cho nỗi an nguy của anh như người ruột thịt. Ai cũng có kẻ thù hay người khinh ghét. Nhưng tôi nghĩ, người như anh Nguyễn chắc không có ai khinh ghét thù hằn, mà đều quý thương kính nể anh như tôi vậy. Bởi tính tình

Nguyễn để thương quá đi. Anh điềm đạm, ít nói, nhưng khi nói chuyện thì vui vẻ cởi mở, đôi đũa thật tử tế đứng đắn với tất cả mọi người. Ở đời có những hạng người tuy chưa từng trò chuyện tiếp xúc nhưng chỉ thoạt nhìn thấy mặt là tôi ghét và đôi khi coi khinh coi thường. Nhưng cũng có những người mới vừa trông thấy là tôi đã có cảm tình, sinh lòng quý mến và coi như thân thiết lắm. Anh Nguyễn là lớp người thứ hai và cái nhận xét chủ quan của tôi chưa bao giờ lầm. Tôi không ở cùng phi đoàn với Nguyễn nên không gặp anh thường và được biết nhiều về anh. Nhưng thẳng hoặc được ngồi cùng bàn trong các bữa cơm trên Cầu lạc bộ hay gặp nhau đâu đó, tôi chào anh, hỏi thăm ba câu chuyện, anh đều vui vẻ chào hỏi lại và vui vẻ tiếp chuyện, dùng nhân xưng “tôi” cho anh, chỉ thị đại danh “anh” với tôi, với mọi người. Nhưng hai tiếng “Anh, Tôi” không có vẻ trịch thượng, không có vẻ nhạt nhẽo hời hợt mà đầy ý niềm nở thân ái. Đôi khi lễ phép như anh dùng tiếng “dạ”. Dạ phải. Dạ vâng. Dạ thưa anh nói đúng...Mà những tiếng ấy nhiều khi làm tôi bối rối. Tôi thật tình chỉ đáng tuổi em thứ hai, thứ ba của Nguyễn. Sau này tôi dần trở nên quen với sự “lễ phép” ấy và hết bối rối ngược ngạo, nghĩ đó là lời xưng hô đứng đắn lễ độ của một người có căn bản giáo huấn tốt và tính hiền tự nhiên như khuôn mặt phúc hậu thật thà của anh. Người như thế, không thể mang một tâm địa xấu được và tôi chỉ biết nói, anh Nguyễn là một người đáng hoàng. Tôi coi anh như một người anh gương mẫu khả trọng và điều này tôi giữ trong lòng, anh không biết được lại có tôi quý mến anh nhường ấy. Tin Nguyễn mất tích truyền đi thật nhanh, xô nổi một luồng xúc động khắp Không đoàn. Người không biết anh, tôi chẳng hiểu thế nào. Riêng ở tôi, ở những bạn bè thân quen với Nguyễn, tất cả đều thật tình xúc động lo lắng cho anh. Tôi nhìn thấy điều đó ở tôi, ở trên khuôn mặt mọi người, ở cái không khí nhộn nhịp háng hái chí tình quên ăn quên nghỉ trong việc tìm kiếm tung tích chiếc phi cơ xấu số. Suốt mấy ngày trời, dọc theo lộ trình rộng lớn trùng điệp núi rừng xuôi ngược Nha Trang – Pleiku. Bao nhiêu là máy bay đổ vào phi vụ tìm cứu Nguyễn. Trực thăng H34, khu trục, L19, Cessna, C47, của cả Không đoàn 62 lẫn Không đoàn 33 từ Sài Gòn ra và bên Trung tâm huấn luyện. Không biết bao nhiêu lần, không biết bao nhiêu chiếc và không biết bao nhiêu người đã dồn vào việc ấy...

Cái gì khiến nên tận tình như vậy? Bồn phận dĩ nhiên phải làm sau mỗi tai nạn xảy ra hay là gì khác? “Cái gì khác” đó, tôi biết, thúc đẩy tinh thần hăng say tận tụy kiếm tìm anh Nguyễn vượt khỏi một cuộc tìm kiếm thông thường chính là những tình cảm đẹp đẽ và sự quý mến mọi người dành cho anh. Thiếu tá Tư lệnh phó cũng đích thân điều động và lái trực thăng ngày ngày tìm dấu Liver 02. Lòng thương yêu đằm thắm ấy, anh Nguyễn, anh xứng đáng được hưởng. Hơn cả tình nghĩa bạn bè. Trên cả cái mà người ta gọi là “tình đồng đội, tình huynh đệ chi binh”. Đó là do lòng sốt thương một người anh em như thể anh em ruột thịt.

Ngày đầu chúng tôi hy vọng. ngày thứ hai hy vọng mòn nhụt dần đi sau khi Lộc về cho biết có thấy một nơi rừng phía Bắc Khánh Dương có hai người đốt khói đỏ, dơ vải trắng vẫy gọi trực thăng nhưng Lộc nghi ngờ Việt Cộng lừa bả không dám đáp vì Nguyễn đi Pleiku chỉ có một mình sao lại những hai người vẫy gọi? Tuy nhiên Lộc vẫn về báo cáo và trở lại chỗ cũ thì không thấy chỉ ngoài rừng sậy và loang lổ vết cỏ khô gùn cháy.

Ngày thứ ba thì chúng tôi không còn ai hy vọng tìm thấy Nguyễn và xác chiếc L19 nơi đâu. Nhưng vẫn cố công tìm kiếm đến ngày 01_gray thứ tư, thứ năm... Mọi người không một tin tưởng mong manh nào nữa. Ai cũng thương xót Nguyễn ngùi ngùi. Riêng tôi nặng thêm lòng uẩn ức. Sao không chết những thằng bần tiện, những thằng không đáng được gọi là người, những con bọ hung hôi thối trong đoàn thể đang làm điều như nhóp nhục nhả đến chúng tôi. Đang làm vậy bần, uế tạp bộ áo Không Quân danh diện của chúng tôi, mà chết những người như Nguyễn?... Ôi anh Nguyễn để thương, anh Nguyễn hiền lành. Không biết anh còn sống hay đã thịt xương rữa nát? Tôi cầu mong có một “phép màu” nào đó cứu mạng sống anh, và đưa anh Nguyễn của chúng tôi trở về. Đem lại ấm cúng cho gia đình anh, để anh chung chia thống khổ với đồng bào, tham dự với chúng tôi cuộc chiến đấu đấng cay nhọc nhằn hiện tại. Sơn bảo với tôi rằng anh vừa có con trai đầu lòng chưa tròn tuổi thôi nôi. Tôi nghe quận thất

trong lòng. Mỗi thương tâm buốt nhức làm hoe nước mắt. Tôi tưởng tượng ra khi người vợ trẻ của anh nhận được hung tin. Tôi nghĩ đến Quang chết cháy trong chiếc khu trục trúng đạn và rơi khi nó giáng từng loạt bom sấm sét xuống ngay đầu kẻ thù man mọi. Quang chết đúng một tuần sau đám cưới. Ngân đã ngất lịm sau tiếng kêu thảng thốt xé trời. Những cơn khóc than kể lẽ bi thương làm tôi mũi lòng. Chị Nguyễn rồi sẽ ra sao? Cả đứa con trai đầu lòng của anh Nguyễn nữa? Tôi đâu có biết mặt vợ con anh. Tôi băn khoăn chẳng hiểu mai này lớn lên trong trí óc sơ sinh của con trai Nguyễn có mờ phai chút nào hình ảnh gương mặt người cha rạng rỡ hoan lạc phút giây nhìn nó mở mắt chào đời? Đứa con sinh ra thời chiến và tự sơ sinh đã mất vòng tay chắt chiu nựng nịu của người cha. Thật là tội thương cho nó.

HAI

Ba giờ trưa ngày chủ nhật 31-03. Tôi đang nằm đọc quyển Văn, thì Cầu mở toang cửa nhảy vào phòng la chói lói:

- Anh Nguyễn về rồi mà ới! Trục thẳng bên phi đoàn mà vừa đem về đây xong tức thì. Nổi mừng rỡ bật tung tôi dậy. Sự mừng rỡ lớn lao đột ngột quá làm tôi đứng sững. Cầu nói:
- Bác sĩ Trụ đem “thằng chả” qua Nguyễn Huệ rồi. Đụ họ...thiệt hên hết sức!

Tôi hỏi:

- Mà thấy hấn sao không?

- Mẹ, thiệt dễ sợ, trông “đít” giống ai hết. Quần áo rách mướp đầy bùn xình. Gãy tay, lọi giò, bầm tím cùng người nhưng coi bộ “thằng chả” vẫn khỏe và nói chuyện tỉnh khô à.

Tôi cười, đưa tay nắn bả vai, nói:

- Thiệt mừng kể gì hả? Để hấn tỉnh dưỡng yên yên, hôm nào tao đi thăm...

Anh Nguyễn được đưa vào Quân y viện Nguyễn Huệ đến đúng chủ nhật sau tôi mới có thì giờ vào thăm anh gần trọn buổi sáng. Anh Nguyễn nằm trong phòng nhìn thấy tôi và gọi. Tôi đi thoáng qua, nhìn vào, anh nằm đấy mà đầu nhận ra, ngờ ngợ ngó thân thể nào bó bột trắng hếu cả mình, cả cánh tay nằm trên giường bệnh viện cho đến khi anh lên tiếng gọi và tôi mừng rỡ. Anh mời Hảo, mời tôi ngồi trên hai chiếc ghế cạnh giường, nhờ Hảo lấy dùm gói Pall mall, vồn vã mời chúng tôi hút thuốc. Anh cũng hút một điếu và tự bật lửa bằng cánh tay còn lành lặn. Đó là cánh tay phải, không bó bột. Tôi nhìn anh, quan sát từ đầu đến chân, vừa trả lời anh những câu hỏi, vừa hỏi anh về tình trạng sức khỏe. Anh mặc có chiếc quần đùi, đôi chân rắn chắc đầy những vết trầy xước quệt thuốc đỏ và những vết bầm tím chưa tan. Nguyễn nói anh bị gãy cánh trên tay trái, dập một hai đốt xương sống và cùng khắp thân thể bầm tím như nhuộm chàm, nhất là khoảng từ lưng trở xuống mông mà tôi không thấy vì anh được bó bột. Bác sĩ khoét một mảng trước bụng cho khỏi hấp hơi.

- Bây giờ tôi đỡ nhiều lắm rồi đó anh. Hôm mới về tôi nói ai thấy cũng hết hồn không dám nói. Tôi cũng nghĩ là bây giờ anh đã đỡ nhiều lắm và thấy anh như không xụi cần, vẫn rắn chắc đầy đà nhưng da mặt thì xanh mướt. Nguyễn nói chuyện nhiều, cười nhiều. Giọng nói và nụ cười của anh vẫn ròn rã cởi mở nhưng dường như chứa đựng nhiều hân hoan vui sướng vì nỗi mình thoát nạn, nỗi bạn bè thương quý nườm nượp đến thăm mỗi ngày với quà bánh và những lời an ủi. Anh kể suốt hơn một tiếng đồng hồ cho chúng tôi nghe về cuộc phiêu lưu định mệnh vừa mới trải qua, hãi hùng tưởng như mơ mà có thật. Anh kể cho chúng tôi nghe rõ ràng mạch lạc cả từng điều nhỏ mọn trong cuộc vật nhau với tử thần dài chín mươi chín tiếng và cuối cùng anh thắng vinh quang đem sinh mạng trở về vùng đất sống.

BA

Nguyễn tỉnh dậy sau cơn hôn mê dài lãng đãng phiêu diêu hồn phách. Tỉnh dậy bàng hoàng như vừa qua một giấc mơ êm đềm mê mẩn chẳng hề tri giác một phân đau trên cơ thể. Tỉnh dậy và nghe đầu tiên là tiếng chim kêu và thấy đầu tiên là vùng sáng tối ảo mờ chón rùng hoang tịch tịch. Một giây bờ ngõ rồi anh hỏi tưởng được ngay.... Bắt đầu từ lúc chiếc Liver 02

lúng túng trở xoay trong biển mây mù rồi đột nhiên ngưng tắt. Rồi mang cả phi công vùn vụt lao xuống rừng cây bên phải con đường đèo M'Drak. Màu xanh, tiếng kinh hồn trời xập. Màu đỏ, hào quang chói lói... Bàn tay nào phũ phàng dim tôi xuống, nâng tôi lên, nhẹ hẫng, bênh bồng và tôi không biết không hay gì nữa...

Bây giờ thì Nguyễn biết mình vừa hồi tỉnh sau cơn lịm ngắt dài. Chiếc đồng hồ tay còn chạy 11 giờ 30. Lúc máy bay rơi tám rưỡi. Nguyễn nghe ê ẩm vắng vát. Anh cựa mình, Cổ anh như gãy, sống lưng anh như gãy. Cánh tay trái đau dội lên làm Nguyễn cứng người cắn răng mà chịu. Đầu anh cũng nghe ê ẩm và như có tảng máu khô bết nặng. Anh nhắm mắt thờ, trán vã mồ hôi. Nguyễn thử nhấc cánh tay và anh phát giác nó đã lọi, gãy lia ống xương cánh trên. Không có máu thấm ra vải áo phi hành nhưng Nguyễn nghe rõ các mảnh xương gãy bên trong như dầm củi nhọn, như vụn thủy tinh đâm xối vào thớ thịt khiến Nguyễn đau buốt choáng người muốn trào nước mắt.

Nguyễn thấy mình không hẳn ở trong mà cũng không hẳn ở ngoài phòng lái. Sợi dây an toàn vẫn giữ anh liền ghé phi cơ nhưng nửa thân trên nghiêng lợt ra ngoài. Cánh cửa bật tung đầu mất, kính tàu vỡ vụn. Chiếc máy bay của anh. Nó không còn hình thù của chiếc phi cơ nữa. Cánh quạt, đầu máy và khung phòng lái cong queo biến dạng như có bàn tay mạnh mẽ vô cùng nào xoắn vặn. Nguyễn rùng mình khi nhìn xuống nền đất dốc nghiêng. Mảnh helmet tan tành vung vãi cùng những mảnh kim khí vụn nát của thân tàu. Ôi nếu đầu anh không có chiếc nón bay che chở?... Xác thân anh là thịt xương trăm ngàn lần mềm hơn sắt thép. Anh sống sót thật kỳ diệu. Nguyễn nhớ nơi mình rơi xuống bên phải con đường đèo M'Drak. Con đường rắn lượn hình cung và anh có thể theo hướng 180, 200, 250, 279, ... mà đi là ra mặt lộ. Yên vắng trong khu rừng u tịch vây bủa tứ bề. Nguyễn nhìn những chiếc kim, những con số, những vạch đỏ xanh vàng trên các mặt đồng hồ phi cụ. Tất cả đều im lìm bất động khiến Nguyễn mung lung bối rối. Phải chui ra khỏi chiếc L19 xấu số và tìm kiếm đường về. Qua giây lát suy nghĩ. Nguyễn nghiêng nát cơn đau đớn giữa hai hàm răng, dùng bàn tay phải hì hục toát dầm mồ hôi gắng sức bẻ cho bằng được chiếc la bàn cầu du chuyển đã gãy rời ba con ốc vặn. Có đến gần nửa tiếng sau Nguyễn mới xong công việc gỡ lấy chiếc la bàn. Mệt muốn đứt hơi, anh ngồi rũ người thờ dốc... Nguyễn ra khỏi phòng lái bằng cách trườn mình cho người rơi xuống đất. Cánh tay phải với bàn tay nắm giữ chiếc la bàn không đủ sức chống đỡ và Nguyễn phũ phàng rơi xuống như tấm rẻ rách. Anh bật lên tiếng thét đau đớn xé trời, nghiêng răng rạn rụa nước mắt nằm phủ phục mà chịu nỗi đau đớn tái tê đến tận nguồn thần kinh cảm giác. Nguyễn mệt lả, đau nhức khôn cùng và anh không dám chống tay ngồi dậy bởi anh biết mình không đủ sức ngồi dậy. Không dám cử động mạnh nữa. Đau đớn nhức buốt ở từng khớp xương, ở từng thớ thịt. Nguyễn xoay người nằm ngửa trên trền dốc, anh thử co duỗi đôi chân. Chân anh không gãy nhưng cả hai đều bị trật khớp ở cổ chân. Anh thử cựa mình, thứ đau đớn nào nhọn hoắt nhói lên nơi xương sống ngang thắt lưng. Nguyễn lại nằm yên đưa đôi mắt nhìn cảnh vật.

Cây rừng bay cao ngó xuống thì tũn mủn rong rêu, nhưng ở dưới lại là đại thụ cao to lá tàn rậm rạp. Lá như khối đặc âm u che khuất nắng trời. Nguyễn đếm được tất cả ba ngọn cây cao bị phi cơ anh chém. gục. Chiếc phi cơ thì đuôi cánh gãy gập, dúm dó chúi đầu nằm thê thảm giữa các mảnh kim khí vỡ văng vãi tùm lum. Bốn trái Rocket chưa nổ nằm ù lì lẩn lóc dưới cánh tàu gãy cụp. Một giọt nắng xuyên qua kẽ lá xoi thẳng vào mắt Nguyễn, anh thêm thiếp muốn ngủ... Nhưng vừa chớp mắt thì Nguyễn nghe văng vẳng tiếng máy bay âm ỉ. Anh choàng tỉnh, lắng tai và tim đập mạnh. Tiếng động cơ ròn rã quen thuộc đến gần. Tiếng trực thăng! Không phải một mà những hai chiếc H34 song song ồ ạt bay ngang, thật thấp và ngay trên đầu Nguyễn. Bóng hai chiếc phi cơ loáng thoáng trên vùng lá biếc và Nguyễn rộn rã cơn xúc động bồi hồi... Anh biết họ đi tìm mình và nôn nao mừng rỡ. Nguyễn muốn bật tung người dậy hò hét vẫy gọi bạn bè anh trên đó biết anh ngộ nạn chỗ này xuống cứu. Nhưng anh không vùng dậy được, không làm gì được mà chỉ nằm yên nghẹn ngào trông lên bóng hai chiếc trực thăng bay thật gần, thật thấp trên vùng cây lá um tùm...

Anh nghe rõ tiếng cánh quạt chém gió phành phạch, tiếng máy nổ ầm ỹ vụt qua...cho đến khi trở lại âm ì rồi tắt, vậy mà Nguyễn vẫn ngẩn ngơ văng vẳng bên tai những lời mời gọi, hối thúc anh trở dậy. Bạn bè đang đi tìm kiếm anh, họ sẽ trở lại nhiều lần nhưng chắc chắn không ai thấy bởi cây cao lá rậm và Nguyễn không có cách nào báo hiệu. Anh chẳng mang theo một dụng cụ trang bị cấp cứu cá nhân nào kể cả con dao, khẩu súng. Giá bây giờ có một viên đạn hỏa châu nhỏ bé hay một trái khói màu?...Tại tôi coi thường không đem theo những thứ người ta cấp phát. Tôi đã còn sống sau tai nạn, rồi nếu có chết thì thắm, chốn rừng hoang này chính là tự tay tôi hủy diệt mạng sống mình.

Nguyễn nằm ôm mối uẩn ức giận trách mình. Anh bỏ chiếc la bàn xuống đất, đưa tay nắn túi áo bay và móc ra được chiếc bật lửa. Anh loay hoay gắng gượng chịu đựng đau đớn bám lấy thành tàu đu người dựa vào mặt chiếc phi cơ, với tay mở nắp bình xăng. Mùi nhiên liệu thân quen nức nồng khứu giác. Nguyễn tính đốt tàu gây đám cháy làm hiệu cho phi cơ bạn trông thấy nhưng anh thất vọng.

Bật bốn năm lần không nhen chút lửa thì chiếc hộp quạt hết đá. Nguyễn nhét bật lửa vào túi áo. Lúc đó anh mới giật mình hoảng sợ nghĩ đến điều nếu đốt tàu, bình xăng nổ, cháy tràn lan, anh không thể nào chạy thoát và sẽ bị thiêu sống. Nguyễn thở phào, đưa mắt tìm kiếm trong tàu...Anh thấy dưới gầm ghế hoa tiêu có một gói dù và một trái khói màu còn nguyên vẹn. Anh xúc động, lấy bẫy rơm người ngoài tới. Cánh tay trái anh gãy lìa như cành cây chỉ còn dính với thân bằng lượt vỏ, đơng đưa trước gió. Nguyễn chỉ còn cánh tay phải để xử dụng cho việc nặng nhọc lung tung xoay vần, kéo đẩy chiếc dù và trái khói màu rơi xuống đất. Đau đớn dội lên nhưng Nguyễn mím môi cưỡng chống, nằm ôm lấy gói dù mà thở. Lúc này ruột gan anh mới còn cào vì đói...Buổi sáng Nguyễn vào phi đoàn sớm. Trước khi đi bay anh ghé vào câu lạc bộ Phi Hồ mua khúc bánh mì jambon 25 đồng bạc, để trên giá đựng bản đồ tính nhẩm nha vừa bay vừa ăn sáng nhưng chưa kịp cắn miếng nào thì tai nạn xảy ra, khúc bánh mì đã bay đâu mất.

Cơn đói làm Nguyễn cồn cào gan ruột, bại hoại toàn thân. Anh nghe đầu nặng, mắt hoa, bắp thịt rung chuyển, người nóng bừng bừng như lên cơn sốt, đầu óc vằng vặc khó chịu. Chát chua từ dạ dày đưa lên miệng khiến Nguyễn buồn nôn. Đói và khát nữa. Lưỡi anh tê đắng và cổ họng, môi khô. Nguyễn nằm áp má thiêm thiếp trên gói dù đưa mắt lơ lơ nhìn xuống triền dốc...Đói khát, mệt mỏi, đau đớn khiến Nguyễn tưởng chừng kiệt cùng hơi sức không sao gượng nhích được. Nhưng Nguyễn đã nhích gượng. Hơn thế nữa, anh nhồm dậy, nghiêng người chống khuỷu tay bò như con thằn lằn bị đập nát hai chân sau. Bằng cách dùng cánh tay phải làm điểm tựa, nhón đội mũi giày đẩy cả thân hình đồ sộ kéo cánh tay gãy, lết từng phân một xuống con dốc ngắn. Bờ ở dưới đó có một khe nhỏ mà Nguyễn thì khát khô môi họng. Đá dăm dăm qua làn vải áo nát cánh tay anh. Khoảng cách đến khe nước bùn không hơn bốn mét, vậy mà có đến nửa giờ mới lết tới được. Anh háo hển gối má nằm nghiêng trên những hòn đá nhọn của bờ vũng, ghé miệng tham lam cuồn dại mà uống, mà thở. Nước bùn ngầu đục tanh tưởi rong rêu mùn lá nhưng anh bất kể. Nguyễn mê mẩn uống, say sưa uống từng dòng mát lạnh vỗ về cổ họng khô khan, tưới mát ruột gan bỏng cháy, nghe sảng khoái lâng lâng. Anh lăn người vào trong vũng nước tận hưởng cơn mát mẻ để chịu thắm qua làn vải áo phi hành. Rồi như trẻ con no sữa. Nguyễn nhắm mắt lại, anh thiếp đi hay ngủ cũng không biết nữa.

Nguyễn tỉnh dậy lúc xế trưa. Anh vẫn sững người trong bùn ngầu đục. Đồng hồ tay anh chỉ 3 giờ 10 phút. Lại có tiếng máy bay ầm ỹ trên vùng cây cao vợi. Nằm chỗ này. Nguyễn thấy được một mảng trời xanh dị dạng giữa khoảng lá thưa gió thổi chập chờn. Có một giải mây trắng nõn lững thững bay...Ồi cánh mây giang hồ mỏng manh kia sáng nay có góp phần trong khối mây mù mịt bùng bít mắt anh, cản lối phi trình và làm anh ra nỗi hoạn nạn thế này không? Tiếng máy bay ù ù một điệu từ trên không đồng vọng. Nguyễn thấy một chiếc L19 buồn hiu lủi thủi bay ngang mảnh trời xanh có giải mây trắng nõn ấy. Một lát sau lại thêm hai chiếc trực thăng song hàng rầm rộ lướt qua. Anh thấy rõ những cái bụng thon dài đậm nét trên nền trời xanh lơ, những con số màu vàng và lồng kính phi cơ chói loé ánh mặt trời phản chiếu. Nguyễn cảm

động nghĩ đến bạn bè đang nôn nả kiếm tìm mình. Nhớ tới trái khói màu. Nguyễn lầy bầy chống tay rời khe nước bò lên. Không mang thương tích chỉ cần vài bước nhảy là tới, nhưng lúc này Nguyễn chỉ nhích người bò lết được vài phân mét lại nằm nhẩn nhó vì đau đớn, hồi lâu mới ngóc đầu tiếp tục bò thêm vài phân mét nữa. Khoảng cách thật gần nhưng thời gian bò lết dài quá đỗi. Trong khi đó thỉnh thoảng anh lại nghe, lại thấy những chiếc phi cơ tìm cứu bay ngược xuôi trên đầu. Chúng làm anh nôn nao cuống quít. Nguyễn với được trái khói màu, anh chờ đợi tiếng máy bay, ghé răng giựt chốt an toàn, quơ tay thấy xuống triển dốc....

Trái khói vừa lăn vừa cuộn cuộn tuôn màu xanh đậm. Nguyễn nằm chong mắt nhìn và ngửi mùi khét tràn không khí. Gió từ trên lùa xuống, khiến khói không vươn lên được, mà rập mình bò sát mặt đất. Gió làm nhiễu loạn dật dìu đám khói, loãng nhạt dần màu xanh đậm và cuối cùng chỉ còn những sợi mỏng tanh uốn éo tan biến trong không khí. Hy vọng của Nguyễn cũng lụn tàn, nghĩ nếu trời im gió khói xanh có bốc lên cao, phi cơ cũng khó mà thấy được bởi màu xanh của khói tiếp với màu xanh của rừng. Anh thở dài chua xót...Bạn bè tôi đồn đảo từ sáng đến giờ tìm tôi nhiều quá. Mà tôi thì mỗi lần tỉnh dậy nghe tiếng động cơ rền rĩ kiếm gọi, muốn làm hiệu đáp lời, muốn hét to như sấm sét báo với họ rằng tôi đang bòn chòn cuống cuống chờ đợi ở đây, nhưng tôi không làm chi được. Tôi mang thương tích thâm thê, tôi đã kiệt cùng sức lực...Nguyễn đâm sợ hãi những tiếng âm ĩ rền rĩ của máy bay, nghe như lời nghiêm khắc mỉa mai trách mắng làm anh uất nghẹn. Nổi ăn năn dần vật khi nghe tiếng động cơ trên cao vọng xuống làm anh hoang mang bực tức. Nguyễn muốn bưng tai nhắm mắt ngủ vùi, thiếp đi hay chết để khỏi chịu đựng đau đớn khổ sở trên thân và cả trong lòng. Anh chỉ còn mong manh hy vọng ở đây bên xác chiếc L19 may ra tới chiều bạn bè sẽ thấy và xuống cứu.

Cho tới bảy giờ chiều, suốt ba bốn tiếng nằm chờ, Nguyễn nghe tiếng và trông thấy đủ loại máy bay qua lại nhiều lần. Trực thăng, L19, U 17, C47, và cả HU1 của Mỹ nữa. Khi nắng chiều chỉ còn thoi thóp và tầm tối dần nhuộm đen khu rừng. Nguyễn không thấy bóng một chiếc phi cơ nào nữa. Quan anh chỉ có một bầu tịch tịch im vắng hểi hùng như cõi chết. Đêm đã xuống hoàn toàn nhưng đêm có trăng và đêm có sao cho Nguyễn chút ánh sáng mờ mờ nhận ra cảnh vật, đủ cho anh nhận ra một phiến đá rộng phẳng phiu nằm phơi lưng dưới ánh trăng cách chỗ anh đang ngồi chừng 15, 20 thước, không có bóng cây che. Nguyễn đã ngồi dậy được nhưng di chuyển thì phải bò bằng vai và dùng gót giày đẩy thân mình nhích tới. Suốt một đêm dài, anh hì hục bò, kéo theo bọc dù tới phiến đá. Chiếc dù trở nên nặng vô cùng. Khoảng cách không đầy hai chục mét đối với Nguyễn thật là dài. Suốt đêm một lả, ngủ thiếp và ngất đi không biết bao nhiêu lần mà đếm. Khi giật mình tỉnh dậy anh lại tiếp tục bò trên đường gồ ghề sỏi đá, chằng chịt giây leo, lồi lõm hiểm trở để vắn bọc dù tới nơi phiến đá lộ thiên, chiếc la bàn câu du chuyển Nguyễn làm rơi xuống triển dốc, nằm trong đám cỏ dưới một hố nông chỉ nửa sải tay là với tới nhưng anh loay hoay mãi cũng không lấy được. Nguyễn đành bỏ và tiếp tục kéo chiếc dù tới sáng, Chung quanh phiến đá là những cỏ tranh đã cháy tro tan dày tung lên làm Nguyễn ho sặc sụa. Đến sáng thì Nguyễn đã ôm bọc dù nằm trên phiến đá, chân tay quần áo đen đúa tro than bùn đất và bộ đồ bay màu cam trở thành màu gì bần thỉu, rách tả tơi. Nguyễn đã đem được gói dù tới phiến đá, đã mở được bọc ngoài nhưng anh xoay trở mãi vẫn không thể nào trải nổi. Cái dù quá rộng, phiến đá thì không bằng phẳng và cao...

Ngày thứ hai, bình minh trong khu rừng còn đẫm sương đêm và có lời chim hót. Sáu giờ ba mươi. Nguyễn bỏ chiếc dù, bắt đầu khởi hành ra phía bìa rừng không có cây cao chỉ toàn cỏ tranh vượt đầu người cùng những cây thấp. Bữa điểm tâm của anh là những ngụm nước đầy rong rêu và những con sâu nhỏ mà anh bẻ nắp bật lửa múc nước từ vũng đọng trên phiến đá. Về trưa ánh nắng càng gay gắt thiêu đốt Nguyễn hừng hực. Chiếc áo bay bốc hơi hôi nồng, khô cứng. Đói và khát vô cùng. Cổ họng, môi anh khô bỏng nhưng Nguyễn vẫn nhủi đầu dùng bàn tay khỏe mạnh gạt những bụi cây nhỏ đan chằng chịt trườn bò từng tấc...Qua vùng lau bụi, qua chỗ bằng phẳng, qua triển đất dốc đá núi gồ ghề sắc cạnh, tới nơi có bóng cây râm mát trốn

chạy nắng như đổ lửa. Nguyễn thấy một vũng bùn mà anh tưởng như gặp dòng suối mát, hồn hèn bò tới vực mặt tham lam mút từng chút nước đen tanh tươi xác côn trùng. Anh bò đi, đói khát, lại bò trở lại vũng nước đó mà uống đến hàng chục lần. Có lúc Nguyễn thấy đủ loại cây ăn trái mọc hoang trong rừng như soài, ổi, mít, khế...nhưng còi cọc không hoa quả. Mà giả có quả anh cũng bất lực ngẩng cổ nhìn thềm chớ không sao với tới một cành thấp, nói gì đến việc trèo lên mà hái?

Một lần Nguyễn đã thử đứng hẳn dậy bằng hai chân để bứt mấy chiếc lá khế mà ăn, nhưng anh mới vừa thẳng người đã lao đao ngã vật,ngát đi vì đau đớn. Ba bốn phút sau đó Nguyễn mới tỉnh, đầu bê bết máu vì khi ngã va đầu vào đá nhọn. Cánh tay gãy tòn ten bị động lại đau nhức điếng người. Nguyễn hoàn toàn cô đơn lạc lõng. Lúc này Nguyễn ước ao có được bất cứ một ai bên cạnh giúp mình. Anh cùng quần muốn điên loạn. Anh đã cùng đường bi thảm. Mấy lần Nguyễn bật tiếng la như người quẫn trí:

- Có ai nghe tôi không? Tiếp cứu! Tiếp cứu!...

Chỉ có tiếng vang của anh trả lời, âm thanh lờn lộng trong miền hoang vu như chế nhạo mình. Mười giờ sáng Nguyễn thấy một trực thăng H 34 bay ngang sát đầu, ngay trên ngọn cây khế dại. Anh tràn trề hy vọng rồi lại tuyệt vọng ngay, khi chiếc trực thăng vô tình bay thẳng.

Suốt ngày 28-03 Nguyễn bò được không đầy hai trăm thước. Đêm anh nhìn sao nhắm hướng mà bò. Buổi chiều khi hoàng hôn tắt. Nguyễn gặp một hiện tượng huyền bí mà anh không hiểu có thật hay chỉ là ảo giác? Lúc ấy Nguyễn hoàn toàn tỉnh táo. Anh bỗng nghe có tiếng đàn bà rất thanh thoát, rõ ràng ở ngay bên cạnh , vồn vã mời Nguyễn:

- Lại đây, lại quán này có nhiều món ăn ngon lắm!

Nguyễn cảm như có một bàn tay mềm mại nắm bả vai anh đẩy tới và xô mạnh khiến Nguyễn ngã xấp xuống vũng nước bùn. Anh ngoan ngoãn uống, bên tai vẫn nghe tiếng nói trong thanh đó mời mọc rồi lơ mơ thiếp đi một giấc dài. Khi tỉnh dậy đã khoảng 8 giờ tối, lại nghe có tiếng đàn ông kêu:

- Thôi đừng ăn ở quán này. Qua bên kia có đồ ăn ngon gấp ngàn lần...Anh cứ việc ăn uống cho đã rồi tôi có đủ phương tiện đưa ra đường đón xe mà về, đừng lo...

Rồi Nguyễn được đưa vào một quán nhậu, được mời những món thơm ngon vô cùng nhưng anh không thấy rõ mặt người đàn ông đàn bà mà chỉ nghe tiếng nói. Đến đêm, bò một quãng lại thiếp ngủ. Trong giấc mơ màng, Nguyễn nghe nhiều tiếng người cười nói xôn xao, mơ thấy mình nằm bên cạnh những người bà con họ hàng đủ mặt. Nhưng khi tỉnh dậy anh lại thèm khát lạ lùng những thứ thật bình thường như một ly nước Sunroc, một ly nước mía hoặc một chút cặn cà phê sữa...Ồi khi đói khát người ta nảy sinh những cơn thèm muốn hèn mọn làm sao. Hai ngày trôi qua. Sáng ngày thứ ba. Nguyễn thức giấc thật sớm. Đồng hồ của anh ngưng chạy từ lúc 12 giờ 30 đêm trước. Ý niệm về thời gian bây giờ là nhìn mặt trời. Lại qua một ngày, lại qua một đêm, gian nan đói khát lần bò trên đất đá lồi lõm chồm trong các bụi tre gai, những bãi tro đầy bần thiêu. Đói khát đau đớn hành hạ anh khổ sở. Đêm thì lạnh, ngày thì nóng như thiêu. Suốt bốn ngày trời anh sống toàn bằng nước bùn, không có một miếng gì vào miệng. Có những vũng bùn chỉ sẫm sấp nước, không thể vực mặt uống được. Nguyễn dùng vỏ bút nguyên tử hút từng chút. Một lần trông thấy một cây chuối non mới mọc bị cháy lá và không có củ. Nguyễn bật rế, phỉ qua lớp than tro bám bên ngoài rồi đưa lên miệng toan nhai nuốt nhưng anh vội nhổ ra ngay. Chát nước chát xịt và đắng khiến Nguyễn không tài nào nuốt nổi.

Lần khác Nguyễn bắt gặp một con nhái nhỏ bằng ngón chân cái ngồi chễm chệ trên một hòn đá cạnh vũng bùn. Anh mừng quýnh, không chần chừ do dự chồm tới chụp con mồi. Nhưng Nguyễn vồ hụt! Anh nằm sấp trên vũng bùn tức tối thèm thường nhìn theo chú nhái tí hon nhảy vào đám cỏ. Nỗi tuyệt vọng chán chường của Nguyễn đã đến cực cùng. Ngày nào cũng thấy phi cơ bay ngang nhưng anh không ra hiệu được. Đôi bàn chân ướt sũng làm đôi giày cao cổ nặng chũu. Nguyễn cởi giày vứt bỏ đôi bí tất hôi thối nồng nặc, phơi chân khô, lại xỏ giày tiếp tục bò. Suốt ngày anh không vượt quá 200mét. Bao nhiêu nghị lực gắng gượng đến chiều thứ

tư là tàn lụn không còn chi nữa. Nguyễn tin tưởng trăm phần mình gục chết ở nơi đây, anh đau đớn trông chờ may rủi. Đêm đó Nguyễn không bò nữa, anh nằm rũ liệt nhưng trí óc sáng suốt tỉnh táo vô cùng. Ký ức nảy nở những hình ảnh, những gương mặt thân quen, những kỷ niệm từ thuở xa xưa như cuộn phim dài hiện lên rõ ràng đầy đủ hơn bao giờ hết. Có lúc anh mơ thấy được ăn uống những món sơn hào hải vị chưa khi nào được nếm trong đời. Có lúc Nguyễn mơ thấy vợ con, chị em, cha mẹ... nằm ngay bên cạnh. Anh thảng thốt choàng dậy gọi thành tiếng tên người yêu dấu... Đêm mộng lung lạnh lẽo chỉ có tiếng thảm thì âm u của gió và tiếng côn trùng rỉ rả. Nguyễn không sợ đêm đen. Anh không sợ rắn rết L-19 Olive thú dữ, không sợ gặp Việt Cộng. Anh không nghĩ đến những điều đe dọa có thể đến với mình mà chỉ băn khoăn làm sao thoát nơi đất chết này trở về. Nguyễn không muốn chết. Anh hình dung ra nụ cười trẻ thơ của đứa con trai đầu lòng bụng bẫm ngày mai vừa tròn thôi nôi... Vợ anh, con anh! Ôi mái gia đình ấm êm hạnh phúc cần có anh hiện diện. Tình thương thiết tha dâng ngập khiến Nguyễn rưng rưng nước mắt. Anh phải trở về. Phải gượng gồng đến cùng tìm ra đường về sum họp với vợ con, bè bạn...

Sáng chủ nhật 31 tháng 3, ngày thứ năm của cuộc hành trình bi thảm. Nguyễn như được tưới thêm chất sống nhờ hình ảnh đứa con trai bé bỏng. Anh dậy thật sớm với lòng hăm hở quyết định sống còn lần chót. Hoặc anh trở về, hoặc anh gầy gục cuộc đời trong ngày hôm nay. Bao nhiêu sức lực đã cùng kiệt, tình thương thấm thiết cho đứa con trai đã tưới bùng ngọn lửa nhiệt thành yêu sống trong anh lần cuối. Anh khởi hành từ mờ đất, bò lết đến 10 giờ sáng thì Nguyễn nghe có tiếng xe chạy!

Ồi thật mừng kể gì... Tiếng xe hơi có vẻ gần lắm và Nguyễn bồi hồi cảm động. Chừng tiếng rưỡi sau. Nguyễn mới thấy quốc lộ phơi mình dưới nắng. Anh đầm đìa nước mắt tủi mừng. Suốt mấy ngày trời gian nan khổ nhọc bấy giờ Nguyễn mới thật sự khóc dàn dụa. Anh lết được tới bờ đường. với tay xoa vuốt mặt nhựa nóng hằm hập mà lòng chứa chan mừng tủi. Nhưng lúc đó không có một chiếc xe nào chạy ngang. Nguyễn thấy chiếc L19 mang dấu hiệu Không Quân Mỹ chao liệng trên khúc đường đèo cách nơi anh nằm chừng 500 mét, rồi thêm hai chiếc Huey loại Gunship xuất hiện. Những chiếc trực thăng hung hãn chúi đầu thay phiên nhau bắn từng loạt đại liên, rocket xuống dọc hai bên khúc đường đèo M'Drak, tiếng nổ ròn rã vang lên.

Nguyễn thấy rõ những tia lửa xẹt, đất đá bụi mù tung tóe cùng những cụm khói nhỏ rải rác bốc lên. Mới đầu Nguyễn toan trườn hẳn lên mặt đường cho phi cơ trông thấy nhưng sau khi nghe tiếng nổ, anh hoảng sợ... Nguyễn không dám nằm bên vệ đường vì sợ phi cơ bắn lầm, bèn bò ngược lại, lẩn mình nấp sau một gò đất có cỏ cao che kín... Có đến ngoài 30 phút thấp thỏm hồi hộp lo sợ cứng người trước cái chết oan uổng kỳ cục có thể đến với mình, khi hai chiếc trực thăng bay đi. Nguyễn mới hoàn hồn bò ra ngoài đường cái. Anh nằm phơi nắng, nuỗi nuỗi mồ hôi chờ một chiếc xe qua. Nhưng xuất hơn một tiếng đồng hồ, có tất cả mười bốn chiếc xe hàng xuôi ngược đường Khánh Dương – Dục Mỹ chạy qua. Nguyễn dơ tay vẫy, không xe nào ngừng. Tài xế chạy chậm lại. Thấy anh họ trợn mắt nhìn kinh hãi tưởng như thấy con vật kinh khủng hay một con quỷ đội mồ hiện lên, nhồm người ngó anh rồi hét hồn rú ga chạy thẳng. Nguyễn chua xót nhìn lại thân thể mình. Anh cũng không thể tưởng tượng ra anh nữa. Bộ áo bay màu cam rách nát bết đen tro bùn, mặt mũi tóc tai chắc cũng kinh tởm lắm nên tài xế và những hành khách trên 14 chiếc xe đồ mới nhìn anh sợ hãi và bỏ chạy như vậy. Nguyễn đành liều bò ra giữa đường, khi anh thấy chiếc xe hàng thứ 15 từ phía Dục Mỹ bon tới. Chiếc xe thẳng gấp giữa đường, những cái đầu nhô ra xô xao bàn tán. Đó là chiếc xe du lịch hiệu Renault chở hành khách mang chữ “ Hương Bình”. Anh ngóc đầu đưa tay ra dấu... Nguyễn được người tài xế và một ông già hành khách vục lên, đặt ngồi trên băng trước. Anh biết mình từ phút này kể như thoát nạn. Anh tài xế có tên là Bẫy. Những đàn ông đàn bà ở các băng sau ồn lên lời hỏi han, xót xa tội nghiệp khi được anh cho biết là Phi công rút máy bay. Những người ở sau chuyển lên những khúc bánh mì, những chai nước và cả những lọ dầu khuy nh diệp... Nhưng Nguyễn mừng quá đổi anh không thấy đói. Ông khách già ôm lấy anh

dùng khăn ướt lau sạch những vết máu khô trên mặt và đổ cho anh uống từng ngụm nước cam. Nguyễn như đứa trẻ yếu đuối ngoan ngoãn uống những dòng nước ngọt lịm như sữa mẹ trong bàn tay âu yếm sót thương của người hành khách già nua. Những săn sóc nhiệt tâm ấy khiến anh bồi hồi cảm động. Tình quân dân, tình đồng bào ruột thịt đẹp để làm anh mừng mừng tủi tủi...Chiếc xe hàng ngừng ngay trước cửa văn phòng Quận Khánh Dương. Ông Quận trưởng và nhân viên hành chánh Quận, Cảnh sát, Y tá, ùa ra khiêng Nguyễn vào trong phòng bệnh xá Chi y tế. Tất cả mọi người đều lắng xống săn sóc Nguyễn. Anh được tiêm thuốc khỏe, được chích nước biển và tự tay ông Quận pha cho anh một ly sữa nóng. Ly sữa của tình thương. Nguyễn uống và cảm thấy ngon nhất đời. Dân chúng nghe tin cũng lại thăm anh. Họ đem tới những quả cam, những miếng cam thảo...Nguyễn chỉ còn biết ứa nước mắt thu nhận hình ảnh tất cả những gương mặt ấy để nhớ đời ân nghĩa. Anh nhờ ông Quận trưởng điện thoại về Nha Trang. Hai giờ rưỡi trưa, trực thăng H34 lên đón Nguyễn về.

BỐN

Nguyễn say sưa nói, chúng tôi say sưa nghe, hồi hộp, thương sót và cảm phục sức chịu đựng, ý chí mãnh liệt cùng lòng can đảm tuyệt vời của Nguyễn. Hải thì cứ như một bà già xưa đây lòng nhân ái, luôn miệng suýt xoa trầm trồ chắc lưỡi lắc đầu những câu: "...Tội nghiệp, ghê gớm đến thế kia à, nghe anh Nguyễn nói mà lạnh người dễ sợ..." Những điều kinh khủng Hải nghĩ không gì quá đáng bởi chính từ anh Nguyễn kể và trăm phần trăm chúng tôi tin. Tin là sự thật nhưng vẫn tưởng chừng như chỉ có trong tiểu thuyết phiêu lưu tưởng tượng mà riêng tôi chưa từng trải qua hay nghĩ mình nếu lâm vào cảnh huống gian nan cùng khổ ấy lại có thể trở về như cuộc trở về của Nguyễn.

Biến cố ghê gớm nhất đời Nguyễn và anh nói không thể nào quên. Anh cũng không thể nào quên được cái tình nghĩa sâu xa cảm động của bè bạn đồng đội dành cho anh. Cả những hành khách, anh Bảy tài xế chiếc xe hàng Hương Bình, ông Quận trưởng Khánh Dương cùng tất cả nhân viên trong quận đã tận tình săn sóc an ủi anh. Nguyễn nói hoài rằng anh cảm kích vô cùng và nhớ đời ơn nghĩa đó.

Tôi muốn kêu lên, anh Nguyễn, anh xứng đáng với những điều đẹp để mọi người dành cho anh vì anh thật hoàn toàn. Anh Nguyễn, dầu sao anh cũng tai qua nạn khỏi nhờ phúc đức và lòng can đảm của anh hơn là nói đến điều chúng tôi ơn nghĩa...

Anh đã Không bỏ anh em, không bỏ bạn bè, là điều chúng tôi mừng ghê gớm lắm.

Viết về câu nói: Không bỏ anh em không bỏ bạn bè KQ Nguyễn Viết Trường

<http://hoiquanphidung.com/pics/Bietkich2.jpg>

Câu nói:

"Không bỏ anh em, không bỏ bạn bè"

Tuy đã được Không Quân chúng ta biết đến từ lâu, có lẽ cũng khoảng bốn mươi một năm rồi thì phải?...Qua bao nhiêu vắn vũ của cuộc sống đời thường này, từ năm 1968 đến nay 2009, câu nói đó vẫn ngạo nghễ đứng vững vàng và tượng trưng cho tinh thần luôn đoàn kết, tương thân tương ái của những con người Không Quân Việt Nam chúng ta.

Cha đẻ của câu nói thấm da thấm thịt này chính là nhà văn Quân đội Đào Vũ Anh Hùng, anh tên thật là Đào Bá Hùng, là SVSQ/KQ thuộc khóa 65A, sau trở thành Phi công Trực thăng của Quân chủng Không Quân chúng ta.

Để mọi người hiểu được xuất xứ về câu nói bất hủ này, chúng tôi đã liên lạc qua e.mail với tác

giả, và được tác giả có nhã ý gửi nguyên văn bài viết có tựa đề chính là những câu nói đi vào lòng người này.

Qua đó chúng tôi biết được tác giả nói về một tai nạn rớt máy bay của KQ Trần Duy Nguyễn, thuộc Phi đoàn 524 Không Đoàn 62, đồn trú tại Nha Trang. Anh Nguyễn vì là ohi công mang hai chỉ số, do đó khi tai nạn xảy ra, anh đang bay L19 cho Phi đoàn 114 cùng Không Đoàn... Những ngày mà sự sống và cõi chết luôn cận kề, anh Nguyễn đã chứng tỏ lòng can đảm, tài ứng biến và “con người Không Quân” một cách rõ nét nhất, cuối cùng sau bao ngày tự cứu sống mình anh đã thoát nạn và trở về sum họp cùng các chiến hữu của mình.

Qua ngòi viết sắc bén và chân tình của anh Đào Bá Hùng, đọc giả sẽ bị cuốn hút ngay từ những trang đầu tiên, cho tới trang cuối cùng của bài viết....

Ai đọc bài này cũng thấy được: Một người Phi công thời chiến Trần Duy Nguyễn đạo đức, nhân hậu trong cuộc sống quân ngũ, quả cảm trong gian lao khổ cực, và đầy lòng nhân bản trong cuộc sống đời thường ...

Chúng ta cũng thấy được tinh thần huynh đệ chi binh giữa những người không Quân với nhau, những tấm lòng vàng của mọi người dân, điển hình như anh tài xế tên Bảy, ông già tốt bụng, ông quận trưởng Khánh Dương năng động, nhiệt tâm nhiệt tình, bà con cô bác đầy lòng nhân đạo, từ tâm...

Còn nhiều, nhiều cái hay, cái đáng quý nữa... Nhưng tóm gọn lại: Qua bài viết này chúng ta thấy được rõ nét nhất là tinh thần Không quân, không bỏ anh em, không bỏ bạn bè của các anh em Không quân Việt Nam chúng ta mà điển hình là những toán tìm cứu.

Bài viết được đăng trên báo Lý Tưởng và đã gây một tiếng vang lớn trong Quân Chủng.

Chính Tư Lệnh Không Quân lúc đó là Tướng Trần Văn Minh, sau khi đọc bài này, đã cho người đem ra Nha Trang tặng tác giả một ngàn đồng tiền mặt và chiếc đồng hồ mạ vàng.

Chính Tướng Minh đã viết một bài khen ngợi, cũng như đã tuyên bố dùng câu:

“Không bỏ anh em, không bỏ bạn bè”

Làm câu Châm ngôn cho Quân Chủng Không Quân của chúng ta....

(Chiếc đồng hồ thì tác giả giữ làm kỷ niệm, còn số tiền mặt thì tác giả thêm chút ít tiền nữa, rồi làm một tấm “Lắc” hai chỉ vàng, tặng con trai của anh Nguyễn.)

Chúng tôi viết bài này, không có ý muốn đánh bóng tác giả, vì điều này không cần thiết, chính câu nói trên đã làm hành diện cho Quân chủng chúng ta, cho con người Không Quân chúng ta, vì nó minh chứng cho mọi người: Không Quân chúng ta là thế đấy!

Nói đến câu châm ngôn này mà quên đi người khai sinh ra nó, chắc chẳng phải việc mà bất cứ một KQ nào của chúng ta có thể làm được? Chúng tôi xin được dừng nơi đây, vì công việc đi tìm xuất xứ cho câu nói đó chúng tôi đã hoàn tất...

Vàng rơi không tiếc

Đào Vũ Anh Hùng là một nhà văn thành danh ở miền Nam, cũng một cựu Thiếu tá Không Quân, tham gia Mặt Trận như Thành bộ trưởng Dallas, Texas. Sau ngày Mặt Trận đổ vỡ, anh đã cho phổ biến thư ngỏ này, gây nhiều tiếng vang trong dư luận. Tôi vẫn nghĩ đây là một trong những chứng từ xuất sắc nhất về bản chất của họ Hoàng Cơ và phe nhóm mà anh mệnh danh là bọn Vu Hích Kháng chiến.

Tôi lấy anh coi hai lá thư vừa nhận được. Một từ anh bạn cùng đơn vị ngày xưa trên đường về khu chiến ghé Tokyo viết vài lời thăm và từ giả. Ngạc nhiên và xúc động biết bao nhiêu Người

bạn đã cùng tôi chiến đấu dưới cờ Quân Lực, cùng tôi sống chết trong một con tàu giữa mây cao gió lộng trên vùng trời đỏ lửa quê hương, lang bạt khắp nẻo đường đất nước. Người bạn mà tôi nghĩ chỉ biết có si già đầm bồi cùng những nàng kiều nữ!? Ngờ đâu anh đã trở về và trên bước phản hồi cố quốc còn nghĩ nhớ đến tôi mà viết cho tôi lá thư đầu tiên từ mười mấy năm quen biết. Thư anh cuối đoạn có lời chào và ghi dòng chữ Mai này chúng ta cùng về Việt Nam. Lòng tôi choáng ngợp niềm hạnh diện. Tôi không có địa chỉ hồi âm. Tôi muốn viết cảm ơn anh. Tôi muốn nhờ anh chuyển đến các anh chị em chiến sĩ lời thăm chúc, một câu thăm tạ ngô nghê tầm thường của ngôn ngữ loài người. Nhưng thôi, tôi đợi?.

(Giữ Lửa Đất Mới, tháng 9, 1982)

Thư đó, không bao giờ được viết và gửi đi như tôi bồi hồi tưởng sẽ có ngày. Giấc mơ kháng chiến công thành, về ôm lấy đất, hôn mê mẩn đất đã vỡ tan, nát vụn, làm tim chân thật của tôi cùng tim chân thật của biết bao người đốn đau vô kể. Thật thương cho vận nước, tội nghiệp dân tôi?

Bạn xưa,

Từ cái ngày ô nhục phơi bày phản phúc, tỏ lộ rõ ràng cái thủy chung đạo nghĩa lọc lừa của tình chiến hữu đấu tranh, bạn xé bỏ lương tâm đem mảnh linh hồn bán cho Vu Hích, tôi bàng hoàng và đau nhói. Không giận, mà đau. Vì tôi hiểu bạn và vẫn thương mến bạn qua hình ảnh người Phi công lẫm liệt ngày xưa, ngày chúng ta còn khoác chung màu áo, nắm tay nhau vào chốn đường mây sinh tử. Không Quân chúng ta tình thì vẫn nặng, không phải thứ Tình Bọ Ngựa, đang hoan hỉ cùng nhau bỗng dựng trở mặt vung dao tiện đứt đầu bằng hữu. Nên tôi đau đớn thấy bạn nở bỏ anh em, nở bỏ bạn bè, bỏ rơi liêm sỉ, vẽ mặt bôi râu cho người đẩy lên cái rạp phường chèo đóng vai gã hề cầm mang chức sắc triều đình Vu Hích làm trò riễu dờ. (*)

(*) Vu-Hích: Bọn đồng cốt đàn ông và đàn bà thời cổ đại Trung hoa, dựa vào sự mê tín dị đoan của dân gian để gieo rắc những tà thuyết và tà thuật gây rối loạn, làm xáo trộn xã hội. Bọn này lộng hành khắp nơi, xúi dục tạo loạn. Sau triều đình phải dùng quan binh đánh dẹp mới yên lũ giặc

Bạn được người ban chức lớn, đầu năm có lá thư xuân gửi đồng bào chiến hữu, hô hào yểm trợ, phi lộ bằng câu tự giới thiệu mình vừa từ chiến khu quốc nội trở ra nhận công tác mới. Tôi đã không giữ được trang nghiêm khi đọc lá thư chúc Tết của ông tân Tổng Vụ. Tôi rất muốn tin quả thực bạn vừa trở ra từ khu chiến và rằng quả thực chính tay bạn viết lá thư thân mến

gửi đồng bào bằng giọng văn lãnh tụ. Tôi rất muốn sống lại cái giây phút bồi hồi rung động của lần trông thấy hình ảnh bạn trong cuốn phim ngày Cương Lĩnh: Bạn đi dép râu, đội nón tai bèo, khăn rằn quanh cổ chống gậy vào rừng đi làm kháng chiến. Ngày đó tôi dậy lòng ngưỡng mộ và rưng rưng yêu mến bạn đã cho tôi niềm tin cùng nỗi chan hoà danh diện. Nhưng bây giờ nghĩ nhớ về bạn cùng cái tên Nguyễn Kim vừa đủ lạ, tôi thấy mình đắng cay thương tổn và xấu hổ như chính tôi gian dối. Bạn béo trắng, vẽ râu trên mép, bánh bao xuất hiện giữa chốn quan chiêm, ngồi đứng đều khoan tay nghiêm túc khiến tôi không nhin nổi cơn cười, nhớ lại ngày xưa bạn hay dùng chữ giả dạng bần tăng để chỉ những tên bộ vó hiền lành nhưng gian và dối.

Chuyện gian dối đời không hiếm thiếu. Nhưng tôi thực khó khăn chấp nhận những dối gian lừa đảo đến từ người mình yêu mến và dốc lòng tin cậy. Dối gian này lại quá lớn lao. Nên chi nhìn ảnh bạn phương phi nhân dáng trên tờ Kháng Chiến và đọc lá thư Xuân, tôi như có con trùng tanh nhớt bò trong cuống họng. Tôi phải tin rằng thật tất cả những điều Phượng nói cùng tôi từ

bấy lâu nay về bạn mà tôi bao giờ cũng tìm lời khoả lấp để dối lòng đừng xao xuyên niềm tin. Những lúc đình ninh bạn đang lội suối trèo non, gian khổ trên đường kháng chiến, thì hơi ơi bạn lại thông dong thả bước hào hoa trong rực rỡ đèn màu, vẫn lại sì già đầm bồi cùng những nàng kiều nữ! Tôi biết nói sao để lòng khỏi ngượng vì lời tuyên dương bằng hữu với người vợ trẻ? Người vợ đã làm tôi cảm kích biết ơn, nhớ ghi mãi mãi lời nói của nàng khi đọc lá thư bạn gửi, Em biết tính anh, những gì thích muốn là làm cho bằng được nên em không bao giờ dám cản ngăn, chỉ thắm lén khóc. Em thực tình không muốn anh dốc đổ quá nhiều thì giờ và tìm óc cho những việc chỉ mang thêm phiền bức. Họ bội bạc với anh, vô ơn, đổ ky, những con người phản phúc? Thế nhưng Việc-Kháng-Chiến, anh không làm em cũng bắt anh phải làm! Ôi thật tội thương người vợ trẻ. Tội thương người vợ lính đã chia xẻ cùng chồng cả một quãng đời khăn khó, đã trải qua những truân chuyên hạnh phúc với tôi và biết thương yêu, biết cảm thông đời lính, biết góp hy sinh cho đời chiến sĩ của chồng, biết khổ đau và tức giận trước nỗi điều linh tang tóc của quê hương mình bất hạnh. Người vợ nhu mì thánh thiện từ tấm bé sống trong êm ái tình thương của gia đình, nhỡn nhớ hoa bướm thanh xuân với bạn bè, sách vở cho đến ngày biết yêu tôi, biết làm vợ, làm mẹ? Có bao giờ thấy biết rõ ràng mức độ hãi hùng bi thảm của chiến tranh, nhìn được tổ tường mặt ngang mũi dọc một thằng Việt cộng? Thế mà cuộc xây đàn tan ghé 75 đã khiến vợ tôi biết đau hận, căm thù, biết khuyến nghị chồng góp công cho đại nghĩa.

Vợ tôi đã tin yêu thành khẩn, đóng góp kiên trì và thành khẩn. Cả những đứa con cũng được mẹ dạy phải góp tiền yểm trợ, phải tiếp tay giúp bố làm công tác để có ngày về thăm ông bà, nội, ngoại? Phần tôi, lá thư bạn gửi đã cho tôi chan hoà rung động. Tôi hình dung ra toàn vẹn hình ảnh bạn tếu vui linh hoạt ngày xưa chúng ta còn ở Phi đoàn. Những ngày đi biệt đội, nằm chờ phi vụ tản thương đêm ở Pleiku, ở Ban Mê Thuột, hay ở Kontum trong ngôi biệt điện bên bờ sông Dak-Bla ồn ào quấy nhộn với quân bài xập xám? Xa hơn nữa, những ngày nắng bụi mưa dầm hành quân ở Tam Quan, Bồng Sơn của 1966, 1967 đêm về ăn nhậu rong chơi ở Quy Nhơn tôi còn là gã hoa tiêu mới ngõ ngàng về nước, ngồi ghế copil cho bạn, rông dài khắp ngã đường mây. Tôi đã làm hoa tiêu phó cho thầy Hườn một thời gian dài đáng kể trong tổng số giờ bay trên chiếc H-34 kênh càng của Phi đoàn 215 Thần Tượng. Chúng ta đã có cùng nhau bao nhiêu kỷ niệm, chia xẻ cùng nhau nhiều nỗi sướng vui cũng như hoạn nạn, những lần chơi với bên bờ sông chết, cạnh vực hiểm nguy? Nên tôi đã bằng vào tình nghĩa ấy để đặt tin yêu nơi bạn, không so đo, không nghi ngại, cho mình bổn phận phải tự giác đứng lên, vội vàng tìm đến, dơ cao tay xin nhập cuộc.

Tôi nhập cuộc không đợi ai mời gọi. Lòng hớn hở mừng vì bạn và tôi lại chung hàng ngũ cho tôi hối chuộc tội mình quá nặng đối với quê hương, tẩy rửa niềm xấu hổ vì không ở lại để chết cùng vận số hẩm hiu đất nước. Kiểm điểm phần đóng góp cho Mặt trận, Phong trào từ những ngày đầu chưa mặc áo đoàn viên, tôi phải giật mình kinh ngạc vì những thành toàn và những hăng say tích cực, đa năng, mẫn cán đồ ra không tiếc, không dè xẻ nguồn năng lực cùng khối nhiệt tình dành cho kháng chiến. Tôi chau chuốt niềm tin vững mạnh nơi mình và say sưa truyền giảng cho người như kẻ thừa sai làm việc vinh danh Chúa. Tôi đã đi những bước rất tự tin, cố dạn mình cao cả, khoan dung nhìn những sai lầm, khuyết điểm, những vụng về, lơ lửng là tất nhiên phải có nơi một tổ chức mới hình thành nhưng lớn mạnh quá mau, lãnh đạo chưa tôi luyện, thời gian cần đủ lượng để đi đến kiện toàn. Dầu gì thì ngọn lửa cũng đã được đốt lên, phải giữ cho đỏ ngọn. Gió to góp lại sẽ thành bão tố, bột đem quấy mãi cũng thành hồ, trăm cây chụm lại.

Lòng tôi tin như thế và mong như thế. Nhưng cái tin mong thành khẩn dù lớn mạnh bao nhiêu cũng không đủ lực mù quáng trái tim tôi và khoan lượng rộng rãi đến ngàn nào cũng không dung được những điều dối gạt với manh tâm quá độ. Không phải mãi đến sau ngày tan vỡ tôi mới nhận ra hay nhìn thấy những điều gian dối, những âm mưu? Cuốn phim trình chiếu Ngày

Cương Lĩnh. Cái gọi là Chiến Khu Quốc Nội. Đài Phát Thanh Việt Nam Kháng Chiến. Con số Mười Ngàn Quân. Những Bản Tin bịa đặt vụng về, ấu trĩ. Tôi bảo lòng, thôi thì trong bước khởi đầu và lòng người đang bùng bùng sôi nổi, sẽ lấp trùm tất cả những hờ hênh non kém. Rồi ra công sức chung vào, mỗi người một tay bồi đắp, nước lũ phải vã nên hồ, từ không sẽ thành ra có. Thế nhưng từ buổi đại hội dựng cờ Chính Nghĩa, tôi nhận ra không phải như lời ông Liễu, ông Chúc lúc nào cũng nồng nàn xưng tụng cùng tôi về một Hoàng Cơ Minh, con người cách mạng xứng vai lãnh tụ. Tôi đã tổn thương, thấm thía tất cả nỗi bề bàng ngưng thẹn của một tay buôn không biết chính mình có món hàng xấu giả, đem hí hửng chào mời, bị khách mua sành sỏi ném phăng xuống đất, chỉ tay vào mặt. Làm sao diễn tả nỗi cảm giác đắng tê nhột nhạt trong tôi, khi Ross lạnh lùng từ chối không tiếp ông Chủ tịch Mặt trận dự định về Dallas, nhờ tôi thu xếp cho gặp nhà tỉ phú, xin một lời tư nghị về Kháng chiến Việt nam. Ross Perot, cựu sĩ quan Hải quân Hoa kỳ, nhân vật tạo huyền sử của sáng lập ra EDS nơi tôi làm việc của vụ giải cứu con tin ở Iran, của On Wings of Eagles. Người đã bỏ tiền tài trợ cho cuộc đổ bộ trại tù Sơn Tây, cố vấn tối cao về an ninh quốc phòng và cũng là Phụ tá Đặc biệt của Tổng Thống Reagan về vấn đề MIA-POW tại Đông dương. Người đầy đủ thẩm quyền để biết rõ ràng và biết tất cả về Mặt trận Kháng chiến của Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh, hơn cả ông Minh biết nữa!

Bạn xưa,

Tôi đã hiểu thêm ra, trong trọn một buổi sáng đến mãi xế chiều ngồi nghe tâm sự anh bạn trẻ nơi quán cà phê khu chợ Maubert dưới trời đẹp Paris một ngày hiếm hoi nắng ấm. Để cũng rưng rưng đôi dòng nước mắt cảm thông, chia sẻ cùng người chiến hữu nổi mênh mang thống hận của khối tâm thành hiến dâng làm lẫn. Tôi đã cùng anh cạ chén cà phê như chia nhau uống lượng bồ hòn. Lòng tôi dào dạt cảm thương anh và yêu và quý phục người cán bộ đấu tranh sáng ngời phẩm chất cùng tác phong cách mạng. Anh cũng đã như tôi trong một cần thiết và giới hạn nào đó đồng tình chấp nhận những tô vẽ, những giả tạo, dấu che hay thủ đoạn. Thế nhưng bao sự kiện phơi bày khiến tôi tung toé trong lòng hàng trăm câu hỏi, hàng ngàn nghi vấn, không cần vận dụng đến khả năng suy luận cũng tìm thấy những trả lời làm tôi chao đảo.

Những câu hỏi Tại sao? Tại sao Hải quân Trung tá Nguyễn Hữu Trọng đã không cùng phái đoàn quốc nội trở lại chiến khu mà dứt bỏ ông Minh ngay sau ngày đại hội vinh quang để về Thụy sĩ? Tại sao làm nổi chuyện thiên nan, đưa người hải ngoại về lập ra khu chiến, lực lượng to lớn tới mười ngàn, mà phải nhờ mà tôi từ khước lấy đem về tiền yểm trợ đồng bào Âu châu đóng góp, chỉ vì một lý do Pháp không cho chuyển tiền vàng ra ngoại quốc! Những người con cháu nào của họ Hoàng Cơ nấn giữ khối tiền đồng bào dành cho kháng chiến từ bao năm qua, phần riêng cháu giữ, không gửi về ông cậu? Tại sao cả một toa xe chất đầy quà tặng gồm thuốc tây trị giá của đồng bào bên Ý gửi kháng chiến quân, trực tiếp qua Bangkok bị trả về bởi không ai tiếp nhận? Tại sao Vụ trưởng Vụ Tiền lại dựng lên K-9 nắm quá nhiều quyền, vượt trên Tổng vụ? Lý do nào ông Hoàng Cơ Định cố tình quanh quẩn dựng lên lớp rào trở ngại để thoái thác đưa người tình nguyện về chiến đấu dù họ đã bằng lòng điều kiện phải xuất tiền tự túc? Tiền bạc đồng bào đóng góp bên này chúng ta nhìn thấy quá nhiều nhưng đối với nhu cầu trong nội địa chỉ như muối đem bỏ biển. Dấn thân này đáng quý nhưng bây giờ Mặt trận chưa cần thiết một người với khả năng như vậy. Về, chỉ thêm gánh nặng cho anh em. Tôi chưng hửng và nhanh chóng hiểu ngay. Hiểu thêm một sự cười ra nước mắt, rằng ông Vụ trưởng xuất thân từ trường giả, học trường tây, đến tuổi được cho xuất ngoại tìm bằng cấp về ngồi cao trong bóng mát, chưa hề có lấy một ngày khoác ba lô súng đạn, mang đôi giày lính đi vào nơi rừng bụi sinh lầy, sống lấy một ngày trong binh lửa quê hương.? Thì làm sao rõ được giá trị hiếm hoi của người lính bộ binh thám báo có trên mười năm quân vụ? Bảo sao không đặt bày ra thứ Bản Tin như Bản Tin Quốc Nội ca ngợi công lao phá địch của chị cầm đầu tổ phụ nữ và thiếu nhi kháng chiến tại một làng ghi rõ địa danh thuộc tỉnh Tuy Hòa có chồng Thiếu tá đang

trong tù cải tạo. Thân danh ông Thiếu tá ở một làng quê, nếu sự này có thật, thì quả tình giá trị bản tin là lời chỉ điểm cho Việt cộng bắt người vợ đi tù không lầm lẫn!

Tôi phập phồng chờ đợi?. Nhưng có bao giờ ngờ được và đợi chờ giây phút ngàn ngờ chết lặng trước cơn đá nát vàng tan của cuộc biểu dương thô bạo Tình-Nghĩa-Lý-Thông và hoàng kinh chứng kiến gã lang băm học làm thầy thuốc cầm con dao cùn, bẩn, nhiễm trùng, vụng về cắt bỏ cái gọi là ung nhọt trên phần yếu nhược của Đứa Con Kháng Chiến! Đứa con chung cương quý của bao người chết chịu kỳ vọng đã trở thành hoại thể vì thứ lang chết tiệt, thủy chung nhân nghĩa tài năng đều nhẹ hẫng nhưng túi tham thì quá nặng.

Đọc truyện xưa nói đến những cơn tức uất thổ ra từng ngụm máu rồi thét lên chết ngất, tôi cho người kể chỉ đặt bày. Nhưng tôi, chính tôi đã quặn cơn đau của tội-lỗi-người-làm-mà-ta-phải-chịu. Đã sôi hừng hực từng cơn bi phẫn bốc tận đỉnh đầu, mồ hôi vã đổ, run rẩy và nghe được từng cơn lại từng cơn nhộn nhạo nóng chảy râm ran trong bụng. Tôi đã đổ ra từng lượng máu trong bao tử và giật mình kinh sợ. Tôi nhủ lòng mình, tôi hãy quên tất cả, hãy coi như bất hạnh này là điều may mắn vì xảy ra quá sớm và tham vọng xấu xa kia dầu sao cũng đã lộ bày cho người người rõ mặt. Vợ tôi đã ứa ra những giọt nước mắt hiền lành thương tủi và thờ dài nhẩn nhẩn khi nghe tin đổ vỡ. Nàng quá đỗi thương tôi, chỉ buông câu hỏi sao anh nở dấu, không cho em biết sớm? Câu hỏi sẽ sàng nhưng tôi nghe váng động và từng lượng máu lại râm ran đổ tràn trong bao tử. Trời ơi làm sao tôi nở xé tan hay vò nát nuốt nà mảnh lụa niềm tin vợ tôi đã dệt bằng thứ tơ óng đẹp và vô cùng bền chắc của tác lòng đôn hậu gửi trao cho kháng chiến? Tôi biết biện giải thế nào cùng tất cả những người đã tín cẩn mến thương tôi, góp phần không tiếc không dè dặt như tôi đã mến yêu tin cậy bạn, dơ tay xin nhập cuộc?

Tôi đã trải qua những giây phút bồi hồi, sướng vui phới phới của kẻ đi reo rắc niềm tin và đón nhận niềm tin từ những tâm hồn chân phác biết yêu quý quê hương chung một cách. Tôi đã đi không biết mệt trên những đoạn đường gai góc để vén thu góp nhặt từng mảnh tin yêu chấp lại làm nên sức mạnh cho Mặt Trận và những đồng tiền cảm kích dưỡng nuôi hoa kháng chiến nở tươi trong vườn hồng dân tộc. Những đồng tiền, cả vòng vàng nhẫn cưới gửi trao cùng cầu mong tâm ước một mai kháng chiến công thành, quê hương giải phóng. Đây là những đồng tiền thấm sũng mồ hôi khó nhọc của đời cầu thực tha phương. Tiền nhận từ bàn tay khô héo của bà mẹ già nua sống buồn phiền lạc lõng nơi đồng đất nước người muốn mau chóng trở về chết trong lòng đất quê nhà yêu dấu. Của em bé thơ ngây nhin miếng cơm chim mong về hưởng lại tình thương nội ngoại. Của con mong gặp lại cha, vợ mong gặp lại chồng. Của những người sầu héo nhớ thương người, bạn bè mong cứu bạn bè tù tội trong gông cùm cộng sản? Những đồng tiền mồ hôi nước mắt đã mất oan khiến không ai đòi lại nhưng niềm tin tội nghiệp bị phỉnh lừa phải coi như nợ và nợ này phải trả. Nợ truyền tử lưu tôn, không trả đời này thì đời con, đời cháu. Ôi biết làm sao nói cho cùng cạn nỗi mệnh mang thống hận của kẻ cầm vàng tiếc uổng công lao, nửa đường rơi mất?

*Cầm vàng mà lội qua sông
Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng?*

Biết bao người cũng như tôi đã mất? Mà chao ơi lại mất quá nhiều. Tôi đã mất bạn, và coi như mất, người lính Nhảy dù Lê Hồng của độ nào còn bôn ba khắp nẻo chiến trường đỏ lửa quê hương. Tôi vẫn hằng ôm giữ hình ảnh Trung tá Lê Hồng một buổi trưa nắng cháy trên bãi đậu phi trường Trảng Lớn mịt mù bụi đỏ. Người sĩ quan trong bộ hoa dù chiến trận, đeo giày ba chạc, lom khom trải tấm bản đồ trên mui chiếc jeep, thuyết trình cho tư lệnh Lữ đoàn. Giờ này Lê Hồng đang ở nơi nào cùng vợ và con? Có bao giờ gặp lại ông Bùi Đức Lạc và những anh em Nhảy dù đánh thuê cho Mỹ? Sao ông Thi không nói? Sao ông Tuyển không nói Lê Hồng đang ở nơi đâu?

Bạn xưa,

Đã mấy năm qua tôi bưng tai nhắm mắt, cố giữ mình mù điếc nhưng vẫn kinh động bởi tiếng phèng la chập choè của đám người Vu-Hích-Kháng-Chiến làm cuộc rước đèn ồn ào và khó chịu. Đám rước của những ông đồng bà bóng với đầy đủ trống chiêng cờ quạt diễn ra dưới đường hầm hầm tối, mỗi người cầm một bó đuốc lơ lửng trước mặt, mê muội bước đi, miệng không ngớt hò reo mừng rỡ đã trông thấy mặt trời chính nghĩa từ ánh lửa lù mù ngọn đuốc và cứ thế đi quanh quẩn quanh rồi lại quẩn quanh quẩn trong cái đường hầm hầm tối. Tôi đã tình cờ được người nài ép phải xem cái gọi là Thông điệp của ông Chủ tịch gửi anh em chiến hữu kỳ đại hội năm kia ở Los, nội dung có hai điều chú ý: Thứ nhất, tuyên dương bốc thổi thành phần đoàn viên cán bộ gọi là thế hệ trẻ trung và mới. Thứ hai, đã nặng lời thóa mạ những ai không ủng hộ mình là Dư Luận Vô Tư Cách! Điều một làm tôi ghê sợ và điều hai, phần nộ. Con người có tham vọng làm lãnh tụ cả một mặt trận đấu tranh dựa vào quần chúng sao lại có thể buông ra lời hằn học thô lỗ ấy? Hạnh kiểm cùng nhân cách con người như thế làm sao đủ bản lĩnh chế ngự được cơn xúc cảm của mình trước các vấn đề to lớn? Như tôi đã thấy, nhiều người đã thấy mà ngán ngẩm trước một ông Hoàng Cơ Minh không hề nể nổi sự vui nhảy múa trong lòng, ngỡ ngáo đến thất thần trước nhiệt nồng đón tiếp, hoan hô, hào quang rực rỡ vây bủa lấy mình trong Đại hội Chính Nghĩa và đã mê sảng đưa ra con số tào lao. Con số của một đêm gần ba giờ sáng, cú điện thoại từ Paris dựng đầu tôi giậy, dặn đi dặn lại tôi rằng phải làm sao liên lạc nói cùng anh Chín liệu lời tuyên bố cho khỏi xảy ra sự ông nói gà, bà nói vịt, bởi vì Bên này tôi lỡ trả lời báo chí rằng quân kháng chiến nằm trong nội địa lên tới mười ngàn! Tôi gạt phăng đi, coi lời căn dặn chỉ là thứ chuyện tào lao từ tên bạn tào lao, luôn thích làm ra mình quan trọng. Nào tôi dám nghĩ ông Chủ tịch lại đem con số mười ngàn quân nhằm nhí ấy nghiêm trang tuyên bố trong đại hội!

Tôi thương tội những người yêu nước thành tâm cho đến giờ phút này vẫn còn hăm hở nhập bầy cùng đệ tử Tinh Tú phái, bước theo thầy mà chẳng rõ sẽ về đâu trên con đường tà khuất, bảo sao nghe vậy, đi ngược hướng đi dân tộc, kể cả bảo phải vui mừng nhảy múa trên nỗi đau thương tang tóc của toàn dân, coi Tháng Tư Đen bi thảm là ngày Quốc Khánh để ăn mừng và bày đặt đưa ra giải thưởng tặng Phan Nhật Nam đang hấp hối trong trại tù Việt cộng. Hãy nhìn bìa sau cuốn sách in cưỡng đoạt tác quyền để thấy ẩn ý rập khuôn trò tiểu xảo cộng sản đã trắng tráo bày ra trước mặt người dân Saigon ở lại. Dân Saigon đã thờ ơ trước những ngày lễ lạc của bạo quyền nhưng bảo nhau đổ xô ra đường phố trong những ngày lễ lớn thực của mình như Giáng Sinh, Nguyên Đán, hoa đăng tấp nập như thời vàng đã mất. Lũ gian manh đã lợi dụng dịp này để phô trương lòng gạt người ngoài, đem biểu ngữ căng trên các đường phố tưng bừng náo nhiệt Saigon. Biểu ngữ Mừng Kỷ Niệm Ngày Thành Lập Quân Đội Nhân Dân Anh Hùng của chúng thực sự đã qua cả tháng trước trong sự lạnh nhạt của dân chúng miền Nam. Thành ra, nước Văn Lang không có ngày Tổ chết nhằm Tháng Tư Đen để bày con hiếu thảo ăn mừng - và không có một ngày lịch sử nào khác nằm trong tháng Việt cộng tổ chức ăn mừng Đại Thắng Mùa Xuân - thì người ta cũng phải để ra một ngày, như ngày Cá Tháng Tư chẳng hạn, để làm Ngày Quốc Khánh! Còn như cái phần thưởng cho Phan Nhật Nam đã khiến nhiều người nóng mặt, hãy làm ơn nói dùm Mười Cúc thả ngay người tù khí phách và cho đi đoàn tụ - để xem Nam phản ứng thế nào về cái giải thưởng mỉa mai dở đáng đó?

Có một câu trong Cổ Ngữ, xem như gương soi tỏ dung nhan người lãnh tụ, Tâm có chính thì hành vi mới khỏi tà khúc. Chưa có người nào hành vi phẩm hạnh không đoan chính mà họ có thể yêu nước được! Những người anh em không muốn nhận chân sự thật, đã dối lòng chỉ vì tự ái, vì muốn tỏ bày rằng ta tranh đấu kiên trì, lập trường vững chãi, cao vợi tinh thần, hay đã trúng phải thứ sinh tử phù âm độc của Thiên Sơn Đồng Mỗ? - Những người được vồn vã tuyên dương, tán tụng là thành phần cán bộ trẻ trung có tinh thần cách mạng đấu tranh mới. Như Võ

T., như Kh., như cô bé T. Nh., tuổi trẻ, nhiệt thành và giàu năng lực, tôi đã hết sức yêu vì biết nhìn ra bản phận, náo nức muốn dự phần bởi chưa từng đóng góp máu xương cho cuộc chiến đấu thắm sâu trên đất nước. Giờ đây những người em tôi thương mến và đã dặt dìu, coi tôi như kẻ lạ - hay nói cho rõ ràng, như họ đã được dạy cho định nghĩa rõ ràng - những người đã ly khai hay không theo hoặc chống đối Mặt Trận, đều là những Việt gian, phản động! Ai đã rập khuôn đường lối luyện người của cộng sản, đem những mầm dân tộc tươi xanh đó đi nhuộm thành hung đỏ, nhét nhồi những giáo điều sát máu để biến họ thành những con thiêu thân cuồng tín, một chiều, vô tình nghĩa, biết nói trơn tru những từ ngữ cách mạng, đấu tranh, hy sinh, yêu nước và học thuộc lòng cái châm ngôn cứu cánh biện minh phương tiện để hồn nhiên và hãnh diện trước tất cả những hành vi sai trái?

Họ đã được dạy phải tôn vinh lãnh tụ như viên ngọc trân quý của cách mạng, linh hồn của tổ chức, cần hết sức giữ gìn, không thể hy sinh phí phạm và vô ích như những Nguyễn Thái Học, Phạm Hồng Thái, Võ Đại Tôn? làm vỡ đổ công trình cách mạng! Đồng thời cũng học loanh quanh lý luận Chủ tịch Hoàng Cơ Minh cũng chỉ là một nhân sự trong Mặt Trận. Cá nhân không đáng kể và có thể thay thế được. Nhưng lý tưởng cách mạng theo đuổi cuộc đấu tranh cứu nước mới là tối thượng, phải duy trì và quyết tâm đi tới. Do đó tôi không lạ khi có đoàn viên nghe tin Hoàng Cơ Minh bị chết, đã nhảy dựng lên hậm hực. Và tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu mai kia cục diện Đông Dương biến chuyển, Việt cộng bị áp lực phải thương thảo với thành phần kháng chiến Việt nam, sẽ chỉ nhìn nhận và đòi cho bằng được MTQGTNGPVN vào bàn hội nghị, có hay không có Hoàng Cơ Minh cũng chẳng phiền. Ngày đó tới, đoàn viên phải vô cùng hoan hỉ bởi Mặt trận mình được Việt cộng xem là chính thống, nhưng tôi thì khiếp sợ cho cái tương lai nhìn thấy hồn ma xưa - Mặt Trận Dân tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam - đội mồ sống dậy!

Những người cán bộ trẻ, thành phần cách mạng tươi mới đó, như Võ T., đã được đài thọ vào tận chiến khu học tập, thấy mình quá đổi trưởng thành, được dạy cho ăn nói, tập tành những tác phong cách mạng, thuộc lòng chủ trương và đường lối Mặt Trận vẽ tồ ra, trở về làm việc toàn thời, được trả tiền công tác, được đi đó đi đây, họp hành, diễn thuyết, được đặt ngai cao trên sân khấu cho mọi người vỗ tay, đề cao, tán tụng, hoan hô vinh dự. Đến ai kia cũng còn đấm đui thứ men say mê mẩn ấy, thì giai cấp trẻ nào cưỡng nổi lòng không xao động trước những vinh quang to lớn đặt vào tay? Làm sao Võ T. dám khước từ như tôi đã giữ mình tỉnh táo khước từ những việc làm đồng lõa, không bằng lòng can dự những mưu toan, những liên quan tiền bạc, kinh tài, những đũa đưa ngon ngọt bằng bạc tiền và chức vụ khi còn trong K-9?

Làm sao Võ T. dám đưa tay gỡ bỏ cái vòng hoa mỹ lệ tròn quanh cổ để thành tâm thú nhận về những cuốn băng Việt Nam Kháng Chiến sau này xuất xứ từ đâu? Tôi nghĩ bạn là người phải biết rõ hơn tôi về số phận non yếu của cái đài phát thanh thuê mượn ấy. Cái phương tiện có thì quý hoá, không thì cũng chẳng ai kỳ kèo đòi hỏi cho bằng được. Đồng bào chỉ cần thấy thực tâm, thấy cố sức làm và làm chuyện thật. Việc gì phải đôn đáo gọi tôi nhờ cậy làm dùm những cuộn băng kháng chiến, Làm trọn mỗi kỳ từ A đến Z để anh em bên ấy chỉ việc cho vào máy phát. Anh em mình không ai có khả năng viết lách cùng kỹ thuật dựng một chương trình. Lại thêm vấn đề sinh tử là địch lòng tìm, anh em phải di chuyển luôn luôn, một ngày phát thanh được vài mươi phút cũng là một kỳ công đáng kể. Tôi từ chối. Từ cái ngày nào xa lắc, mà mãi tới bây giờ người ta vẫn rao lên, vẫn ăn mừng ngày thành lập được ba năm, rồi được năm năm đài Phát thanh Việt Nam Kháng Chiến, phát thanh đều đặn và liên tục không một ngày ngưng nghỉ. Ngày phát 8 lần, mỗi lần một tiếng với bài viết dài 25 trang giấy và đưa ra những con số gớm ghê chính xác tính ra bao nhiêu ngày, bao nhiêu giờ, bao nhiêu phút và bao nhiêu triệu chữ trên bao nhiêu dặm dài giấy viết! Tôi thực thà khâm phục những con người kháng chiến toàn năng đã làm nên những việc phi thường trong những điều kiện cực cùng vất vả và khăn khó. Còn tôi, phải thú thật rằng mặc dầu ở trên đất Mỹ dồi dào phương tiện, có khả năng, đã

từng thực hiện những chương trình phát thanh tiếng Việt tại địa phương mỗi tuần lễ một lần, mỗi lần chỉ một giờ thôi, không một tên Việt cộng nào lung bắt, thế mà cũng không sao giữ được cho Tiếng Nói Việt Nam phát thanh đều đặn và liên tục.

Bạn xưa ơi, tôi thật quả có mừng vì đã không ở lại nhận phần chia cháo lú trộn với đường ngon mật ngọt đưa lên miệng sì sụp khen ngon cùng đám người Vu-Hích. Tôi coi lời thoả mạ cái dư luận vô tư cách mà ông Hoàng Cơ Minh khinh mạn nhắm vào tuyệt đại đa số người Quốc gia đầy lòng độ lượng, như tiếng la rồ dại của kẻ cầm đầu đám rước quanh quần rồi lại quần quanh đi mãi dưới đường hầm tăm tối. Tôi hiểu được cái tâm trạng nao núng tuyệt vọng của một con người xa đồng loại, tự mình đánh mất tự do cao quý của mình, không dám thản thơi đi lại, thông dong hít thở khí trời trong mát, đã hoảng kinh kích thích khi nghe tiếng người cười nói bên ngoài mà mình không thấy lối ra nhập cuộc, điên cuồng thoả mạ để nghe chính tiếng mình cho được an tâm trước cái hoang vu rùng rợn của kẻ sợ ma đi lạc giữa vùng mộ địa.

Bạn xưa,

Bây giờ đã sắp mùa Xuân, lại thêm một Tết tủi buồn đời lưu lạc. Tôi ngồi chiêu niệm quê hương và buồn ủ dột nghĩ đến dặm đường thăm thẳm đưa ta về quê cũ. Tôi nhớ những ngày xưa. Nhớ anh em, người thân, bằng hữu. Nhớ những cánh chim ta đã họp đoàn. Những ngày óng ả Nha Trang bạn dắt dìu tôi bay tập. Tự nhiên tôi nhớ bạn lao đao cùng tất cả những gì mình có cùng nhau trên mảnh quê xưa mù mù khuất nẻo. Và tôi dạt dào ao ước một ngày ta gặp lại nhau trong tay bắt mặt mừng bằng tình cũ nghĩa xưa đẹp để chắc còn đủ lượng cho ta đứng thấy ngỡ ngàng xem nhau như kẻ lạ. Tôi thiết tha nhớ và mong gặp bạn. Chúng ta sẽ ngồi đối diện nhau cho tôi được dịp nhìn sâu vào mắt bạn. Và bạn sẽ nói một lời đầm ấm nhưng là lời thâm lặng không phải nói cùng tôi. Mà nói với lương tâm bạn bằng lời trong trắng. Nói thật thà với các anh em mình chết cho đất nước. Như Vượng, như Sinh, như Cung, như Tích. Nói nghiêm trang cùng những bạn chúng mình đang tù ngục thảm thương vẫn hao mòn ngóng đợi anh em về giải phóng. Nói hết sức thành tâm cùng những linh hồn u uất của anh em đã trở về và chết hăm hiu nơi đất nước người như cái chết của Phùng Tấn Hiệp, của Đại tá Tư. Nói một lời lương thiện với Ngô Chí Dũng, với Trần Thiện Khải, với những anh em bị bỏ rơi phủ phàng trên đất Thái.

Và nếu như tình nghĩa anh em, bạn bè, đồng đội không làm bạn quan hoài, thì bạn ơi hãy thì thầm mà nói lời riêng dốc cạn tình phu phụ cùng vợ và con yêu dấu đầy thương tội đã vui thân nơi biển cả trên bước đường khổ nạn kiếm tìm chồng, tìm kiếm tự do. Bạn hãy thiết tha, thành khẩn, trang nghiêm như bạn đã thề nguyện cùng đất nước, với tất cả thiêng liêng trong sâu thẳm đáy lòng, rằng bạn thật tâm kháng chiến, bạn không biết dối lừa và đồng lõa dối lừa. Kháng chiến này có thực.



MẶT TRẬN QUỐC GIA THỐNG NHẤT GIẢI PHÓNG VIỆT NAM
TỔNG VỤ HẢI NGOẠI - VĂN PHÒNG TỔNG VỤ TRƯỞNG

THÔNG BÁO
của
TỔNG VỤ HẢI NGOẠI

Ngày 01 tháng 12, năm 1987

Ngày hôm nay, mùng 1 tháng 12, năm 1987, tại Sài Gòn, bao quyền Việt cộng đã cho cái gọi là "Tòa án Nhân dân Tối cao" tổ chức một vụ "xử án kháng chiến quân", dự trù tiến hành trong ba ngày, để tuyên xử 18 người được chúng gọi là "những người phản loạn vô trang thuộc Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam". Cũng trong vụ xử này, bao quyền tuyên bố xử án cả Chiến hữu Chủ tịch Hoàng Cơ Minh, mà chúng nói đã chết tại Nam Lào vào hồi tháng 8 vừa qua.

Những bị can của phiên tòa bị kết tội "phản quốc", "âm mưu lật đổ chính quyền", "tay sai của Đế quốc Mỹ và Vương quốc Thái Lan", cùng nhiều "tội bất lương" khác, và bao quyền hăm dọa sẽ tuyên án tử hình...

Tổng Vụ Hải Ngoại cần làm sáng tỏ sự thật để vạch trần âm mưu khủng bố và tuyên truyền của Việt cộng :

1. Bao quyền hiện đang phải đối phó với những khó khăn muôn mặt vì sự chống đối của dân chúng lan rộng theo đà phát triển của các cơ sở kháng chiến trong nước. Để cứu vãn, chúng đã tiến hành kế hoạch thâm độc nhắm vào hai hướng "giải tỏa kinh tế" và "khủng bố chính trị": Một mặt, chúng nói lỏng những biện pháp kiểm soát và bóc lột kinh tế để khuyến dụ dân chúng ra sức sản xuất cho chúng khỏi phục nền kinh tế suy sụp. Mặt khác, chúng triệt để thi hành những biện pháp khủng bố đồng loạt để uy hiếp tinh thần chống đối của người dân và đưa người dân vào con đường sản xuất cho chúng. Sau những biện pháp đàn áp tôn giáo và xử án các bậc tu hành, Việt cộng tiến lên chiến dịch khủng bố kháng chiến và nhắm vào tổ chức đang lãnh đạo các cơ sở kháng chiến là Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam.

2. Từ lâu nay, Việt cộng vẫn truy lùng và sát hại những người đấu tranh, nhưng, với màn kịch "Tòa án Nhân dân", chúng công khai hóa hành động này để đạt tác dụng khủng bố tinh thần đồng bào trong nước và gây dao động trong các cơ sở kháng chiến. Việc chúng đưa ra danh tánh và hình ảnh của một số kháng chiến quân mà chúng nói đã bị bắt hoặc bị giết còn là một âm mưu của bộ máy công an nhằm tạo điều kiện hoang mang để phối kiểm những dữ kiện về nhân sự và tổ chức của kháng chiến.

3. Sự kiện chúng phải nêu đích danh một người chúng nói đã chết là Chiến hữu Chủ tịch Hoàng Cơ Minh để đem ra truy xử phản ảnh nỗi lo sợ của chúng trước uy tín và khả năng vận động của người đang lãnh đạo công cuộc kháng chiến. Hành động "xử án người đã chết" không chỉ phản ảnh tinh thần man rợ của chúng, mà còn cho ta thấy số phận bi thương của những kháng chiến quân đã bị rơi vào tay chúng, những người đang bị chúng lăng lẽ tra tấn và sát hại mà không công bố.

4. Đối với đồng bào tại hải ngoại, chúng tiến hành kế hoạch "giải tỏa kinh tế" và "khủng bố chính trị" bằng những biện pháp kinh tài mới để dụ dỗ người tỵ nạn tiếp sức cho chúng về mặt kinh tế, trong khi dùng mọi thủ đoạn để phủ nhận và bôi nhọ hành động tiếp vận kháng chiến của đồng bào. Với bản "cáo trạng", chúng xuyên tạc những người đấu tranh là tay sai của ngoại bang, và tạo áp lực với các quốc gia tiếp cư để ngăn ngừa đồng bào tham gia đấu tranh.

5. Đối ngoại, chúng dùng vụ xử này cáo buộc các quốc gia vô can để biện minh cho hành động xâm lược lần bang của chúng.

Xét như vậy, Tổng Vụ Hải Ngoại chính thức khẳng định :

Thứ nhất, Việt cộng là một tập đoàn vô nhân đạo và phản dân tộc, Tòa án Việt cộng là một công cụ khủng bố của chế độ. Dân tộc Việt Nam không chấp nhận quyền cai trị và quyền xét xử của Việt cộng.

Thứ hai, đường lối đấu tranh đúng đắn của chúng ta đã đưa nỗ lực kháng chiến tới những kết quả khả quan, khiến bao quyền phải tung ra những biện pháp chống đỡ gian manh và tàn ác nhất. Nhưng, Việt cộng không thể xét xử được toàn thể hơn sáu mươi triệu người Việt Nam, và đồng bào hải ngoại luôn luôn sát cánh cùng đồng bào trong nước để thể hiện ý chí kiên trì bất khuất bằng những hành động đấu tranh tích cực hơn nữa.

Thứ ba, công cuộc đấu tranh giải phóng Tổ Quốc Việt Nam là nhiệm vụ của toàn thể mọi người Việt Nam, do người Việt Nam tiến hành lấy. Những biện pháp xuyên tạc chính nghĩa và bôi nhọ tiếp vận kháng chiến đều sẽ không có tác dụng, vì đồng bào đều biết kháng chiến là do đồng bào mà có, do đồng bào mà lớn mạnh chứ không do bất cứ một sự can thiệp nào của ngoại quốc.

Thứ tư, Chiến hữu Chủ tịch Hoàng Cơ Minh vẫn bình an, và đang lãnh đạo công cuộc đấu tranh giải phóng Tổ Quốc Việt Nam. Mặt Trận đã có những biện pháp để đồng bào khắp nơi ở trong nước đều được biết rõ về sự kiện này hầu vững niềm tin vào công cuộc đấu tranh tái thắng của chúng ta.

Thứ năm, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam sẽ không bình luận gì về bất cứ một tổn thất nào của kháng chiến do bạo quyền Việt cộng loan báo, để tránh cung cấp những dữ kiện cho công an bạo quyền phối kiểm về nhân sự và tổ chức của kháng chiến.



Nguyễn Kim,
Tổng Vụ Trưởng Tổng Văn Hải Ngoại,
Ủy Viên Hội Đồng Kháng Chiến Toàn Quốc.

Địa chỉ liên lạc: Hộp thư P.O Box 7826, San Jose, CA 95150-7826, Hoa Kỳ. Điện Thoại : (408) 723-3032

Hào hoa là lính không quân Hoàng Khởi Phong

"... Ta là đàn chim bay trên cao xanh...
Đi không ai tìm xác rơi...
Hối tiếc tấm thân mà chi"...
Văn Cao

Nhận điện thoại của Đào Vũ Anh Hùng xong tôi thờ người ra suy nghĩ... Bạn ta hơi khó tính, đã xin bài lại còn ra đề tài: "Viết về Không Quân mà thôi, thứ khác là đẹp". Còn là may, bạn tôi không hạn định bài viết bao nhiêu chữ, nếu không thì thật giống như cụ Phan Khôi, khi bị một tay chủ bút của báo nhà nước xin bài của cụ Phan. Ông chủ bút này có tính cẩn thận, khá biết tính nết cụ Phan, nên chọn đề tài trước, và đồng thời còn hạn cho cụ Phan là chỉ viết trong vòng 2000 chữ mà thôi Riết róng đến cụ Phan Khôi đã phải thốt lên: "Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng". Tôi không phải là một Không Quân, viết ầm ờ có khi lòi cái dốt của một anh Bộ Binh thêm bay bổng, thích nói khoác. Tôi có vài người bạn gốc Không Quân, đành phải mang các bạn ta vào bài viết này. Thẳng hoặc trí nhớ sau nhiều năm có cùn nhựt, có lỏng lẻo thì cũng xin nói trước: Đây là do lỗi của Đào Vũ Anh Hùng, tay chủ bút ác ôn không kém kẻ đã xin bài cụ Phan năm xưa. Đã không cho nộp bài có sẵn, lại còn bắt viết về Không Quân. Trước tiên tôi xin tặng các bạn gốc Không Quân một câu ca dao của thời đại chúng ta, thời Việt Nam Cộng Hòa:
Hào hoa là lính Không Quân

Anh có cái quần anh cũng bán đi
Ngày mai anh mặc bằng gì?
Anh mặc xí-líp anh phi phòm phòm.

Phần tôi, nói ra thật xấu hổ. Tôi đã mon men hai lần tới cổng Huỳnh Hữu Bạc. Lần đầu vừa mới học xong cái "Tú Tài", cái bằng mà trong thời trai trẻ của chúng tôi có người đã nói: Học Tú Tài như tái tù. Lần đó là đầu năm 62, cùng vài người bạn chung promo, treo cái "tái tù" tồng teng trước ngực, vào căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất nộp đơn đi "pi-lót". Thời đó có Tú Tài là học học xì dầu rá Trước khi bước lên bàn cân cả bọn đã tọng vào họng gần hai lít nước lọc, có khi còn nhịn vô nhà cầu cả ngày trời! Phải đủ 50kg, thế mà 90% chúng tôi khi học thi Tú Tài xong là mình hạc, xác ve. Có nhiều cậu cởi áo đánh ping pong là cả làng thấy đeo đồng hồ... Omega trước ngực. Hiếm có thanh niên Việt Nam nào xong cái bằng này mà còn có da có thịt, ngoại trừ những anh trời sinh ra là đã có dáng bệ vệ như ông Địa, mà những anh này có cho uống thuốc thánh đèn bia cũng không dám đầu đơn vào Không Quân, vào đó lờ lên trời, máy bay phải nhào lộn thì cái thùng nước lèo coi bộ khó mà yên được. Ba thằng chúng tôi gồm Hưng Xích Lô, Toàn Liếm và tôi rón rén bước lên bàn cân, ý tứ khép nép cứ như con gái về nhà chồng. Anh tu bíp khám sức khỏe, lừ mắt nhìn chúng tôi không mấy thiện cảm như là coi giò, coi căng ngựa đua, hay là gà cá đò.. Hưng và Toàn qua khỏi cái bàn cân dễ dàng. Phần tôi trước khi đi khám sức khỏe đã cẩn thận tọng vào bụng một tô phở xe lửa, một lít nước lọc, thế mà cái kim còn cách con số 50kg một chút. Tuy nhiên anh tu bíp cũng cho qua, xá kể gì một ký lô thịt, xương, phèo phổi. Vả lại có nhiều Pilót thời Tây khi đi bay mang theo hai cái gối độn dưới mông, nếu không thì qua cốp-pít không nhìn thấy gì ở bên dưới, chỉ nhìn thấy bầu trời! Tôi tuy thiếu của Không Quân một ký xương da, nhưng bù lại tôi rất rộng rãi về chiều cao, ít ra cũng được 1,67 mét. Chiều cao tối thiểu thời đó đòi cho một phi công là 1,60 mét. Nói đại chẳng may có hội đủ điều kiện sức khỏe khi đi bay không cần mang theo bên ngoài lễ bộ của những chàng pi-lót, hai cái gối to xù xù, bên cạnh những dao, súng, dây đạn chẳng chịt, hỏa pháo xanh đỏ. Hai cái gối trông kỳ, trông không giống pi-lót tí nào. Tới bây giờ là hơn ba chục năm qua đi, tôi vẫn còn cảm giác tiếc hùi hùi khi tôi không đủ điều kiện sức khỏe. Khám cái gì mà kỹ đến thế. Khám mắt không cũng hai ngày, nào là phòng tối, phòng sáng, nào là loạn sắc, loạn thị.. Kế đó xem phổi có bụi đủ ba lít không khí khi hít vào thở ra không. Tôi bị loại vì đôi tai không nghe được những tiếng động có chu kỳ âm thanh thấp, hoặc cao. Tai tôi không nghễnh ngãng. Chỉ phiền một cái trường độ âm thanh từ thấp đến cao của tôi quá hẹp. Thế là tôi ôm hận ra về, nhìn hai ông bạn vênh vào đi lãnh quân trang. Bạn học cùng năm, cùng lớp với tôi còn hai trụ nữa là Nguyễn Văn Quý và Nguyễn Huy Bán cũng gia nhập Không Quân, nhưng nộp đơn sau Hưng, Toàn và tôi một năm. Sau này năm 75 Quý là một Phi đoàn trưởng Phi đoàn vận tải, Bán bay Khu Trục, Hưng 37 và Toàn F5. Một năm sau, tôi bị vồ vào Thủ Đức. Hết giai đoạn I, người ta cho tôi đi khám sức khỏe để chuyển qua Không Quân một lần nữa, tuy chỉ là Quan Sát Viên (observateur), nhưng tôi vẫn còn cay cú bầu trời, nên hí hửng đi không rồi lại về không. Thành thử cái mộng của tôi mãi mãi là một con chim chưa vỡ bụng ***, nhưng khoái bay bổng trên bầu trời. Sau này ra đời tôi kết giao với nhiều tay Không Quân có lẽ cũng chỉ vì cái mộng thời tuổi nhỏ. Khi Thế Phong làm Tổng Thư ký tạp chí Lý Tưởng, tôi là một trong những anh không dính dáng gì đến Không Quân, nhưng lại có bài thường xuyên trên tờ báo này. Cũng nhờ đó mà tôi biết thêm nhiều bằng hữu, trong đó có cái ông Đào Vũ Anh Hùng, người đang ra đề hạn vận cho tôi viết bài này. Năm 1965, tôi là một Thiếu Oái, Quyền Đại Đội Trưởng một đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB ở Ban Mê Thuộc. Tôi bắt đầu giao thiệp với một anh Trung Oái Không Quân, pi-lót thứ thiệt. Anh này bay máy bay quan sát, biệt phái cho Sư Đoàn 23. Anh cao ráo, đẹp trai, có một hàng ria mép nhỏ như con kiến. Ảnh có một đôi mắt đẹp, một nụ cười tươi mà có thể chết người như chơi! Tôi biết anh ta qua tờ Lý Tưởng. Ảnh làm thợ, tôi cũng làm thợ. Ảnh hơn tôi có máy bay... riêng bay dạo chơi mỗi buổi chiều. Tôi hơn ảnh ở dưới đất, tôi có xe... Jeep, mỗi ngày 20 lít xăng, chạy lằng quằng trong thành phố bụi mù trời. Ảnh có tên là Võ Ý, sau này tôi gặp ảnh hoài khi cả hai đi thập phương

tam đạo, sau cùng gặp nhau ở Pleiku, gió bụi mưa mù. Khi gặp lại ở Pleiku ảnh là Thái tá, còn tôi cấp bậc thì lên hai nấc, nhưng chức vụ vẫn y chang, nghĩa là Đại Đội Trưởng, không hơn không kém. Nhắc lại thời mới giao thiệp với nhau, ảnh gạ tôi:

- Ông thích lái máy bay lắm ha??

- Rồi sao ?

- Thì mỗi chiều ông ra phi trường, tôi... đánh máy bay cho ông đi chơi một vòng.

Đổi lại ông cho tôi mượn một chiếc xe Jeep, xấu xí, mui trần cũng không sao Bọn tôi biệt phái thành thử xe cộ không có, mùa mưa ở đây ác liệt, có nhiều hôm nhịn đói không đi ăn. Vả lại tôi không ở đây lâu, một tháng là cùng. Khi nào hết hạn công tác ở đây thì tôi trả lại cho ông. Nghe thì cũng bùi tai, vả lại xe đâu có phải của riêng tôi Đơn vị tôi có tới 15 chiếc xe Jeep, lúc nào cũng có vài chiếc nằm không. Tôi giao hẹn với ông bạn:

- Cho ông mượn xe cũng được, nhưng với một điều kiện: Ông không được đỗ săng máy bay vào xe, hết săng cứ về đơn vị tôi, đâu sẽ có đó. Dùng săng máy bay chày máy như chơi Tôi còn nhớ cái cười tủm tủm của Võ Ý ngày đó, trông đều không chịu được, tôi đã định nuốt lời Ngày hôm sau, chưa hết giờ làm việc đã thấy người anh em Không Quân tà tà ngồi xe ôm vào đơn vị.. Ảnh giục tôi:

- Bữa nay trời đẹp, để tôi đánh máy bay cho ông đi chơi một vòng. Ông mới thấy thành phố Buôn Muôn Thuở này ở dưới đất, lên trời ông sẽ thấy nó đẹp hơn ông tưởng. Đi lè lẹ lên không thì trời tối Thế là tôi mê đi, cả hai ra phi trường quan sát, ngay trong trung tâm thành phố. Trông thấy chiếc L17 là tôi phát ngán ngẩm. Máy bay gì mà trông cứ như đồ chơi Nhưng chả lẽ ra tới đây mà không leo lên thì cũng kỳ. Tôi cứ nghĩ trong đầu máy bay phải to ghê lắm, trông hùng hổ như dao súng linh kính trên người các anh pi-lót. Té ra phi công cũng có nhiều loại và nhiều kiểu Nói trộm vĩa ông bạn già Võ Ý của tôi, máy bay bà già coi không khá được, đúng là... bà già. Thiếu nữ trông đâu có hom hèm như thế. Thiếu nữ trông tươi mơn mớn, đầu ra đó. Bà già chạy trên phi đạo nghe... cọt két, cọt két. Rồi đột nhiên người tôi nhẹ như bấc, thế là đã ở trên ngọn cây Té ra trông vậy mà không phải vậy. Đầu có thua gì những cô thiếu nữ 17 bẻ gãy sừng trâu. Gió thổi bập bùng đập vào hai cánh. Võ Ý đánh một vòng thành phố. Có lúc anh lên cao tuốt mù tắp, rồi anh chúc xuống ngay trước sân cờ đơn vị tôi Tôi trông rõ cả mấy người lính trong đơn vị đang lẳng quăng trong giờ làm việc. Anh nhào lên lộn xuống vài lần, chỉ là mấy cái nhào lộn của... bà già thôi, thế mà tôi đã xuýt ói cơm. Ảnh ngó chừng coi tôi chịu nổi không, xong rồi thì cười hà hà, cho máy bay bình phi về hướng Bắc. Ở trên cao nhìn xuống, tôi thấy thành phố đang chứa chấp tôi quả là đẹp hơn lúc ở dưới đất. Từ trên cao, tôi không nhìn thấy những con ngõ tối tăm lầy lội trong mỗi mùa mưa. Từ trên cao thỉnh thoảng tôi nhìn thấy những đám mây hồng bốc lên cao, mỗi khi có một chiếc xe di chuyển trên những con lộ đất đỏ. Tôi nhìn thấy đích thị là những đám khói lam chiều cuộn cuộn bay lên từ những buôn bản của đồng bào thiểu số. Cái đẹp u tịch của rừng núi, trầm mà hùng. Đột nhiên tôi ghét những cái mái tôn của những căn nhà sàn, nằm sát ngay bờ quốc lộ đen nhầy nhựa đường. Những mái tôn nói lên sự bất ổn của núi rừng bởi vì nhà sàn của đồng bào Thượng phải có một cái mái lá, màu nâu già và nằm sâu trong rừng cây. Những mái tôn gần sát ngay mặt lộ là những buôn bản đã bị cắt đứt khỏi vùng đất địa bàn của họ.. Tôi trông thấy những đồn điền cà phê ngút ngàn, tôi tưởng ra những người cu li đói ăn của vài chục năm trước, ở tứ xứ bị lừa về đây làm việc trời chết để đổi lấy một cuộc đời tăm tối. Chuyến bay cho tôi được đôi điều bổ ích, nó giúp tôi có cơ hội nhìn rõ mặt quê hương. Bởi vì tôi lùì được ra xa, leo được lên cao để nhìn lại chính mình trong cuộc chiến này. Võ Ý cho máy bay đáp xuống khi những tia nắng cuối cùng tan trong kẽ lá. Trước khi giao một chiếc xe phòng hồ của đơn vị cho Võ Ý mượn, tôi nói:

- Xe mui trần, ông đừng có chở đàn bà con gái trên xe, gió bay tóc coi kỳ mà tôi cũng có thể bị nạo .

- Yên chí đi, tôi chỉ dùng xe để đi bay và đi ăn thôi. Một tháng sau, anh mang xe trả lại tôi để trở về đơn vị gốc. Trong một tháng này chính mắt tôi nhìn thấy có vài bóng hồng mà cả nước Ban Mê Thuộc quen mặt biết tên ngồi trên ghế trường xạ Anh trả xe được một tuần, thì xe cũng phải vào Quân Cụ đại tu bổ, thay máy. Võ Ý rời Ban Mê Thuộc được vài tháng thì tôi khăn gói quả

mướp ra Phú Quốc. Võ Ý cũng là người... giúp cho tôi đi sớm hơn vì lúc đó tôi còn trẻ không biết giữ mình, khi tôi gặp Võ Ý tôi là Quyền Đại Đội Trưởng một Đại Đội chuyên môn, ông xếp của tôi đi du học Mỹ. Nếu tôi thực tế một chút, thì chỉ cần ba tháng sau tôi đã là Đại Đội Trưởng thật sự.. Bởi tôi biết chắc ông xếp tôi khi du học về sẽ ra vùng I, là nơi sinh quán của ông. Phải chi tôi biết thực tế hơn một chút, chăm nom đơn vị hơn một chút, năng lấy điểm Tiểu Đoàn Trưởng một chút thì chỗ đó ai cựa lại tôi Chỉ cần ra điều gương mẫu một chút thì mọi việc đâu đã vào đó, có khi còn lấy vợ Ban Mê Thuộc nữa là khác. Nhưng trời cho tôi cái tính coi... trời bằng vung. Tôi chỉ làm những gì tôi thích, chứ không làm những gì ông Tiểu Đoàn Trưởng thích. Vụ cho Võ Ý mượn xe sau cùng cũng đến tai ông xếp sòng trên Pleiku, ông cử một Thái Oái khác xuống thế chỗ cho tôi Phần tôi ngồi chơi chờ ngày ra Phú Quốc. Trong khi chờ đợi này, tôi còn biết gì hơn là đi đánh mạt chược, thụt bi da và chiều chiều đánh xe ra bên bờ suối coi lén mấy cô Thượng támm trường. Suốt một tháng trời tôi không về Tiểu Đoàn trên Pleiku, ông xếp cũng có vẻ không muốn thấy mặt tôi, mà tôi thì cũng chẳng có gì ham lên gặp ông. Mỗi ngày tôi lái xe dong chơi khắp thị xã, tôi la cà trong những đồn điền cà phê, vào lúc hoa cà phê nở rộ như những đám mây trên trời, và từng đàn bướm vàng cánh nhỏ chập chờn, cho tới khi nhận Sự Vụ Lệnh đi đơn vị mới Năm năm sau gặp Võ Ý lại tại Pleiku Chính Võ Ý làm đầu cầu cho tôi quen với Lê Bá Định, một Trung Tá pi-lót có Cử Nhân văn chương. Ngoài giờ đi bay Lê Bá Định dạy Triết Học cho trường Nữ Trung Học Pleime Ông Định còn là một tay viết phú khá tài hoa, và tất nhiên cũng là một pi-lót khu trục tài bạ Lúc tôi gặp lại Võ Ý, chàng đã là Phi Đoàn Trưởng một phi đoàn quan sát.

Chàng không còn bay máy bay bà già, mà bay Cesna, hay là cái quỉ quái gì đó. Giờ thì chàng oai như một con cóc cô.. Lên trời thì máy bay đẹp, xuống đất thì xe Jeep mới, màu xanh đậm của Không Quân. Chàng không cần phải mượn xe của tôi Tuy nhiên tình bạn của chúng tôi mỗi ngày một thân hơn, vì cái đất Pleiku lúc đó có được bao kẻ làm thơ viết văn. Lê Bá Định là Không Đoàn Trưởng, ông là nhân vật số hai của phi trường Cù Hanh. Tôi ngủ tại phi trường Pleiku nhiều hơn trong đơn vị tôi Vì trong phi trường vui hơn ngoài phố. Ngoài phố chỉ có ăn nhậu, nhảy đầm trong hội quán Phương Hoàng. Mà tôi thì không biết nhảy đầm nên mất đi một mục... vui đời lính trẻ xa nhà. Chính tại Pleiku này tôi gặp và không bao giờ quên được Thặng Fulro, một phi công khu trục đã chết vì không bỏ anh em, không bỏ bạn bè. Cho dù là những anh em không hề biết mặt, và những bạn bè không hề biết tên là những đơn vị Bộ Binh, đang bị vây hãm dưới đất trong trận đánh mùa hè năm 72. Trước khi Thặng chết đâu chừng hai tuần lễ, có một việc xảy ra rất buồn cười Lúc đó tình hình chiến sự Vùng II cực kỳ sôi động. Lệnh giới nghiêm trên toàn lãnh thổ Quân Khu từ 10 giờ tối cho tới 6 giờ sáng ngày hôm sau Hàng đêm, cứ 9 giờ tối là lính của tôi tủa ra xe, đi tuần tiểu, bắt giữ các quân nhân vi phạm. Thông thường các xe tuần tiểu rào qua các chỗ ăn nhậu nổi danh của Pleiku, thị oai với các quân nhân còn la cà quán xá khi giờ giới nghiêm sắp tới Thặng người to lớn, anh cao hơn thước tám, nặng cỡ tám chục ký lộ Làm như trước khi con người chết bất đắc kỳ tử hường có những hành vi bất ngờ. Hành vi bất ngờ của Thặng trước khi anh chết độ hai tuần lễ, anh bị lính của tôi mời về Đồn Quân Cảnh. Nhắc lại thời gian giới nghiêm của mùa hè năm 72 đó. Khi toán tuần tiểu của đơn vị tôi chạy ngờ ngờ ngoài phố là một dấu hiệu bất thành văn cho các quán sửa soạn đóng cửa Thặng uể oải vươn vai đứng dậy, trả tiền xong ra về. Trông anh có vẻ hơi quá độ Hai lần đạp máy xe, hai lần anh suýt ngã vì mất đà. Lần thứ ba anh dận lên bàn đạp, chiếc xe rú lên vì tay ga đã vận hết đà về phía trước. Anh vừa sang số, chiếc xe đã chồm lên và hất anh ngã xuống. Một người lính trong toán tuần tiểu, biết Thặng là bạn tôi nên tiến tới ngó ý muốn giúp anh nổ máy chiếc xe, và nếu cần thì bỏ chiếc xe Honda lên xe tuần tiểu và đưa Thặng về phi trường. Thặng trong lúc ngà ngà tưởng là bị bắt. Mất anh long lên và anh nổ ra một tràng:
- Muốn bắt ha?? Kêu thằng ông nội mày ra đây Người lính Quân Cảnh lễ phép phân trần, nhưng Thặng gạt phắt đi Anh nổ ra một câu nữa:
- Kêu thằng ông nội mày ra đây xem nó có dám bắt tao không?
Lần này thì anh trưởng toán tuần tiểu không nhin nữa Anh ta vẫn lễ phép nói với Thặng:
- Mời Đại Úy về Đồn Quân Cảnh gặp ông Trưởng Đồn của tôi.

Thế là Thặng gầm lên. Anh lồng lộn như một con cọp trong chuồng. Cũng may anh nhậ tới chỉ, nên có muồn kháng cự cũng không có sức. Anh chửi mấy người lính Quân Cảnh và tôi tắt bếp. Anh dọa sẽ... thả bom vào Đồn Quân Cảnh cho tuyệt cái giống... thối còi. Khi tôi được báo về câu chuyện xảy ra, tôi đang ở phi trường Cù Hanh lái xe về. Chuyện thả Thặng thì quá dễ. Cái khó xử là với người lính của tôi, chỉ vì lòng tốt mà bị Thặng chửi xối xả ngoài đường. Hơn thế nữa, nếu xử chìm xuống e rằng mấy người lính của tôi không phục. Lúc đó đã nửa đêm. Tôi gọi điện thoại cho Võ Ý. Võ Ý đẩy cây sang cho ông Định. Hắn nói:

- Thặng là Thặng nó bay khu trục. Tao đâu có dính gì với nó mà lãnh nó ra.

- Khu trục hay quan sát gì thì cũng là bạn ông. Tôi chỉ cần một người to lon hơn nó, lãnh nó ra không đêm nay ngủ trong đồn, nặng 80 kí lô chứ 180 kí lô muỗi nó cũng khiêng đi.

- Mà kêu cho ông Định, hay thằng Phi đoàn trưởng của nó. Khi tôi kêu ông Định, thì ông nói:

- Toa cho nó ngủ ngoài đó một đêm cho nó tởn. Sáng mai moa với thằng Ý ra lãnh nó đi bay.

Thế là tối đó tôi ngủ lại trong đồn. Chả lẽ lại nhốt bạn vào phòng kỷ luật sĩ quan. Tôi nhờ người lính thủ kho lấy cho tôi thêm một cái ghế bố, chằng một cái màn, và một cái chăn cho đỡ lạnh. Lúc đó người lính của tôi báo cho tôi biết một việc nghe vừa giận, vừa buồn cười:

- Hồi này ông pi-lót bạn của Đại Úy đại đây ra xe tuần tiễu.

Sáng ra Trung Tá Lê Bá Định và Võ Ý có mặt từ sớm. Lãnh Thặng ra xong cả bọn, kể cả Thặng đi ăn hủ tíu tại Chợ Mới Từ lúc lãnh Thặng ra cho tới khi ngồi trong tiệm, ông Định không nói một lời nào Không biết ai nói cho ông Định nghe là Thặng đá ra xe tuần tiễu Đang ăn, ông Định nói băng quơ: - Moa là toa moa bắt cời áo ra lau chỗ nước đá Hai tuần lễ sau tôi nghe tin Thặng chết. Tôi không rõ cái chết, nhưng tôi nhớ khi tôi nhận điện thoại của Vũ Công Hiệp, một phi công khu trục cao lêu nghêu thì thành phố chưa lên đèn, Vũ Công Hiệp nói với tôi:

- Đúng là số chết. Không ai bắt nó bay nữa. Nó bay yểm trợ cho mặt trận Kontum, Tân Cảnh suốt một ngày rỗng rã. Nó đi chuyển chót đầu vào khoảng xế chiều Nó vừa đáp xuống là hồi mang bom, đổ sáng cho nó đi chuyển nữa. Nó đã thả hết bom, và xà xuống quá thấp nên trúng đạn đại bác phòng không. Máy bay rớt ngay bên ngoài phòng tuyến của quân ta dưới đất. Phải ba ngày sau, quân ta phản công.

Mặt trận Kontum, Tân Cảnh được giải vây, mới mang được xác của Thặng về. Nghe nói phơi nắng hai ba ngày, xác của anh to như một con trâu chượng, phải xài tới hai cái poncho mới che đủ thân thể của Thặng. Sau này thỉnh thoảng đi ngang bùng binh chợ Bến Thành, tôi nhìn thấy ảnh của Thặng, của Trần Thế Vinh, một phi công diệt tăng tại vùng I Chiến Thuật. Mỗi lần nhìn thấy ảnh của anh, tôi lại nhớ tới lần anh phải ngủ trong văn phòng của tôi Hình như tôi có bạn Không Quân nhiều hơn là bạn đồng nghiệp. Tôi có số thiên di, suốt mười ba năm quân ngũ tôi có mặt tại đủ bốn vùng chiến thuật. Mớ quân trang của tôi ngày ra trường đầy một túi quân trang, và một cái ba lô Dân dả mỗi lần di chuyển lại mất đi một số đồ đạc. Sau vài năm thì mớ quân trang chỉ còn vài bộ quần áo nhà binh và vài bộ thường phục, cùng một số sách vở. Nói nào ngay, binh chủng của tôi nhỏ, mỗi thành phố có vài sĩ quan, ai nấy đều nghiêm chỉnh, không văn nghệ văn gừng gì cả. Nội cái khoản quân phục tề chỉnh, giày đánh bóng, râu tóc gọn ghẽ là tôi đã phát mứa lên tới tận cổ. Thành thử với các đồng nghiệp tôi kính nhi viễn thị Tôi giao thiệp với Không Quân nhiều vì họ ít máu "quân giai" trong người Nhất là với các phi công, đặc biệt là phi công chiến đấu Cho dù họ mang cấp bậc gì trên vai áo, thì phận ai nấy lo, mỗi người một con tàu, một bầu trời trước mặt và lưới lửa đạn phòng không của địch bao quanh thân tàu Cho dù họ bay máy bay gì cũng vậy, chỉ là một thỏi sắt biết bay trên trời Cái bản nhạc "Không Quân Việt Nam", của Văn Cao, với lời hát:

"... Lúc đất nước lâm nguy, bao người con ra đi,
hối tiếc tấm thân mà chi... Đi không ai tìm xác rơi..."

hay thì có hay, nhưng mà lãng mạn và có vẻ hơi xa với thực tế trong chiến tranh Việt Nam. Tôi thích cái tính lè phè của Không Quân, phần lớn cấp bậc để dễ làm việc. Làm việc mà không có tôn ti trật tự thì đâu có là quân đội, mà là một cái gì đó, tựa tựa như lính Tam Phủ ngày xưa. Nhưng hết giờ làm việc thì phải nói ra cho mọi người dễ thở. Ở Pleiku, tôi còn quen nhiều nhân vật trong phi trường. Bạn rất thân và cùng lớp sau này còn lấy một cô em họ tôi là Phạm Tuấn

Kiệt, xuất thân khóa 19 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, làm tới Chỉ Huy Phó Trung Tâm Hành Quân Không Trạ của Quân khu ID Tên này mà bốc máy điện thoại lên nói vài câu tiếng Mỹ là bom đạn ở trên trời rơi xuống. Một tên bạn khác, học cùng lớp với người em rể tôi là Đại Úy Lại Vạn Thọ, tên chàng là Thọ mà số thì ngược lại, anh chết rất trẻ, không phải vì chiến trận, mà vì bị du đảng đâm chết chỉ vì: "Giữa đường thấy chuyện bất bằng chẳng tha".

Cũng cùng một lớp với tôi và Phạm Tuấn Kiệt còn một trụ nữa là Đoàn Trọng Thê, cũng một nghề Không Trạ. Nghe đâu bạn tôi lúc này đang làm chức to, trong một đoàn thể lớn đến độ có thể sắm máy bay tư để về oanh tạc bọn ác ôn còn đồ trong nước. Máy bay phản lực MIG 17, 19 giờ đang được nước Nga phá sản, bán sale Rẻ rề, miễn có tiền là mua được. Nước Nga giờ cái gì mà không bán. Tàu ngầm nguyên tử, trạm phi thuyền không gian còn bán tuốt hướng hồ ba cái máy bay cũ kỹ mấy chục năm. Quyên góp mãi thì cũng có ngày có thể sắm được, nhưng cái kẹt là bạn tôi xưa không phải là pi-lót. Những tay pi-lót thứ thiệt lâu ngày không bay còn lụi nghề. Thôi thì cứ "wait and see", xem đảng của bạn tôi hoạch định con đường cứu nước. Khi Chuẩn Tướng Lam Sơn lên làm Tư Lệnh Phó Quân Đoàn, ông kiêm nhiệm luôn chức vụ Quân Trấn Trưởng Quân Trấn Pleiku, tôi làm sĩ quan phụ tá cho ông về quân phong quân kỷ. Tướng Lam Sơn đánh giặc chẳng biết có hay không? Song huyền thoại về ông thì ông đã từng... khện một anh cố vấn Mỹ bằng ba toong. Thành thử dưới cái dù của ông Tướng, đơn vị của tôi làm việc mết cầm canh. Ngày đầu tiên nhận trách nhiệm, ông ra lệnh cho tôi một ngày bắt một trăm anh lính vi phạm ngoài đường. Ba ngày sau không còn một anh lính trẻ xa nhà nào dám lang thang trong giờ làm việc.

Thậm chí tôi phải cho xe tuần tiểu hoạt động gấp đôi, cũng không thể nào đủ. Một tuần lễ sau tôi báo cáo trở ngại thì ông Tướng nhẹ nhàng bớt cho 50%, nghĩa là một ngày 50 trụ sẽ bị Quân Cảnh vờ. Chỉ trong một tháng trời thành phố bớt hẳn cái vụ lính lang thang trong giờ làm việc. Chỉ trong một tháng trời các ông đơn vị trưởng các đơn vị biệt lập ở Pleiku, ai nấy đều có vẻ thương yêu tôi ra trò. Nói ra thì xấu hổ, thực ra đơn vị tôi chẳng qua chỉ là cáo mượn oai hùm. Các ông xếp lớn, nhỏ vị thần nên nề cây đa, thân thiện với đơn vị tôi không để đâu cho hết. Các đơn vị Không Quân nổi tiếng lè phè cũng quen với tôi... ráo riết.

Trung Tá Mạo, Không Đoàn Yểm Cứ, Thiếu Tá Xung Tiếp Liệụ Máy ông Phi Đoàn Trưởng thì qua Võ Ý và Lê Bá Định, không thân cũng hóa ra thân. Mùa hè năm 1972, năm Trần Văn Thặng bay lên trời để yểm trợ cho các đơn vị Bộ Binh dưới đất, khi xác anh rơi xuống, nào có phải đi tìm đâu cho xạ Xác anh nằm chơng ra ngay trước phòng tuyến của quân bạn vài ngày trước khi được mang về. Tôi còn nhớ rõ cái bầu trời không khí nồng mùi tử thi đó. Ban đêm thành phố như là một thành phố chết. Tôi hay lái xe lang thang trong phố đêm, nhìn những cửa hiệu, hàng quán đóng cửa im lìm. Mấy người học sinh vừa học vừa gác nhân dân tự vệ dưới ánh sáng của những ngọn đèn đường. Những con chó hoang tìm mỗi ban đêm. Mùa hè năm đó không hiểu tại sao về đêm sương nhiều như thế. Có hôm mới chưa đầy 10 giờ đêm mà sương như bưng lầy mắt. Ánh đèn xe không soi nổi một khoảng cách hai mươi thước tây. Sương như để tang cho những người chết trên rừng, trong núi Đơn vị tôi cách nhà xác của nhà thương một khoảng cách ngắn, ban đêm thỉnh thoảng lái xe ngang qua nơi này, tôi có cảm giác như nghe được tiếng cú rúc não nề vẳng lên. Những ai đã ở Pleiku, hẳn đã có đôi lần đến ăn bún bò nhà xác. Gọi là bún bò nhà xác, vì đó không phải là một cửa tiệm ngoài mặt đường, không có bảng hiệu, lại nằm trong con ngõ nhỏ, ngay đằng sau nhà xác. Bún bò ở đây ngon ra gì, có điều từ khi mùa hè đỏ lửa xảy ra, tôi không bao giờ lại ăn ở đó. Sau mùa hè này, một hòa ước tạm bợ được ký kết tại Paris. Tôi đi trao đổi tù binh mệt nghỉ. Trong một tháng trời liền tôi ngồi máy bay, vượt một khoảng đường dài bằng một vòng trái đất, trung bình ba ngày hai chuyến Phú Quốc Huế, mỗi một chuyến C130 mang 100 tù binh ra trao trả nơi bờ sông Thạch Hãn. Trong những giờ rảnh rỗi chờ máy bay, hoặc là tại chót cùng hải đảo, hay là tại phi trường Đà Nẵng, phi trường Phú Bài, tôi còn biết làm gì hơn ngồi suy nghĩ vẩn vơ Cảm giác của tôi về hòa bình thật mong manh như những đám mây trắng nổi cuối trời Chỉ cần một trận gió thoảng qua là quét sạch khỏi bầu trời Có dịp ngồi máy bay liên tục tôi có cảm tưởng gần gũi với những người bạn Không Quân của tôi hơn.

Hình như khi con người ta ở trên một cao độ nào đó, nhìn xuống dưới đất, cái độ cao cho dù là giả tạo, cũng vẫn có một chất xúc tác nhỏ nhoi làm cho tấm lòng con người ta cao hơn một chút. Tôi có cảm giác có thể là không thật, và mơ hồ là hình như ở trên cao người ta bớt đi tiểu đi Ở trên cao, gần với những đám mây trắng nõn lòng con người ta có sạch sẽ thanh cao hơn. Những người đi biển thường trực cũng có một tấm lòng rộng rãi hơn khi đang sống những giây phút hải hành. Thiên nhiên luôn luôn cảm ứng với những kẻ có lòng. Trong những trường hợp ngược lại, với những kẻ sinh ra với tấm lòng độc ác, thì thiên nhiên chỉ ứng vào trong giây phút và sẽ trả lại tấm lòng độc ác khi sự hiện diện của thiên nhiên không còn. Các bạn bè Không Quân của tôi, vốn dĩ đã là những cánh chim tránh sao khỏi tan tác trong trận bão 75 ập tới Đầu tiên về hai anh bạn cùng đi khám sức khỏe hơn ba mươi năm trước tại phi trường Tân Sơn Nhất. Hưng "xích lô" thì không bao giờ gặp lại, chỉ nghe loáng thoáng là sau này bay A37. Suốt ba mươi năm, không một lần gặp lại trong đời Toàn, anh có một cái tên hiệu không nho nhã, do Không Quân đặt cho anh là Toàn "liếm". Tôi có gặp lại Toàn nhiều lần trên Pleiku Anh vẫn hệt như ngày nào, trắng trẻo, đẹp trai, thư sinh, nho nhã. Chẳng hiểu vì đâu mà lãnh một cái tên hiệu không lấy gì làm hay họ Năm 75, Toàn cũng lại không bỏ anh em, không bỏ bạn bè. Bốn tên ngồi trong một phòng lái chật hẹp của F5 trên đường đào thoát khỏi tổ quốc. Khi bay sang được đến Thái Lan, gần phi trường Utapao, máy bay hết xăng, phải đáp khẩn cấp trên xa lộ.. Máy bay nổ. Đây mới thực là: "... Đi không ai tìm xác rồi..."

Nước đã chẳng còn, mấy ai còn nghĩ tới những cái chết cuối mùa trQ3;n chiến đó. Nguyễn Anh Dũng, một phi công A37 khác, vốn là một học sinh năm Tú Tài đầu tiên của Trung Học Ban Mê Thuột. Khi tôi ở Ban Mê Thuột, Dũng chưa đi lính. Dũng thua tôi bốn tuổi, coi tôi như là một người anh. Nhiều người thấy Dũng lên máy bay trong những trận đánh cuối cùng của miền Nam, có điều không một ai trông thấy Dũng hạ cánh. Đặng Kim Sơn, một thiếu úy vừa mới du học, cũng lại A37. Sơn là con một ông bạn đồng nghiệp với cha tôi cùng một cư xá với tôi và thua tôi mười tuổi chẵn.

Sơn mới đúng là một thằng em tôi, thuở nhỏ vẫn ôm quần áo cho anh đi đá banh, reo hò tỏ mỡ mỗi lần tôi sút lọt vào gôn địch. Sau này khi Sơn vào Không Quân, tôi cũng không biết. Tôi chỉ biết tin khi Sơn du học sắp trở về. Sơn là một người con ngoan trong gia đình, bác Mai, cha Sơn, bạn với ông cụ tôi suốt hai mươi năm ròng rã từ khi di cư vào Nam. Khi Sơn về nước, chưa kịp đáo nhiệm đơn vi.. Phải chi em tôi học dốt, rớt lại một khóa, thì làm sao mà có mặt trên chiếc C119, bị bắn rơi ngay khi vừa cất cánh lên khỏi phi đạo của phi trường Tân Sơn Nhất, trong ngày 29 tháng Tư oan khiên đó. Còn nhiều lắm, kể làm sao cho hết những người bạn Không Quân của tôi Với những người đã nằm xuống thì không còn gì để nói, có nhắc lại chỉ làm đau lòng người còn sống. Nhưng với những người còn hiện diện trên cuộc đời này, trong nước hay ngoài nước, tôi biết rõ một điều: Tuy họ còn sống, nhưng họ chính là những cái xác rơi khắp bốn phương trời Không ai phải bận tâm đến chuyện đi nhặt xác ho.. Bởi vì chính họ, kể từ khi không còn được làm bạn với bầu trời tổ quốc trên đầu, thì phần hồn mới là đáng kể. Cái phần hồn đó của ai nấy giữ.

Bài viết này coi như là một món quà nhỏ, của một anh chàng không được Không Quân chiếu cố hơn ba chục năm trước, nhưng tận đáy lòng người viết những dòng chữ này, tôi xin trả lại một người bạn Không Quân của tôi, người đã tặng tôi một huy chương đeo chơi nơi ngực áo, một cái huy chương ăn giỗ, không tính điểm khi thăng cấp. Đó là huy chương: "Không Vụ Danh Dự Bội Tinh", dành cho những người không phải là Không Quân mà sử dụng phương tiện của Không Quân, nói tóm lại là đi máy bay nhiều Khi anh bạn tôi ghi tên tôi vào danh sách này, anh không hỏi tôi xem có đồng ý hay không, thì khi tôi viết dòng chữ này, hà tất tôi phải xin phép anh. Tôi cũng chẳng ghi lại tên anh nơi đây, bởi vì không biết anh hiện còn sống hay đã mất trên phần đất quê nhà.

Phụ đính

30 tháng 4 tưởng nhớ nhà văn Chu Tử



Sáng ngày 2-5 của hơn ba chục năm về trước tại Subic Bay. Tôi đứng dưới con đường dốc lồi đi bệnh xá nhìn lên đám người đi ngược về khu tạm trú, chưa kịp vỡ cơn mừng đã vội tắt nụ cười, sững cam bởi vừa nhìn thấy Sơn với đôi nặng gối, có Vân dìu đỡ, khắp khênh lê từng bước. Bà người làm tay bồng tay dất hai đứa con gái của đôi vợ chồng người con trai lớn của nhà văn Chu Tử. Cả bà Hai lẫn Vân cũng vừa nhận ra tôi, mừng tủi khóc òa lên một lúc.

Tôi đón nhận tin ông Chu Tử chết trong buổi sáng hoang mang xao xác đó. Buổi sáng ngỡ ngàng như hồn đi lạc, xác thân cũng lạc, đường đột bước đi đến nơi bờ bến lạ, không ý thức được rằng mình đi như thế là đi xa đất nước, là rời bỏ quê hương. Tôi nghe choáng váng và lòng tâm tã một cơn mưa buồn thảm... Trọn cái tiểu gia đình đứng trước mặt tôi đều mang thương tích từ mảnh vụn B-40 quân Cộng bắn vào chiếc Việt Nam Thương Tín. Quả đạn đã giết được người và chỉ giết một người trong cái đám đông hốt hoảng chạy tìm đời sống và đất sống. Con người xấu số đó là nhà văn Chu Tử. Định mệnh nào tai ác đã thù hằn theo đuổi để hại cho bằng được con người khốn khổ tài hoa ấy, trong quãng giờ khắc điêu linh bất hạnh ấy của quê hương, và bằng cung cách gớm ghê thảm khốc dành cho một hình hài yếu đuối như hình hài Chu Tử, trưa ngày 30 tháng Tư, 1975 – khi ông buồn bã đứng dựa thành tàu, nhìn Saigon lần cuối, nhìn quê hương lần cuối...

Chu Tử bị bắn một lần hồi tháng Tư, 1966 ngay trước nhà trong con hẻm trường Hoài An, Phú Nhuận - vỡ một mảnh hàm - nhưng ông sống sót và hồi phục chóng vánh kỳ diệu trong thương yêu phần nộ của công luận. Viên đạn oan khiên nghiệp chướng ngày 30 tháng Tư 75 cũng đã thổi bay hàm dưới và là viên đạn chí tử, dứt điểm mà định mệnh đã dành cho đời Chu Tử. Tôi như nhìn thấy ông nằm ngay trước mặt, đau đớn, quần quại trên vũng máu và kêu rên, và gọi tên thống thiết đứa con gái thương yêu Chu Vị Thủy đã cùng mẹ, cùng em và chồng con ở lại... Tôi như nghe được cả tiếng ông giục Sơn dốc trọn ống thuốc ngủ cho ông nuốt chửng để khô kéo dài thảm thiết. Chu Tử đã chào thua định mệnh, chết dữ dần và phải chết trầm hà. Số mệnh tham lam đã bắt ông phải trả cả vốn lẫn lời quá nặng.

Tôi đã vô cùng gần gũi và có quá nhiều kỷ niệm với nhà văn Chu Tử. Đầu năm 64, tờ Ngày Nay của ông Hiếu Chân bị đóng cửa, tôi đã rời Ngày Nay, theo ông trong cái ê-kíp đầu tiên viết mướn cho cho những vị chủ báo, có vị không bao giờ viết báo. Từ tờ Tương Lai, Tiền Tiến của “vua thầu khoán” Đỗ Cường Duy. Rồi tờ Thân Dân của cụ Nguyễn Thế Truyền, Tranh Đấu của ông “vua đá đường” Ngô Đức Mão, Bến Nghé của “vua bóng bàn” Đinh Văn Ngọc... cho đến khi Chu Tử xin được mảng-sét ra riêng tờ Sống, đứng tên Chủ nhiệm, tất cả kéo nhau về tòa soạn cũ trên đường Hồ Xuân Hương.

Cái “ê-kíp Chu Tử” đầu tiên ấy chỉ vồn vện có vài người. Ngồi thường trực trong tòa soạn có Hoàng Anh Tuấn, Trọng Tấn, Đăng Giao và tôi. Vợ chồng Trần Dạ Từ – Nhã Ca và Tú Kiều mỗi đêm đến làm tin, dịch tin. Duyên Anh phụ trách trang thiếu nhi. Vũ Dzũng, Đỗ Quý Toàn trang Thanh niên, Sinh viên. Nguyễn Ang Ca ký giả thể thao, kịch trường. Võ Hà Anh phóng viên chạy ngoài. “Cô” Kim Chi Hoàng Anh Tuấn lo giải đáp tâm tình và tử vi đầu số! Anh Hợp, Nguyễn Thụy Long, Tuấn Huy, Nguyễn Đức Nam, Lương Quân, Tiền Phong Từ Khánh Phụng viết tiểu thuyết trang trong, lâu lâu mới ghé một lần đưa bài và lấy tiền nhuận bút. Nhân vật “ngoại hạng” phải kể là “chí sĩ” Minh Vồ đặc trách mua bông giấy và ngoại giao với phòng Kiểm duyệt bộ Thông Tin, xin lại giấy phép mỗi khi bị chính quyền đóng cửa...

Tôi đã gần gũi ông Chu Tử trong cả trong đời sống bên ngoài tòa báo, can dự vào nhiều biến cố của gia đình ông như một thành phần ruột thịt. Ông cũng coi tôi như ruột thịt của gia đình và dành cho tôi một tin cậy, mến thương sâu đậm. Tôi đã chứng kiến ông hoan lạc, bi thương, vui, buồn, hờn giận... Chứng kiến một Chu Tử hồn nhiên đúng như Nguyễn Mạnh Côn nhận xét, “Một tâm hồn đũa trẻ trong thể xác ông già”. Nhưng có lẽ tôi thấy đời ông thống khổ hơn hạnh phúc. Thể xác ông phải chịu những đòn đau nhiều và quá độ đối với hình hài yếu mảnh nhưng mạnh mẽ tinh thần phần đầu. Như chứng kiến lần Minh Vồ chở ông sau chiếc vespa, bị taxi đụng gãy chân để Chu Tử phải chống nạng và có bút hiệu Kha Trấn Ác trong mục “Ao Thả Vịt”. Lần ông bị bắn bốn viên đạn, phải đóng đinh trong hàm để giữ bộ răng giả, tay run lật bật khó khăn cầm bút và mắt ngủ đến rên la kêu trời réo đất hàng đêm...

Nhưng tất cả những đau đớn thể xác ấy gom lại cũng không bằng cái đau thương thống khổ của ông ngày Chu Trọng Ly, đứa con trai út ông đặt lòng thương quý đã hủy mình bằng viên đạn carbine nổ vào đầu năm 14 tuổi. Nhà thơ Hà Thượng Nhân, dịch giả Phan Huy Chiêm và tôi đã ở bên ông, trong căn phòng cho mượn của ông thăm phán Phạm Hải Hồ đằng sau khu chợ Bà Chiểu, mũi lòng, bối rối, cảm thương, cực cùng xúc động trước con vật vã và tiếng khóc thê lương của người cha cô khổ.

Hơn ba mươi năm đã trôi qua. Hơn ba mươi ngày 30 tháng Tư đánh dấu Việt Nam quốc hận. Hơn ba mươi năm ngậm ngùi tưởng niệm Chu Tử chết cùng vận nước. Tôi day dứt nhớ và tiếc nhiều điều chưa trọn vẹn cùng ông. Chu Tử sống mang biết bao nhiêu ngộ nhận và ân oán. Một con người có văn tài và khí phách, sống giữa đám đông mà lúc nào cũng cô đơn thê thảm, cũng muốn bùng phá và nổi loạn vì cái đốn hèn khiếm nhục ở chung quanh... Tôi nghĩ, thôi thì Chu Tử chết trăm hà như thế là yên phận. Người như ông, đem thân lưu lạc mà nhìn thấy đám nhân loại nhơ bẩn quá nhiều, lừa dối, gian manh, đê tiện quá nhiều, sẽ héo hon, cô đơn thê thảm gấp trăm lần cái cô đơn thê thảm ngày xưa trên đất nước...

Mùa xuân tưởng nhớ Trần Việt Hoài

Năm 77, vài ba tuần sau khi qua tới Mỹ, nhà văn Mai Thảo đã cùng giáo sư Vũ Khắc Khoan, đi với Trần Lam Giang, Nguyễn Thượng Hiệp dự trại Lộc Uyển của Gia đình Phật tử họp mặt lần đầu tiên tại Hoa kỳ do lời mời của trưởng Đặng Đình Khiết tổ chức tại Oklahoma City. Trại Lộc Uyển tổ chức ba ngày.

Sau ngày bế mạc trại, Mai Thảo, Trần Lam Giang và Đặng Đình Khiết theo anh Đặng Văn Đệ về Dallas, ghé nhà tôi chơi, ăn một bữa cơm. Anh em trò chuyện, bao nhiêu điều han hoi và ôn nhớ. Chuyện tháng Tư đen còn đang hồi hồi. Chuyện Saigon. Chuyện anh em bằng hữu trong giới văn nghệ, báo chí ở lại điều linh, sống khổ, sống nghèo, sống bất an, bị theo dõi, khủng bố, bắt bớ, cầm tù. Cộng sản đã thù hằn, đây đọa và ức chế nhân dân miền Nam thuộc mọi thành phần, bằng những thủ đoạn dã man, độc ác, cực cùng đê mạt. Mai Thảo lúc mới qua, gầy và đen xạm, phong trần. Anh có vẻ mệt mỏi, bơ phờ như vừa trải qua đợt “sóng cấp 3 vịnh Thái

Lan” mà tôi vẫn hay nói đùa, đó là tựa một loạt bài anh viết trên Ngày Nay về cuộc vượt biển bằng thuyền của anh.

Trông Mai Thảo có vẻ chán chường, thật chán chường. Anh vốn mảnh khảnh nhưng bấy giờ lại gầy ốm hơn, nét mặt buồn bã hơn. Tôi nhìn anh, thấy rõ một điều là sau cuộc đổi đời, anh cũng nhiều thay đổi, mà cái đổi thay dễ nhận ra nhất là anh dễ tính hơn ngày xưa. Ngày xưa ở Saigon, để gì mà chúng tôi, bọn trẻ thuộc lớp đàn em đi sau - được anh chịu khó ngồi nói chuyện ngang hàng như bây giờ? Được anh không thấy phí lời trước những câu hỏi mang tính chất tò mò lắm cảm và hắt vào mặt câu mắng, “Cậu hỏi thôi bỏ mẹ!”...

Hồi đó mấy đứa tôi thường tránh né không thích đến gần anh. Chúng tôi cho rằng anh cao ngạo, ngang chướng, làm dáng, lập dị, xem thường “bọn trẻ” nhà văn, nhà báo. Anh ở “chiếu trên”, phải ngồi ngang hàng với những bậc tiên chỉ trong làng, cỡ Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Nam, Nguyễn Sĩ Tế, Trần Thanh Hiệp, Hiếu Chân, Nguyễn Sa, Tạ Ty, vv... Gặp lại Mai Thảo ở Mỹ, tôi ái ngại thương anh. Anh đã rời bỏ quê hương, xa cái thế giới văn chương và cái xã hội quen thuộc của riêng anh, lạc lõng và cô đơn, luống cuống trước cảnh sống xa lạ, bất ưng nhưng đành cam chịu. Anh không còn cái dáng nét khinh khỉnh khó thương của một nhà văn tên tuổi được trọng vọng, có nếp sống phong lưu trí thức tiểu tư sản, khinh mạn nhìn đời với ly rượu mạnh trong tay, áo quần lúc nào cũng giặt ủi tươm tất, đi một bước là vẫy taxi hay ngựa xích lô, ăn cơm ở những nhà hàng quen thuộc và ký sổ...

Tôi hỏi anh thích ăn món gì để đãi anh một bữa gọi là chào mừng người mới đến miền đất hứa của tự do. Anh gạt đi, bảo: - Cậu cho ăn cái gì cũng được! Ở Việt Nam thiếu thốn đủ thứ, không có mà ăn nên tôi không dám đòi hỏi. Qua đây thấy cái gì cũng muốn ăn. Thịt gì cắt từng khoanh để trong hộp sắt tròn tròn, mở ra ăn bốc. Chỉ nghĩ đến nó thôi, cũng thèm... Tôi cười, nói đó là thịt hộp “ba lát”, phần C-Ration quân đội do Mỹ viện trợ, phát cho lính tráng Việt Nam. Bữa cơm hôm đó có cả rượu mạnh do anh Đặng Văn Đề đem tới để hai con sâu rượu thù tạc nhau. Mai Thảo ăn rất ít. Anh chỉ ngồi nhấm nháp ly cognac và nói chuyện. Mai Thảo kể khi Việt cộng vào Saigon, anh và vô số anh em phải trốn tránh các cuộc lùng bắt. Anh nói tên những văn nghệ sĩ miền Nam ở Saigon bị công an “văn hóa” và công an khu vực nửa đêm đập cửa, còng tay dẫn lên xe bí bùng đem đi.

Nói đến cái không khí ngột ngạt những đàn áp và khủng bố nhắm vào thành phần “phản động, đòi tự” bị kẹt lại sau ngày Saigon đổi chủ. Khi nhắc đến Duyên Anh, Mai Thảo cười thành tiếng: - Mình đang buồn nấu cả ruột gan vì sống hồi hộp bất an, như con thú bị thợ săn vây bắt mà khi gặp Duyên Anh, nghe nó pha trò Việt cộng bắn súng “èng èng” cũng phải cười đau cả bụng. Cái thằng đó công nhận là nói chuyện có duyên và có tài diễn cợt. Nhờ thế mà tinh thần cũng bớt căng thẳng, bớt sợ hãi. Sống với bọn đầu trâu mặt ngựa sợ bỏ mẹ. Sợ thường xuyên, không biết nó bắt mình lúc nào...

Mai Thảo kể cho chúng tôi nghe về cái chết của thi sĩ Vũ Hoàng Chương mà anh rất thân, rất gần gũi. Ngày xưa tôi học thầy Vũ Hoàng Chương môn Việt Văn trong một lớp luyện thi tại trường Văn Lang của ông Ngô Duy Cầu, đường Trần Quý Khoách, Tân Định. Văn Lang có nhiều giáo sư trường công nổi tiếng nên rất đông học trò. Lớp học chứa khoảng tám chục, có khi đến cả trên trăm mạng ngồi chen chúc như cá hộp, nóng bức, chật chội. Sáu chiếc quạt trần lúc nào cũng quay vù vù trên đầu nhưng không đủ phát ra gió mát. Những buổi trưa nắng gắt, nóng toát mồ hôi...

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương không phải là một giáo sư Việt Văn xuất sắc trên bục giảng. Lúc nào ông cũng mặc bộ complet màu mỡ gà, tóc chải ra sau, rẽ ngôi rất thẳng. Ông giảng bài với giọng đều đều nghe thật buồn ngủ. Lớp học vào giờ ông, khi nào cũng ồn ào bởi bọn học trò

ngịch như quỷ sứ. Những lúc ồn quá và cảm thấy lời mình không nghe được, ông ngưng nói, yên lặng nhìn xuống đám nhất quỷ nhì ma bằng thái độ chịu đựng một cách lạnh lùng điềm đạm như nhìn vào cỏi chân không.

Cho đến khi lũ học trò không nghe tiếng thầy, giật mình im tiếng, bấy giờ thầy mới thản nhiên tiếp tục bài giảng, vẫn bằng một giọng đơn điệu nghe dễ nản. Sau này tôi gia nhập làng báo, thường gặp thầy Vũ Hoàng Chương nhưng ở một môi trường khác. Từ báo đầu tiên tôi đầu quân, làm phóng viên chạy ngoài là tờ Ngày Nay của ông Hiếu Chân, toà soạn đặt trên đường Nguyễn Văn Thinh. Hồi đó là đầu năm 64, thời kỳ sau ngày cách mạng lật đổ chế độ của anh em ông Diệm mà thi sĩ Vũ Hoàng Chương có góp phần vào ngọn triều đấu tranh chung bằng một bài thơ dài nổi tiếng được nhiều người biết đến.

Bài thơ “Lửa Từ Bi” gây chấn động trong hàng ngũ Phật giáo đồ và là tiếng chuông báo tử cho chế độ. Nhật báo Ngày Nay có hai phóng viên thường trực là anh Khuất Duy Hải và tôi. Khuất Duy Hải là phóng viên chiến trường đầu tiên bỏ mình ngoài mặt trận khi đi theo một cuộc hành quân ở vùng 3, cuối năm 65. Vào những buổi chiều khi ghé lại tòa báo đưa bài, hay gặp bà quản lý Bùi Tường Chung lãnh tiền, hầu như lần nào tôi cũng thấy mấy gương mặt quen thuộc nắm vận mệnh tờ báo ngồi quây quần quanh cái bàn vuông, trên đặt bộ ấm tách nước trà và bình điều thuốc Lào để những nhân vật “cái bang trường lão” của tờ Ngày Nay nhấm nháp tách trà, hút thuốc Lào và bàn luận công việc tòa báo, chuyện thời cuộc: Nhà văn Hiếu Chân, chủ nhiệm, giáo sư Vũ Khắc Khoan, thi sĩ Vũ Hoàng Chương, họa sĩ Thái Tuấn, nhà văn Hoàng Hải Thủy và đôi khi có cả luật sư tập sự Nguyễn Thượng Hiệp.

Những nhân vật này hầu như không chiều nào vắng bóng ở tòa soạn. Nghe Mai Thảo nhắc đến Vũ Hoàng Chương, tôi nhớ lại toàn vẹn bao nhiêu hình ảnh kỷ niệm cũ và ngậm ngùi thương, tiếc cho bậc thi tài đã chết khổ đau một cách hẩm hiu và âm thầm như thế. Mai Thảo buồn bã đọc cho chúng tôi nghe bài thơ cuối cùng coi như di cao của thi sĩ Vũ Hoàng Chương viết tặng Mai Thảo trước đó ít ngày, hôm anh lén lút tìm thăm khi nghe tin Vũ quân vừa được thả về: Cứ coi như từ biệt Liên tay thảo một chương Bút vạch không thành nét Chữ viết không ra hàng Từ nay trở về trước

Là mây trôi dọc ngang Từ đây là bóng tối Chia hai từ dao vàng - “Thảo một chương..” là Mai Thảo và Vũ Hoàng Chương đấy! Mai Thảo giải thích rồi bùi ngùi nói tiếp: - Trường hợp Trần Việt Hoài cũng tương tự. Ông ấy bị bệnh nặng nên được chúng trả về cho gia đình và chết hôm mừng ba Tết năm ngoái, trước khi tôi vượt biển...

Giọng nói của anh buồn bã và gương mặt trầm ngâm u uất. Anh im lặng sau câu nói đó. Tôi nghe Mai Thảo cho biết Trần Việt Hoài đã chết, bàng hoàng, tim hụt một nhịp đập: - Ôi tội nghiệp...! Trần Việt Hoài chết rồi sao anh? Anh em đưa tiễn anh ấy có đông không? - Anh nào cũng rét vì xuất hiện ở một nơi như thế là “lạ ông tôi ở bụi này”, chúng nó tóm ngay. Tôi không đi đưa đám vì đang bị chúng nó rình rập, chỉ nghe kể lại... Tôi ngồi lặng im, bàn thần hình dung ngay ra cái vóc dáng gầy còm của Trần Việt Hoài và nhớ đến những kỷ niệm đặc biệt đã có cùng anh, cay cay trong mắt, lòng trĩu nặng nỗi buồn. Tôi gặp và quen Trần Việt Hoài ở trong tù, cuối năm 63.

Chúng tôi bị tù vì tham gia phong trào Phật giáo tranh đấu chống chế độ của anh em ông Diệm, bị mật vụ bắt giam trong Câu Lưu Xá Tổng Nha CSQG. Những người chống đối chế độ bị bắt hàng loạt, đủ mọi thành phần, từ sinh viên, học sinh đến kỹ sư, bác sĩ, nhà tu Phật giáo, văn nghệ sĩ, ký giả và ngay cả những người Thiên Chúa giáo ủng hộ hay có dính líu đến phong trào cũng bị cho vào tù. Trần Việt Hoài thuộc thành phần văn nghệ, báo chí chống đối. Anh là một trong nhóm tù lớn tuổi, như nhạc sĩ Lê Mộng Bảo, giám đốc Tỉnh Hoa Miền Nam, xuất bản và

phát hành nhạc.

Đại đức Thích Giác Đức từ Nhật về. Giáo sư Trần Quang Thuận, sau này làm Tổng Trưởng Xã Hội. Duyệt sĩ Bùi Hoàn, cư sĩ Huyền Linh Tử, nhạc sĩ Cung Tiến, sinh viên Nguyễn Hữu Đống, sinh viên Nguyễn Quốc Khải, học giả Vũ Tài Lục, nhà thơ Tú Kếu, Trần Dạ Từ, ký giả Uyên Thao, Hồ Nam, Võ Hà Anh, ký giả Hoài Việt – tức “Ông Già Nam” - thân phụ của hai anh em nhạc sĩ Nam Lộc và cô ca sĩ Quỳnh Mai, vv...

Trần Việt Hoài viết báo châm chọc chế độ, làm thơ châm biếm Trần Lệ Xuân nên bị bắt. Tôi ở trong nhóm sinh viên Tổng Hội bị mật vụ thuộc đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung của Ngô Đình Cần do Dương Văn Hiếu cầm đầu, từ Huế vào, đến tận nhà bắt đêm trước ngày bầu cử Quốc Hội. Trong tù, Trần Việt Hoài thường hay kể chuyện tiểu lâm và là tổ sư làm thơ tục, đọc oang oang khiến cả phòng cười bò ra, cũng khuấy quên được cảnh chim lồng. Những câu thơ tục trứ danh này của anh, tôi chỉ nhớ lõm bõm vài câu nhưng không thể viết ra đây cho mọi người cùng đọc...

Trần Việt Hoài xem tôi như bạn vong niên, ngay từ ngày còn ở trong tù, anh bắt tôi phải xưng hô “mày tao” với anh khiến tôi bối rối không ít. Anh luôn luôn “mày tao” với tôi như cách xưng hô với bạn bè cùng trang lứa. Còn tôi, sau phút giây bối rối ban đầu, tôi tìm ra cách để xưng hô với anh cho phải phép. Tôi không dùng hai chữ “ông, tôi” nữa mà gọi anh là “bác”, xưng “em”, như thế cũng tiện vì anh đáng tuổi bố tôi, làm sao tôi dám “mày tao” với anh, dù được chính anh nhất định bắt buộc tôi phải xưng hô như thế! Ngày đó, thoạt trông thấy anh ngồi rít thuốc lá trong cellule, mặc trần sì có cái quần đùi kẻ sọc màu xanh dương, bao nhiêu xương sống xương sườn phơi ra hết, như một đệ tử thần Phù Dung có hạng, tôi ngờ ngợ. Trông anh quen lắm nhưng không thể nhớ được là đã gặp anh trong trường hợp nào và gặp ở đâu? Sau này biết được anh là con cụ Á Nam Trần Tuấn Khải thì tôi nhớ ra ngay.

Nhớ ngày xưa ở Hà Nội anh có đến nhà tôi một vài lần. Anh là bạn của bố tôi! Ngày đó anh đi chiếc xe đạp “cuộc” đến nhà tôi, cũng đội cái mũ phớt và nói chuyện với bố tôi oang oang “mày tao chi tở” khiến mấy đứa lỏi chúng tôi trở mắt ra vì ngạc nhiên, tự hỏi tại sao ông bố mình và cái bác ấy lại xưng hô “mày tao” với nhau như thế? Thửa đó bố tôi và bạn bè của ông đều còn trẻ, khoảng trên dưới ba mươi, nhưng chúng tôi kính trọng và nể sợ một phép, thưa gửi đàng hoàng và tối kỵ không bao giờ được lại gần hóng chuyện, nhất là dám “nói leo”. Tôi nhìn ông bố mình và các bác như những ông thánh sống hay bậc thần linh, đứng đắn, đạo mạo, nghiêm nghị, khó khăn, ở một tầng cao chót vót chẳng bao giờ mình với tới...

Thành ra hồi đó thằng bé sáu bảy tuổi là tôi cứ thắc mắc và bị ám ảnh bởi cái cảnh lạ lùng. Các vị cũng cãi cọ, “mày tao chi tở” loạn cào cào, cười cợt, vui đùa rinh rích với nhau như lũ nhóc..! Tôi cũng nhớ một đôi lần bố tôi nói đến chuyện cụ Á Nam suýt nữa lấy bà cô tổ của tôi - tức cô của bố tôi - nhưng chẳng hiểu sao cuộc nhân duyên bất thành. Khi biết Trần Việt Hoài là con cụ Á Nam Trần Tuấn Khải và là bạn học của bố mình, tôi tìm anh, nói: - Chết thật. Em mà “mày tao” với bác, bố em biết được bố em chửi cho mục mả! Bác có biết bố em là bạn học với bác ngày xưa ngoài Hà Nội không? Em đâu dám hỡn! Trần Việt Hoài nhìn tôi ngạc nhiên, nhướn mắt hỏi: - Thế... “thằng bố mày” là thằng nào?

Tôi nói tên bố tôi và nhắc anh là ngày xưa gia đình tôi ở số 6 phố Hàng Vôi, sau dọn về phố Châu Long và anh có đến chơi một đôi lần... Trần Việt Hoài ngẫm nghĩ một lúc rồi điềm nhiên nói: - Tao nhớ ra nó rồi. Nhưng mày là bạn vong niên của tao thì vẫn là bạn vong niên của tao, chẳng có gì thay đổi. Bây giờ... “thằng bố mày” làm gì? Tôi buồn cười, nhớ lại hồi mới quen, nghe anh đề nghị lổi xưng hô “mày tao” và tôi từ chối, anh giống như trẻ con, vùng vằng, giận lẫy không nói chuyện với tôi đến mấy ngày.

Sau có lẽ buồn tình vì trong tù không ai hợp ý để nói chuyện nên anh cũng thôi không giận nữa và lơ cho tôi muốn gọi thế nào cũng chẳng phàn nàn. Tôi nghĩ anh “già” rồi, răng cỏ rụng gần hết rồi, muốn “dối già” bằng cách chơi với bọn trẻ, nằn nì, ép buộc, bắt bọn trẻ gọi anh bằng hai tiếng “mày tao” cho có vẻ “bạn vong niên”, tự dối lòng nghĩ mình chưa lão, cùng trang phải lú ra với đám thanh niên. Có lẽ đúng như vậy thật. Sau ngày cách mạng 1-11-63, chúng tôi ra tù. Tôi gặp Trần Việt Hoài thường hơn khi còn làm báo. Cuối năm 64, tôi vào Không Quân, du học khóa phi hành rồi về nước, tháng hoặc viết lách vở vẫn kiếm mớ tiền cơm và vẫn giữ liên lạc với anh em trong làng văn, xóm báo. Do đó, mỗi khi về Saigon, thỉnh thoảng tôi với Phạm Hồ hay Thế Phong thường ghé Con Ong rủ Minh Vồ, Dương Hùng Cường ra Ngã Sáu ăn sáng.

Tòa soạn Con Ong cùng nằm trong căn phố đặt tòa soạn báo Quyết Tiến của ông Hồ Văn Đồng, nên tôi nhân tiện bước qua rủ Trần Việt Hoài và Cao Đắc Bửu đi luôn. Thường chỉ có Cao Đắc Bửu nhận lời. Trần Việt Hoài viện cớ bận và không có thói quen ăn sáng, cáo lỗi không đi. Cao Đắc Bửu là tổng thư ký tờ Quyết Tiến. Trần Việt Hoài là biên tập viên thường trực, chuyên làm tin, dịch tin, viết phiếm luận và chăm nom việc ấn loát. Anh dùng bút hiệu Thiết Bản Đạo Nhân cho những bài thơ trào phúng, những hài văn châm biếm cuộc đời hay châm chích chính quyền. Mỗi khi ghé tòa soạn thăm anh, tôi lần nào cũng thấy Trần Việt Hoài, như một ông công chức chân chỉ hạt bột ngồi quay lưng ra ngoài, đầu đội cái mũ phớt, chăm chú làm việc trước cái bàn gỗ cũ kỹ hình chữ nhật kê gần nơi nhà in nóng như lò lửa, xầm xập tiếng máy in chạy rung chuyển căn nhà...

Cái mũ phớt lúc nào cũng đội sùm sụp trên đầu là dấu hiệu đặc biệt để nhận ra Trần Việt Hoài từ phía sau. Anh có thói quen ngồi làm việc cũng đội trên đầu cái mũ phớt. Anh hớt tóc cao, nên phía sau gáy trắng nhìn rất rõ cái hùm sâu, dáng ngồi gù gù nom còm cõi tội nghiệp. Bao giờ tôi cũng xúc động khi nhìn thấy cái hốc sâu phía sau ót của anh và không thể nào quên được cái mũ phớt độc đáo anh luôn đội trên đầu. Kỷ niệm mới mẻ nhất tôi còn giữ mãi đến bây giờ là hôm tôi gặp cả hai vợ chồng Thiết Bản Đạo Nhân trong buổi ra mắt cuốn băng thơ của chị Hồ Điệp do nhà phát hành băng nhạc Hoa Xuân tổ chức, khoảng đầu năm 74. Địa điểm tổ chức là trên lầu tiệm vàng Thành Hưng, đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận nhưng thiệp mời ghi sai địa chỉ đến một trăm căn trên con phố chính sầm uất của quận Tân Bình.

Tôi đậu xe trước cái địa chỉ ghi trong giấy mời, nhìn lên cái bảng số nhà, bỡ ngỡ. Đó không phải là nơi hội họp dành cho văn chương, thi phú. Mà là một tiệm hủ tíu bình dân của một chú ba tàu hay một thím xẩm nào đó gần dốc cầu Kiệu. Tôi ngồi trong xe đợi chừng mười phút thì thấy anh Phạm Kim Vinh tức bình luận gia Trương Tử Phòng lái chiếc vespa trò đến. Anh vội vàng, giục tôi chạy ngay đến tiệm vàng Thành Hưng phía dưới kia, để anh ở lại đón những khách đến làm địa chỉ. Tiệm vàng Thành Hưng ở mãi gần ngã tư Chi Lăng, Võ Tánh trên đường Võ Di Nguy, bên cạnh ngõ hẻm vào trụ sở Hội đồng xã Phú Nhuận, trường tiểu học Võ Tánh và đình Tân Kiểng.

Thành ra chiều hôm đó buổi họp mặt văn nghệ trên căn gác ẩm cúng của tiệm vàng Thành Hưng đã khai mạc trễ nhưng chẳng ai lấy đó làm phiền. Tôi gặp nhiều người quen. Ngoài nhà báo Phạm Kim Vinh, tất nhiên là có chị Hồ Điệp, người thực hiện cuốn băng thơ và là giọng ngâm chính đêm hôm đó. Giọng ngâm nam là nghệ sĩ Quang Minh. Quan khách có nhà thơ Thẩm phán Hà Nguyên Phu, nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà, nhà thơ trào phúng Trọng Đốp, anh chị Cung Trầm Tử, vợ chồng nữ thi sĩ Hoàng Hương Trang, vợ chồng anh Xuân Trường, chủ nhà phát hành Hoa Xuân ở đường Nguyễn Thiện Thuật, ông bà chủ tiệm vàng Thành Hưng, vợ chồng nhà thơ Trần Việt Hoài cùng một số quan khách khác, có người tôi không quen biết.

Đó là lần gặp gỡ cuối cùng để rồi chẳng bao giờ tôi trông thấy Trần Việt Hoài trên cõi đời này nữa. Tôi nhớ rất rõ kỷ niệm đêm hôm đó, một đêm sinh hoạt văn nghệ với số người chọn lọc và vừa phải trong căn phòng ẩm cúng, được uống nước trà, ăn bánh ngọt, xôi vò chè đường và nghe Hồ Điệp, Quang Minh luân phiên ngâm những bài thơ trong cuốn băng sắp phát hành của chị Hồ Điệp và thơ của khách tham dự. Nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà “tức cảnh sinh tình”, làm ngay tại chỗ một bài lục bát tặng chị Hồ Điệp, nói lên cảm tưởng của anh về đêm hôm đó. Khách tham dự, đa số là thi nhân đều được Hồ Điệp yêu cầu ai có bài nào ưng ý, viết đưa cho chị ngâm. Tôi nghĩ Trần Việt Hoài có lẽ đã được căn dặn trước, nên đem theo một bài thơ viết tay trên tờ giấy in báo gấp làm tư mở ra trao cho chị Hồ Điệp. Giọng ngâm lạnh lớt cực cùng điệu luyện của người nữ sĩ tài danh vang lên...

Trần Việt Hoài sáng tác bài thơ này năm 1955, hồi mới di cư vào Nam, làm cán bộ ở Ty Thông Tin tỉnh Long An. Bài thơ có tựa đề là gì, tôi không còn nhớ. Chỉ nhớ anh có câu mở đầu để tặng các anh em văn nghệ sĩ người miền Nam, như lời chào để làm quen và cảm ơn của một thi nhân Hà nội di cư tìm tự do, tìm đời sống và đất sống, gặp anh em cùng giới đưa tay hào hiệp ân cần tiếp đón. Trước đây tôi chỉ được nghe toàn những bài thơ tục của Trần Việt Hoài chứ chưa từng nghe một bài thơ đứng đắn của anh, nên khi chị Hồ Điệp ngâm dứt, mọi người đều cảm động, vỗ tay nồng nhiệt. Tôi rất thích bài thơ ý nghĩa và rung động này. Trước khi ra về, tôi hỏi xin để giữ làm kỷ niệm. Anh trao cho tôi và nói: - Mày giữ lấy. Còn mấy bài nữa cũng hay, để hôm nào tiện tao chép cho mày luôn thể...

Hôm đó chị Hồ Điệp nhất định nằn nì tôi phải có một bài để chị ngâm mặc dù tôi từ chối mấy lần. Chẳng hiểu căn cứ vào đâu mà anh Phạm Kim Vinh nói tôi có làm thơ và làm thơ “hay” nữa mới chết đứng. Có lẽ anh nghe Thế Phong “bóc” tôi. Chẳng là hồi sau Tết Mậu Thân tôi có làm một bài thơ về vụ thảm sát Mậu Thân 1968 ở Saigon của cộng sản mà tôi chứng kiến, bài “Kẻ Thù Ta Đâu Phải Là Người”, lấy tựa một bài hát Phạm Duy làm tựa bài thơ, gửi cho Lý Tưởng của Không Quân. Thế Phong đã đưa bài thơ ấy lên đài Saigon cho Hoàng Thư ngâm trong “Chương Trình Tao Đàn, Thi Văn Miền Tự Do” mà tình cờ trong một chuyến bay đêm tôi đang trên không phận Biên Hòa, đưa tay mở đài Saigon, sững sờ thú vị nghe được đoạn cuối, không bao giờ nghĩ rằng thơ mình được đưa lên Tao Đàn và lại do Hoàng Thư trình bày nữa...!

Biết thoát thác không được, tôi phải chiều lòng chị Hồ Điệp, xin tờ giấy chép lại một bài lục bát tôi làm trong tâm trạng đau đớn, xúc động bởi cái chết của Trần Thế Vinh ở mặt trận Đông Hà vào mùa Hè đỏ lửa 1972. Tôi trao cho chị Hồ Điệp và chị đã ngâm lên. Bài thơ có hai câu mở đầu “Nẻo xa mây núi giăng mờ. Xé không gian, vượt bến bờ yêu em...” chẳng có gì đặc sắc, chẳng qua chỉ là những giọt nước mắt tôi nhỏ xuống cho một người bạn cùng khóa rất thân thiết, một cánh chim Không Lực đã hy sinh vì đất nước khi tuổi còn trẻ, tóc còn xanh, cuộc tình đang nồng thắm với Thy Thy bỗng trở thành dang dở...

Trần Việt Hoài nghe xong gật gù khen bài thơ tôi làm có khẩu khí Không Quân. Xuống tới đường, anh khoác vai tôi, hỏi “Mày đi xe gì?”. Tôi chỉ cái pick-up màu xanh Không quân đậu sát bờ tường con hẻm vào trường tiểu học Võ Tánh. Anh reo lên: - Mày cho tao quá giang về nhà được không? Đỡ phải vẫy taxi.... Tôi nói: - Được chứ! Hai bác lên cả đây để em chở về luôn thể. Cả ông Trọng Đớp nữa, càng vui. Nhà Trần Việt Hoài ở đường Võ Tánh, Phú Nhuận. Trọng Đớp ở gần cuối đường Võ Di Nguy nối dài, lối lên Gò Vấp. Còn tôi ở đường Nguyễn Huệ, Phú Nhuận nên đưa vợ chồng Trần Việt Hoài và Trọng Đớp về rồi về sau cũng chẳng có gì bất tiện. Tôi mời cả ba người ngồi băng trước. Trần Việt Hoài hỏi tôi: - Tao nghe thằng Duyên Anh nói mày lấy vợ rồi phải không? Vợ chồng mày ở đâu?

Con cái đã có đứa nào chưa? Có tậu nhà tậu cửa gì không?... Anh hỏi tôi một loạt câu hỏi nhưng không cần nghe trả lời, nói luôn: - Thằng Minh Vồ có tới hai cái nhà trong làng Báo Chí

mà không ở. Mà bảo nó chia cho một cái? Hay để tao bảo Thanh Thương Hoàng ký cho mày cái giấy chứng nhận là ký giả, sẽ mua được rẻ...? Tôi cười: - Cám ơn bác. Em ở trong cư xá sĩ quan, chật chội một tí cũng chả sao.

Mua nhà làm gì cho phiền. Mà có muốn mua dù với giá rẻ cũng chẳng có đồng xu dính túi thì mua với bán cái gì? Tuy vậy, Trần Việt Hoài cũng hẹn tôi lần sau về ghé tòa soạn gặp anh và căn dặn tôi nhớ nhắc anh việc này để anh nói với Minh Vồ hoặc Thanh Thương Hoàng về vụ mua nhà trong làng Báo Chí. Tôi chỉ ậm ừ cho anh hài lòng, vòng qua mở cửa xe cho hai vợ chồng anh xuống, đi vào con hẻm tối mờ. Tôi nhìn theo dáng đi gù gù của Trần Việt Hoài. Cái hũm sâu phía sau gáy thấy rất rõ dưới ánh điện vàng vọt chiếu chệnh chéch từ cột điện ngay đầu con hẻm. Đêm hôm đó tôi không thấy anh đội cái mũ phớt.

Phan Nhật Nam Dựa Lưng Nổi Chết

LTS : Tổ Quốc đăng tải bài "Phan Nhật Nam - Dựa Lưng Nổi Chết" của tác giả Đào Vũ Anh Hùng, tuy không còn tính cách thời sự nhưng chúng tôi nhận thấy mẫu chân dung nhà văn không chịu khuất phục trước mọi thủ đoạn trả thù tàn độc của Cộng sản, mang lòng cảm phục người chiến sĩ cầm bút tiêu biểu của Miền Nam. Xin mời bạn đọc đón nhận để biết đến thân phận những người cầm bút thất thế của Miền Nam và đánh giá chế độ CSVN "nhân đạo" như thế nào ?

Lần cuối cùng, tôi gặp Phan Nhật Nam, vào một sáng Chủ nhật, đầu khoảng hơn tháng trước ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản. Nam đang đứng nói chuyện với nhà văn Vũ Bằng và nhà văn Mặc Thu trên lề đường trước nhà ông Chu Tử và vợ chồng Đăng Giao, 104 đường Công Lý. Thấy Nam trẻ trung tươi sáng trong bộ quân phục Nhảy dù vải kaki vàng trắng cứng nếp hồ với đầy đủ lon lá, huy chương và sợi giây Bảo quốc rực rỡ, tôi thoáng ngạc nhiên vì lần gặp gỡ trước Nam đã nói với tôi rằng vừa giải ngũ. Tôi hỏi đùa:

— Bạn tôi quân cách rành rành đi lãnh thưởng ?

Tôi có ý trêu Nam về số tiền một triệu ông Chu Tử đề nghị báo Sóng Thần tặng Nam về tác phẩm "Tù Binh Và Hoà Bình" để bỉ thử giải Văn học Nghệ thuật bản tiện của Thiệu. Nam cười lớn:

— Cái giải thưởng của bố già cậu Sài mẹ nó hết rồi, có cụ Vũ Bằng biết đấy !

Rồi Nam tự giải thích khi thấy tôi hóm hỉnh nhìn Nam với bộ quân phục:

— Cậu Nam giải ngũ nhưng cậu Nam vẫn là lính Nhảy dù hợp lệ ! Nhưng mà giải ngũ rồi chán quá mi ơi. Buồn cóc biết làm gì và thèm mặc lại quân phục?

Xong Nam dịu giọng nói như than thở:

— Có lẽ tao lại phải làm đơn xin tái ngũ. Giải ngũ mà tao có cảm tưởng xấu hổ như một thằng đào ngũ !

Tôi có chuyện cần, vội gặp ông Chu Tử nên không nán lại góp chuyện với ba người và tìm hiểu chuyện Nam giải ngũ là đùa hay thật. Tôi chào và leo lên gác. Lúc trở xuống thì Nam đã không còn đấy nữa, và đó là lần cuối cùng tôi gặp Phan Nhật Nam, cho đến ngày di tản và cho đến bây giờ là sáu năm chia biệt.

Gặp Nguyễn Vũ ở Fort Chaffee, gặp Lê Văn Mễ và một số bạn trong và ngoài binh chủng Nhảy dù thân biết Phan Nhật Nam, tôi đều hỏi thăm và rõ chắc Nam cùng vợ con kẹt lại. Tôi rất buồn và lo lắng cho Nam cùng các bạn vẫn không di tản được. Nhưng tôi nghĩ nhớ và lo lắng cho số phận Phan Nhật Nam nhiều nhất. Là bởi, lần ra Hà Nội quan sát vụ trao trả tù binh, Nam đã ngông nghênh ôm theo cả một lô sách "Mùa Hè Đỏ Lửa" ký tặng các văn nghệ sĩ miền Bắc. Đó là tác phẩm đề đòì của nhà văn chiến trường số Một của miền Nam viết về

cuộc chiến khốc liệt mùa hè 72, đầy rẫy lời thống mạ chủ nghĩa và tập đoàn lãnh đạo miền Bắc, phơi bày thực chất phi lý bi thảm của cuộc nội chiến và toàn vẹn bộ mặt bất lương đốn mạt của " anh Hồ cộng sản " - thứ " nhân tài chết tiệt của dân tộc " - mà Nam đem đến tận nơi, dí vào mắt chúng. Tôi thật phục Nam. Tôi vẫn muốn có dịp hỏi thăm Nam về chuyến theo phái đoàn Ủy ban Liên hiệp Quân sự ra Hà nội và khi trở về, Nam đã viết cuốn " Tù Binh và Hoà Bình mà tôi chưa được đọc ".

Đối với tôi, Nam đã chiếm giữ một cảm tình đặc biệt. Tôi yêu cái văn chương bốc lửa của Nam, thích cái con người tàng tàng ngạo nghễ của Nam. Kỷ niệm tôi có với Phan Nhật Nam không nhiều nhưng đủ để tôi và Nam coi nhau như bạn thiết. Tôi đọc tác phẩm đầu tay của Nam, cuốn " Dấu Binh Lửa " nhân một kỳ nghỉ dưỡng sức trên Đà Lạt và đã say mê cuốn hút, cảm phục văn tài, vô cùng thú vị với những dòng thể hiện sống động mạnh mẽ, hiên ngang, đậm sùng tình người, chứa chan lòng yêu quê hương đất nước ... Phan Nhật Nam, ngôi sao mới hiện nhưng đã chói lọi trong giới quân nhân cầm bút. Nam hiện thực đời mình, phổ diễn tâm tình, cảm nghĩ của một người vững chắc lập trường quốc gia nhân bản, hiện thực tấn thảm kịch đầy bi phần đau thương của cả một thế hệ trong đó có Nam vừa thủ diễn vừa là chứng giả. Nam đã nói lên được tiếng lòng thầm kín cùng khát vọng chung của những người cầm súng. Nam là gạch nối giữa những người lính chiến và dân thành thị. Nhờ có tác phẩm của Phan Nhật Nam, dân thành phố ngập lặn trong bình yên hưởng thụ mới giật mình biết đến và biết rõ mức độ thảm khốc của chiến tranh cùng sự hy sinh quá lớn của người lính. Điều rõ rệt nhất là Nam đã nói lên được cho nhân loại hiểu về cái chính nghĩa của cuộc đấu tranh để tự tồn. Rằng những người lính Việt Nam Cộng Hoà cầm súng và chiến đấu không phải vì bản năng hiếu sát hay yêu thích chiến tranh, mà là chiến đấu để tồn tại. Cho chủ nghĩa Quốc gia tồn tại và nền Tự do Dân chủ của miền Nam tồn tại.

Trong các thiên bút ký chiến trường, Phan Nhật Nam đã cực tả được độ cao cùng tột của chiến tranh tàn khốc, hiện thực được cả một trời đất mệnh mang thống hận trong lòng người dân Việt trước cảnh tương tàn đẫm máu, đã vẽ ra một thiên thân sùng sùng của người lính Nhảy dù chiến đấu hào hùng và chết rất hào hùng. Những đời trai trẻ quên bỏ hạnh phúc, tình yêu, tương lai, sự nghiệp cùng những vui riêng để bước vào chốn cùng hung cực hiểm, đầy rẫy gian lao khổ nhọc và bị vô ơn bạc đãi nhưng vẫn làm li chịu đựng và dũng cảm xông pha trận mạc, trực diện kẻ thù, đổ mồ hôi, xương máu lao thẳng vào đạn lửa, phóng mình vào nỗi chết cho giải đất miền Nam được tồn tại và người dân miền Nam được sống còn.

Phan Nhật Nam là một nhà văn có chân tài. Ngôn ngữ xử dụng trong văn chương Phan Nhật Nam là thứ ngôn ngữ hùng hực như lửa, mạnh mẽ như gió bão, vững chắc như thành đồng, tha thiết, nồng nàn, chứa chan nhân tính ...

Tôi gặp Nam lần đầu do Thế Phong đưa lại chơi nhà Nam ở đường Trần Nhật Duật, Tân Định. Nhưng biết nhiều về Nam thì qua bạn cùng khoá với Nam là Võ Ý. Tôi nhớ lần đó Nam nói khoái tôi vì bài bút ký " Dakseang Gối Mỗi Lưng Đồi " tôi viết trên tuần báo Đồi và ký tặng tôi cuốn " Mùa Hè Đỏ Lửa " với vồn vẹn mấy chữ Tặng ông, bạn tôi làm Thế Phong cười ngất :

— Nó là nhà văn đang lên, sách bán có tiền nên hà tiện chữ nghĩa cho bạn bè !

Sau này tôi mới nói cho Nam biết cái thằng bay chiếc C&C cho tướng Hậu nửa đêm vào Tân Khai trong trận bão Mannie, giữa mưa đạn phòng không Việt cộng mà Nam nằm dưới đất nhìn thấy khi theo chiến đoàn trung tá Cần vào giải vây An Lộc rồi viết trong " Mùa Hè Đỏ Lửa " chính là tôi, Nam có vẽ thống khoái vì sự ngẫu nhiên ấy, cười khả khả và phán một câu:

— Thấy chiếc máy bay, tao thương quá. Những thằng Không quân chân hồng giữa trời, chết mà không biết thằng khốn nạn nào " chơi " mình thì " lỗ " quá! Thực tình tao " rét " mà ạ, chết dưới đất vững hơn ... Ai ngờ lại là mày bay cho ông Hậu ! Hà hà ! ... Mày rơi đêm đó là tao lại có tí đề tài " viết cho một người nằm xuống " !

Trong những ngày bốn ba chiến trận, thỉnh thoảng tôi có gặp Nam vác máy hình theo quân Dù đi làm phóng sự. Nhưng thường là những lúc tôi về Saigon cùng Nam và một vài bạn văn nghệ ghé La Pagode bù khú. Đó là những lần tôi có dịp thán phục khoa đầu láo của Nam.

Cái giọng oang oang nửa Huế, nửa Quảng Nam, pha tí Bắc kỳ, một khi mở máy là nói liên miên đủ thứ đề tài ... Có thể nói khoa tán phét của Nam vô địch ! Nam có khả năng nói thao thao hàng giờ không ngưng nghỉ và thật lời cuốn, có duyên, ba hoa châm biếm bất cần thiên hạ.

Tôi nhớ nhất một lần đang đấu vung vít với chúng tôi, Nam bắt chợt để ý thấy một cô gái ngồi uống nước một mình ở bàn bên cạnh. Cô gái mặc đồ đầm, có nét đẹp kiêu kỳ sang cả của một thứ kiều nữ con nhà giàu học trường đầm, châm hút điếu Salem. Thế là Nam kêu lên:

Tại hạ xin có ý kiến: Người đẹp mà hút Salem là không đúng sách vở !

Thế là Nam bỏ mặc câu chuyện dở dang với chúng tôi, kéo ghế qua bàn cô gái. Tôi không nhớ Nam hút thuốc gì nhưng cũng là một thứ thuốc lá đầu lọc và Nam bô bô quảng cáo cho hiệu thuốc của mình với những lời dẫn chứng theo sách vở, theo kinh nghiệm, theo thống kê, theo lời " Khổng Tử xỏm tọa chi viết " , theo lời khuyên của bác sĩ này, nhà sản xuất nọ và Nam đem luôn chính trị, kinh tế, quân sự và cả truyện chường Kim Dung vào bài hát nói! Nam nói một cách trơn tru hữu lý. Trong cái hoạt kê quấy nhộn ấy, tôi thấy khẩu tài của Nam vượt xa miệng lưỡi dẻo kẹo của những anh giang hồ bán thuốc Sơn Đông. Những tay mãi võ lấu cá vặt đó, hay những lời tuyên truyền của mấy cậu mợ cộng sản nhà quê không thể duyên dáng bay bướm trí thức như Nam được. Cô gái cuối cùng phải bỏ nét mặt lạnh lùng kên kiệu, bật cười phì và nhận điếu thuốc Nam mời. Bài tán láo của Nam dài gần nửa tiếng đồng hồ và hai tay ăn tục nói phét có hạng trong mấy chúng tôi hôm đó là Thế Phong và Dương Hùng Cường cũng phải chào thua Nam.

Đó là một vài trong những kỷ niệm tôi có với Phan Nhật Nam. Tôi yêu và phục Nam không chỉ có văn tài và và khoa đầu hót. Nam thông minh, hiểu động, tính tình thẳng trực, ngang tàng khí phách, đôi khi hành động như một thứ " cao bồi văn nghệ " nhưng không nhỏ nhăng lố bịch. Cái công nghệ tự phụ của Nam, đối với tôi không có gì quá đáng. Tâm hồn Nam sâu sắc, nhiều tình cảm và rất tốt với bạn bè. Nam bị kẹt lại vì ngày 30-4 dất vợ con vào nhà tướng Kỳ nhưng không thấy ông tướng râu kẽm, bèn chạy qua DAO. Trước cảnh chen lấn cùng ám ảnh một đảo Guam không hơn gì các trại đón dân tị nạn miền Trung, Nam chán nản đưa vợ con trở về. Cộng sản tiếp thu Saigon, Nam như con chuột mắc nạn trong bẫy xập, cuống cuống sợ hãi vì tin cộng sản sẽ lùng giết. Phan Nhật Nam, đại úy Nhảy Dù, nhà văn chống cộng lấy lòng tên tuổi, thành viên đối nghịch to mồm nhất trong Ủy ban Liên hợp Quân sự? phải là thành phần Ngụy số một " có nợ máu với nhân dân ! " Nam hơn ai hết, hiểu rõ bản chất đê tiện của cộng sản, biết rõ những gì đang chờ đợi mình và Nam tìm chỗ ẩn thân. Nam bỏ Saigon về Long Khánh làm rầy trước khi cộng sản có chương trình lừa dân đi kinh tế mới. Nhưng Nam biết trước sau gì cũng không thể lẫn trốn được cái mạng lưới công an tinh vi cộng sản một khi chúng cố tình lùng kiếm và vì Phan Nhật Nam quá nổi. Ngày 22-6-75, Nam ra trình diện học tập và bị giam tại trại Long Giao. Chính tại đây, Nam đã viết trong bản tự khai, " Trong đời tôi, tôi chỉ có một điều ân hận là có ông bố hành nghề cộng sản ! "

Bố Nam theo kháng chiến từ năm Nam 7 tuổi, hiện là một nhân vật cao cấp trong Chính trị bộ Hà nội, tên Phan Văn Trình. Mẹ Nam là bà Ngô Thị Phương Dung, chết năm Nam 18, học trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng. Nam sinh ngày 10-9-43 tại Huế nhưng lớn lên tại Quảng nam. Sinh viên Sĩ quan Võ bị Quốc gia Đà Lạt khoá 18, ra trường năm 1963, tình nguyện đi binh chủng Nhảy dù. Năm 1968 ra khỏi binh chủng và thời gian sau Hiệp định Paris, Phan Nhật Nam là thành viên VNCH trong Ủy ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên cho đến ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản.

Những năm tại ngũ, Phan Nhật Nam từng tham dự hầu hết các chiến trường sôi bỏng ở quốc nội (1963-1973). Từ những địa danh nổi tiếng như Khe Sanh, Cồn Tiên, đến những làng nhỏ ở Cửa Việt, Diêm Hà Trung, Diêm Hà Nam, cho đến những hóc hiểm hoang vu ở cuối thung lũng sông Kim Sơn; từ tây vực quận Hoài Ân, Bình Định, tới làng Mã Tây, vv? nơi nào Nam cũng tới và đã tham chiến, chỉ trừ chiến dịch Hạ Lào. Quãng đời binh nghiệp bôn ba đã cho Phan Nhật Nam quá nhiều chất liệu phong phú để dựng thành tác phẩm. Khởi nghiệp viết văn từ 1969 và đã nổi tiếng với tác phẩm đầu tay " Dấu Bình Lửa " .Sau này văn tài Phan Nhật Nam chói sáng hơn với tập bút ký chiến trường " Mùa Hè Đỏ Lửa " nói đến cuộc chiến khốc liệt cùng

ting thần chiến đấu hào hùng tuyệt vời của người lính Việt Nam Cộng Hoà trong những trận đánh rúng động thế giới ở Quảng Trị, An Lộc ... vào mùa hè binh biến 1972.

Ngoài những bài phóng sự, những truyện ngắn đăng rải rác trên các nhật báo, tuần báo, đặc san Saigon, Phan Nhật Nam chỉ trong 5 năm từ ngày khởi nghiệp, đã có một số lượng tác phẩm đáng kể xuất bản và tạo được tên tuổi, chỗ đứng riêng biệt trong làng văn : Dấu Bình Lửa (Đại Ngã, 1969, Hiện Đại tái bản 1974) - Dọc Đường Số Một (Đại Ngã, 1970) - Mùa Hè Đỏ Lửa (Sáng Tạo, 1972, tái bản 2 lần, 1973, 1974) - Ái Trần Gian (Đại Ngã, 1970) - Dựa Lưng Nổi Chết (Hiện Đại, 1973) - Tù Binh và Hoà Bình (Hiện Đại, 1974).

Những tác phẩm Phan Nhật Nam dự định xuất bản nhưng không thực hiện được vì biến cố 30-4-75 gồm: " Những Ngày Hè Cuối Cùng - Đá Nát Vàng Phai - và Mặt Trận Quảng Trị " (còn có tên Trên Giòng Đá Đổ Mồ Hôi).

Chưa hết, Phan Nhật Nam hiện đang ở trong trại tù cộng sản nhưng vẫn còn cầm bút. Hơn cả Phùng Quán với " Giấy bút tôi ai cướp giật đi, tôi vẫn dùng dao viết văn lên đá ... " Phùng Quán khi viết những câu thơ phẫn hận ấy, trên vai vẫn còn mang quân hàm của chế độ, không ở trong tù, vẫn còn phương tiện để mà viết và còn có được cơ hội phổ biến là tờ Nhân Văn Giai Phẩm.

Phan Nhật Nam bị đưa ra Bắc từ 22-6-76, qua những trại tù kinh khiếp nằm sâu trong rừng núi thượng du Bắc Việt nước độc giết người: Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, Hoàng Liên Sơn và cuối cùng hiện ở trại tù số 5 Thanh Hoá thuộc hệ thống Trại Đầm Đùn, hay trại tù Lý Bá Sơ khủng khiếp bậc nhất trong hệ thống tù cộng sản. Nhưng Phan Nhật Nam vẫn viết. Viết trong những điều kiện trăm phần nghìn cực hơn Phùng Quán. Viết lén lút phập phồng dưới nắng lửa, mưa dầm, trong tối tăm đối lạnh, vây quanh bởi những cặp mắt nham hiểm rình mò cú vọ của một bầy lang sói. Suốt năm năm tù tội đọa đầy, Nam đã dựng khung hai tác phẩm trường thiên " Đá Nát Vàng Phai " và " Luyện Ngục Rực Lửa " cùng những trang nhật ký gửi vợ con yêu dấu. Hai tập đàn bài Nam dấu cất đã bị khám phá và tịch thu. Nam bị chúng đánh đập, cùm xiềng, giam vào hầm đá biệt lập tối tăm lạnh buốt, chịu đựng đói khát cực khổ suốt ba mươi nhăm ngày đêm thấm nhục và cuối cùng Nam đã sống còn như một nhiệm màu. Nam còn hơi thở nghĩa là còn nghị lực, còn vũng vàng ý chí để phấn đấu, để tin yêu và hy vọng, không quên mình là một Hướng đạo sinh " Vui Về Trong Mọi Khó Khăn ", không quên mình là lính Nhảy Dù " Cố Gắng " , không quên mình là một chiến sĩ có thêm nặng trên vai thiên chức Nhà Văn! Nam thể hiện nỗi thảm thương khổ nạn của kiếp tù đầy nhục nhã của chính mình và chung của hàng trăm ngàn bạn bè chiến hữu đồng cảnh ngộ vào những trang nhật ký đầm đìa máu lệ gửi cho vợ con, như một tiếng kêu thương bi thiết gửi cho người thế giới bên ngoài.

Những trang nhật ký này, coi như tác phẩm mới nhất của nhà văn Phan Nhật Nam viết trong lao tù cộng sản và tôi đang có trong tay.

Do một người bạn cùng khoá với tôi và là bạn chung của tôi và Nam gửi cho, khoảng trung tuần tháng 10-80, với lời nhắn " Nam nhờ tôi trao cho bạn, để làm cách nào vận động cứu Nam, nếu không nó chết." Bạn tôi là Đại úy hoa tiêu Không lực, rất thân với Phan Nhật Nam, ra trình diện cùng ngày, chung chuyến tàu ra Bắc và đôi ba lần cách khoảng bị giam chung với Nam cùng một trại tù. May mắn cho Nam là Chủ Quân Anh trước ngày được cộng sản phóng thích nhờ bao công lao tốn phí vận động của người vợ có quốc tịch Pháp, đã vì bạn, mưu mô lén lút giúp Nam đem ra được tập nhật ký và mang qua Pháp an toàn. Quân Anh cho tôi biết Nam bị liệt vào thành phần tù chính trị ngoan cố và chúng đã dành sẵn cho Nam bản án tử hình. Nếu không, nhẹ nhất cũng khổ sai chung thân vì Phan Nhật Nam cương ngạnh vô phương cải tạo. Quân Anh còn cho tôi biết thêm rằng tình trạng sức khoẻ của Nam hiện tại rất là thảm. Cái thân hình vốn gầy gò mảnh khảnh của Nam " bây giờ tiều tụy suy nhược, ông không thể nhận ra đâu ..." Lao động quá sức và ăn đói, bệnh tật không thuốc men đã khiến Nam chân run không đứng vững. Đầu vàng, mắt hoa, lúc nào cũng nghe tiếng ve u u trong óc. Phổi hư, răng mục nguyên hàm, tóc rụng từng mảng vì nhiều thứ bệnh tù: bệnh thiếu dinh dưỡng, bệnh ghẻ ngứa, bệnh tê thấp, bệnh đau dạ dày, bệnh trĩ nội xuất huyết hậu môn ngày hàng lít máu ... Thế mà vẫn phải khổ dịch lao tác mỗi ngày. Phá rừng, xẻ núi, còng lưng đập

đá, oằn người bấu những ngón chân bật máu đầy từng xe đá hay kéo vằn khối gỗ nặng trên cả sức người khoẻ mạnh vượt hai cây số đường đèo trơn trượt ... Thế mà vẫn phải chỉ một buổi sáng cúi xuống, nhấc lên, khuôn 670 tăng bùn nước nặng trung bình 10 kilô hay 6 tấn 7 cho một thân tù ốm yếu? Thế mà trời đông hàn vẫn phải trần truồng ngâm mình dưới dòng sông giá buốt đầy từng bề củi, lội ngược con nước về trại cách xa 4 giờ đường bộ trong cái lạnh cắt da của 7 độ centigrade !

Tôi mềm nhũn cả lòng. Những dòng chữ nhỏ kín đầy hai mặt những trang giấy xé ra từ quyển vở học trò tôi tàn phẩm chất sản xuất từ cái gọi là xã hội chủ nghĩa miền Bắc đúng là nét chữ cứng cõi thân quen của Phan Nhật Nam. Cái văn chương ngôn ngữ kết đọng thành khối đau thương thống hận vô cùng đó đúng là thứ văn chương ngôn ngữ chỉ một Phan Nhật Nam có được.

Định mệnh nào đã đưa Nam vào con đường khổ nạn đắng cay như thế này ? Định mệnh nào cay nghiệt đã khiến cha con Nam đối đầu chủ nghĩa, để rồi ngày trùng phùng trong nghịch cảnh, Nam chỉ biết u oán nhìn cha thỉnh lặng qua chấn song tù, nước mắt khổ đau tủi hận chan chứa tuôn rơi?... Ba mươi năm đi làm cách mạng để đổi lấy một ngày " chiến thắng " trở về thấy cảnh gia đình ly tán. Để thấy đưa con trai tù tội. Để chứng kiến cái chết u uất của đứa con gái. Em gái Nam có chồng học tập, tuyệt vọng hủy đời xuân sắc trước cặp mắt ngỡ ngàng đau đớn của người cha cộng sản .

Còn Nam, Phan Nhật Nam đã như một anh hùng ngã ngựa, hiên ngang bước vào lò luyện ngục với nụ cười khinh mạn. Hiên ngang nhận chịu những ngón đòn thù đê tiện và cực cùng độc ác. Để chứng tỏ đờm lược của một chiến sĩ Nhảy dù, chứng tỏ hào khí của người lính quốc gia, chứng tỏ phong thái bất khuất của một nhà văn hữu hạng miền Nam, Nam đã chối bỏ những lời dụ hoặc để làm tờ khai tự thú theo ý muốn cộng sản, chối bỏ đặc ân từ ảnh hưởng chức vụ người cha và bởi thế, vợ Nam mới bị ngăn cấm liên lạc với chồng. Những lá thư gửi vào trại tù, vợ Nam phải dùng tên khác, gửi cho người khác nhờ chuyển đến Nam lén lút. Và bởi thế, bố Nam không thể làm gì cưỡng chống mệnh lệnh đảng can thiệp cho Nam. Trong suốt 5 năm tù tội, Nam chỉ được vợ con thăm nuôi một lần duy nhất, nhưng không phải là một cuộc thăm tù chính thức. Vợ Nam phải chạy vàng hối lộ cho bọn công an bộ đội để có giấy tờ mạo danh, dắt hai con thơ lặn lội đường trường ra Bắc thăm chồng.

Đó là lần gặp gỡ ngắn ngủi, cực cùng chua xót và cảm động vào tháng 5-79 mà Nam đã viết trong trang đầu nhật ký. Những dòng máu lệ đầm đìa thương tủi ấy, tôi đọc mà rúng động. Tôi nhìn thấy cảnh tủi mừng đau đớn của cuộc trùng phùng thực hư ảo mộng giữa cha con chồng vợ trên bờ đê lộng gió. Tôi thấy những giọt nước mắt thăm sâu thánh thót rơi trên những gương mặt khổ đau thống hận. Và nghe, và cảm nhận được tất cả nỗi u oán uất nghẹn không thốt thành lời trên những đôi môi khô héo, trong những tia nhìn chiu nặng tủi hờn. Thật tội thương Nam. Thật hết sức đáng yêu và vô vàn cảm phục. Quân Anh nói với tôi nhiều chuyện về Nam và khẳng định một điều rằng trong tù Nam sống không hèn. Tôi biết Phan Nhật Nam vững vàng bản ngã, đầy ắp tình người, tình yêu thương đồng loại. Cao cả biết bao nhiêu khi nghe Nam nói đến cái chết của đứa bé gái con " em Lợi " . Nói đến những người tù nữ, đến những đứa trẻ tuổi măng thơ sinh ra và lớn lên trong đói khổ trại tù, lây lất, bơ vơ ... " Những đứa trẻ da nhăn như người già vì thiếu dinh dưỡng " !

Đọc những dòng diễn tả trong nhật ký, tôi nhận ra Nam vẫn nguyên tròn bản chất. Một Phan Nhật Nam vui tếu tàng tàng. Một Phan Nhật Nam người hùng Mũ đỏ. Một Phan Nhật Nam trọng danh dự và nhất ngôn. Cái tinh thần Hướng đạo Nam hằng ôm giữ, cái châm ngôn " Vui Về " chỉ nam cho đời sống, Nam đã tận tụy thi hành ngay cả trong những giây phút Nam đang " Dựa Lưng Nổi Chết " ! Tôi đã mỉm cười trong nước mắt ngậm ngùi ... Thân xác Nam rũ liệt nhưng tinh thần Nam còn vững thẳng với bao gắng gượng, dưỡng nuôi nghị lực để sống còn cho hy vọng mãnh liệt có một ngày về mà Nam gọi đó là sự " Phục Sinh Mầu Nhiệm ", bằng vào niềm tin nơi Thiên chúa, bằng vào tình yêu vợ thương con quá mạnh. Tôi bồi hồi cảm động khi thấy Nam viết say sưa về cái mộng ra tù cầm bút viết văn trở lại, kiêu hãnh, nồng nàn khoe với vợ con về tập bản thảo của hai cuốn trường thiên viết trong tù ngục? Lại còn cái ước

ao có được chiếc khâu cầm để thổi te te trước giờ lên võng mỗi đêm. Lại còn đóm đáng chuốt trau nhân dáng, dù cho tàn tạ cũng là nét tàn tạ rất " hùng " của một Sĩ quan Cộng Hoà xuất thân Võ Bị, hỏi xin cái nón rộng vành che nắng lửa trời hè lao động nhưng nhất định không phải là thứ nón tai bèo của mấy chú Vi-Xi ! ... Thật tội thương Nam, dù trong khổ nạn vẫn cố đem vui sống cho đời, dù trong đầy đọa cũng không đánh rơi nhân phẩm và chịu đồng hoá với bầy ác thú.

Tháng 3-80, vợ con Nam đã vượt biên bằng đường bộ tới Thái Lan và đến nay khi tôi viết những dòng chữ này (tháng 2-81), ba mẹ con vẫn long đong cơ cực sống trong trại tị nạn Sikew. Phải hiểu một khi quyết định rời bỏ miền đất quê hương chẳng biết dung người ấy, chị Nam đau đớn thế nào và Nam ngẩn ngơ rúng động thế nào khi biết vợ con mình từ nay đã xa cách nghìn trùng, để lại bên trời khổ nhục mình Nam với nỗi cô đơn trầm thống. Phải mất một thời gian dò tìm liên lạc, tôi mới có địa chỉ viết thư xin ý kiến chị Phan Nhật Nam về việc phổ biến tập nhật ký. Bởi vì dầu sao những trang nhật ký này Nam viết riêng cho vợ con và là báu vật thiêng liêng chỉ riêng vợ con Nam có quyền tự hữu. Hơn thế nữa, việc công bố nhật ký làm sao tôi dám tự chuyên vì ảnh hưởng rất lớn tới nỗi an nguy của Nam. Tôi nghĩ tới trường hợp nhà văn Doãn Quốc Sĩ cùng những lời hy vọng của Nam đã viết và ủy thác Chủ Quân Anh trao tập nhật ký cho tôi, việc trước tiên tôi có thể làm được là liên lạc với anh Trần Tam Tiệp, tổng thư ký Văn Bút Việt nam Hải ngoại nhờ vận động với Văn Bút Quốc Tế cùng các cơ quan quyền lực quốc tế can thiệp cho Nam được tự do.

Anh Trần Tam Tiệp đã sốt sắng lo liệu. Phan Nhật Nam có tên trong danh sách tù nhân văn nghệ sĩ được hội Văn Bút Quốc tế trực tiếp can thiệp. Hơn thế nữa, Phan Nhật Nam còn được ghi tên dự một giải văn chương quốc tế với tác phẩm là tập nhật ký này. Ủy ban Ân xá Quốc Tế cũng lấy tên và địa chỉ trại tù để gửi quà tặng cho Nam. Tôi báo tin và chị Nam viết trả lời, " Nếu anh thấy việc công bố nhật ký của Nam nhất thiết phải làm thì anh cứ tùy tiện. Cũng như anh, tôi hơi lo không biết việc ấy có lợi hay hại cho Nam song đành vậy. Tôi rất mừng khi biết Pen Club gửi quà tặng cho Nam. Những món quà của Pen Club có một giá trị tinh thần đáng kể. Nam sẽ phấn khởi và hy vọng hơn khi biết có sự chú ý của bên ngoài đối với mình. Nghị lực cũng giống như vốn liếng, để không ăn dần cũng suy mòn hao hụt đi, rất cần sự tiếp sức ... "

Tôi chỉ chụp một trang nhật ký của Nam gửi cho chị đọc. Chị đau đớn viết cho tôi, " Những ngày trong trại tị nạn này cũng là những ngày tôi cảm thấy gần gũi Nam nhất trong suốt mấy năm nay. Có cái hạn chế của thực phẩm để cảm thông một phần nào cái đói. Có se da vì chân Hồng Thập Tự phát quá ngứa không chum kín đầu để cảm được cái lạnh của người đốn cây xẻ đá giữa buốt giá của mùa đông miền Bắc ... Tôi biết Nam là người yêu đời sống rất mãnh liệt, thế mà Nam đã ai oán kêu lên Thà rằng ta chết cho xong! thì đủ biết Nam bị phần tuyệt vọng đến nhường nào. Lòng tôi tan nát ... "

Tôi không thể chờ đợi lâu hơn để hoàn tất việc chuyển dịch tập nhật ký sang Anh ngữ phổ biến đồng loạt cùng bản văn Việt ngữ. Công việc này quả thực quá khả năng tôi vì văn chương ngôn ngữ Phan Nhật Nam vô cùng khó dịch, dù tôi có bỏ ra hàng ngàn giờ và dốc toàn vốn liếng cũng không thể chuyển ra ngoại ngữ trung thực và trọn vẹn mức độ bi thương thâm thiết chứa trong từng lời, từng chữ mà Nam đã viết bằng máu lệ đời mình. Tôi không thể để lâu hơn. Vì Nam đang quần quai mỗi mòn ngóng đợi từng ngày, từng giờ. Vì những điều Quân Anh kể về tình trạng sức khoẻ của Nam và lời nhắn " làm thế nào vận động cứu Nam, không nó chết " ám ảnh tôi lo lắng bồn chồn.

Tôi xin gửi đến các báo chí Việt ngữ trên toàn thế giới, kính nhờ quý vị phổ biến rộng rãi trong mọi giới đồng bào tị nạn. Xin gửi đến các hội đoàn quốc gia tranh đấu chống cộng sản và tranh đấu cho nhân quyền. Gửi chung những bằng hữu thân biết Phan Nhật Nam, các nhà văn, nhà báo, các chiến hữu của Nam? với lời khẩn thiết kính xin quý vị tiếp tay phổ biến tài liệu này và vận dụng mọi phương tiện tranh đấu buộc cộng sản trả tự do cho nhà văn Phan Nhật Nam. Tiếng kêu thương của Phan Nhật Nam cũng là tiếng kêu thương đứt ruột của hàng trăm ngàn người Việt Nam của chế độ Tự do đang bị cộng sản giết dần mòn trong các trại tù cải tạo.

Tập nhật ký này nếu được các vị dịch giả thừa khả năng ngoại ngữ dịch ra Anh văn và Pháp văn, phổ biến cho nhân loại toàn cầu biết đến cái thảm trạng kinh hoàng của hệ thống lao tù cộng sản, phải là một công trình văn hoá lớn lao, không riêng gì Phan Nhật Nam cùng vợ con mang ơn quý vị, mà tất cả những người chống cộng trên thế giới đều biết ơn.

hoiquanphidung.com

Cuộc chiến đấu bi hùng của Thiếu sinh quân Vũng Tàu



Trường thiếu sinh quân Việt Nam

Bài ca biệt ly của quân lực VNCH được diễn tả bằng những hành động, những trận đánh ngoạn mục của người lính VNCH trong trận thủ hùng với các binh đoàn Cộng Sản lần cuối vào những giờ phút hấp hối của miền Nam. Đó là những trận đánh cực cùng dũng cảm, bi thương, hùng tráng và tuyệt vọng, trước sự chứng kiến của cả trăm ký giả, phóng viên ngoại quốc, những nhà ngoại giao, nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu quân sử ...

Đó là Thiên Anh Hùng Ca bất khuất của một quân lực trong suốt hơn hai mươi năm chống giữ và bảo vệ cái tiền đồn của thế giới tự do trước làn sóng xâm lăng cộng sản. Thiên anh hùng ca bất hủ đã được nhiều nhân chứng tôn vinh và ngưỡng phục. Sau cuộc tan hoang, miền Nam Việt Nam bị mất về tay CS, nhiều người đã công khai nói lên lòng cảm phục cùng sự thương tiếc cho một quân lực hùng mạnh và quả cảm đã gánh chịu một kết thúc đau thương, ngập tràn uất hận.

Ký giả Peter Kahn của đại nhật báo The Wall Street Journal, dưới cái tựa "Truy Diệu Nam Việt Nam" ngày 2-5-75, nghĩa là hai ngày sau khi Sài Gòn sụp đổ đã ngậm ngùi kết luận: "Nam Việt Nam đã chống cự hữu hiệu trong 25 năm và không phải họ luôn luôn được người Mỹ giúp đỡ. Tôi nghĩ không có quốc gia nào có thể chịu đựng được một cuộc chiến dai dẳng và tàn khốc đến như vậy Rốt cuộc quân lực ấy đã tài giỏi hơn sự ước lượng của mọi người.

David Halberstam, một ký giả Mỹ đầy thiên lệch khi nhận định về chiến tranh Việt Nam, nhưng khi chứng kiến sự sụp đổ của miền Nam thì cũng phải phẫn nộ thú nhận trên tờ Newsweek, "Tất cả những sự thất bại lịch sử và những sự hèn nhát tồi tệ của biết bao nhà lãnh đạo Tây phương đều chồng chất lên lưng những người lính Nam Việt Nam ... Thật là bất lương và bất công ! Sự nhục nhã là của chúng ta chứ KHÔNG PHẢI LÀ CỦA QUÂN ĐỘI VNCH !"

Hầu hết các phóng viên báo chí, các ký giả ngoại quốc trước đây từng công khai bênh vực và nghiêng hẳn về phe VC, đã phản tỉnh đã xám hối khi chứng kiến cuộc kháng cự dũng mãnh, hào hùng và bi thảm của những đơn vị quân đội ở lại chiến đấu cho đến người lính cuối cùng, đến giọt máu cuối cùng. Piere Darcourt đã nồng nhiệt ca tụng lòng dũng cảm của quân lực VNCH ở Xuân Lộc, của một đơn vị Nhảy Dù ở Lăng Cha Cả, của anh em Biệt Kích 81 ở Bộ Tổng Tham Mưu và dành sẵn một đoạn dài mô tả cuộc chống trả hiên ngang của các Sinh Viên trường Võ Bị Đà Lạt trên các đường phố Sài Gòn. Người ta đã nói rất nhiều đến những tấm gương tử tiết của các vị Tướng anh hùng, những cuộc tự sát tập thể của những người lính vô danh VNCH không chịu đầu hàng kẻ thù, nói đến những kỳ tích chiến đấu của những

đơn vị Quân Lực miền Nam.

Một trong những trận đánh anh hùng ấy đã làm mũi lòng biết bao nhiêu người, đã gây xúc động biết bao nhiêu con tim. Những giòng nước mắt đã dàn dụa đổ xuống khi chứng kiến cuộc chống trả tuyệt vời và ngoạn mục có thể nói trên thế giới, không một quân sự nước nào có thể có được.

Đó là cuộc chống trả của các THIẾU SINH QUÂN ở Vũng Tàu trong đêm 29 và gần trọn ngày 30-4-75, khi cộng quân xâm nhập và chiếm đóng các vị trí trọng yếu trong Thị Xã. Vũng Tàu coi như bỏ ngõ và rơi vào tay cộng quân. Ngoại trừ một cứ điểm duy nhất còn chống cự do những thiếu niên tuổi 12, 13 đến 17 tự lập phòng tuyến quyết tâm tử thủ. Cứ điểm đó là trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu và những chiến sỹ gan dạ anh hùng đó là những thiếu sinh măng trẻ của trường.

Địch đã tung hai tiểu đoàn xung kích bao vây cứ điểm cuối cùng này nhưng chúng đã gặp phải một lực lượng vũ trang đáng kể hiện ngang đường đầu với chúng. Cộng sản đã coi thường những chú lính sửa chưa bao giờ biết mùi trận mạc. Chúng bắt loa kêu gọi các em đầu hàng và buông lời hăm dọa ... Tiếng loa vừa dứt, Việt Cộng nhận ngay một tràng đại liên thay cho câu trả lời, gọn gàng và cương quyết của gần 700 tay súng tí hon. Tiếp theo là hàng trăm mũi súng nhắm thẳng vào bọn VC bên ngoài, phần nộ lây cò. Vài tên Bộ Đội bị đồn ngã ngay trong loạt đạn đầu tiên. Bọn Việt Cộng phải đứng khựng lại trước tinh thần quyết tử của 700 hậu duệ anh hùng Trần Quốc Toản. Chúng không dám tấn công ngay vì các em quá nhỏ và vì có sự hiện diện của đồng bào.

Chúng lui ra xa tránh đạn, bắc loa ra lệnh các em phải đầu hàng đúng 9:30 sáng hôm sau, ngày 30 tháng Tư.

Mặc VC kêu gọi và đe dọa, Thiếu Sinh Quân vẫn kiên trì tử thủ, khiêng chướng ngại vật làm lũy phòng ngự, tổ chức giao liên, tiếp tế đạn dược, nước uống và lương khô, cứu thương và cứu hoả Anh lớn chỉ huy các em nhỏ, áp dụng tuyệt vời những bài học quân sự và kỹ thuật tác chiến đã được giảng dạy ở quân trường.

Đúng 9:30 sáng ngày 30-4. Cộng quân ra lệnh gọi đầu hàng lần chót nhưng các chiến sỹ tí hon vẫn kiên quyết kháng cự, trả lời chúng bằng những loạt đạn dữ dội hơn. VC nổi cơn khát máu. Chúng khai hoả, mở cuộc tấn công ào ạt mong giải quyết chiến trường nhanh chóng. Nhưng chúng phải lập tức đổi ngược lại, không ngờ sức chống cự quá mãnh liệt và hoả lực từ bên trong bắn ra vô cùng chính xác vào những bia sống, những cái bia người "SINH BẮC TỬ NAM". Các em chưa bao giờ được bắn, nay đã bắn với tất cả cảm thù, mong dành lại những gì sắp bị cướp mất.

Thiếu Sinh Quân có đầy đủ vũ khí cá nhân và vũ khí cộng đồng. Ngoài ra còn có lợi điểm là các công sự trong trường, vừa đánh vừa di chuyển, ẩn nấp, trong khi bộ đội VC lớ ngớ như bầy chuột chù ra ngoài ánh sáng. Lại có những thanh thiếu niên và Quân Nhân võ nghệ bên ngoài hào hứng và kích động, tìm cách lên vào tăng cường tay súng, nhập cuộc cùng các Thiếu Sinh Quân chiến đấu ngay trong sân trường, đột kích, đánh bọc hậu bọn bộ đội khiến chúng nao núng và hốt hoảng.

VC đã bắn sập một khoảng tường nhưng không thể nào vượt qua được lưới đạn của các chiến sỹ nhỏ tuổi nhưng can trường. Các em đã chiến đấu thật gan dạ, nhanh nhẹn, khôn ngoan, phối hợp nhịp nhàng và KỶ LUẬT như những đơn vị tinh nhuệ, thiện chiến nhà nghề. Đây là trận đánh thực sự đầu tiên và cũng là trận đánh cuối cùng của các em còn đang giờ khoá học. Trận đánh QUYẾT TỬ đã đi vào lịch sử.

Các Thiếu Sinh Quân đã chiến đấu không nao núng dù có nhiều em ngã gục. Những đứa con bé bỏng của quê hương đã chết trong giờ phút cuối cùng của miền Nam, khi tóc còn xanh, mộng đời chưa trọn. Đồng bào chúng kiến cảnh bi thương này đã òa lên khóc. Có những bà mẹ kêu gào, lăn xả vào cản ngăn họng súng bọn bộ đội để che chở cho những thiếu niên ở bên trong.

Tiếng nổ, tiếng hò hét, tiếng kêu khóc, tiếng loa uy hiếp của VC đã tạo nên một không khí chiến trường lạ lùng chưa từng thấy Các Thiếu Sinh Quân chiến đấu với tất cả nhiệt tình và sinh lực của tuổi trẻ hăng say hào hứng như đang tham dự một trò chơi lớn.

Cuộc chống cự kéo dài đến 3:00 chiều. Cho đến khi kho đạn dược đã cạn và kho lương thực bị bốc cháy, các Thiếu Sinh Quân mới bằng lòng cho VC thương thảo. Họ đòi hỏi VC chấp nhận một giờ ngưng bắn, sau đó sẽ buông súng và mở cổng ...

Và các em đã dùng một giờ ngưng bắn để thu dọn chiến trường, săn sóc đồng đội bị thương, gói liệm thi hài những vị tiểu anh hùng đã gục ngã, và chuẩn bị làm lễ hạ kỳ. Họ KHÔNG ĐỂ CHO BỌN CS làm nhục lá cờ VÀNG BA SỌC ĐỎ, lá cờ biểu tượng thiêng liêng gói ủ hồn dân tộc mà họ đã thề nguyện PHẢI THƯỞNG YÊU và BẢO VỆ.

Có chừng hơn một Trung Đội TSQ đã tập hợp trước sân cờ, đứng trang nghiêm và thành kính nhìn lên lá Quốc Kỳ còn nguyên vẹn màu tươi thắm bay phất phới trên nền mây ngọc bích. Hai TSQ lớp 12 là Nguyễn Văn Minh và Nguyễn Văn Chung bước tới, đứng nghiêm trước kỳ đài theo lễ nghi quân cách, dơ tay chào. Họ từ từ nắm từng nấc giây, cho lá cờ hạ xuống thật chậm và từ tốn như cố kéo dài giây phút thiêng liêng cảm động này, nước mắt đầm đìa.

Tất cả TSQ từ trong các tầng lầu, từ các hố cá nhân, các giao thông hào, sau những gốc cây, bờ tường, sau những mái nhà....., không ai bảo ai, đồng loạt đứng bật dậy đồng thanh cất tiếng hát bài quốc ca.

Gần 700 giọng hát hùng tráng cất lên, vang khắp sân trường. Bọn bộ đội nghe, ngơ ngác không phản ứng. Tiếng hát phủ tràn trên tuyến địch vang đến tận bến Dầu, bến Đình..... Mọi người dân Vũng Tàu đã đều nghe và rung động. Tiếng hát bay ra biển khơi, bay lên trời cao, âm thanh lồng lộng theo gió chiều, đất trời cùng ngẩn ngơ róm rộ theo tiếng hát. Các Thiếu Sinh Quân đã làm lễ mai táng đất nước, đã TRANG NGHIÊM RỬA SẠCH tám bia DANH DỰ của Quân Đội VNCH, đã vượt mắt cho Mẹ Việt Nam yên nghỉ qua lễ hạ kỳ lần cuối chỉ một không hai này. Họ hát bằng tiếng nấc thê lương và phần uất từ sâu thẳm trái tim, với những nghẹn ngào cùng dàn dựa của nước mắt. Đồng bào cùng thổn thức thương tủi và thổn thức hát theo.

Thời gian như ngưng đọng lại trong giờ khắc thiêng liêng và bi thảm, xúc động cùng lắm liệt đó.

Cho đến bây giờ, 22 năm sau, nhiều người vẫn nghe văng vẳng trong sâu kín của buồng tim đã thất nghẹn, tiếng bi thương hùng tráng của các Thiếu Sinh Quân hát bài Quốc Ca trên đất nước, trong ngày cuối cùng của Tháng Tư Đen, ngày oan khiên định mệnh cho dân tộc Việt .

Đêm chờ ngưng bắn nhớ An Lộc



*Tưởng niệm Trần Thế Vinh, Nguyễn Cao Hùng
Và những cánh chim đã bay cao, không bao giờ hạ cánh.*

Cắm quân gặt gao từ nửa tháng trước Tết. Vụ nổ kho bom đầu tháng mười làm căn phòng tạm trú trong dãy cư xá sĩ quan độc thân bên cạnh Phi Đoàn bị xum tang thương khiến tôi lêu bêu không chỗ ngủ những đêm cắm trại. Tôi phải xuống phòng Hải mượn tấm nệm dư, mỗi tối vác lên Phi Đoàn trải lên bàn làm chỗ ngủ qua đêm. Sáng lại hí hục vác xuống trả. Hải đùa:

- Sao mà cực khổ vậy? Lao động quá không tiếc sức sao?
- Tốn bao hơi. Mình cũng nên vận động tay chân một chút cho nó khỏe.

Hải nhăn răng cười:

- Chắc cũng không khỏe hơn được chút nào đâu. Đêm nay còn bao nhiêu đạn nó pháo tối đa cho chạy vung vít cả lũ, tha hồ mà khỏe.

Tôi cuộn tấm nệm cho gọn, lăn xuống đất và ngồi lên:

- Tối nay tụi nó chơi nữa là cái chắc.

Đêm qua địch pháo một loạt 122 và 107. Hai giờ sáng hỏa tiễn nổ tung giấc ngủ. Tôi choàng thức khi quả pháo đầu tiên nổ phành dũ dội như ở ngay bên cạnh. Còi hú ré lên. Tiếng rít của hỏa tiễn bay vút trên đầu. Nổ chói với, nổ lung tung khắp chung quanh và thật gần trong khu vực Không đoàn.



Tôi tỉnh như sáo, vùng dậy nhanh cấp kỳ. Vội vàng mặc áo bay, vội vàng xỏ chân vào đôi giày trận, vớ theo cây súng cá nhân, bước nhanh ra cửa...

Loạt pháo dứt tiếng khi tôi đứng dưới mái hiên trước phòng hành quân Phi Đoàn. Đêm về sáng trong quang và mát lạnh. Đêm pháo kích mang về lạnh lùng dè dặt. Đêm như co mình lại trong tiếng còi báo động liên miên rền rĩ kéo dài từ ngay khi quả nổ đầu tiên chạm đất.

Chung quanh và trong tầm mắt tôi vắng hoe không một bóng người nhưng tôi nghe như đêm có tiếng thở phập phồng hồi hộp. Tôi nghĩ mọi người đều đang co người trong các hầm tránh pháo hay đang bối rối trong phòng, nằm bẹp dưới chân giường đợi dứt cơn pháo đầu tiên mới phóng chạy tìm nơi trú an toàn.

Tôi chóng nạng nhìn những trái hỏa châu nổ lụp bụp soi sáng vòng đai phòng thủ phi trường và bên Quân Đoàn III. Hỏa châu như những chiếc đèn lồng sáng rõ treo ngược bằng những giải khói mỏng manh uốn éo, bay la đà lơ lững trên trời xanh lẫm tằm sao.

Một đám khói đen cuộn cuộn bốc lên phía chung cư Mỹ gần cổng Một. Ánh châu soi tỏ bóng cột

khói đen ngòm vắt ngang những mái nhà và phi đạo trực thăng. Tôi đợi tiếng nổ của đợt pháo thứ hai nhưng đã qua mấy phút chỉ nghe rền rĩ tiếng còi báo động và tiếng pháo binh ta phản pháo. Không khí của những phút chờ đợi đặc sệt và, đột nhiên, khi đám cháy khu barrack Mỹ bùng cao ngọn lửa, tro than bay tung tóe lên không với tiếng nổ lóp bốp của tôn gỗ bị hỏa thiêu, đêm bỗng náo nhiệt...

Có thêm tiếng xe cứu hỏa chạy cuống cuồng. Những xe Jeep chở quân phòng thủ phóng vội vã qua khu vực. Tôi nghe những bước chân thỉnh thoảng. Rồi tiếng ồn ào và những đầu người nhô lên khỏi lớp bao cát vây bọc quanh cái trailer phòng nghỉ trực của nhân viên phi hành, cách nơi tôi đứng chừng vài ba bước nhảy. Thì ra những ông hoa tiêu trẻ trung của Phi đoàn tôi đã nhanh chân trốn pháo ở đó tự bao giờ. Sự xuất hiện đột ngột của những cái đầu sau ụ cát gần bên khiến tôi ngỡ ngàng. Nhưng cái ngỡ ngàng đó cũng chưa bằng nỗi ngạc nhiên khi tôi nghe ngoài phi đạo trực thăng có tiếng phi cơ quay máy và lần lượt đủ ba chiếc UH-1 đèn chớp sáng lòa ảm ảm nối đuôi nhau cất cánh. Tôi phải ngạc nhiên, bởi tôi không tưởng tượng nổi bằng phản ứng nhậm lệnh nào, bằng ý thức trách nhiệm nào mà những nhân viên phi hành trực phòng thủ đêm của Phi Đoàn tôi lại có thể khi đang say ngủ, nghe tiếng pháo, vùng dậy lấy nón bay, chạy băng băng một quãng đường dài – dưới đợt mưa pháo kích, mở dây cột cánh quạt, bình tĩnh cho nổ máy phi cơ, bình tĩnh ngồi chờ một Phi Hành Đoàn đầy đủ và cất cánh trong vòng không đầy mười phút kể từ quả pháo đầu tiên phóng vào căn cứ?

Tôi nói với Hải:

- Đêm qua nó pháo, tao tưởng tao nhanh nhất rồi mà vẫn còn thua nhiều đũa. Pilot vậy mà vẫn còn bị chê. “Tây” nó cũng không có mặt trên trời nhanh bằng “Mít” mình đêm qua.

Hải gật đầu:

- Tụi nó ngon lành. Đêm nay mày trực Night Alert, ráng khi nghe pháo thì phóng liền ra tàu nghe chừng. Hay mày đem mừng mền ra phi cơ mà ngủ, giữ tàu luôn. Tụi nó đũa nào cũng khoái đêm nay lên trời hơn nằm dưới đất, pháo kích nhức tim... Dám tụi nay có thẳng không trực ra giành phi cơ để bay lắm ẹ.

- Tám giờ sáng mai ngưng bắn. Từ giờ tới tám giờ sáng mai còn bao nhiêu bom đạn, hỏa tiễn khuân ra mìn nhau đớp cho bằng thích.

- Nản nhỉ? Những đũa mà đi doang cuộc đời trước giờ ngưng bắn trong đêm nay, một phút trước tám giờ sáng mai, nghĩ mà nản nhỉ?

- Làm như ngưng bắn rồi thì không còn ai chết nữa đấy?

Đột nhiên Hải cao giọng hỏi tôi:

- Khóa máy chết bao nhiêu thang, nhớ không?

- Nhớ, nhưng không dám đếm. Đếm nhiều chết nhiều, kinh bỏ xừ.

Tôi thở dài, đăm đăm nhìn ngọn đèn điện sáng tỏa căn phòng hẹp. Ngọn sáng làm tôi nhớ cảm giác tê lạnh hải hùng của phút giây chứng kiến cuộc hóa thân bi thảm của người bạn thiết đang lúc vẫy vùng bay bổng, bỗng rụng rời gãy cánh trên vùng đất Tân Khai mịt mù lửa đạn, tháng năm, năm ngoài...

Chiếc khu trục thả rơi trái Napalm dữ dội ngay đầu quân địch, xòe đôi cánh sắt, vút lên cao, đột nhiên biến thành một khối lửa cháy bùng, rực sáng, nổ tung trên bốn ngàn độ cao và ngay trước mắt tôi đang bay gần phía Nam. Tôi hải hùng tưởng như tê liệt trong cái sát-na khủng khiếp ấy. Tôi há hốc miệng, không kêu được một tiếng, mắt mở trợn trừng. Khối lửa hồng rực rỡ như ngọn pháo bông, như tinh cầu lạc loài tinh thể, lao chớp nhoáng một đường thẳng băng, tóe tung tàn lửa trên đám ruộng khô rồi cháy hiu hiu để lại không gian một sợi khói mỏng manh dần dần tan nhạt. Con chim sắt đã rơi... đem theo một đời trai trẻ Phi công mà thịt xương tan nát dính bám vào từng mảnh kim loại vô tri của thân tàu vỡ vụn. Tôi nào biết cánh chim bất hạnh đó là ai? Khổ thân tôi, đến khi biết ra người Phi công tên Nguyễn Cao Hùng, tôi tím lịm cả hồn, mắt mờ giọt lệ, long đong bay trở lại Lai Khê mà lòng tan nát. Tôi đâu ngờ lại có phút giây

sầu thảm chứng kiến cuộc giã từ đời, vĩnh biệt không gian đau đớn và âm thầm tội nghiệp của người bạn thân, thật dễ thương cùng khóa.



Một buổi sáng qua Không đoàn 23 họp thuyết trình Quân báo, tôi đến sớm 15 phút, ghé Câu lạc bộ gọi ly cà phê sữa với đĩa Pâté chaud. Vừa xoay người toan kiếm chỗ ngồi, bỗng một vòng tay quàng lấy cổ khiến tôi giật mình.

- “Hi” Hùng! Bonjour bò. Lâu quá mới thấy bò, nhớ bò quá bò ơi. Không bay bỗng gì sao mà bò qua đây ăn sáng vậy?

Tôi nhận ra ngay. Lối “bò bò tôi tôi”, giọng nói nồng nhiệt thân quen hết sức của Nguyễn Cao Hùng. Hai thằng lâu ngày mới gặp nhau, Hùng nọ vỗ vập lấy Hùng kia, tíu tít vui mừng như vớ được người yêu trong mộng. Tôi ôm lấy tay Cao Hùng, vỗ vỗ:

- Bonjour...! Lâu gì, mới gặp nhau đây mà kêu nhớ? Nhớ thì... hôn đi! Hôn một miếng cho đỡ nhớ!

Cao Hùng cười vang, ghé môi gần má tôi, giả vờ hôn “chụt” một tiếng rồi nheo mắt kêu lên:

- Bò “đ” quá bò ơi. Nước hoa thơm lừng!

Tôi cũng kêu lên:

- Nhờ cậu tí. Đĩ mà biết cạo râu? Bò không có râu bao giờ biết được Xê-kỳ nó có cái gọi là after-shave “East Jade”?

Như thế đấy, hai đứa mỗi lần gặp nhau thường vui đùa, giả vờ hôn hít loạn cả lên. Kỷ niệm hồi ở Lackland. Hoa Kỳ tổ sự đồng tình luyện ái, lại làm ra vẻ ghê tởm mấy chú “Mít” nắm tay khoác vai nhau diễu phố. Bọn này bèn diễn cảnh Homo trên người mấy anh bạn đồng minh cho bổ ghét. Thêm hai tên bạn cùng khóa cười cười tiến lại. Tưởng “khu trục” lừ lừ như chiếc Skyraider đang vào cận tiền hạ cánh. Ấn chìa bắt tay tôi, siết chặt. Ấn lùn mà bắt tay như bóp nghẹn và cất giọng oang oang bắt cần thiên hạ:

- “Hi” Hùng! Ăn gì đi toa? Uống cái chi gọi nó đem ra luôn. Ăn uống “free”, đừng ngại.

Tôi nắm tay Ấn, tay kia ôm vòng lấy Cao Hùng và Tưởng “khu trục”:

- Xong! Xong ngay..! Đớp “chùa” mà từ chối thì phụ cả tấm lòng...

Bốn đứa thân mật dính vào nhau, hê hê. Ấn nói:

- Đại tá đãi bữa ăn sáng trước khi bọn moa biệt phái Đà Nẵng.

- Bao giờ đi?

- Chín giờ mới có C-123 ghé đón... Mẹ, Quảng Trị đang sôi sục, tụi moa đi chuyến này cũng thấy hơi lạnh căng.

Tôi cười:

- Bay ở đây mà không rét à? Mà biết câu hát này không...“Ta vào An Lộc hay Tân Khai! Phòng không ơi là phòng không!...”

- Đi biết có về hay bỏ mạng sa trường? Khóa mình trận này mất thêm Phan Quang Tuấn, Trần Thế Vinh, buồn ghê há toa?...

Ấn nhắc đến Tuấn “Khùng”, đến Vinh “Tô Tô”, khơi dậy trong tôi nỗi ngậm ngùi xúc động râm

ran buốt nhói suốt từ hôm được Thụy Hùng báo tin Vinh gãy cánh.

Khóa 65A Phi Hành có ba đứa tên Hùng. Thụy Hùng inapte sức khỏe, ra khỏi Không Quân, đi biệt kích Delta một thời gian rồi trở lại Không Quân khi ngành trực thăng bành trướng. Thụy Hùng rất thân và ở chung phòng với Vinh bên cư xá Bắc Tiến. Tôi nhớ hôm đó là sáng thứ hai 10 tháng 4. Vinh rớt hôm chủ nhật mừng 9 tháng 4. Tôi xách Helmet đi bay, gặp Thụy Hùng ngoài phi đạo. Hùng thảng khựng chiếc Vespa ngay trước mặt tôi, mếu máo:

- Mà biết tin chưa? Thành Vinh “Tô Tô” nó rớt rồi.

Tôi sửng sốt. Thụy Hùng ngồi lặng trên chiếc Vespa nỏ máy, đôi vai run nhẹ, thần thờ hướng về phía cuối đường bay, đầm đìa nước mắt trên gò má. Tôi choáng váng, toàn thân bỗng lạnh. Tay tôi run, lời tôi khàn đục như không phải tiếng tôi hỏi bạn:

- Lấy được xác nó về không?

Thụy Hùng cắn môi, đờ đẫn lắc đầu. Tôi phập phồng muốn khóc. Một lát sau, hết nghẹn ngào, tôi mới nói:

- Tao linh cảm được cái chết của Vinh “Tô Tô” ngay từ tối hôm thứ bảy. Coi TV thấy Thiếu tá Nguyễn Quốc Hùng Phi đoàn trưởng 518 ca tụng có quá. Câu nào cũng Đại Úy Trần Thế Vinh chiến đấu xuất sắc. Đại úy Vinh hạ xe tăng Cộng Sản nhiều nhất. Thứ hai này Đại úy Vinh sẽ về Sài Gòn, lên TV nói chuyện với đồng bào... Tao nghe, vừa khoái thắng Vinh, vừa hãnh diện, vừa sợ. Tao hỏi vợ tao, “Em nhớ Vinh “Tô Tô” không? Vợ tao bảo nhớ. Tao nói đẩy đẩy ông Hùng “Tây Lai” vừa bốc thơm nó đấy. Nhưng anh nghi quá em ơi. Phải làm sao kéo nó về sớm chứ bốc nó nổi quá, khó sống. Nó say máu, bay hoài thế nào cũng “dính”. Phòng không Việt cộng đâu có ít?” Tao nghĩ vậy thôi, đâu ngờ nó chết thật. Nhảm quá.

Suốt ngày hôm đó đi bay, tôi như đũa mất hồn. Vinh bô trai, dễ thương, bay giỏi và tư cách, chết đi thật uổng phí. Gặp Huỳnh Hạnh Kim Hồng ở Lai Khê, Hồng nói Xê kể nghe phút cuối anh hùng của Vinh:

- Nó nói, “Mẹ kiếp phòng không thì đũa nào chẳng sợ. Nhưng cậu bay trên quốc lộ thấy dân chạy loạn lếch thếch mà còn bị tụi nó bắn giết dã man, cậu si-neec. Nó bắn mình hả? Thì mình dội bom lên đầu nó, chết bỏ!

Thế là Vinh hùng hục đi bay. Thời tiết xấu tàn nhẫn. Trần mây 500 bộ. Nó bay rasemotte trên mặt biển, tới cửa Việt rẽ vào Đông Hà. Đại bác trên xe tăng bên này sông bên kia sông câu lẫn nhau, Vinh nó chui dưới hai lần đạn, ngóc lên, bỏ nhào xuống. Nó đánh bom thật trúng. Một Napalm là một tầng bốc cháy. Tiếp theo là loạt đại bác, bộ binh từng thiết VC ngã la liệt. Mỗi pass đánh xong nó chui tọt lên mây tránh phòng không, rồi lại rình rình nhào xuống...

Xê với Định bảo Vinh Tô Tô đánh đẹp và lì, chưa từng thấy ai bay đẹp và lì như nó trong khi thời tiết xấu chỉ sợ hai phi tuần đụng nhau. Cuối cùng Vinh rơi tan xác với con tàu trúng đạn phòng không bắn trực xạ ở cao độ thấp.

Buổi chiều từ mặt trận An Lộc về, tôi mua tờ báo Sóng Thần. Thấy ảnh Vinh, nụ cười má lúm “tí ti đồng tiền”, dáng hiên ngang, tôi nhớ Vinh muốn khóc. Nhớ ngày Vinh mới nộp đơn gia nhập Không Quân, rất sửa. Vinh cao cò, mặc áo ca rô ngắn tay màu vàng, quần ka ki xám. Khám tổng quát bên Trung Tâm Giám định Y khoa, vì huyết áp cao, cu cậu chui vào phòng tắm xối nước lạnh cho hạ tension. Ai ngờ trúng gió bị rút gân cổ, đầu Vinh tự nhiên ngoẹo một bên, cứng ngắc đến vài phút.

Rốt cuộc Vinh cũng thành Phi công khu trực. Mà là một phi công khu trực tuyệt vời nữa. Một lần gặp Vinh đang học bay ở Randolph qua Lackland chơi, tôi đùa hỏi:

- Ê Vinh, nếu đang bay formation, đầu mày ngoẹo như hôm khám sức khỏe thì làm sao?

- Sao mày hay bói móc đời tư cậu thế? Cậu lại “vật” cho một trận bây giờ.

Vinh to con và khỏe, tính tình đàng hoàng, rất tốt với bạn bè và có tư cách, có tướng chỉ huy. Ngày ở quân trường, Vinh được đề cử làm trưởng toán, làm SVSQ cán bộ và là một trong mấy đứa cao lớn hầu kỳ trong các buổi lễ hay diễn hành. Những ngày đó Vinh dẫn khóa đi học, đi

ăn, chạy phạt, v.v... bằng tiếng hô đếm bước đồng dục và bắt giọng cho chúng tôi vừa di chuyển vừa hát những khúc quân hành. Có bao giờ Vinh ngỡ được mình là một “Phi công danh tiếng”, cái chết trở thành huyền sử cánh chim tự do hào quang sáng rõ?

Về cái hõn danh Vinh “Tô Tô”, tôi muốn nhắc với các bạn 65A nhớ đến xuất xứ của nó. Ấy là cái hõn danh do Đỗ Phụng Hoàng đặt cho Vinh khi thấy Vinh làm dáng, viết tên mình theo lối Mỹ: Vinh T.T. – Vinh T2 hay Vinh, Trần Thế – với hai dấu chấm sau mỗi chữ T viết tắt như hai chữ “O” nhỏ và Hoàng “Tôbia” gọi đầu tên là “Vinh Tô Tô”....

Cao Hùng thủ thi nói với tôi:

- Vinh “Tô Tô” chết uổng ha bồ? Nó bay “nghề” nhất phi đoàn, tư cách không ai hơn. Bữa nào rảnh bồ nên viết về nó một bài. Tôi gật đầu cười, nói tôi cũng định hôm nào rảnh sẽ viết cho Vinh một bài tưởng niệm. Tôi là bạn thân của Vinh, thật tình hãnh diện vì Vinh đã chết anh hùng, thật tình thương tiếc bạn tôi bất ngờ gãy cánh. Vinh bây giờ đã là người của cả nước, là thần tượng hào quang chói lọi. Việc làm của Vinh và cái chết của Vinh ngời ngời hai tiếng “anh hùng”, không cần đến ai đánh bóng. Không cần phải dựng đứng lên rằng “Vinh mãn khóa hoa tiêu quan sát tại Nha Trang, được du học khóa T28 tại Hoa Kỳ và đậu thủ khoa..” mới xứng đáng với công nghiệp Trần Thế Vinh dâng cho Tổ Quốc? Đâu cần phải đậu thủ khoa, phải học Cessna mới thành anh hùng khu trục hạ 21 xe tăng địch?

Tôi muốn Trần Thế Vinh là Trần Thế Vinh. Nguyên vẹn là Vinh “Tô Tô” thân mến của chúng tôi đã bay xa, bay cao, không bao giờ hạ cánh. Cao Hùng nhắc đi nhắc lại hoài, bắt tôi phải hứa viết bài tưởng niệm Trần Thế Vinh trước phút Hùng chia tay tôi lên đường biệt phái.

Tôi vui với sự nồng nàn thân mến của Cao Hùng, đồng thời bỗng rờn rợn âu lo cho chuyến biệt phái hành quân vùng địa đầu giới tuyến của bọn Hùng. Người vừa nằm xuống đã có người vội vã bước lên thay nơi tuyến đầu máu lửa.

Tôi quyến luyến không muốn rời gương mặt trắng hồng như con gái của Nguyễn Cao Hùng. “Baby” Hùng môi hồng, răng ngọc, má lúm đồng tiền, tóc mềm lả lơi nghệ sĩ. Tôi vẫn đùa gọi Cao Hùng là “Tây con” hay “Babilac”. Hùng nhà giàu, thể lực, học trường tây, cốt cách phong lưu quý phái. Hồi đó tôi cứ tiếc cho Hùng sao vào Không quân bỏ dở việc học. Hùng có nỗi khổ tâm riêng về tình cảm gia đình, tôi loáng thoáng biết nhưng không bao giờ hỏi han và càng thương quý bạn.

Những ngày Cao Hùng đi biệt phái, tôi vẫn vợ lo lắng hỏi hạp chờ tin bạn. Chưa bao giờ tôi lại nghĩ ngợi đến nỗi an nguy của Cao Hùng nhiều như vậy. Nhớ hôm từ giã, Hùng với Ân dặn tôi bay cẩn thận, chúc tôi may mắn. Nhớ đôi má bầu bĩnh có lúm đồng tiền sâu hoắm của Hùng, nhìn gần đây những tàn nhang và lông măng phơi phới.

Cao Hùng thật dễ thương. Ngày tôi lên lon, Hùng lấy dao găm cắt bỏ cặp mai Trung úy trên vai áo bay tôi, bảo mua tặng tôi một cặp lon Đại úy.

- Bồ đeo Trung úy hơn 4 năm rồi còn gì. Bây giờ mang cái lon Đại úy cho “gồ ghề”, đàn em nó khó đỡ mặt.

Mấy ngày sau, Hùng nhờ văn thư đánh máy và thị thực cho tôi mượn mấy bản sao quyết định thăng cấp Đại úy thực thụ, đem qua tận Phi đoàn cho tôi, đùa:

- Đeo lon mới, Quân cảnh hỏi, bồ lấy cái này dán vào mắt nó cho đui luôn...

Cao Hùng biệt phái lần đó về vô sự. Tôi gặp Hùng lần cuối cùng là hôm Hùng lái chiếc xe Floride mui trần, mặc đồ bay đen, thấy tôi, cười vầy vầy. Tôi cũng đưa tay vẫy lại rồi vội công việc, đi luôn.

Hôm 20 tháng 5, tôi bay quần quần phía đông Tân Khai chờ bốn phi tuần khu trục sẵn hạ hai chiếc xe tăng VC trốn lẩn dưới gầm cầu xe lửa và khóa họng những ổ phòng không dọn đường cho tôi dẫn hợp đoàn vào đáp. Tôi bay trên năm ngàn bộ, theo dõi từng chiếc Skyraider nhanh

nhẹn luân phiên đâm bổ xuống mục tiêu, say sưa hào hứng. Bỗng một chiếc AD-6 vừa thả xong hai trái Napalm, vút ngược lên cao... Tôi thấy một tia khói cuộn lên từ bụi cây bên bờ con suối cạn. Chiếc phi cơ bỗng phát nổ. Ngay trước mắt tôi, thấp hơn cao độ phi cơ tôi một chút. Và thật rõ ràng kinh khủng, tôi thấy một khối lửa chói lòa rực rỡ như quả pháo bông, vun vút rơi thẳng băng xuống đất...

Tôi trợn tròn đôi mắt. Miệng há hốc không kêu được tiếng nào. Khối lửa bắn tung tóe và đang cháy hiu hiu trên mặt ruộng, để lại không gian một sợi khói đen theo đường rơi của chiếc phi cơ xấu số. Tôi không thấy một cánh dù bung nở. Như là hoa mắt. Như ảo tưởng trong mơ. Tôi nhói điếng ở tim khi nhìn thấy ba chiếc khu trục cơ còn lại gầm rú điên cuồng bay lượn trên vùng trời phi cơ rớt.

Tôi gọi máy báo với toán Liên lạc Điều không:

- 17 giờ 25, SA-7 Cộng Sản bắn rơi một phi tuần khu trục tại Tân Khai. Tọa độ XT... Không thấy hoa tiêu nhảy dù.

Nghĩ thế nào, tôi hỏi thêm:

- "Panther" cho "Charlie One" biết ai bay chiếc Skyraider vừa bị rớt?

Một giọng đầy kích động trong máy UHF, như mũi dao nhọn hoắt xói giữa tim tôi:

- Đại úy Nguyễn Cao Hùng, Phi đoàn 518... Giọng Trung tá Hoàng Thanh Nhã.

Tôi cúi người nói với Hải:

- Đưa bạn nào của mình nằm xuống cũng đều đáng thương và tiếc nhớ. Nhưng cái chết của Hùng "Babilac" khiến tao đau đớn nhất bởi vì tao thấy tận mắt và Cao Hùng nó dễ thương thật là dễ thương.

Rồi tôi với Hải xoay qua những kỷ niệm từ xa lắc thời gian giữa từ sách vở vắc đơn đi tình nguyện bước qua công trại Phi Long. Thời gian chia xẻ vui buồn sướng khổ nơi quân trường Nha Trang với chuỗi ngày huấn luyện. Những ngày vui tếu ăn học vui chơi trên đất Mỹ. Đòi một Phi công trực thăng vùi lăn trong cuộc chiến miệt mài sâu thẳm từ miền núi cao biển sâu đến những đồn điền bát ngát. Nổi lao đao vất vả, sự cực khổ hiểm nguy. Bạn bè ở gần và xa nhau, còn sống hay đã nửa đời gãy cánh...

- Thời gian qua mau quá Hải ơi. Nhớ hôm nào An Lộc mới ầm tiếng súng và bọn mình dài dặc điều linh như còn nóng hổi mới hôm qua. Vậy mà đã gần một năm trời, nhanh thật.

- Ừ, nghĩ lại rùng mình. Trận An Lộc như ác mộng.

Tôi thở ra thật nhẹ. Nhớ lại những ngày nắng cháy mưa dầm hành quân mặt trận Bình Long. Thân thể hao mòn, thần kinh căng đứt. Những buổi trưa ở Lai Khê nắng lửa ngọt ngọt hay mưa giăng giăng âm u trời đất, Hoa tiêu hàng đàn ngồi dưới mái quán sơ sài ướt át thối thối chờ phi vụ.



Phi vụ như bay vào đất chết. Đất chết kéo dài theo Quốc lộ 13 - con số xấu xa định mệnh. Từ Lai Khê, điểm cùng là An Lộc, khoảng giữa Bầu Bàng, Chợ Thành, Suối Tàu Ô, Minh Thạnh, Tân Khai, Xa Cam, Xa Trạch... An Lộc như điểm đọi kinh hoàng. Điểm tử. Là nơi hạ cánh để không bao giờ trở lại của những mảnh đời trai trẻ, hiệp sĩ không gian. An Lộc đã trở thành hỏa ngục, thành lò thiêu xác, thành bãi tha ma, vạc dầu sôi bỏng....

An Lộc, bãi chiến trường kinh khiếp phơi bày bộ mặt hãi hùng ghê tởm của cuộc tương tranh tàn sát tới điểm cực cùng bi thảm. Nói như Phan Nhật Nam, đây là nơi thử lửa cuối cùng, nơi chạm nổ kinh hồn giữa hai sức mạnh từ một khối oai hùng lịch sử bốn ngàn năm đã phân ròi thành hai chủ nghĩa đấng cay thù nghịch. Nơi minh chứng hùng hồn cho sức đề kháng dữ dội và kiên dũng của lý tưởng tự do và sự hủy diệt của ý thức hệ ngông cuồng vong bản. Cái sức mạnh được đề cao là sức mạnh vô sản vạn năng dựng xây xã hội chủ nghĩa, thành trì cách mạng Cộng Sản thế giới đã ngừng bước tiến bạo tàn, đã tang thương gãy đổ tại An Lộc. Bởi An Lộc đã vẫy vùng chiến đấu. Giữ vững ngọn cờ chói lòa sức mạnh thiêng liêng của bản năng sinh tồn dân tộc.

An Lộc, Bình Long. Mặt trận đau thương dữ dội và đầy nét bi ai hùng tráng có tôi góp phần tham dự. Cái phần tham dự chơ nhoi không đáng nhưng nhiều kỷ niệm để đời. Trong trận tàn phá, An Lộc tanh banh quần quại. An Lộc cháy ngút ngày đêm. An Lộc vỡ, An Lộc nổ. An Lộc gào rú rên la hàng ngày, bùng bùng dấy nẩy cơn sốt kinh mang hàng tháng. Miền đất máu sông xương núi như bốc dậy mùi tanh lên tận trời cao mà mỗi lần bay trên An Lộc, tôi như người được.

Chưa có mặt trận nào bằng An Lộc. Những cánh trực thăng mỏng manh mỗi lần vào An Lộc như bay vào cõi chết. Đạn bắn như mưa. Bắn cùng mọi phía. Bắn bằng đủ loại phòng không dữ tợn, hỏa tiễn tầm nhiệt, đại bác phòng không, súng cá nhân, 12 ly 7 chum lại trực xạ, đại bác nổ chập, súng cối rót vào bãi đáp...

Hợp đoàn tám phi cơ nối đuôi nhau bay hồi hải vòng qua Minh Thạnh vào đáp bãi B15 từ hướng tây nam An Lộc năm phút sau trận mưa bom B52 cuối cùng vừa dứt. Những hồ bom tươi mới nở, rổ hoa chằng chịt trên cánh rừng cao su đã tanh banh sơ sác làm một hành lang an toàn cho cuộc chuyển quân không vận. Bụi đỏ chưa tan, những cây cao su âu sầu ngún cháy. Đoàn trực thăng bay thấp, lướt trên ngọn rừng rách rưới theo lệnh "C & C" hướng dẫn: - Hợp đoàn queo phải 10 độ, đi thẳng..! Chiếc số ba bay nhanh một chút. OK đi thẳng... Bãi đáp mười hai giờ, ba trăm thước. Giảm Air speed...coi chừng! Coi chừng nó bắn phòng không bên trái!...

Tôi nín thở. Hợp đoàn đã tới gần bãi đáp. Nhưng trước cả tiếng la coi chừng hốt hoảng của chiếc phi cơ chỉ huy, tôi thấy điểm sáng dưới lòng một hồ bom loang loáng lóe lên như chớp kính....

- Queo phải! Hợp đoàn queo phải!...Chiếc số hai rút rồi. Số ba nhanh lên! Lead queo phải 90 độ bay ra!.. Bay ra! Đừng đáp!...

Tôi kinh khủng. Chiếc số hai đang bay đột ngột cắm đầu đâm thẳng xuống triền đồi, lăn lông lốc như cục đá. Một vùng bụi đỏ mù mịt bốc lên và lửa cháy bùng.

- "Chiếc số hai rút rồi!". Mẹ bố cái giọng như tường thuật một quả banh trên sân cỏ.

Chiếc phi cơ bất hạnh của Tuấn. Cả một phi hành đoàn và 11 lính bộ binh vào An Lộc tiếp hơi cho đoàn người tử thủ đã rơi chết ngon lành khi vừa tới thềm địa ngục. Tuấn mới trò chuyện với tôi dưới bóng cao su ở Lai Khê trong giờ cơm trưa dã chiến. Hoa tiêu Thiếu Úy độc thân. Hai mươi tuổi trẻ. Vừa nuốt chưa tiêu bữa cơm rau cỏ Việt Nam, gạo Hoa Kỳ viện trợ... đã chết nổ tung, chết như sét đánh.

An Lộc đầy trời lửa đạn, đầy đất phong ba. Ngày xưa có một Kinh Kha thật ra cái "dũng" chỉ bằng móng tay so với những đôi bàn tay dũng cảm của Hoa tiêu không lực ta hiện đại. Kinh Kha đi thích vua Tần, tiếng gươm đao sát phạt nghe không kinh bằng tiếng súng. Kinh Kha chết, chân còn vững vàng trên đất. Người Phi công phí bỏ cuộc đời, chân lửng lơ bay trên trời

cao rộng. Một kẻ ra đi, trên bờ sông Dịch, có hàng ngàn tân khách mời rượu tiễn đưa, biết mình táng mạng cũng còn được người đời ca tụng, cái dũng đầy đưa từ cái danh và trả ơn đời đời ngô. Còn Pilot trực thăng? Lao thân vào cõi chết, họa hoàn mới được thêm những giọt nước mắt bạn bè âm thầm nhỏ xuống.

Xin lỗi những phi công các cường quốc trên thế giới. Tôi muốn ngỏ lời thách đố các người vào An Lộc bằng chiếc trực thăng, vai lon Thiếu Úy mới ra trường. Treo mạng sống mình từ cao năm ba ngàn bộ, tắt máy cho rơi tự do như lá mùa thu. Mắt không thấy kẻ thù nhưng tai điếc loạn bởi đạn thù tung bùng chào đón rền vang trời đất. Vẫn phải vững vàng đôi chân đạp, tay kiểm, chao liệng tránh né phòng không và tìm hướng vào bãi đáp. Bãi đáp khi chưa đậu xuống đã nẩy tung, mịt mù pháo kích. Bàn tay nào điều khiển con tàu tránh pháo. Khối óc nào quyết định cho phút giây sinh tử đời người và quả tim nhiệt huyết nào thúc đẩy lòng chu toàn nhiệm vụ? Để tìm nơi hạ cánh thả đồ tiếp tế cho bao sinh mạng đợi chờ, đón cho bằng được những thương binh khốn khổ chật ních phi cơ đoạn ị ạch bay xuyên lưới đạn về đáp Lai Khê với thân tàu đầy thương tích? Như thế. Hàng ngày. Hàng mấy tháng trường rờn rã, lao đao khổ nhọc. Một lần thoát chết cũng khiến chim sợ cây cong. Nhưng những người hoa tiêu UH-1 rất nhiều lần trong chuỗi ngày cơ cực tang thương An Lộc đó đã bao bao người là những anh hùng mất ngựa. Phi cơ trúng đạn, đồng đội bị chết, bị thương, vẫn bình tĩnh bay khỏi vùng kinh khiếp tìm trảng cỏ giữa rừng đáp khẩn cấp, bỏ tàu bay, may mắn lắm sẽ được phi cơ bạn nhào xuyên lưới lửa đón về. Hay bỏ tàu mà chạy, vượt qua rừng qua bụi trốn tránh kẻ thù về đất sống hoặc long đong phần số hẩm hiu rơi vào tay giặc. Những người anh em đã rơi vào tay giặc hay đã biến biệt ra đi, vĩnh viễn cùng với xác tàu vỡ vụn trên cánh rừng cao su toại tử đầy đặc hố bom. Đi không còn ai nghe tiếng nói. Xác rữa. Xương phơi khô trắng tới ngày An Lộc giải tỏa, bạn bè ngậm ngùi tìm đến đem về những mảnh xương khô. Có những anh em đã thành tàn phế. Và người còn sống nguyên lành vẫn sáng lửa đấu tranh trong mắt, vẫn kiêu hãnh nụ cười trên môi, ngày ngày tung bóng cánh chim lao vào trận địa.

Bây giờ An Lộc đã tàn, Bình Long đã thành vùng đất vang danh của lịch sử đấu tranh dân tộc. Điều tàn và đổ vỡ của An Lộc là vết tích thâm thương đau đớn cực cùng mà ai qua đó cũng ngậm ngùi cay đắng trong niềm đau buốt và xấu hổ như mang một vết thương nhục nhã trên cơ thể, nghe âm âm “Điếu cổ chiến trường văn”...

Điếu vô thanh hệ sơn tịch mịch
Dạ trường hệ phong tích tích
Hồn phách kết hệ thiên trầm trầm
Quý thần tụ hệ vân tịch mịch..
Huyết mãn trường thành
Thương tâm thấm mục
Thiên địa vi sầu, thảo mộc thê bi...

Quả thật chim chóc cũng không dám bay vào An Lộc giữa cơn ầm ầm chấn động miên man như đất sụp. Côn trùng cũng không dám cất tiếng kêu trong những đêm An Lộc dấy dựa diên cuồng. Mờ sáng khi mặt trời chưa mọc, tôi bay trên An Lộc cũng thấy An Lộc nổ và cháy sáng lòa. Những cơn mưa bốc thành khói khi rơi xuống An Lộc bỏng dấy ngàn độ nhiệt. Nửa đêm tôi bay “C and C” cho trưởng Hồ Trung Hậu vào An Lộc “để mấy đứa em nó nghe tiếng nói của qua trên trời tụi nó yên tâm”... Mây mù. Bão Mannie. Bão đánh phi cơ đùng đùng và phủ phàng như hàng loạt B40 thổi muốn bay đuôi chiếc phi cơ nhỏ bé tựa cánh bèo dập dềnh trên biển động. Bão dúi tôi từ sáu ngàn bộ xuống tận đất đen, lại đưa tôi bổng lên khỏi không gian mù mù tối thẫm như chót tầng địa ngục. Nổi rưng rờ tưởng chết chưa tan, đèn ngoài phi cơ tắt hết, những cụm lửa phòng không địch bắn cầu âu lên trời như thấp đuốc soi đường cho chiếc trực thăng đi tìm thần chết.

Hung hiểm không phải chỉ vì súng đạn. Không giới hạn thời gian. Thành ra tôi phải nghiêm trang nói với một vài người ngỏ lời dị nghị tinh thần chiến đấu của các anh em Thiếu Úy phi

công trực thăng trong một lần nói chuyện về mặt trận An Lộc. Rằng xin đừng chê trách các hoa tiêu cấp nhỏ. Tôi hơn họ vài ngàn giờ bay, đeo lon Đại Úy. Nhưng cái hồi Thiếu Úy của tôi bay H-34, VC chưa có súng AK chứ đừng nói chi tới hỏa tiễn tầm nhiệt SA-7. Mặt trận hồi đó cũng chưa bằng một góc Bình Long. Đất nước này còn không phải nhờ những người tự phụ có giờ bay nhiều, kinh nghiệm chiến trường nhiều, mà là nhờ lớp đàn em mang lon Thiếu Úy có bộ đồ bay rách phải mất cà phê thuốc lá mới được anh Thượng sĩ già “thông cảm” cho đổi gấp.

Tôi nói thêm về cái hèn mọn của tôi. Là chiến đấu nhiều, bay bổng nhiều, thoát chết nhiều lần, bây giờ có vợ con, cũng thực tình hơi lạnh căng. Nhưng cái hèn chỉ đôi khi làm tôi nhận phi vụ, đồ dẫn lo âu, nhưng không bao giờ từ chối những phi vụ coi là chơi đồ đen lần chót với số mệnh. Và lại những phi vụ đó tôi có hoàn tất tốt đẹp, cũng không đáng để ai khen bởi kinh nghiệm và khả năng tôi làm được. Đáng khen phục là những người hoa tiêu trẻ trung, giờ bay chưa tới số ngàn, vừa chân ướt chân ráo về nước đã được tung vào cuộc chiến tàn khốc như An Lộc. Họ trưởng thành quá mau và tôi phải yêu và phục.

Tôi ngồi như thế, trầm mặc miên man với những hồi tưởng về chiến trận đau thương thảm khốc đã qua và những nỗi điều linh vất vả của người Phi công thời chiến. Tất cả đã qua đi. Thực tình như một cơn mộng dữ. Như một ám ảnh khổ đau chung cho dân tộc. Tôi hỏi Hải:

- Ngưng bắn chắc hòa bình không? Thực tình tao chẳng quan thiết chút nào và cũng chẳng nôn nao đón đợi tám giờ sáng mai ngưng bắn. Tâm hồn mình đã chai mòn và thờ ơ đến thế sao?
- Bây giờ coi như giờ thứ hai mươi lăm. Ráng đêm nay nếu có pháo kích thì giữ lấy thân. Mai, ngưng bắn rồi sao nữa, cứ “wait and see” và hy vọng.....

Trận đánh cuối cùng

Ngày 13-6-96, hãng thông tấn Reuter đánh đi một bản tin về Nguyễn Thành Trung, phi công A-37 của Không Lực VNCH đã lấy máy bay xạ kích dinh Độc Lập và hướng dẫn hai chiếc A-37 khác đánh phá phi trường Tân Sơn Nhất chiều ngày 24-4-75, ngày hấp hối của miền Nam Việt Nam.

Bản tin cho biết, Nguyễn Thành Trung, phi công chiến đấu của KLVNCH được huấn luyện tại Hoa Kỳ từ năm 69 tới 72, là hoa tiêu trưởng phi cơ của Hàng Không Việt Cộng, năm 1995, đã lái chiếc Boeing 767 chở tên chủ tịch nhà nước Lê Đức Anh qua New York dự ngày kỷ niệm thứ 50 của Liên Hiệp Quốc. Trả lời cuộc phỏng vấn của thông tin viên Reuter tại Tân Sơn Nhất, Nguyễn Thành Trung kiêu hãnh nói, “Năm ngoái tôi bay trở lại Hoa Kỳ, đến Nữ Ớc bằng chiếc phi cơ này, đáp tại phi trường Kennedy với máy bay riêng của chúng tôi, mang huy hiệu và sơn cờ riêng của chúng tôi, đến thẳng đất Mỹ!” (Last year, I flew back to America, to New York, in this aircraft, with our logo, with our flag, to the American land, he says proudly - Reuter).

Nguyễn Thành Trung, tên Việt Cộng nằm vùng được dịch gài trong hàng ngũ chúng ta. Trung đã góp phần gây hoang mang, làm sụp đổ tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam, gián tiếp đầy đọa, giết hại anh em đồng đội trong các trại tù cải tạo để đổi lấy vinh thân, được Việt cộng tưởng thưởng công lao phản nghịch đó bằng địa vị hôm nay.

Cuộc oanh kích dinh Độc Lập và sau đó, phi trường Tân Sơn Nhất chiều 28-4-75 của năm chiếc phi cơ A-37, đã được Việt cộng tuyên dương như một chiến tích anh hùng. Hàng năm, đến ngày 30-4, báo chí của chúng đều nhắc đến cái gọi là “thành tích lịch sử” của Phi Đội Quyết Thắng do Nguyễn Thành Trung dẫn đầu với một phi công A-37 khác của Không Lực VNCH là Trần Văn On, cùng bọn giặc lái Việt cộng Từ Đễ, Mai Vượng, Nguyễn Văn Lục, Hán

Văn Quảng. On và Xanh là hai phi công VNCH, tù binh bị Việt cộng bắt ở Đà Nẵng, ép buộc phải thi hành công tác huấn luyện cấp tốc cho giặc lái MIG Việt cộng, để theo Nguyễn Thành Trung bay vào đánh Saigon.

Bài tường thuật đăng trên tờ Lao Động của Việt cộng xuất bản ngày 2-5-96 cho biết Phi Đội Quyết Thắng do Nguyễn Thành Trung bay ở vị trí số một, vừa là chỉ huy “Biên đội” (Phi đội), vừa là người dẫn đường. Bay số hai là Từ Đễ (con trai giáo sư Từ Giấy, Đại học Tổng Hợp Hà Nội), hiện đeo quân hàm Đại tá ở Bộ Tham Mưu Không Quân Cộng sản. Bay số ba là Nguyễn Văn Lục, Phó chỉ huy Biên đội. Số bốn là Hán Văn Quảng, hiện là Đại tá Sư trưởng Sư đoàn Không Quân của chúng. Máy bay số năm có hai người: Mai Vượng, quê ở Diễn Châu, Nghệ An (đã chết năm 1976) và Trung úy phi công “Ngụy” Trần Văn On.

Bọn giặc lái Việt cộng (Lục, Đễ, Quảng, Vượng) từ trước đến nay chỉ quen với máy bay MIG-17 của Nga, chưa từng biết tới A-37 của Mỹ bao giờ. Giặc lái Việt cộng vào Đà Nẵng từ ngày 22-4-75 để học lái A-37 cấp tốc trong vòng năm ngày. Nguyễn Văn Lục cho biết y chỉ bay tập được ba chuyến trong năm ngày đó. Lục nói, “Các bộ phận điều khiển của máy bay A-37 toàn là tiếng Anh, anh em chúng tôi nhờ người dịch ra tiếng Việt, rồi cắt giấy dán đề lên tiếng Anh để biết mà xử dụng...”

Tư Lệnh Không Quân Việt cộng thời đó là Lê Văn Tri, Thiếu tướng, đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho bọn Lục. Y khoe, “Sau chiến thắng trở về, đồng chí Đinh Đức Thiện gặp chúng tôi, nói rất vui, “Chúng mày rất giỏi. Lính tao chuyển loại xe ô-tô cũng phải mất năm ngày, huống gì là máy bay của chúng mày... Giỏi, giỏi lắm!”...”

Cái “giỏi lắm” của bọn giặc lái Việt cộng Từ Đễ, Nguyễn Văn Lục, Hán Văn Quảng là cái giỏi... “nói phét”! Việt cộng tổ sư nói phét không biết ngưng là gì trong bất cứ ngành nghề, giai cấp nào của chúng. Tên tướng Không quân Việt cộng xuất thân từ giới lơ xe đồ Đinh Đức Thiện khen ngợi bọn Lục “giỏi lắm” chỉ là thói quen “mèo khen mèo dài đuôi” của bọn “đỉnh cao trí tuệ” mà anh em tù cải tạo ai cũng biết. Việt cộng làm gì cũng tự cho là giỏi. Không thấy ai khen, chúng tự vỗ tay khen chính mình, khen lú lo nông nhiệt không biết ngưng thì cái chuyện anh Thiện khen em Lục chẳng có gì là lạ!

Để biết rõ cái “giỏi lắm” của những chiến sĩ “người lái anh hùng” nhãn hiệu Vi-Xi thế nào, mời bạn đọc hãy cùng chúng tôi đọc truyện ngắn “Trận Đánh Cuối Cùng” của văn sĩ Hữu Mai viết ca tụng “anh hùng” Nguyễn Thành Trung và các đồng chí giặc lái Vi-Xi của y một cách trơ trẽn vô duyên trong tuyển tập “Văn 1957-1982” do Tạp chí Văn nghệ Quân đội, số kỷ niệm lần thứ 25, xuất bản năm 82, để thấy trình độ nói phét của Vi-Xi nó “siêu” đến chừng nào mà cười đau khóc hận cho vận số hẩm hiu đất nước...

Phản lực cơ A-37

Hữu Mai mở đầu “Trận Đánh Cuối Cùng” bằng câu “Một ngày thật dài...”. Y cho biết buổi sáng hôm đó còn ở Gia Lâm, có lệnh đi công tác ngay bằng chiếc IL-18. Đi người không và một giờ sau đáp phi trường Đà Nẵng. Hữu Mai viết theo thể văn tự thuật, dùng chữ “chúng tôi” nên người ta có thể hiểu y chính là một trong những tên giặc lái Vi-Xi được cử vào Nam làm cái “Mission Impossible” này và viết bài tường thuật. IL-18 là phi cơ vận tải như C-47 của Không Quân miền Nam. Y nói “lần này chúng tôi đi công tác người không” - chắc là cho nhẹ, để chuyển về còn chở theo chiến lợi phẩm “hia” được của miền Nam “phồn vinh giả tạo”. Có lẽ bọn y không mang theo cả vỏ cau khô đánh răng, khăn mặt hay cơm nắm muối vừng làm chi cho nặng. Hữu Mai chắc ăn, không cần bắt chước đàn anh Khổng Văn Tuyết ngày xưa... tay

đôi không chiến với máy bay “Con Ma” (Phantom) hay “Thần Sấm” (Thunderbolt) của đế quốc Mỹ xâm lược. Anh hùng Không Văn Tuyết bay phi cơ MIG đem theo cơm nắm muối vừng, một ấm nước sôi và cả cái điều cày lên trời, tắt máy phây phả nằm gác chân chữ ngũ mai phục trong mây, đợi từ sáng tới chiều cho khỏi tốn xăng, khi thấy phi cơ Mỹ tới là mở máy nhào xuống bắn hạ cái một...!

Bọn giặc lái Vi-Xi hạ cánh xuống phi trường Đà Nẵng sau một giờ bay. Sân bay Đà Nẵng “rộng và dài hun hút” được Hữu Mai mô tả là “siêu cấp”, hơn gấp bội phi trường Gia Lâm của miền Bắc anh hùng. Cái phi trường Gia Lâm của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc, theo lời cậu Trác “Thuốc Lào” phi công C-130 kẹt lại, đã từng bay chở cán bộ, bộ đội Vi-Xi từ Bắc vào Nam công tác và chở đồ thổ phỉ gồm cả kẽm gai, tôn gỗ và... ghế đá công viên từ Nam ra Bắc; sau còn được trưng dụng dạy bay và dạy Địa huấn cho bọn giặc lái Việt cộng trước khi “thầy” bị cho đi tù cải tạo. Hồi vượt biển qua Mỹ, cậu Trác đã kể lại với kẻ hèn này rằng:

- Phi trường Gia Lâm vắng như nghĩa địa bỏ hoang, cỏ tranh mọc cỡ đầu người... Tớ đáp xuống, thấy bộ đội lữ lượt từng đoàn vác liềm vào cắt cỏ tranh rồi gồng gánh đi ra... Sau đó lại một bầy dân chúng kéo vào một những đám tranh còn sót lại! Phi trường này cũng như phi trường Bạch Mai không có đài Kiểm soát Không Lưu. Mỗi lần có máy bay ngoại quốc đến, chúng nó mượn một thằng Air Traffic Control người Nhật nói tiếng Anh vào hướng dẫn cho phi cơ đáp hoặc cất cánh xong rồi về.

Nên chi nhìn thấy phi trường “siêu cấp” Đà Nẵng, bọn pilot Việt cộng cứ nghệt mặt ra. Hữu Mai cho biết, “Ngay sau khi đáp xuống Đà Nẵng, có đồng chí Tham Mưu trưởng đứng đợi bên chiếc A-37 sơn màu vằn vện, hình thù dữ dội, giống như một con thú rừng chưa thuần hóa”. Đàn anh ra lệnh cho các đàn em tập buồng máy ngay, “chỉ có từ ba đến năm ngày chuẩn bị”.

Màn tập tành “ba đến năm ngày” này quả là chuyện phong thần. Nhưng ai không làm được chứ Vi-Xi cái gì mà làm không được? Không làm được bằng chân tay, trí óc, các con làm bằng... mồm! Hữu Mai viết, “Nếu trước đây có ai nói như vậy thì đó là nói đùa. Trong chiến tranh, những lần chuyển loại máy bay gấp gáp nhất cũng phải mất ba tháng. Không thể đùa với máy bay. Ở trên không, không có điều kiện để rút kinh nghiệm cho những sai lầm...”

Nói vậy cho nổi bật cái khả năng thần thánh của con người cộng sản “siêu cấp” và để bọn Ngụy nghe mà sợ chơi. Câu nói trên là áp dụng cho việc chuyển loại phi cơ cộng sản thôi đấy, mà cũng cần tới ba tháng là tối thiểu. Vậy mà các “đỉnh cao trí tuệ” chỉ cần từ ba tới năm ngày, nghe phát rét. Huống hồ bọn giặc lái Vi-Xi tiếng Anh tiếng U không biết một mẩu, ngoài ba tiếng “oản tù tì”...! Hữu Mai viết, “Mỗi feet bằng bao nhiêu đơn vị đo lường của ta nhỉ? Làm thế nào hiểu được hết những tiếng Anh trong buồng lái để khỏi phải nhớ các công-tắc, các đồng hồ bằng vị trí của chúng?...”

Cái này phải hỏi cậu Trác Thuốc Lào, tự nhà văn KQ Trác Vũ. Cậu Trác Thuốc Lào một lần chịu không nổi những quả... ngu của lũ giặc lái con cháu lão Hồ, đã buột miệng chửi thề, xém bị mất cái chỗ đội mũ vì lỡ “hồn”, lỡ coi thường các đấng đỉnh cao trí tuệ. Cậu Trác kể:

- Phi công Việt cộng, chúng nó từng qua Nga học bay MIG. Nhiều đứa ở Nga đến 6, 7 năm mà khi về nước vưỡn đếch biết nói tiếng Nga La Tư mới tếu! Bọn chúng nó đi học, có thông dịch viên đi kèm theo để theo dõi, kiểm soát... Trong lớp thầy dạy gì, kẻ bố thầy, chúng không cần nghe vì khi về phòng có thằng thông dịch lại... Tớ bỏ công dịch tất cả sách kỹ thuật tiếng Anh ra tiếng Việt, dạy chúng nó hoàn toàn bằng tiếng Việt. Thế mà mình đọc, chúng không hiểu. Đánh vằn đi đánh vằn lại từng chữ như dạy trẻ con i-tờ-rít, chúng nó vẫn không biết viết ra làm sao. Tớ lập đi lập lại, bọn chúng vẫn ngớ ra như chúa tàu nghe kèn, mặt đàn

độn trông phát giận... Một lần, nhin không được, tớ buột miệng chửi thề, “ĐM, sao các anh ăn gì mà ngu quá vậy?” Mình quen mồm như trước đây đùa rỡ với bạn bè... Chúng nó sừng sộ hỏi tội làm tớ xanh mặt.

Kẻ hèn này hỏi đó nghe cứ tưởng cậu Trác bôi bác Vi-Xi, không tin nổi, nghĩ rằng cậu phạ ra để tếu chơi. Lại gì cái giống Không Quân, bạn bè gặp nhau, đứng tần số là tha hồ đấu hót vung vít, hư thực khó lường... nên bèn hỏi đều một câu:

- Thế hả? Thì ra chúng nó là bọn ngu cả lũ. Nhưng “ngu” mà chúng nó bay MIG, dám chơi “dog fight” tay đôi với pilot Mỹ? Cậu Trác nói vậy thì chúng tôi biết vậy...

“Dog fight” có nghĩa là “không chiến”, là vắc máy bay uýnh lộn trên mây, giữa tầng trời. Cậu Trác Thuộc Lào được coi là một pilot vận tải hiền nhất nước Không quân, thật thà như đếm. Nghe kẻ hèn này nói câu móc lò, cậu chỉ cười cười, phô hai hàm răng đầy nhựa thuốc Lào, kể tiếp:

- Đàng ấy tưởng chúng nó bay MIG thật đấy hả? Mình làm hết. Máy cậu Mèo đồng mình mặc cảm, sợ quốc tế chê cười nên nhiệt liệt thổi phồng pilot Vi-Xi là ghê gớm để tăng giá trị của mình và để khỏi mang tiếng người nhớn bắt nạt ranh con. Chúng nó có đi Nga thật, học tới sáu, bảy năm lận. Nhưng chúng chỉ lo buôn lậu “quần bò” đem về nước bán kiếm lời, bay với bồng mẹ gì. Toàn là bọn con ông cháu cha hay thành phần chặn trâu gánh nước có thành tích đấu tranh giai cấp tích cực, đấu cha, tố mẹ, dò la hàng xóm, được phong làm “anh hùng”, cho đi học lái nhưng chữ nghĩa đâu mà học?... Các cuộc không chiến với phi cơ Mỹ đều do pilot Bắc Hàn hay Trung cộng lái. Pilot Vi-Xi được cho đi theo, nhiều đũa thú thật với tớ chỉ là... “thợ vịn”! Ngoài Bắc chúng gọi bằng danh từ rất kêu, là “tháp tùng tử”!

“Người lái” kiêm nhà văn Hữu Mai, hôm đầu tiên khi từ Bắc vô Nam tay không (cầm bó rau), mô tả rằng bọn y đêm đó lo cóc ngủ nghề gì được. Phần vì cấp trên giao phó cho nhiệm vụ học bay A-37 chỉ trong vài ngày – với sức các cậu – “sỏi đá làm thành cơm” tương đối dễ ợt, chứ bay bồng loạng quạng là tan nát đời huê ngay. Cậu tả oán, lý do mất ngủ thứ hai là do... không khí. Mùi máy lạnh và vì cái nệm mút dày êm quá, các cậu ngủ không quen... “Không khí hơi ngọt ngọt. Chắc là còn phải một thời gian mới quen được với cái mùi nhân tạo của máy điều hòa nhiệt độ. Một mùi hăng hắc, nồng nồng. Mùi gì vậy?... Ngoài kia, ở thành phố đang tỏa một vùng ánh sáng xanh trong lên bầu trời đêm, chắc còn nhiều thứ chúng tôi còn phải lạ lắm!”

Đúng dzậy! Các con sẽ còn thấy nhiều thứ “lạ” hơn nữa ở miền Nam. Cái mùi đó là mùi “hăm-bơ-gơ” của đế quốc, khi đã quen rồi, các con sẽ ghiền và khi ghiền tới độ nặng là các con sẽ chết không kịp ngáp đấy. Mất ngủ, suy nghĩ đến gần phát hoảng, Hữu Mai dẹp tự ái “đỉnh cao trí tuệ”, ao ước, “Giá có mấy anh nhân viên lái cũ của Ngụy ở gần đây để yêu cầu họ ghi lại cho những hàng chữ Anh ở trong buồng lái thì hay quá. Mỗi tối trước khi ngủ say sẽ in luôn nó vào trí nhớ...”

Mẹ kiếp, khi tỉnh học còn cóc vô, học theo lối “ngủ say” thì học với hành thế chớ nào được? Mà chỉ có từ ba tới năm ngày để bay cho được chiếc A-37. Ngụy chúng nó trước khi học lái, phải tới Lackland trụ trì ít nhất vài tháng học Anh ngữ. Hữu Mai sau đó kể rằng y và đồng bọn được hai “nhân viên lái” mới được lựa chọn từ trại tập trung về kèm cho các cậu học Anh văn và học bay. “Cả hai đều gầy nhom. Người cao để râu tên là Xanh, người Quảng Bình, theo gia đình di cư vào Nam năm 1954. Người thấp nhỏ là On, quê ở Gò Công. Cả hai người đều ngạc nhiên khi thấy chúng tôi không hỏi đến vấn đề cơ bản, không hỏi về cách xử trí trong trường hợp máy móc hỏng hóc, mà hỏi ngay vào công-tắc điều khiển những đồng hồ bay...”

Cái này phải xét lại ạ. “Những vấn đề cơ bản” nghĩa là cần điều khiển phi cơ, là những nút bấm, nút bật để mở máy, để chỉnh động cơ, để điều khiển bánh đáp, góc dựng cánh lái đuôi, vv... các con không cần hỏi tới thì bay cái củ gì? Các con muốn chứng tỏ ta đã rành nghề, đâu cần biết tới vài ba cái lẻ tẻ, hay hỏi những cái “cơ bản” sợ quê xệ với bọn giặc lái Ngụy? Bọn giặc lái Ngụy, phi công phản lực A-37 bị các con khi dễ, chê là “gày nhom”, đâu phải vì miền Nam đói khổ, thiếu dinh dưỡng? Mà vì họ mới được móc từ trong “tù cộng sản” ra đấy!

Cậu Trác Thuốc Lào kể chuyện hồi đó trong chuyến bay chở đồ thổ phỉ ra Bắc, có một thằng đại tá Không quân Việt cộng đi theo, đòi lên phòng lái ngồi ghế copil thay thằng công an “bảo vệ” như thường lệ. Trên đường bay, trời êm ả, cậu Trác lên cơn ghiền, móc cái điều cây ra, rít một bi thuốc Lào. Đang phê phê khoái tử thì anh đại tá Không quân Nhân dân tò mò hỏi chàng giặc lái miền Nam:

- Cái đồng hồ này là đồng hồ gì, có mỗi một cánh tay?
- Dạ, nó là cái đồng hồ “ây-đi-ép” (ADF), dùng để bay phi cụ khi trời xấu không thấy đường, từ điểm này tới vị trí khác. Có nó mới lấy đúng hướng được, không sợ phi cơ mất hướng, bay lạc...

ADF là “Automatic Directional Finding”. Tên Đại tá Vi-Xi nhìn cậu Trác Thuốc Lào với vẻ nghi hoặc kỳ cục:

- Anh nói thật chứ? Đề nghị anh giải thích thêm cho tôi được đã thông. Tôi không hiểu sao lại có thứ đồng hồ gì lạ như vậy?

Cậu Trác nhà ta cũng nhìn tên Đại tá bằng vẻ nghi hoặc kỳ cục không kém:

- Phi cơ có ba cái đồng hồ phi cụ căn bản là đồng hồ chỉ cao độ, vận tốc và đồng hồ chỉ hướng, hay la bàn. ADF là đồng hồ tìm hướng khác, dùng tần số đài phát tuyến cố định dưới đất.

Khi thấy thằng cha Đại tá hỏi, tớ tưởng nó muốn thử, muốn khảo sát trình độ và khả năng của mình, nên tớ ậm ừ không nói. Nhưng sau thấy nó có vẻ không biết thật ông ạ. Nó đưa tay sờ sờ cái đồng hồ, trầm ngâm nghĩ ngợi rồi hỏi nữa, “Anh nói bị mất hướng, dùng đồng hồ này lấy lại được đúng hướng à?”. Nó bảo tớ biểu diễn thử, lúc bấy giờ tớ mới tin là nó không biết thật! Tớ cho phi cơ vòng trái vòng phải, nhào lên chúi xuống, quẹo tới quẹo lui, tăng giảm cao độ lung tung xong mới đem về bình phi, lấy cao độ cũ và chỉnh mũi phi cơ bay theo đúng hướng cũ của đồng hồ ADF. Thằng Đại tá ngồi bên bị vertigo, mặt cứ thộn ra. Mãi nó mới hoàn hồn, tấm tắc:

- Hiện đại thật...! Đúng là Mỹ có khác!

Pilot C-130 Trác Thuốc Lào sau đó mới cảm thấy tự nhiên, thấy hân hoan vì mình “nhớ” hơn anh Đại tá Vi-Xi nhiều – ở tài bay và kiến thức phi hành. Trác Thuốc Lào từ hôm đó mới biết rõ:

- Mất miền Nam đau quá. Chúng nó ngu hơn chó chứ tài giỏi gì. Chúng chỉ giỏi lừa bịp và nói phét! Trình độ một thằng Đại tá, khả năng và kiến thức không bằng một Thiếu úy của mình. Tớ có hỏi nó, ở ngoài Bắc phi cơ của các ông không có đồng hồ giống như ADF của chúng tôi, làm sao mà bay từ tỉnh này tới tỉnh kia khi thời tiết xấu hay bay đêm được?

Xin bà con Không Quân lắng nghe câu trả lời của cậu Đại tá Không quân Hà Nội rất đáng đồng tiền bát gạo như thế này:

- Ngoài Bắc chúng tôi dứt khoát không bay đêm. Chúng tôi có khẩu hiệu “Tự Đi, Tự Đến, Tự Về”. Nghĩa là khi nhìn thấy rõ đường đất làng mạc bên dưới thì người lái cứ việc tự mình bay theo con đường lúc đi và khi về cũng bay theo đường cũ mà về, vừa an toàn mà vừa không cần có người dưới đất điều hành chỉ đạo đường bay như các anh!

- Hèn chi, cậu Trác nói, có lần tớ để cho một thằng giặc lái Vi-Xi lái từ Hà nội đi Tuyên Quang. Nó bay như thằng say rượu, bay rất thấp dưới mây và cứ lò dò bay theo đường lộ. Buổi chiều, theo lời dặn, bốn giờ rưỡi phải trở về Hà nội, tớ ra mở máy... Đang loay hoay check máy thì ba thằng Vi-Xi xách súng AK chĩa vào tớ quát tớ tắt máy đi xuống...

Lúc đó trời mưa lâm râm. Thằng cán bộ xếp xòong xừng sộ hỏi Trác:

- Đi đâu? Ai cho anh mở máy?

Trác phân bua:

- Cán bộ bảo bốn rưỡi về mà?

- Không về. Trời mưa. Ở lại đây tối nay.

- Nhưng mưa nhỏ... Mưa phùn bay đâu có sao?

Y trợn mắt nhìn Trác:

- Anh không biết bay trong mưa nguy hiểm sao? Tôi nói ở lại hôm nay!

Khả năng của cậu Đại tá Không quân ngành bay Việt cộng là như thế. Hữu Mai cấp bậc gì, y không giới thiệu, nhưng khả năng chắc cũng chẳng khá hơn đàn anh Đại tá với tiết lộ về khẩu hiệu “tự đi, tự đến, tự về” làm té ngựa bà con Không Quân Ngụy, thoạt nghe tưởng phi cơ được trang bị hệ thống ô-tô-pai-lốt “hiện đại”, tự nổ máy, tự cất cánh, tự bình phi, tự tìm lấy đường về căn cứ, tự hạ cánh, tự lồm cồm bò đi đổ xăng, và tự di chuyển vào bãi đậu...!

Đêm đầu tiên không ngủ. Đêm sau bớt lo vì đã có hai anh giặc lái Ngụy tên Xanh và On đến giúp nhưng cũng khó ngủ vì cái mùi “hăm-bơ-gơ” của đế quốc nó ám ảnh quá trời trời. Hữu Mai thuật lại rằng, Xanh và On đã rụt rè hỏi chúng tôi, “Chúng em muốn đề nghị các anh cho đi theo trong trận đánh được không? Chúng em sẽ không phụ lòng tin cậy của các anh...” Mẹ kiếp, toàn dân Không Quân chúng ta có ai tin được không, cái giọng “điều đóm” sặc mùi Vi-Xi nghe hèn không tả được. Pilot Không Lực ViệtNam Cộng Hòa làm gì có thói quen xưng hô “anh, em” với cấp trên và cấp trên “mày, tao” với cấp dưới như anh tướng lợ xe Đinh Đức Thiện của quân đội Vi-Xi? Nhờ các cậu một tí. Viết gì thì viết nhưng cũng phải gần với sự thật người ta mới tin. Đem bôi bác địch kiểu đó chỉ làm cho địch nó cười!

Sau đó Hữu Mai tường thuật đến kế hoạch dùng phi cơ A-37 của VNCH để tấn công bắt ngờ phi trường Tân Sơn Nhất nhằm gây chấn động tâm lý và hoang mang quân chúng, đẩy nhanh đà di tản của Mỹ. Y nói đến những mối lo, cốt tăng phần nghiêm trọng cho phi vụ “Biên đội không có máy bay tiêm kích đi kèm để bảo vệ. Nếu kẻ địch phát hiện máy bay lạ từ phía Bắc bay xuống, chắc chắn chúng sẽ dùng bọn F-5 để ngăn chặn...” Và “Làm thế nào để lọt qua mạng lưới ra-đa tối tân của địch trên suốt chặng đường dài từ nơi máy bay cất cánh đến Tân Sơn Nhất? Lần này lại không có đài dẫn đường, chúng tôi đều chưa thuộc địa hình, làm sao bay đến đúng mục tiêu?”

Hữu Mai còn nói đến nguy hiểm thời tiết, mưa bất ngờ và kể ra nào hệ thống cao xạ phòng không của cả hai phía nhắm bắn vì không biết phi cơ phe nào. Y kể ra một lô những trở ngại nhưng sau đó kết luận, “Mọi trở ngại đều được lần lượt giải quyết (?)”.

Vai trò của Nguyễn Thành Trung bấy giờ mới được nói đến, “Đồng chí Nguyễn Thành Trung bảo đảm sẽ đưa toàn Biên đội đến mục tiêu. Anh là người của ta hoạt động trong hàng ngũ Không Quân Ngụy, mới từ bên kia chiến tuyến trở về sau khi đã trút hai trái bom xuống dinh Độc Lập. Ta sẽ cố tránh các trận địa cao xạ cả của ta và của địch được chừng nào hay chừng ấy... Chúng tôi sẽ cố giáng cho kẻ địch một đòn thật bất ngờ...”

Nguyễn Thành Trung dẫn đầu Biên đội tới mục tiêu, với On được tham gia trận đánh. Trung là kẻ đã tích cực đóng góp ý kiến vào kế hoạch đánh Tân Sơn Nhất bởi tên phi công

phản quốc này nằm vùng, nắm rất rõ tình hình và địa hình cùng các yếu tố quan trọng khác. Chúng dùng phi cơ A-37 phát xuất từ phi trường “siêu cấp” Phan Rang, sân bay Thành Sơn. Theo kế hoạch, Trung sẽ xuống đầu tiên “cắt” bốn lần bốn trái bom thành một vệt dài làm chuẩn cho những máy bay sau oanh kích.

Dù có khả năng siêu việt “tự đi, tự đến, tự về” nhưng bọn giặc lái Vi-Xi cũng thập phần vất vả từ Phan Rang bay vào vì... trời mưa! Để chứng tỏ trời mưa nguy hiểm đến độ phi công Nguyễn cũng teo bu-di cho đỡ mất mặt bầu cua, Hữu Mai viết, “Sau này, đồng chí Nguyễn Thành Trung nói lại với chúng tôi, trên đường bay có lúc anh nẩy sinh ra ý nghĩ đưa Biên đội quay trở về vì thấy thời tiết quá xấu.” Y mô tả cảnh rừng rợn, khi chiếc A-37 dẫn đầu của Nguyễn Thành Trung chui vào mây, các anh con giặc lái Vi-Xi tí nữa thì... xón đá, thần kinh căng thẳng, bởi như anh Đại tá Vi-Xi đã nói, “Ngoài Bắc trời mưa, chúng tôi không bay!”

Cũng may cơn mưa nhẹ hều và cục mưa bé tí xíu nên chưa đầy ba mươi giây đồng hồ bọn không tặc Vi-Xi đã bay ra vùng trời sáng rõ... “Chúng tôi đã ra khỏi mây. Không phải mất nhiều công tìm kiếm, lại nhìn thấy máy bay của Biên đội trường...”

Hú vía. Vừa thoát nạn là các con lại yên tâm nói phét ngay. Hữu Mai, có lẽ là tên giặc lái Mai Vượng viết thế này, “Chúng tôi nhìn xuống mặt đất. Phía trước không xa, hai dãy nhà thấp cao lố nhố nằm dọc theo một trục đường. Đúng là một thị trấn. Bà Rịa đây rồi! Người bỗng cảm thấy nhẹ nhõm hẳn. Đồng bào đi lại rất đông trên mặt đường. Đột nhiên những đám người đông đặc ấy vỡ ra, tóe sang hai bên đường và bỗng chốc quang hẳn đi. Chúng tôi hiểu ngay... Đồng bào tưởng nhầm chúng tôi là những máy bay từ Saigon đến oanh tạc. Lòng chúng tôi se lại với ý nghĩ có hàng ngàn cặp mắt đang ném về phía mình những cái nhìn căm ghét và sợ hãi...”

Nhờ cậu tí. Saigon ở hướng Nam của Bà Rịa, phi cơ các cậu bay từ hướng Bắc xuống, đồng bào “tưởng nhầm” thế quái nào được? Đoàn người xuôi Nam để chạy các cậu đấy, sợ các cậu đấy, căm ghét các cậu đấy. Không Quân miền Nam, trong chiến tranh, đôi khi xảy ra chuyện “ném chuột vỡ đồ”, đồng bào có thể lâm vào cảnh tên bay đạn lạc nhưng con số thật ít nhưng không ai thù ghét Không Quân bằng thù ghét cái bọn đi đến đâu là đem tang tóc điêu linh đến đó như lũ cha con đồng chí của các cậu. Vụ chôn sống mười ngàn người hồi Tết Mậu Thân 68 ở Huế mới khiến đồng bào dẫm đạp lên nhau mà chạy, gây nên thảm trạng “Đại Lộ Kinh Hoàng” hồi mùa hè đổ lửa 72 và cảnh di tản “Con Đường Máu” từ Pleiku về Tuy Hòa tháng 3, năm 1975... Hữu Mai lòng thông kể chi tiết “Trận Đánh Cuối Cùng” vào Tân Sơn Nhất với đầy đủ tính chất ly kỳ gay cấn và đầy phét lác kiêu Vẹm ăn không nói có cực kỳ trơ trẽn và nham nhở, ba xạo không thể tả. Chẳng hạn bay hành quân đột kích Tân Sơn Nhất “hoàn toàn bí mật và bất ngờ” nhưng lại dùng tần số hành quân của Không Quân VNCH để nói chuyện với nhau và nghe được “một giọng thất thanh, một giọng nói bằng tiếng Bắc”:

- Số Bốn đi đâu thế kia? Sao lại thế kia? Nhảy dù đi chứ?

Trái tim chúng tôi thất lại. Có lẽ nào chưa kịp làm nhiệm vụ mà một người trong chúng tôi đã phải nhảy dù? hìn nhau, vẫn thấy đủ năm chiếc A-37 trên một đường bay ổn định.

Cái giọng Bắc ban nãy thét to:

- Cháy rồi...! Số Bốn nhảy dù đi!

Nhìn lại hai tên địch (?), chúng tôi chột hiểu ra. Một chiếc AD-6 đang bùng cháy. Chắc nó trúng đạn của bộ đội ta tại nơi nó tới oanh kích, cố lẽ về đến đây, nhưng nó vẫn không thoát. Tên lái chiếc AD-6 này không nhảy dù. Chiếc máy bay lao xuống đất...

Bổ khỉ. Cứ như trong xi-nê-ma! Phải có những chi tiết gay cấn ấy mới nổi bật chiến công vĩ đại của bọn Hữu Mai. Rồi cảnh đánh phá Tân Sơn Nhất cũng được mô tả y hệt cảnh những người hùng trong phim “Bla Bla Black Ship” vừa bay bỏ bom, bắn cà nông, vừa cười vui vẻ ra cái điều ngon lành dửng dưng. Nguyễn Thành Trung đánh trước, bom không ra, làm vòng tiếp.

Đại đội phó Từ Đễ theo sau Trung, nhắm hangar A-37 nhưng bom rơi mẹ nó sát chiếc C-130 vừa hạ cánh ở tuốt luốt bên này bãi đậu Whiskey Five (W-5). Rồi Đại đội trưởng Lục thả bốn trái nhưng lóng ngóng chỉ rơi có hai. Sau đó là Vượng và On, nhắm vào hangar A-37 nhưng đều trật lất!

Hữu Mai viết, “Những việc trên đã diễn ra hết sức nhanh chóng.” Chúng ta hãy đọc tiếp những đoạn văn dưới đây để xét giá trị toàn bộ bài viết “Trận Đánh Cuối Cùng”...

Đến lúc đó mới nghe thấy tên trực ở sân bay bắt đầu kêu lên:

- Tân Sơn Nhất bị pháo kích...!

Một tên khác, nghe giọng nói có vẻ là một tên chỉ huy, lập lại:

- Tân Sơn Nhất bị pháo kích! Rồi hấn hỏi tiếp A-37 của Phi Đoàn nào, xin cho biết tên?

Giữa lúc đó, Biên đội trưởng đã lao xuống sân bay lần thứ hai. Nhưng rồi thấy anh kéo lên, tiếp tục lượn vòng. Những trái bom vẫn chưa chịu ra.

Một giọng nói khác bằng tiếng Anh, chắc là của một tên Mỹ, lập lại câu hỏi của viên sĩ quan trước đó:

- A-37 của Phi đoàn nào?

Giọng nói hách dịch của tên Mỹ đã làm cho Đại đội phó Từ Đễ nổi nóng. Anh quát to:

- Phi đoàn A-Mê-Ri-Ca đây!

Mẹ kiếp, thối không người được. Đang bay trên trời, trong phòng lái kín mít, lo bỏ bom, nhắm bắn mục tiêu mà có “thiên lý nhĩ”, nghe được cả “tiếng tên trực ở sân bay bắt đầu kêu lên...” thì quả là con đẻ của Tề Thiên Đại Thánh! Rồi đang từ một thằng “người lái” mới vài hôm trước không biết nổi “mỗi feet là bao nhiêu đơn vị đo lường của ta” và “làm thế nào hiểu được hết những tiếng Anh trong buồng lái...” vậy mà hôm sau đã nghe rành rọt “giọng một tên Mỹ”, hiểu được nó nói gì và tên Mỹ còn biết “lập lại”, dịch ngay tại chỗ ra tiếng Anh câu hỏi của viên sĩ quan Việt, mới ly kỳ! Tên giặc lái Từ Đễ còn biểu diễn màn Tarzan nổi giận, quát to lên cho thằng Mỹ sợ vãi đá! Ghê thiệt..!

Hữu Mai sau đó, được thể, cương thêm:

Bây giờ từ sân bay mới vang lên những tiếng hoảng hốt:

- Bốn A-37 ném bom Tân Sơn Nhất... Đề nghị các máy bay hãy tránh xa!

Cái vụ “nghe thấy tên trực sân bay” ở đoạn trên có thể tạm hiểu là đương sự nghe trên tần số hành quân của bọn Ngụy cũng được đi. Nhưng việc “từ sân bay bây giờ mới vang lên những tiếng hoảng hốt” thì đúng là... “bu-siệt”! Không Quân Miền Nam đâu có lối nói lịch sự kiểu Vi-Xi “đề nghị”? Người miền Nam nói “yêu cầu tránh xa” chứ trong trường hợp bắn xúc xích đó, làm quái gì có mục “đề nghị tránh xa”?

Vấn nò Hữu Mai vót vát thể diện cho Biên đội trưởng Nguyễn Thành Trung và bọn thợ gắn bom mà bom không nổ (có thể lính của ta bị ép buộc trang bị bom đạn cho Vi-Xi đã cố tình chơi đều?)... “Chiếc máy bay của Biên đội trưởng đã giận dữ lao xuống lần thứ ba. Lần này, bốn trái bom của anh cùng rơi một lúc. Một đám cháy mới bùng lên tại khu vực tập trung máy bay tiêm kích F-5...” Xạo ke! Tân Sơn Nhất làm chó gì có khu vực nào tập trung F-5?

Từ đầu đến cuối toàn nói phét. Nói phét lộ liễu trắng trợn và bất chấp sự hợp lý của sự kiện. Cậu văn nô liên tục nói phét với mục đích đáng bóng thành tích với những chi tiết chỉ có thể đánh lừa được bọn lãnh đạo già nua ngớ ngẩn của các cậu, đánh lừa đám dân miền Bắc đã được họ Hồ làm cho ngu từ năm 1954... Còn đối với nhân dân miền Nam, nhất là với “bọn giặc lái Ngụy”, thì chỉ tổ làm trò cười rẻ tiền như cái phét vĩ đại trong bài “Trận Đánh Cuối Cùng”, khi Hữu Mai viết về chuyến bay trở về của đám không tặc Vi-Xi.

Từ Đễ gần hết xăng khi về gần căn cứ xuất phát nhưng y biểu diễn màn “người hùng” cải

lượng không chịu được. Y không báo cáo sắp hết xăng, không chuẩn bị nhảy dù và quyết định khi hết xăng sẽ dùng “tốc độ thừa” để chiếc A-37 tắt máy, thành máy lượn, đáp êm ru bà rù cho thiên hạ sợ chơi. Y học bay A-37 trong vòng từ ba tới năm ngày, khoe chỉ mới bay thử có một lần là ra trận! Vụ cạn xăng chỉ là bịa đặt, tạo nỗi lo sợ cho có về hồi hộp bà con chơi thôi. Đồng chí Đại đội phó đã nhìn thấy phi trường! Nguyễn Thành Trung bay sau cùng, nhắc “số Hai” Từ Để nhớ bật đèn đáp trước khi hạ cánh.

Đồng chí Đại đội phó nhìn những nút nút trước mặt mình. Anh không tìm thấy công-tắc đèn pha ở đâu. Nhưng không sao, trời tuy gần tối, nhưng anh vẫn cảm thấy thời tiết ở đây tốt lắm vì anh vẫn còn nhìn thấy đường băng. Anh tự bảo, mình chỉ cần giữ sao cho mọi động tác thật chính xác. Chiếc máy bay chiếu hướng đường băng hạ dần độ cao. Đài chỉ huy sân bay đã đồng ý cho Để hạ cánh trực tiếp.

- Số Hai bật đèn pha! Biên đội trưởng nhắc lần nữa vì tưởng đồng chí Đại đội phó quên.
- Rõ! Để đáp gọn.

Anh không trả lời Biên đội trưởng được nhiều hơn vì đang phải dồn toàn bộ tinh lực vào việc tiếp đất. Hai bánh xe phía trước đã chạm mặt đường băng. Thế là xong. Chiếc máy bay theo đà tiếp tục lướt về cuối sân. Nó nằm ịch lại không chịu sự điều khiển của anh nữa. Anh không biết đầu của mình đã hết tự lúc nào. Có thể là từ khi máy bay chưa tiếp đất và anh đã hạ cánh bằng tốc độ thừa...

Độc giả từ bao nhiêu năm sống trong xã hội ưu việt miền Bắc chắc chắn sẽ tin lắm, phục lắm, vì dân trí được Bác và Đảng dạy dỗ phải tin những gì Bác và Đảng muốn dân nghe và tin. Như trước đây phải nghe và tin máy bay Mỹ Ngụy làm bằng giấy và dân quân miền Bắc lấy sào tre... thọc phi cơ “Con Ma, Thần Sấm” rớt như sung rụng chẳng hạn.

Nhưng cái bọn nhân dân ngoan cố miền Nam thì phải xét lại ọ. Nhất là bọn giặc lái Ngụy thì dù ngu si cách mấy cũng bật cười phì khi đọc sáng tác “Trận Đánh Cuối Cùng” của Hữu Mai trong tuyển tập Văn 1957-1982 của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội Việt Cộng. Trong đó, những “người lái anh hùng” mang nhãn hiệu Vi-Xi đã học Anh văn và học bay phản lực cơ chiến đấu A-37 trong vòng năm ngày, có đưa chỉ bay thử có một phũa là bay vung vít, đánh đấm vung vít, nói tiếng Anh vung vít. Cả bầy bay hồ hởi tới lúc sắp cạn xăng (chúng gọi là dầu) cũng cóc biết. Không biết cả tới cái công-tắc bật đèn pha nằm ở chỗ nào và đáp mò, đáp không đèn ở một phi trường nhỏ và xa lạ, khi phi cơ đã tắt máy và đáp như để!

Cậu Pilot Trác Thuốc Lào nghe chuyện chỉ cười khinh khỉnh ra cái điều “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!”... Hữu Mai kết luận rất dzui thế này:

- Mọi người cười àm lên. Khi trận đánh đã hoàn thành, khó khăn đã qua rồi, thì những chuyện như vậy lúc này đều có thể trở thành chuyện vui...

Đúng như dzậy. Dzui dễ sợ. Cũng may Hữu Mai, có lẽ là tên giặc lái Vi-Xi Mai Vượng đã “hy sinh”, ngòm củ tĩ trong trận đánh nhau với thằng đàn anh Trung Quốc, bị mấy mụ xảm du kích Tàu phũ cầm sào tre thọc rớt, chết lẩn cù đèo, nếu không, bây giờ độc giả còn được thưởng thức nhiều sáng tác dzui hơn nữa. Như chuyện “người lái anh hùng” Hiệp Sĩ Mù của đảng cướp Vi-Xi đáp phi trường Ngã Năm Chuồng Chó chẳng hạn – và đáp không đèn. Thật đáng tiếc!

Phụ đính II

Bà tôi

Bà tôi thương yêu tôi nhất trong gần hai mươi đứa cháu nội ngoại của bà. Bà bảo tôi tuy nghịch ngợm nhưng biết nghe lời và học chăm, học giỏi. Bà cho rằng tôi học giỏi vì tôi mới bảy tuổi mà đã biết đọc sách, đọc báo, biết xem đồng hồ, biết làm tính cộng tính trừ và biết cả tiếng Tây!

- Thăng bé sáng dạ ra phết. Mai sau thế nào Bà cũng được nhờ...

Ông tôi mát sớm. Ông mát từ lúc thầy tôi còn nhỏ, đem theo xuống suối vàng cả nỗi nước ao kỳ nguyện được trông thấy con cái học hành đỗ đạt, nên danh nên phận vẻ vang giòng họ. Lúc sinh tiền - bà tôi kể lại - ông tôi nghiêm khắc lắm, bao giờ cũng khuyên răn, nhắc nhở các con phải chuyên cần đèn sách. Ông tôi ấp ủ kỳ vọng, gói ghém ước ao, vun trồng tin tưởng bằng cách đặt tên cho các con là Văn, Bút, Thư, Đăng, Nghiên, Nền... Chao ôi, tấm lòng cha mẹ bao la như biển rộng sông dài. Ai chả muốn cho con cái nên người, công thành danh toại, chức trọng quyền cao làm rạng rỡ tổ tông, hiển vinh thân phận? Nhưng trời chẳng chiều người, ông tôi rời cõi hồng trần quá sớm, ngậm ngùi mộng ước trôi theo. Các bác các chú và thầy tôi đều đi không trọn bước đường khoa cử, thành ra bà tôi đem đặt tất cả kỳ vọng vào nơi tôi, dù tôi không phải cháu đích tôn của bà.

Trong đám anh em thúc bá, chỉ có mình tôi được học ở Hà Nội. Tôi học trường tiểu học Nguyễn Du, gọi nôm na là trường Hàng Vôi. Bà tôi hãnh diện lắm vì có thằng cháu học trường công nơi đất ngàn năm văn vật. Bà thường khen tôi thông minh, sáng dạ. Bà lấy ngón tay dỉ vào trán tôi:

- Cái trán này này!... Mai sau thế nào cũng đỗ ông Nghè, ông Cống nuôi bà.

Rồi ôm tôi vào lòng, Bà âu yếm:

- Thế nó có nuôi bà không, hay đến lúc làm quan, có nhà cao cửa rộng lại đuổi gái già này đi ăn mày?

Những lúc ấy, tôi dạt dào cảm động. Tôi dụi đầu trong vòng tay êm ái của Bà, nói lí nhí:

- Dạ thưa Bà có chứ. Cháu phải nuôi Bà chứ...

Đêm về, tôi nằm mơ. Tôi mơ thấy mình thi đỗ. Thấy mình được làm quan, mặc áo gấm, đội mũ cánh chuồn, ngồi trên kiệu có tàn vàng lọng tía, một bầy lính tráng theo hầu... “Trạng nguyên đầu trọc” vinh quy bái tổ, làng trên xóm dưới đổ xô ra xem mặt ông Nghè, đứng chật ních hai bên vệ đường, trầm trồ bàn tán.

Nhưng chỉ là mơ đấy thôi. Thời buổi tân thời làm gì còn hình ảnh ông Nghè ông Cống với võng lọng nghênh ngang như thời xưa cũ. Như trong các câu chuyện cổ thần tiên kỳ ảo Bà thường kể cho anh em chúng tôi nghe vào những đêm trăng sáng, trên manh chiếu trải giữa vườn ngào ngạt hương cau, lẫn với mùi thơm dịu dàng tươi mát của hoa chanh, hoa bưởi, và bao giờ cũng bắt đầu bằng hai tiếng “Ngày xưa...” êm đềm huyền mộng... Tôi bèn mơ thành ông Huyện mặc com-lê, đeo cà-vạt, đi giày đơ-cu-lơ bóng loáng, có tài xế lái ô-tô đưa về làng... Tôi bắt chước kẻ sang, ngồi chễm chệ nạt thẳng tài xế bóp còi cho dân làng xã tránh đường xe chạy. Tài xế là con nhà Lương. Thăng du côn chuyên môn bắt nạt, ăn hiếp tôi – phải làm tài xế cho tôi – dạ vâng khúm núm mỗi lần tôi nạt nộ. “Mày hà hiếp ông thì ông phải hành mày cho hả!...” Tôi khoái tỉ, lòng phơi phới hả hê. Tôi tưởng ra cái mặt tôi trong mơ, chắc là hớn hờ vênh vang để ghét lắm? Để ghét như bản mặt lão phán Dư hách-xì xằng có cái ô-tô cà tàng mỗi lần về từ Hà Nội, chưa tới đầu xóm đã nặng xì bóp còi như thể ta đây ghê gớm lắm.

Tuổi thơ có những giấc mơ quá đẹp, có cả một thế giới kỳ ảo thần tiên. Tôi sống những ngày óng ả hồn nhiên với không một âu lo tư lự. Nhìn bà tôi tóc bạc, da mồi, lưng ngày thêm cong xuống vì gánh nặng thời gian, tôi bồi hồi ao ước làm sao có phép, vươn vai thành người to lớn như ngài Phù Đổng, đỡ đật về vang để bà tôi được sung sướng thỏa nguyện trước khi nhắm mắt như bà thường bày tỏ.

Nhưng than ôi, thời gian trôi chậm quá. Tôi thừa ấy mới chỉ là đứa trẻ non dại, thỉnh thoảng vẫn còn đái dầm trong giấc ngủ và học hành cũng dốt tẹt tẹt chứ giải giang gì mà bà yêu tôi, lúc nào cũng khen tấm tắc. Bà bảo tôi học giỏi nhưng tôi tự biết rằng tôi học dốt. Không dốt mà mãi đến năm lớp Nhất tôi vẫn còn mù tịt không biết làm tính chia số lẻ và chuyên môn cốp-pi toán động tử!... Cũng bởi lý do tôi cứ bị chuyển trường xoành xoạch nên xáo trộn học trình. Mỗi lần dọn nhà là một lần tôi phải đổi trường. Từ trường Hàng Vôi – Nguyễn Du, đến Sinh Từ – Lý Thường Kiệt, rồi Ngô Sĩ Liên, rồi lại trở về Hàng Vôi... Có năm giữa niên học tôi phải học trường tư nữa. Thành ra mãi tới cuối năm lớp Nhất, gần đến ngày thi Tiểu học, tôi mới “vỡ” ra, mới biết cách làm tính chia có nhớ! Có gì đâu. Một hôm ăn xôi lúa, tình cờ tôi vớ được tờ giấy gói xôi là tờ giấy xé ra từ sách dạy làm toán, bài tính chia có nhớ! Tôi tần mẩn xem qua và hiểu ngay tót suốt!... Dễ ợt là dễ, thế mà bấy lâu cứ ù ù cạc cạc, tốn bao nhiêu tiền mua đồ ăn, đồ chơi cúng cho lũ bạn để được chúng nó cho cốp-pi toán đố!

Các anh em con chú con bác tôi đều ở Bạch Mai, học trường tư, “*Dốt nát lâu lẳng làm sao bằng thằng cháu này của bà được?*”, bà tôi bảo thế. Tôi nghe mà nở gan phồng ruột. Hàng năm vào mỗi độ hè, tôi được theo bà về Bạch Mai một tháng trước khi trở lại Hà Nội học hè. Tôi đem theo cả sách vở để vây vo, tất nhiên trừ sách toán! Tôi chỉ đợi mỗi khi có khách lạ hay những lúc nhà có đông người, làm như chăm chỉ văn bài, làm như hiểu học, lôi sách ra đọc ông ổng những bài Tập đọc, những bài học thuộc lòng trong quyển Tân Quốc Văn, những bài Sử ký... Thế nào cũng có người chú ý hỏi han, khen ngợi. Ai khen tôi cũng khiến bà vui lòng hả dạ: - Cháu nó học trên Hà Nội, thông minh đáo để. Thầy giáo, cô giáo nào cũng khen sáng dạ, học giỏi. Bác xem, thằng bé chịu khó thế đấy, về chơi mà còn đem theo sách vở để học... Để có mấy đứa chăm chỉ như nó?

Tôi như mãi mê sách vở không nghe câu chuyện nhưng thực tình vênh tai nghe chẳng sót một câu, trong lòng khoan khoái.

Tôi buồn cười mãi về chuyện bà tôi khoe với mọi người rằng tôi biết cả... tiếng Tây! Bà đâu biết rằng tôi “chợ” bà. Suốt niên trình năm ấy, tôi chỉ có mỗi một bài Việt sử trong đó nói đến một anh Tây mũi lõ: bài Giặc Cờ Đen đánh thành Hà Nội, giết chết Đại tá Henri Rivière ở ô Cầu Giấy. Hôm đó cả lớp xôn xao. Thầy viết bài trên bảng cho chúng tôi chép lại. Cái tên Tây được thầy Doanh viết theo lối phiên âm rời “*Hen-Ri Ri-Vi-E-Rơ*”, chữ nào chữ nấy to tướng như con gà mái thế mà lũ học trò cứ giả vờ nhìn không rõ, lũ lượt nói đuôi nhau lên tận bảng đen nắn nót cốp từng chữ vào quyển vở, nhao nhao như ong vỡ tổ:

- Thưa Thầy chữ này đọc làm sao ạ?
- Thưa Thầy chữ này phải viết hoa hay viết thường ạ?
- Thưa Thầy sao tiếng Tây gạch nối nhiều thế ạ?...

Một đứa đưa ra câu trầm trồ ngỡ ngàng:

- Thưa Thầy, tiếng Tây... hay nhĩ?!

Lớp học ồn hơn cái chợ. Lũ nhóc tí chạy đi chạy lại dăm lần bầy lượt từ bàn học tới bảng đen, chỉ tay, dí mắt vào từng chữ. Đứa thì lăm lăm đọc thầm, tay cầm quản bút hoa lên không khí như phù thủy vẽ bùa, mặt mũi đăm chiêu chỉ sợ về tới chỗ ngồi mấy cái chữ Tây rơi mắt trước khi viết lên trang giấy. Đứa thì giọng mũi đọc to ra về Tây con, cãi nhau, đẩy nhau, kêu la chỉ

chóe khiến thầy giáo phải đập rầm rầm thước kẻ trên bàn, quát tướng lên bắt về chỗ hết, bảy giờ mới yên đám giặc.

Về nhà, tôi biểu diễn. Lựa lúc Thầy tôi vui vẻ, tôi đem vở ra, vờ vịt hỏi Thầy tôi cách đọc rồi suốt mấy ngày trời, tôi cứ ra rả đọc đi đọc lại bài Việt sử đến đổi Thầy tôi cấu sừn, gắt lên:
- Học với hành... ngu như con bò! Có mỗi một bài ngắn vài câu mà lải nhải mãi không thuộc. Tưởng thế là hay hóm, tưởng thế là thông thái lắm đấy?

Tôi... tịt mịt. Thầy tôi thừa biết tôi vây vo chẳng nhớ làm tôi ngượng quá, không dám đọc thành tiếng nữa. Bài học ấy cả lớp thuộc như cháo, đứa nào cũng dơ tay xin đọc bài để được điểm cao. Thầy Doanh tủm tỉm cười:

- Giỏi lắm. Bài nào các ông các bà cũng thuộc như bài này thì phúc đức cho tôi quá!

Tôi đem bài sử cũ rích về Bạch Mai lòn thiên hạ. Mỗi lần đọc đến đoạn có tên “Hen-Ri Ri-Vi-E-Ro” là tôi uốn lưỡi đọc to hơn, áp a áp ứng làm ra vẻ chữ Tây khó đọc và để ý xem có ai khâm phục tôi không. Bà tôi triu mền nhìn tôi. Nhác thấy anh Hộ con bác Trưởng Văn lẩn quần gần đấy, Bà mắng:

- Mày xem nó đấy, không bằng một góc nó. Nó là em, nó bé hơn, thế mà đã biết đọc cả tiếng Tây... Không biết xấu hổ! Ngươi này bé không học, lớn làm tướng cướp!

Anh vẫn thường bị Bà tôi chê dốt, đâm ra ghét tôi. Thấy Bà khen tôi, anh tức, trề môi tương vào mặt tôi một câu:

- Tây?... Tây lai ăn khoai cả vỏ, ăn chó cả lông, ăn hồng cả hột!

Tôi “chúé” quá, không thèm học nữa. Tôi lòi trong cặp ra tập truyện bằng tranh “Trúc Mai” cắt từ báo Giang Sơn, mấy cuốn tạp chí Mickey, sách hình Zorro, Tarzan, những tập truyện Nhi đồng như “Ông Vua Tai Lừa”, “Hoàng Tử Tí Hon”, “Cậu Bé Trong Bắp Cải”... bày ra bàn, dờ xem từng quyển. Tôi giống tiếng:

- Eo ơi ghê quá. Con cá sấu ghê quá!...

Tôi chỉ cho anh Thọ, chị Dậu từng hình vẽ, giảng giải. Anh Hộ mới đầu còn làm cao, không thèm lại gần. Anh lấy đồ chơi bày ra phản, nói trống:

- Đứa nào theo tao, tao cho cái này...

Anh muốn dụ anh Thọ và chị Dậu bỏ tôi để chơi với anh. Nhưng mấy cuốn sách hình của tôi quyển rữ hơn bộ khăng, dăm hòn bi đá, con quay tu, mấy đồng xèng... Những thứ đồ chơi “nhà quê”...!

Anh Thọ ghé vào tai tôi thì thầm:

- Tao thèm vào! Tao chơi với mày thích hơn.

Tôi ba hoa chích chòe lật những trang hình phụ đề chữ Pháp. Chỉ xem rồi đoán mò giải nghĩa chứ tôi biết khỉ gì đâu mà anh Thọ với chị Dậu phục tôi sát đất. Một lát sau, chơi một mình chán quá, anh Hộ mon men lại làm lạnh. Tôi tỏ ra mình cao thượng, không chấp nhất chuyện vừa bị anh châm chọc, ngọt ngào nói với anh:

- Anh thích xem cuốn nào em cho mượn? Rồi mai anh đi câu cá, cho em đi với nhé, anh Hộ nhé?...

Chúng tôi quên cả giận hờn. Những mái đầu xanh chụm lại, hể hả cười nói vang nhà. Nhìn chúng tôi hòa thuận, bà tôi vui thích vô cùng.

Hồi nhỏ, tuy ham chơi nhưng tôi rất mê đọc sách, đọc truyện. Thầy tôi có cả một tủ sách lớn nhưng tôi không được phép đụng tới. Thầy tôi bảo đó là những sách truyện dành cho người lớn, tôi chưa đến tuổi để đọc và hiểu. Thầy tôi sợ tôi mãi mê tiểu thuyết xao nhãng học hành...
- Cứ học cho giỏi đi, mai kia khôn lớn tha hồ mà đọc. Chỉ sợ lúc ấy lại mê mẩn ăn chơi không thêm rờ tới sách!

Thầy tôi chỉ cho tôi xem các loại sách tuổi thơ lành mạnh, những loại Sách Hồng, Nhi Đồng Độc Bản, loại sách Măng Non, Tre Xanh, các truyện cổ tích bằng tranh, các truyện dã sử, phiêu lưu đường rừng... nặng tính chất giáo dục hoặc đôi khi là những tiểu thuyết phong tục, đồng quê, tiểu thuyết xã hội có thể văn nhẹ nhàng như tiểu thuyết của Ngọc Giao, Trần Tiêu, truyện loài vật của Tô Hoài, hay truyện của các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn, vv...

Vào những ngày nghỉ, Thầy tôi mở tủ lựa ra một hay hai cuốn phát cho tôi đọc, lần nào cũng dặn dò:

- Chỉ được đọc truyện sau khi đã học thuộc bài, làm xong bài thôi đấy nhé. Sách gì cũng thế, phải giữ gìn cho cẩn thận, không được làm rách, không được bôi bẩn, không được làm quần tai chó... Học trò phải biết thương quý sách vở.

Tôi nhất nhất vâng lời. Thầy tôi bảo đọc sách là để mở mang trí tuệ, để học hỏi, để tăng vốn hiểu biết chứ không phải chỉ để giải trí mà thôi. Thầy tôi cấm tuyệt không cho tôi đọc các sách truyện nhảm nhí vô bổ. Có lần Thầy tôi cho tôi mượn hai bộ truyện dày để đọc khiến tôi thích quá. Đó là cuốn “Lá Huyết Thư” của Đồ Phồn và cuốn “Tiêu Sơn Tráng Sĩ” của Khải Hưng. Tôi đọc ngấu ngiến chỉ vài ngày là hết.

Truyện “nhảm nhí vô bổ” mà Thầy tôi nói đến, là những bộ truyện kiếm hiệp mà có một lần bất quả tang tôi dẫu trong áo chui vào chuồng xí đọc lén, Thầy tôi đã khện cho tôi một trận nên thân rồi đem đốt hết. Tôi nhớ trận đòn đau nhưng vẫn không chừa, vẫn lén đi mua bằng tiền nhịn ăn quà sáng, đi thuê, hay đi mượn bạn bè về đọc. Tôi là thân chủ của nhà sách phố Hàng Dầu, của nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh, của nhà sách Thế Giới. Truyện kiếm hiệp in từng tập mỏng, phát hành hàng tuần, bán mỗi tập một đồng bạc. Một đồng bạc hồi ấy là bữa quà sáng linh đình của tôi, mua được một ổ bánh mì ba-tê súc xích tiêu muối thơm lừng, hay một đĩa xôi lạp xưởng ngon lành béo ngậy. Mấy đứa bạn cũng mê kiếm hiệp như tôi, hôm nào vào lớp cũng đem các tình tiết gay cấn võ hiệp kỳ tình để bàn với nhau, cãi nhau ốm tởm về những ước đoán diễn tiến của hồi kế tiếp. Truyện đọc dở dang tức anh ách. Chúng tôi chỉ lăm le đợi ngày phát hành, hoặc đi học sớm, hoặc chờ tan học là ba chân bốn cẳng chuồn ra, trước khi hồi trống tan trường chấm dứt, trốn lễ hạ kỳ, chạy thẳng tới nhà sách mua kiếm hiệp. Sách mới ra lò, chưa ráo mực in, mỗi đứa mua một tập khác nhau như đã thỏa thuận, đem về ngấu ngiến đọc cho xong đêm đó để sáng mai trao đổi. Có đứa mê quá, vừa đi vừa đọc lẩm khi đụng cả vào cột đèn hay bộ hành, hàng quán bên vỉa hè.

Tôi tuy nôn nả nhưng không dám lang thang đọc truyện ngoài đường, nhờ có ai trông thấy về mách; hoặc Thầy tôi đi làm về tình cờ bắt gặp là ốm đòn. Những trận đòn thừa sống thiếu chết của Thầy tôi thật đáng sợ, nhưng cái ham mê của tuổi thơ vẫn mãnh liệt hơn nỗi sợ hãi bị đòn và tôi vẫn chứng nào tật ấy. Hình ảnh những tay giang hồ hiệp sĩ võ nghệ cao cường biết thuật phi hành, biết phun kiếm quang phỉ phỉ ra lỗ mũi trong các bộ Bồng Lai Hiệp Khách, Giao Tri Hiệp Nữ, hay Long Hình Quái Khách... là những thần tượng của chúng tôi. Quả thật ông Đại tá Hen-Ri Ri-Vi-E-Rơ là ông nào, mặt mũi ra sao, tôi không biết. Nhưng hỏi tôi về “Thần Hành Thái Bảo” Vạn Nhân Địch, về “Quái Kiệt” Thường Ngô Xuân, về Ngọc Kỳ Lân, Kim Hồ Điệp, cùng hai chị em Bạch Mẫu Đơn, Hồng Khởi Phượng... là tôi biết hết, quen hết, thân như bè bạn...! Truyện võ hiệp tôi chỉ đem tán phét với bạn bè trong lớp. Còn với bà tôi, kho tàng

truyện cổ tích của bà toàn những Thần, Tiên, Phật, Bụt hiền lành. Những con Tấm, con Cám, những anh học trò nhà nghèo hiếu học thi đỗ làm quan. Những người hóa cóc, người lấy tiên, những thằng Bòm, chú Cuội, Thạch Sanh, Lý Thông, Trương Chi, Mỵ Nương... Chao ơi, truyện kể của bà đầy những gương hiếu thảo, lễ nhân trung tín ở đời và bao giờ bà tôi cũng mở đầu bằng hai tiếng “Ngày xưa...” và kết thúc bằng câu răn dạy:

- Chúng mày nhớ lấy đề mà ăn ở sao cho có nhân có đức, có thủy có chung. Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác... Ai như cái thằng Lý Thông, như cái con Cám ấy? Chúng nó ăn ở bạc bẽo gian ác thế nào cũng bị Trời Phật ra tai giáng họa cho đáng đời đáng kiếp chúng nó.

Ở Bạch Mai, mỗi lần dưới Mơ có phiên chợ, Bà đưa tiền cho tôi theo chị Vy đi mua những truyện bằng thơ về đọc cho bà nghe rồi bà trả công. Công khó của tôi được bà đền bù bằng dăm hào bạc, bằng cái bánh đa, củ khoai bột, kẹo lạc, kẹo vừng, rổ ngô rang, hay quả na, quả ổi... ăn vào ngọt lịm, thơm bùi, ngát nồng những vị thương yêu đầm thắm của bà. Những sách truyện bằng thơ của nhà Tân Việt, của Bình Dân Thư Quán ở cuối chợ Đồng Xuân mỏng dính in trên giấy bản, bìa vẽ ngô nghê, văn chương mộc mạc quê mùa nhưng chứa đựng cả một kho tàng luân lý bấy giờ không thể tìm thấy ở đâu và chính những trang sách xưa của thời thơ ấu ấy đã mở trí khai tâm cho tôi biết thế nào là trung hiếu lễ nhân của đạo đức con người.

Nhiều khi chỉ có hai bà cháu, vào những ngày hè oi bức, hay những chiều đông ủ dột có mưa phùn buồn sũng không gian, bà nấu chè đậu ván, bà ủ ngô rang để tôi vừa nhấm nháp ăn vừa đọc truyện cho bà. Bà tôi mua nhiều truyện lắm. Ngoài mấy bộ kinh Phật và quyển “Sấm Trạng Trình” bà để riêng trên một góc bàn thờ, tất cả sách truyện bà đựng trong một cái thùng gỗ ngay dưới đầu giường bà nằm, trong đó toàn là sách truyện bằng thơ như Kim Vân Kiều, Nhị Độ Mai, Bích Câu Kỳ Ngộ, Nữ Tú Tài, Bần Nữ Thán, truyện Phan Trần, Trinh Thử, Trê Cóc, Phạm Công Cúc Hoa, Tống Chân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, truyện Hoàng Triều, Chiêu Quân Cống Hồ, Đồng Tiền Vạn Lịch, Gái Khuyên Chồng, Trai Khuyên Vợ, Lý Thị Vọng Phu, Cây Thịt Đồi Đền... ôi thôi kể ra không hết. Truyện nào tôi cũng đọc đi đọc lại bao nhiêu lần mà bà tôi vẫn thích nghe, trong khi nhiều lúc chán quá, tôi ăn gian bà, đọc bỏ đoạn...

Tưởng bà lim dim ngủ không biết thằng cháu ăn gian nhưng tôi làm! Bà tôi thuộc từ đầu chí cuối từng pho truyện, không thiếu một câu, chẳng sai một chữ. Bà biết ngay chỗ nào tôi đọc sai, quãng nào tôi đọc láo, đoạn nào tôi đọc nhảy. Bà mở mắt nhìn tôi, cười độ lượng:

- Cha bố thằng lười, mày dám đánh lừa bà nhá!... Hết câu đó phải tới câu này chứ?...

Rồi bà đằng hắng lấy giọng, ngâm nga cái đoạn mà tôi bỏ qua không đọc. Tôi bẽn lén nhìn bà:

- Cháu tưởng Bà biết rồi nên cháu không đọc. Bà thuộc rồi mà?

Bà tôi lại cười, tát khế vào má tôi:

- Bà thuộc đã đành, nhưng mày không được lừa bà. Những đứa “đi dối cha, về nhà dối chú” hư lắm biết không? Bà muốn cháu cũng thuộc như bà, bà thích nghe cháu đọc cơ. Cháu tốt giọng, đọc nghe hay lắm!...

Tôi nghe bà khen tôi tốt giọng, sướng quá, đỏ cả mặt. Bà tôi khuyên dạy chúng tôi về những điều nghĩa lý bằng các câu chuyện cổ, bằng những câu thơ, các vần điệu ca dao, các câu tục ngữ... Lúc nào bà cũng nhắc nhở con cháu phải ăn ở hiền lành, tu nhân tích đức. Anh em trong nhà phải hòa thuận, phải hiếu thảo, phải biết trên kính dưới nhường, thương yêu giúp đỡ người nghèo khó, đối xử tử tế với kẻ ăn người ở trong nhà... Tôi nhớ những lần đọc truyện “Nữ Tú Tài Di Hoa Tiếp Mộc” cho Bà tôi nghe. Đến cái đoạn nàng Tuấn Khanh vào ngục thăm cha là Văn Tham Tướng bị vu cáo hàm oan, về cải nam trang lên kinh dâng sớ giải oan cho thân phụ. Nàng e thân gái dậm trường, ngờ ý muốn có vợ chồng nô bộc Văn Long theo hầu:

Ta là thân gái bọ bèo

Vì cha nên phải quyết liều mình đi

*Quan san nghìn dặm quản chi
Nhưng hiềm thiếu kẻ nữ nhi theo đòi
Phiền người kiếm lấy một người
Trá hình nam tử với người theo cùng...*

Tuấn Khanh là tên hiệu của nàng Phi Nga, con gái quan Tham tướng Văn Sác, cưới ngựa bắn cung giỏi từ nhỏ. Nàng giận vì triều đình nhà Tống lúc bấy giờ trọng văn khinh võ nên bèn cải nam trang theo nghề nghiên bút và kết bạn rất thân với Đỗ Tử Trung và Ngụy Soạn Chi. Ba người cùng thi đỗ Tú tài trong một khoa Hương. Cả hai chàng Đỗ, Ngụy đều là trang anh tuấn tài kiêm văn võ, Tuấn Khanh khó bề chọn lựa nên nàng lấy cung bắn sỏ để bói xem ai nhất được thì lấy làm chồng. Cái trớ trêu của cuộc tình duyên bắt đầu từ trò bắn sỏ này. Tử Trung nhất được mũi tên có khắc chữ ký của Phi Nga, nhưng vội trở về bèn giao cho Soạn Chi. Họ Ngụy hỏi chuyện Tuấn Khanh, cứ yên trí Phi Nga nào đó là chị Tuấn Khanh nên nhờ trao ngọc trang để đính hôn. Tuấn Khanh thì cũng đành nhìn Soạn Chi là anh chàng bắt được tên, cho là số trời đã định, nhận giữ ngọc trang và định bụng sau khi thi Hội xong sẽ thành hôn cùng họ Ngụy.

Nhưng Tuấn Khanh không đi thi vì sợ bị lộ chân tướng. Trong khi đó Văn Tham tướng bị tên Binh Đạo vu cáo, vua bắt giam, tịch biên gia sản, cả họ liên lụy nhưng chỉ có Tuấn Khanh được miễn vì là văn nhân. Nàng vào ngục thăm cha rồi lên kinh dâng sớ khiếu oan. Tới kinh, vào quán trọ, Tuấn Khanh gặp Cảnh tiểu thư thấy “chàng” nho nhã phong lưu, đem lòng yêu, nâng nặc năn nỉ ông ngoại sang ngõ lờ xin lấy. Tuấn Khanh từ chối không được, liền đem ngọc trang của Ngụy Soạn Chi gửi cho Phi Nga khi trước, trao cho Cảnh tiểu thư để đính ước, hẹn ầu rằng sau khi xong việc trở về sẽ làm lễ nghênh tân.

Bấy giờ thi Hội vừa xong, Đỗ Tử Trung đậu Trạng nguyên, Ngụy Soạn Chi đỗ Thám hoa nhưng đã trở về quê. Tuấn Khanh tìm đến chỗ trọ của Tử Trung nhờ tiễn dẫn vào triều dâng sớ tấu. Tử Trung xem trộm văn sớ mới khám phá ra Tuấn Khanh chính là Phi Nga giả trai, nên nhất định làm cho lộ chân tướng. Tuấn Khanh biết không thể dấu diếm được, phải thú thực và nói cho Tử Trung hay mình đã lỡ đính hôn với Soạn Chi. Tử Trung té ngựa, vội phân trần rằng chính chàng là người bắt được mũi tên nhưng đưa cho Soạn Chi mới thành có sự...

Hai người thành vợ chồng và sau đó Văn Tham tướng được minh oan, phục chức cũ. Còn Soạn Chi, anh cu này hí hửng đến chực làm lễ thân nghênh Phi Nga nhưng khi ngã ngũ ra Phi Nga chính là Tuấn Khanh và đã bị Tử Trung phỗng tay trên, bèn biểu diễn màn Tarzan nổi giận! Để giải quyết, Tuấn Khanh cùng Tử Trung đến thành đô nói sự thực cho Cảnh tiểu thư và làm mối em này cho anh Ngụy Soạn Chi. Hai bên trả lại của tin cho nhau và bốn họ Đỗ, Ngụy, Cảnh, Văn cùng vinh quy một đoàn náo nhiệt...

Truyện Nữ Tú Tài tình tiết éo le, đủ điều gay cấn, thế mà Bà tôi lần nào cũng chỉ để ý đến những đoạn tầm thường, như đoạn nói về lòng trung nghĩa của vợ chồng Văn Long khi đáp lại ý muốn của cô thiếu chủ:

*Vợ chồng Long mới bảo nhau
Rằng trong nghĩa nặng, ân sâu chưa đền
Bây giờ người mắc oan khiến
Không dưng ai có cần phiền đến ai?
Con người quốc sắc nữ tài
Còn liều chẳng nghĩ dặm dài xông pha
Huống chi hai kẻ chúng ta
Mình đừng e ngại đường xa nổi gàn
Hể lòng ta ở có nhân*

*Ắt là thiên địa đền ân sau này
Vợ Long người cũng ngoan thay
Nghe lời chồng bảo, bước ngay vào nhà
Đổi thay quần áo đàn bà
Mặc đồ nam tử bước ra tức thì...*

Bao giờ bà tôi cũng bắt ngưng ở đoạn này. Bà ôn tồn giảng giải cho chúng tôi về tình phụ tử, nghĩa phu phụ xướng tùy, lòng trung với chủ...

- Chúng mày xem đây để mà làm gương. Vợ chồng Văn Long là phận con hầu đầy tớ thế mà cũng biết đạo nghĩa thủy chung với chủ, cư xử đúng lễ cương thường... Chúng mày học chữ thánh hiền, phải nên bắt chước, làm sao cho khỏi thua kém những đứa tôi đòi ít học.

Chúng tôi ngoan ngoãn nghe bà khuyên dạy. Lời bà như những búng cơm dẻo ngọt, như bầu sữa mẹ thơm lành cho chúng tôi bú mớm. Lời bà là chất dưỡng sinh, thấm nhuần, chảy mạnh, nuôi nấng tuổi thơ tôi lớn dậy, nên người, cho đến cuối đời, tôi cũng không sao quên được...

Bạn cũ

Khi tôi đến địa điểm, đã thấy đông người náo nhiệt. Họ đi lại, nói cười ầm ĩ từ trong Ra ngoài nhưng bước vào hội trường, tôi không thấy “thầy” đâu. Đang nhìn quanh tìm kiếm thì Long tiến đến chào:

- Dạ thưa chào anh. Thầy qua chùa Đạo Quang thăm thầy Tịnh Đức rồi sẽ về đây, chắc cũng sắp rồi. Có lẽ thầy còn kẹt ở bên đó, mời anh ngồi đây đợi thầy về. Thầy nhắc đến anh và nói em phải tìm mời được anh đến cho thầy gặp.

“Thầy” đây là Đại đức Thích Linh Quang, tức Phan Xuân Hòa, bạn cùng khóa 65A, hoa tiêu vận tải, lái C-130 nay đã đi TU, có pháp danh, có nơi trụ trì, ở một nấc thang xã hội khác nên giữa nơi công quán quan chiêm nhĩ mục, tôi phải gọi bằng “thầy”. “Thầy” khó quá, từ Mỹ qua tận bên Ấn độ - Nepal, xứ Phật - để TU trong một ngôi chùa giữa vườn Lâm Tì In là nơi Phật đản sanh - địa danh được nhắc đến rất nhiều trong kinh sách - không một Phật tử nào là không nghe biết đến vườn này nhưng khi hỏi vườn rộng bao nhiêu mẫu, trồng những cây trái gì, bông gì thì bà con bủ trát. Hồi đầu năm ngoái hay giữa năm kia, một hôm tự nhiên Hạnh Đầu Bò từ Houston điện thoại cho tôi, hỏi:

- Ông còn nhớ Phan Xuân Hòa khóa mình không?

Tôi cười trả lời:

- Sao không nhớ? Hòa... “Hột Vịt Lộn” phải không?

Lúc đó tôi chưa biết Phan Xuân Hòa đã là “thầy”, vẫn nghĩ mình có quyền thân mến gọi bạn bằng cái hốt danh được anh em thân tặng từ ngày ở quân trường mà tôi không rõ đứa nào đặt và lý do tại Sao. Hạnh nói:

- Phan Xuân Hòa đi TU, thành “thầy” rồi ông ơi. Thầy mới về Houston, nhờ tôi liên lạc một số anh em bạn cũ đến gặp.

- Đương sự về Houston, ở bao lâu? Rồi sẽ đi những nơi nào? Về làm kí gì dzậy?

Tôi hỏi Hạnh với giọng dồn dập như chuyện cần phải biết đến nơi đến chốn. Nhớ không làm đường như lâu lắm rồi tôi có phong thanh nghe nói Hòa đi TU, có lẽ nguồn tin cũng phát xuất từ Hạnh Đầu Bò vì Hạnh rất thân và biết rõ nhiều chuyện về Hoà.

- Ông ấy TU mãi bên Ấn độ, ở một ngôi chùa nghèo lắm. Qua đây vài tuần để quyền góp giúp

chùa xây viện mồ côi bên đó và nhờ tôi quy tụ một vài anh em cho thầy gặp. Bạn có thì giờ xuống đây chơi với anh em và gặp thầy?

- Chắc không được rồi. Hoà ở đâu? Bạn cho tôi số điện thoại để tôi gọi hỏi thăm thì tốt hơn.

Tôi gọi “thầy” ngay sau đó, nói bằng giọng tự nhiên:

- Mô Phật. Thầy có biết AI gọi đây không?

Đầu giây bên kia có tiếng cười:

- Biết chứ... Tôi biết AI rồi. Bạn đang ở đâu?

- Bạn nào?

“Thầy” không nói tên tôi mà trả lời bằng cách hỏi ngược lại:

- Bạn dạo này vẫn còn viết lách đều chứ?

A, thì Ra “thầy” vẫn còn nhớ và nhận Ra giọng tôi. Còn tôi, nghe lại tiếng Hòa sau bao nhiêu năm không gặp, thấy vui và xúc động. Tôi vẫn nhớ rất rõ gương mặt Phan Xuân Hòa với cặp môi dày và nụ cười hiền lành của thời huấn nhục Nha Trang, nhưng không thể hình dung ra người bạn ngày xưa lúc nhân dáng thế nào trong bộ áo TU hành, đầu cạo trọc. Tôi cười lớn:

- Chịu thầy. Vậy bây giờ thầy muốn tôi xưng hô thế nào? Nói thật lâu lắm mới nghe tiếng thầy, “con” mừng quá, chỉ muốn “mày Tao” như ngày xưa cho sướng cái miệng!

- Ôi... nghĩa lý gì đâu điều vật vãnh.

- Thôi, đùa ông tí chơi chứ ông TU hành thì tôi phải trọng, đâu dám hỡn! Chúng nghe được tôi “mày Tao” với ông, chúng ụynch tôi chết. Nhưng “thầy con” với ông thì tôi chưa quen.

Bắt đầu từ phút đó tôi hỏi han trò chuyện với Phan Xuân Hòa lúc thì “thầy và tôi”, lúc thì “ông và tôi”, có khi buột miệng “bạn và tôi” loạn cào cào, nhưng vẫn chưa lú sảng đến độ gọi thầy bằng “mày” xưng “Tao” như ngày xưa ở quân trường. Tôi hỏi:

- Lý do nào ông lại xuất gia? Chuyện đi TU đâu phải dễ, đâu phải AI cũng làm được?

- Thì cũng là cơ duyên thôi. Tôi qua Mỹ năm 75, cũng Lao động tốt như mọi người suốt mười mấy năm trời cho đến khi bà vợ tôi ly dị tôi để theo người khác thì tôi chán quá, vô chùa. Tôi nghĩ vợ bỏ đi rồi, con cái cũng lớn hết rồi, bây giờ chỉ có một mình, đi làm cũng chỉ để tháng tháng trả bill, chẳng ích lợi gì, thôi thì đi theo con đường mình chọn lựa.

- Vậy đúng là ông “trốn việc quan đi ở chùa” rồi! Chán đời kiêu gì mà khôn thế?

Hòa chỉ cười không nói tiếp và tôi cũng không muốn đào sâu thêm về chuyện gia đình và chuyện tu hành của bạn. Hôm đó chúng tôi nói chuyện khá lâu, thoải mái và thú vị. Thầy Thích Linh Quang cho tôi biết là thầy còn ở Houston thêm một tuần rồi đi vài nơi khác trước khi về lại Népal. Chúng tôi nói linh tinh đủ thứ và hai “thằng” cười hình hích với nhau mỗi khi có chuyện thú vị... Tôi chẳng thấy xa cách “thầy” chút nào. Ngày xưa ở quân trường Hòa và tôi không ở chung phòng, không có những kỷ niệm thấm thiết đáng ghi nhớ. Hòa qua Mỹ du học sau tôi nên cũng không có thời gian gần gũi để tôi có kỷ niệm gì với Hòa ở Mỹ vì tôi rời Lackland qua trường bay thì Hòa mới đến. Về nước, mỗi người một ngành bay, một đơn vị khác. Tôi ở Nha Trang, Hòa ở Tân Sơn Nhất. Hòa nhớ và nhắc lại cho tôi kỷ niệm chúng tôi chỉ có một lần gặp nhau là lần tôi quá giang chiếc C-130 của Hòa về phép Saigon, năm đó là năm 70, 71 thì phải. Đây là lần đầu tiên nhờ Hạnh Đầu Bò móc nối mà tôi được nói chuyện với Hoà qua điện thoại sau 30 năm có lẽ. Ngay sau đó, tôi gọi Chín Đầu Trâu, giục Chín phải phone thăm thầy Thích Linh Quang. Chín hỏi:

- Mày xưng hô với chả thế nào? Tao phân vân chưa biết khi nói chuyện phải xưng hô ra sao vì kêu chả bằng “thầy” thì dễ rồi nhưng xưng “con” tao thấy khó quá!

Tôi cười lớn trêu Chín:

- Có gì là khó? Mày bắt chước tao, dung hòa cả hai cách xưng hô giữa đạo và đời. Cứ gọi nó là “thầy”, xưng “tao” là được cả đôi đàng.

Chín biết tôi đùa nhảm, chỉ cười và nói sẽ gọi ngay.

Vài tháng sau, một buổi chiều bỗng Long gọi đến, hỏi tôi có rảnh không. Long là Mévo của một phi đoàn trực thăng thuộc Sư đoàn 4, rất dễ thương và có tinh thần xã hội cao. Hai vợ chồng Long là Phật tử thuần thành, hằng say làm việc cho chùa, cho hội một cách sốt sắng chí tình đáng phục. Long cho tôi biết có thầy Thích Linh Quang từ bên Ấn độ qua, ghé Dallas mấy ngày và nhờ Long liên lạc mời tôi đến dự bữa cơm chay gây quỹ của nhóm Phật tử Đạo Tâm giúp nạn nhân Tsunami ở Á châu. Địa điểm cũng gần nhà nên tôi nhận lời ngay dù lời mời đến bất ngờ và quá gấp rút. Tôi được dẫn đến một bàn trên cùng, gần sân khấu, có lẽ là bàn VIP. Tôi gật đầu chào mấy bà vợ, bắt tay các ông chồng đến trước rồi ngồi xuống một trong ba ghế còn bỏ trống. Nhiều người ngạc nhiên khi trông thấy tôi, đến chào hỏi vì dễ thương đã cả bấy tám năm qua tôi “quy khứ lai từ”, tránh xa cái cộng đồng địa phương đầy chuyện nhiễu nhương này, tránh xa những hội họp, đám đông, chuyện thị phi trời ơi đất hỡi từng làm tôi điêu đứng... Khoảng mười phút sau “thầy” đến. Tôi nhận ra ngay. Thầy cũng nhận ra tôi khi tôi đứng dậy, bước tới đón chào. Tôi cười toe khi trông thấy người bạn cũ trong bộ cà sa, gương mặt chẳng thay đổi bao nhiêu, nụ cười mở rộng. Thầy chấp tay trước ngực xá vài cái rồi đưa cả hai tay ra trong cử chỉ đón nhận và ôm chầm lấy tôi. Tôi cũng chấp tay chào lại bằng cung cách đó. Cả hai vồ vập lấy nhau trong nỗi vui mừng. Tôi thấy bồi hồi giữa phút giây tương ngộ.



Có ai ngờ, phải, có ai ngờ hai tên lính Ngụy, phi công giặc lái ngày xưa của Không lực VNCH lại gặp nhau giữa chốn ta bà náo nhiệt này, nơi xứ sở này? Một anh đã “nửa đường đi xuống”, tóc tai rụng lả tả như lá mùa thu, hói trông thảm hại cái đầu. Một anh thay chiếc phi bào bằng bộ thiên y nhà Phật, dáng vẻ khoan thai, trông hiền như ông bụt. Có mấy ai biết đôi bàn tay vồn vã đang thân mật và nồng nhiệt vỗ vỗ vai tôi trước đây đã từng cầm cần lái, điều khiển chiếc phi cơ C-130 khổng lồ bay len lỏi qua lưới đạn phòng không, hạ cánh chớp nhoáng rồi cất cánh cuống cuồng rời phi đạo đang quần quại nẩy tung hứng trận mưa pháo tàn bạo của Bắc quân? Tôi thẳng thốt như thấy lại hình ảnh chiếc C-130 của Trần Ngọc Châu tức Châu Râu khoá 64D bay tiếp tế Phước Long, vừa sà xuống đầu phi đạo của phi trường Phước Bình, chưa kịp hạ cánh đã vội vã bốc mình rời vùng đất chết nhưng Châu Râu đã chào thua định mệnh. Chiếc C-130 trúng đạn phòng không cộng sản tua tua bắn lên, bốc cháy và nổ tung ở cao độ thấp. Lúc đó tôi đang dẫn hợp đoàn bay quần quần trên ngọn đồi thấp phía Nam, tìm đường vào bãi đáp. Con chim sắt khổng lồ nghiêng đôi cánh vỡ kéo theo ngọn lửa rực rỡ, lao xuống đất, nẩy tung lên rồi khuy xuống cháy phừng phừng giữa buổi trưa Phước Vĩnh đầy trời lửa đạn...

Rất nhiều cặp mắt nhìn chăm chú chúng tôi, tò mò muốn biết giây liên hệ giữa nhà sư đến từ Ấn Độ và tôi như thế nào. Có lẽ họ chỉ nghĩ được thầy với tôi có tình quen biết trước chứ khó ai nghĩ thầy từng là một phi công vận tải, bây giờ xuất gia... Vợ chồng Long bụng đồ ăn chay đến mời. Tôi xin lỗi đã ăn và no rồi. Thầy cầm đôi đĩa đưa lên ngang mày vái tạ rồi gấp miếng chá giò chay cho vào bát. Tôi nhìn thầy ăn, thấy có một thứ tình cảm xoắn xang, vừa rất thân quen, vừa như lạ lẫm. Gần thì thật gần vì là đôi bạn đang ngồi sát cạnh nhau nhưng xa cũng thật xa vì nay Hoà đã là một thầy tu và tôi vẫn là tôi giữa cõi đời ô trọc nhiễu nhương này. Hình ảnh Phan Xuân Hoà trong bộ áo tu hành mới lạ quá, tỏa ra màu đạo hạnh và dáng nét tôn kính, tôi

chưa thu được đầy đủ góc cạnh để xếp vào ngăn tiềm thức.

Trước mắt tôi, vẫn là hình ảnh Phan Xuân Hoà, Sinh viên Sĩ quan khoá 65A ngồi cùng bàn ăn với chúng tôi trong phạm xá Trung tâm Huấn luyện ngày nào. Nhớ những bữa ăn sáng với bánh mì cặp chả có phết chút bơ, một quả chuối và ly trà đá sau cuộc chạy bộ từ sân khoá sinh ra bãi biển Duy Tân rồi chạy về, có Trần Thế Vinh hay Phan Văn Có đếm nhịp cho toán đi đều bước và hát những bài hát quân hành hùng tráng. Những bữa ăn sáng, bữa cơm trưa, bữa cơm chiều bốn đĩa xếp vào một caret, tuổi đôi mươi sung sức ăn như hạm... Nhưng hôm nay thầy ăn từ tốn và ăn không nhiều. Xong, buông đũa, chấp tay xá xá. Lại nhớ ngày xưa đứng xếp hàng đợi tiếng hô mới rậm rập ngồi xuống hay nhất loạt đứng lên. Tôi ngùi ngẫm thấy từng gương mặt bạn bè thân mến cũ lướt qua trí tưởng.

Lúc chia tay, tôi mời thầy về nhà tôi chơi ngày hôm sau để có thì giờ rộng rãi chuyện trò, ôn nhớ kỷ niệm thời xưa cũ. Chúng tôi hỏi han nhau về ngày cuối cùng và những giờ khắc cuối cùng trước lúc di tản. Nói với nhau chuyện quân trường, chuyện bốn ba bay bổng khắp miền đất nước, chuyện bạn bè, chuyện thăng trầm trong bước trau chuốt đời luân lạc... Tôi hỏi thầy có nhớ Phùng "Cầu Muối" không? Thầy trả lời nhớ chứ. Tôi mỉm cười. Nếu là ngày xưa, thầy đã không trả lời "Nhớ chứ" như bây giờ, mà đã trả lời tôi bằng hai chữ gọn lỏn thầy rất quen dùng, "Bất buộc!" khi nghe tôi hỏi... Có lẽ đó là điều duy nhất tôi nhớ về Phan Xuân Hoà. - Phạm Đình Phùng chết rồi, mới chết vài tháng nay, bệnh hay vì hậu quả của si-ke tôi không rõ. Dầu sao một thằng bạn ra đi hăm hiu như thế cũng thương tội...

Phạm Đình Phùng tức Phùng Cầu Muối, dân khu trục của phi đoàn 518 Biên Hoà. Hồi đó Phùng vượt biển đến Thái Lan rồi qua Mỹ, thân tứ cố. Tôi tội nghiệp Phùng lâu lâu, đem về ở chung nhà. Ông anh Phùng ở Pensacola gọi lên cảm ơn và nhờ tôi giúp đỡ, khuyên bảo Phùng cố gắng làm lại cuộc đời. Vợ chồng tôi dành riêng cho Phùng một phòng. Ký giấy bảo đảm cho Phùng mua chiếc Camaro hai cửa màu đen mới toanh để chạy cho có vẻ tay chơi. Phùng sống sạch sẽ ngăn nắp, rất cứng chiều mấy đứa con tôi. Con bé út lúc đó mới được ba, bốn tuổi, Phùng gọi nó là "Mai Lệ Huyền" và giải thích tại nó có giọng khào khào giống Mai Lệ Huyền!. Phùng dạy con bé hề cứ trông thấy Phùng là nói "Khổ quá... Chán đời..!" rồi hai bác cháu cười với nhau. Phùng lâu lâu tập hợp lũ con tôi lại, dạy cách thoát hiểm nếu xảy ra hoả hoạn, bắt lũ nhỏ thực tập cách thở cho khỏi bị sặc khói, lấy khăn bịt mắt lần bò từ phòng ngủ tìm lối thoát. Ngày đó chúng tôi rất appreciate Phùng về chuyện này. Sau mới té ngựa ngã ra, ông nội bắt lũ nhỏ thực tập thoát hiểm vì sợ có ngày ông nội nằm trên giường hút thuốc lỡ bị say, làm cháy nhà... Vợ tôi rất quý Phùng, lo cơm nước mỗi ngày để Phùng đem đi làm. Nhưng rồi một hôm nàng mách tôi rằng Phùng vì nể mà mang theo thôi chứ không ăn, đem đồ đi. Phùng lén lút hút cần sa trong phòng nhưng chúng tôi biết vì mùi khói thật khó chịu dễ nhận ra. Tôi lôi Phùng ra sát xà bông cho một trận rất kỹ và cảnh cáo. Phùng xin lỗi, nhưng không hứa bỏ, chỉ nói sẽ không hút trong nhà. Tôi lo sợ cho các con tôi, lâu lâu đóng vai cán bộ đi khám phòng. Mấy lần tôi moi ra tang vật, tịch thu vứt đi những gói cần sa cu cậu giấu dưới áo gối hay nhét trong xó kẹt hoặc ngăn tủ nào đó. Một lần Phùng đi chơi đêm bị cảnh sát chặn bắt, khám trong xe có cần sa, còng tay đem nhốt. Nửa đêm Phùng từ nhà giam điện thoại dặn tôi dậy năn nỉ. Tôi phải mặc vội quần áo đem tiền đóng bail bond lãnh Phùng về. Rồi sau đó giúp chạy luật sư lo cho Phùng trắng án. Hồi đó có Dự cùng phi đoàn với Phùng cũng ở Dallas, khoá đàn em, thường đến chơi, khuyên nhủ Phùng hết lời nhưng rút cục phải lắc đầu chào thua. Ở xa thì có Hai Còi, cũng điều đưng về những chuyện bê bối của Phùng.

Phùng biết nấu ăn và nấu rất ngon, nhất là món hủ tẩu được vợ tôi khen nước lèo ngọt và đúng mùi vị hủ tẩu của người Nam. Thể chất Phùng rất yếu, có lẽ vì nghiện hút và ăn rất ít. thỉnh thoảng bạn bè tụ họp với nhau tại nhà tôi, Phùng cũng ăn cũng uống nhưng ăn uống rất khổ sở. Nhất là khi ăn ớt cay hoặc đồ ăn nóng, mồ hôi đổ ra nhễ nhại từ đỉnh đầu chảy xuống ròng

ròng như tấm, mặt mũi nhợt nhạt, tay run lẩy bẩy. Người tình cũ của Phùng hồi ở Biên Hoà biết Phùng ở với tôi, từ Houston phóng lên Dallas kiếm Phùng. Gặp lại người xưa, Phùng tỏ vẻ cà lờ, thái độ gần như ruồng rẫy. Vính rớm nước mắt lúc chia tay, gương nở nụ cười héo hon chào Phùng và tôi, lên xe lái về Houston, biệt vô âm tín từ ngày đó.

Phùng ở với chúng tôi được khoảng hai năm, sau đó dọn ra apartment vì giận hờn vô lý. Tôi “kẹt”, không mua sắm được gì vì đứng tên bảo đảm cho Phùng mua chiếc Camaro mới toanh, mỗi tháng trả khá nặng. Phùng hứa chắc sẽ sang tên cái xe sau sáu tháng khi có việc làm ổn định nhưng mãi không đả động gì tới việc này. Cho mãi đến hơn một năm sau vì cần dùng credit, tôi mới yêu cầu Phùng sang tên. Phùng đi với tôi vào credit union làm giấy tờ nhưng vẫn giận tôi ngấm ngấm. Phùng ra ở riêng, thỉnh thoảng cuối tuần hai vợ chồng tôi vẫn đưa các con đến thăm “bác Phùng”, đem theo đồ ăn vì biết Phùng ở một mình, lười nấu nướng. Một hôm đến thăm, định gõ cửa nhưng tôi ngưng gõ vì tưởng Phùng đang tiếp khách. Có tiếng Phùng nói lớn bên trong như đang cãi cọ, mắng mỏ ai. Tôi đứng sát vào cửa nghe rõ tiếng Phùng như nói với đứa trẻ nào đó.

- Ê, tao không cho mày chạy. Mày chạy đi đâu? Chết cha mày rồi con ơi...

Có tiếng lục đục và tiếng chân di chuyển rồi lại vang lên tiếng Phùng cười khoái trá:

- Mày tưởng mày lẹ hơn tao sao con? OK, tao cho mày chạy thêm vòng nữa tao mới “dịch” à nghe. Đừng lờn nghe mày! Ê... ê... thằng con không có ăn gian, tao cấm đi lối đó mà! Còn thằng này... đứng dậy chạy tiếp đi. Đu mạ, đừng giả bộ nằm chổng cẳng phây phả như vậy nghe con!

Đứng một lúc, chỉ nghe tiếng Phùng độc thoại, ngoài ra chẳng có tiếng ai, tôi gõ cửa.

- Mày làm gì mà la lối quá vậy?

- Buồn quá cha nội ơi. Buồn và chán đời thảm thiết, tôi đang chơi với mấy con gián! Gián mà khôn tổ chẳng, chơi với tụi nó cũng mệt...

Tôi vừa buồn cười vừa ái ngại nhìn bạn, thương trong lòng. Buồn và cô đơn, Phùng giải sầu bằng cách bắt gián bỏ lên bàn chơi với chúng. Ngày xưa cũng vì buồn và chán, Phùng đã tung hê đời mình vào đáy sâu trụ lạc. Sau tai nạn bất cẩn ở quán cơm Ngọc Hương làm khẩu rouleau giắt trong bụng nổ suýt bay cậu chó lẩn biệt phái hành quân trên Pleiku, Phùng giải ngũ về Biên Hoà làm sở Mỹ LSI & RMK, có nhiều tiền nên hư hỏng. Tháng 4-75 Phùng kẹt lại, trốn không ra trình diện học tập, sống lỳ lất với giới mánh mung buôn bán chợ trời ở Saigon rồi tìm cách vượt biển...Hôm đó tôi chỉ vắn tắt nói với thầy Thích Linh Quang rằng Phùng vượt biển, trước kia ở với gia đình tôi và đã chết, tôi biết tin rất muộn khi tình cờ đọc báo và rồi sau đó nhận thư Phạm Đình Khuông thông báo đến anh em trong khoá. Thầy hỏi tôi có liên lạc với các bạn 65A thường không? Tôi nói lâu rồi tôi cũng vì chán đời và ngán người, chẳng liên lạc với ai, ngoài Chín Đầu Trâu. Chín với tôi điện thoại qua lại thường xuyên. Hai thằng qua đây vẫn tái diễn trò cãi nhau ôm tởi như ngày xưa ở quân trường nhưng thân nhau và tin nhau nhất. Tôi kể cho thầy nghe chuyện lần vợ chồng tôi lên Minnesota chơi với vợ chồng Chín. Chúng tôi lái xe đi thăm Yellowstone ở Wyoming và Mount Rushmore ở South Dakota.

- Cái thằng buồn cười lắm. Tôi lái xe, thỉnh thoảng dờ coi bản đồ tìm check point xem đến đâu và còn bao xa thì tới hoặc nơi này là nơi nào, dân số bao nhiêu nhưng nó nhất định cấm tôi không được xem bản đồ. Nó bắt tôi chỉ chú tâm vào việc lái xe, cứ thẳng theo xa lộ 94 là tới và nó biết đường. Tôi bực mình, lại thích trêu cậu Chín, hỏi vặn lại nó rằng mày là Pilot, lái máy bay không bao giờ coi bản đồ hay sao? Nó chửi tôi là thằng ngoan cố, vừa lái xe vừa coi bản đồ lỡ xảy ra tai nạn thì sao? Tôi bảo tai nạn thế chó nào được! Mày cứ lái nhả bên tài xế làm nó si-neec mới dễ xảy ra tai nạn. Mày biết traffic New York thế nào rồi chứ? Vậy mà... hỏi vợ tao đi, tao lái xe trong thành phố New York, vừa lái, vừa coi bản đồ, vừa tìm đường, vừa chụp hình, vừa quay video ngon lành, có chết thằng tây nào đâu?

Vợ tôi ngồi băng sau với vợ Chín, lên tiếng xác nhận:

- Thật đó anh Chín! Ông ấy hay lắm, thấy cảnh đẹp bảo tôi chụp hình hay quay video nhưng tôi vừa dơ máy lên chưa kịp bấm thì xe đã đi qua mất rồi... Cuối cùng ông ấy bảo tôi đưa cho ông ấy cả hai cái máy, quàng lên cổ rồi ông vừa lái xe, vừa xem bản đồ, vừa tìm đường, vừa chụp ảnh hay quay phim...

Chín quay sang cự vợ tôi:

- Sao bà... liệu vậy? Bà giao trứng cho ác mà không sợ sao? Có ngày chết không kịp trời!

Rồi nó cúi, trừng trợn nhìn tôi, quát lớn:

- Thằng này lì lợm quá mày! Tao biểu mày đưa cái bản đồ đây cho tao. Tao chỉ đường cho mày lái.

Và Chín giựt lấy tấm bản đồ. Thấy Chín giận thật tình, tôi thôi không trêu chọc nữa. Hai nàng vợ lắc đầu, cười. Vợ Chín nói:

- Tôi thấy hai ông này thân nhau, thương nhau lắm. Mà sao hễ nói chuyện một chút là cãi nhau, kỳ vậy?

Tôi nói:

- Chính tôi cũng thấy “kỳ” nhưng tôi với nó trời sinh ra không cãi nhau không được. Có lẽ do thói quen từ hồi còn trong quân trường. Tôi với nó ở gần nhau cùng một phòng. Hai giường chỉ cách nhau một cái tủ đựng xà bông. Mà bà biết, cán bộ xét phòng, một thằng bê bối như xếp quần áo không ngay ngắn và đúng kích thước là cả hai đều bị phạt. Không ngày nào mà tôi không bị phạt lây với anh chồng bà. Thằng này nhiều lúc cũng tội nghiệp vì tôi biết nó cũng sợ bị phạt, sợ làm tôi liên lụy bị nghe sỉ vả nên lúc nào thấy cán bộ sắp tới phòng là nó lảng xảng như gà mắc đẻ lật đật vuốt lại quần áo hay phủi bụi đôi giày, kéo lại tấm drap, dù rằng trước đó nó đã o bé rất cẩn thận và mời tôi kiểm soát cho chắc ăn... vậy mà vẫn bị phạt! Có gì đâu...

Thằng em đo đạc, sắp xếp lại quần áo, rút tấm giấy phạt trong túi rồi để quên ở ngoài. Hoặc kéo đôi giày ra phủi bụi, nghe tiếng hô chào cán bộ bước vào phòng, nó quỳnh quáng đẩy đôi giày vào chỗ cũ nhưng mũi giày bị lệch, thế là lãnh củ...!

Hồi đó tôi điên lên vì cái vụng về lật đật của cậu Chín, chửi cậu là trâu bò. Cậu chỉ biết vò đầu bứt tai than sao tao ngu quá tội bay khiến bọn tôi chỉ biết cười trừ thôi chứ giết được nó à? Tôi với nó cự nhau, cãi nhau hàng ngày, nên bây giờ gặp nhau mà không cãi cọ thì ăn không ngon, ngủ không yên. Cũng là một thứ bệnh tâm thần, một thứ “hội chứng Việt nam” đấy.

Thầy nghe tôi kể cũng cười vui một cách hồn nhiên, rồi hỏi:

- Bạn biết Vũ Việt Dũng bây giờ ở đâu không?

- Dzũng chứ không phải Dũng! Nó làm dáng cái tên, có chữ “Zét” sau chữ “Dê”. Dzũng lùn có xương hàm bạnh ra, giống y chang chú vịt Donald của Walt Disney!... Dzũng Vịt ở tiểu bang Pennsylvania.

- Hồi còn huấn nhục ở quân trường, ngồi nhỏ cỏ làm tạp dịch, nó với Nguyễn Cao Hùng, Võ Ngọc Sơn tủi thân khóc. Ngày đó đứa nào cũng non choẹt, trông rất “sữa”... Vũ Việt Dzũng bị cán bộ bắt gặp đang khóc sụt sịt, hỏi tại sao?... Nó òa lên khóc lớn hơn, nói là tại nhớ... má, muốn về với má!

Chúng tôi nhắc đến kỷ niệm quân trường, đến bạn bè với những thói tật hay thành tích đặc biệt tạo nên huyền thoại của khóa 65A. Mà huyền thoại nóng hổi hiện tại là huyền thoại Lý Tổng! Tôi bảo có lẽ tôi sẽ phải viết thêm “Chuyện Lý Tổng” thứ hai để cho những người anh em KQ “tử tế có thừa” hùn tiền đưa cho Tổng, xúi Tổng mượn luật sư kiện tôi một thể. Thầy cười, nói đùa:

- Hay ông viết bài vận động bầu cho Lý Tổng làm tổng thống Mỹ cũng có lý lắm!

Lúc đó dư âm mùa tranh cử giữa anh Bush con và gã lưu manh láu cá vật John Kerry vẫn còn nóng hổi. Tôi lảng qua chuyện khác:

- Ông có nhớ Nguyễn Hữu Thụy, khoá 65B Kỹ thuật không? Ông ấy ở Biên Hoà, Không đoàn Bảo trì Tiếp vận...

- Không. Thụy nào ta? Chịu, tôi không nhớ. Nhưng mà sao?

- Ông Thụy xuất gia lâu lắm rồi và đã viên tịch cách đây bốn năm năm, dường như bị viêm gan.

Thầy đi tu khi đang sống yên bình với vợ con. Cả gia đình đều hoan hỉ đồng ý để thầy xuất gia.

Thiếu tá Nguyễn Hữu Thụy tức Đại đức Thích Chân Tịnh, trụ trì tại một ngôi chùa trên Kansas City. Hồi còn sống, thầy rất quý tôi, thường gọi thăm, “bác bác tôi tôi” với tôi, gửi cho tôi kinh sách hoặc những bài giảng thâm thúy giá trị thâu trong audio tape. Thịnh thoảng thầy còn viết bài về Phật đạo gửi cho Lý Tường và viết thư khuyên tôi giữ tâm an tịnh, trau luyện hùng lực và sự tinh tấn để vững vàng trước bao sóng gió dập vùi thời kỳ tôi nắm giữ trách vụ Tổng hội trưởng và chủ biên tờ Lý Tường. Thời gian đó, tôi thấy mình như có triệu chứng của bệnh “trầm uất” sau những trận đòn thù đón nhận từ một số người chỉ vì thứ danh hờ lợi hão và lòng đố kỵ, ganh ghét, đã nhắm vào tôi bằng những đối xử bất công, tàn độc vì tôi lỡ đứng ra nhận trách nhiệm điều hành Tổng Hội và một mình chăm lo tờ Lý Tường. Tôi khủng hoảng đến độ tới những nơi hội họp KQ, nhìn thấy cái slogan “Không Bỏ Anh Em, Không Bỏ Bạn Bè” chính mình là tác giả, tôi ngầy ngật khó chịu, buồn nôn, thấy cả một sự mỉa mai cay đắng, sợ trông thấy nó, sợ nghe thấy nó đến hoảng hốt tâm thần...

Thầy Chân Tịnh với Tạ Ngọc Chủy (dường như cùng khoá với Vĩnh Anh?) và tôi có tình thân thiết vì chúng tôi đều có liên hệ với cụ Cử Phùng, cụ bà là nữ sĩ Việt An, song thân của nhà văn nữ Thiều Giang, viết cho báo Sống. Chị Thiều Giang nay tuổi đã thất tuần, ở Virginia, về hưu nhưng vẫn say mê theo đuổi việc khảo cứu văn hoá, lịch sử Việt Nam. Hồi còn ngoài dân chính, tôi cũng viết báo trong ê-kíp Chu Tử, làm việc chung và rất thân với chị Thiều Giang. Ông Chu Tử ngày xưa là học trò cụ Cử Phùng, nên hàng năm vào dịp tết lễ, tôi vẫn đưa ông đến nhà chị Thiều Giang ở đường Trương Tấn Bửu, Phú Nhuận biểu lễ cụ bà và lạy trước bàn thờ cụ ông. Anh Nguyễn Hữu Thụy và Tạ Ngọc Chủy là người trong thân tộc của cụ Cử Phùng. Anh Thụy qua Mỹ trở thành Đại đức Chân Tịnh. Tạ Ngọc Chủy, thiếu úy, phi công L19 của phi đoàn 114 ở Nha Trang, cùng với Nguyễn Thành Sang 64C bay trên chiếc cessna trong phi vụ liên lạc Saigon, chuyển về gặp mưa bão và rớt tại vùng biển Cà Ná khoảng tháng 10-67, không tìm thấy xác. Hồi đó tôi viết bài “Mùa Biển Động” trên Lý Tường BTLKQ là viết về cái chết này của Chủy. Hôm đó sau một tuần trà, tôi tiễn chân Đại đức Thích Linh Quang ra về. Nhìn thầy trong chiếc áo tu hành màu nâu, dáng đi hơi vẹo, tự nhiên tôi thấy lòng chùng xuống, bùi ngùi. Thầy vẫn còn là Phan Xuân Hoà của khoá 65A chứ chưa thể hoàn toàn tan biến trong tôi để thay bằng hình ảnh một nhà sư đang lầm lũi bước theo dấu vết Đường Tăng đi tích thiện và hành thiền cứu khổ mãi tận nơi Thiên Trúc.

Giòng đời ... & ... Hồi âm Giòng đời

Đầu tháng 9-96, báo Ngày Nay ở Houston có đăng một lá thư, tác giả là một người đàn bà ký tên Nga (Sài gòn) gửi cho người yêu cũ Duy, tức Đại Tá Không Quân Đặng Duy Lạc, người đã viết đoản văn “Giòng Đời” trên Đặc san Ngân Sao của Hội Không Quân Houston, số mùa Hè 92 với bút danh Duy Lạc.

“Giòng Đời” là một bài văn hồi tưởng về cuộc tình lỡ của tác giả trong thời niên thiếu. Đó là mối tình đầu, như rất nhiều mối tình đầu dang dở khác, ở cái thời đại mà tình yêu trai gái coi như trái cấm bởi vòng rào luân lý, và quan niệm tương giao nam nữ khắt khe của xã hội đương thời. Biết bao mối tình trong sáng, ngây thơ, chất phác, như những đóa hoa yêu hoa lệ nở rụt rè, rồi tan vỡ, để lại trong văn chương nhiều chuyện tình đắm lệt, dư âm còn mãi đến bây giờ.

Trong phần giới thiệu, bán nguyệt san Ngày Nay ở Houston viết: “... Tác giả (Duy Lạc) kể lại mối tình đầu của mình vào thời niên thiếu, lúc cắp sách đến trường huyện với một người con gái tên Nga học cùng lớp. Lúc đó, vào dịp toàn dân kháng Pháp, 1945. Thời thế sau đó đổi thay,

ông Duy Lạc vào Nam, rồi trở thành một Sĩ quan Không Quân Việt Nam Cộng Hòa. Còn cô Nga trở thành một người lính của phía bên kia, vượt Trường Sơn vào Nam”.

Chuyện không ngờ là tờ Ngàn Sao lọt được về Sài Gòn, và cô Nga ngày xưa được đọc bài “Giòng Đồi” và sau đó, viết một bài chuyển ra ngoài với tên “Hồi Âm Giòng Đồi”. Đây là một bức thư tâm tình riêng tư giữa hai người bạn lòng, nhưng tình tiết ghi lại một giai đoạn phân ly nghiệt ngã của đất nước...”

Bài “Hồi Âm Giòng Đồi” đăng trên Ngày Nay đã gây một xôn xao dư luận, nhất là trong dư luận Không Quân. Ở một vài nơi, có những báo khác đăng lại. Đây là chuyện tình cảm động của thế hệ chúng ta, với đầy đủ tính cách bi thương, lãng mạn, chung thủy và đắm thắm biết bao, trong bối cảnh đau thương của đất nước, với cuộc phân tranh đối đầu chủ nghĩa, huynh đệ tương tàn. Báo Lý Tưởng đăng lại bài văn “Hồi Âm Giòng Đồi”, vì thứ nhất, ngoài tính chất bi thảm của một câu chuyện đầy bi thảm, còn vì cái đoạn kết bất ngờ và đau xót là Đại Tá Đặng Duy Lạc đã chết đường đột, ít ngày sau khi bài báo được phổ biến. Có thể chẳng, lá thư tình gửi muộn đã làm anh rung động và cảm xúc, vì ăn năn, hờn trách mình ngày xưa đã rụt rè, yêu không dám ngỏ và đã hiểu lầm, hóa nên cuộc tình thành chia biệt 40 năm...?

Nổi riêng nhớ ít tưởng nhiều... (Kiều)

Phải chăng chính cái tâm “*quán tưởng*” theo kinh Phật mà Nguyễn Du đề cập đến rất nhiều lần trong truyện Kiều, đã khiến con người nòi tình nghệ sĩ Đặng Duy Lạc tưởng tượng thêm ra những tình tiết đẹp đẽ cho mối duyên dang dở, để càng nặng lòng tiếc nuối, âu sầu, đắm đuối mình trong niềm ai oán với trò chơi nghiệt ngã của định mệnh? Anh khổ đau, dần vật bởi giòng chữ bụi ngùi thương tội “*Anh đã từ phương xa lại, mình gặp gỡ nhau, anh gieo vào lòng em một vết thương, rồi anh lẳng lẳng ra đi không một lời từ biệt...*” khiến “*Anh Duy thân mến*” của Nga đã bơi ngược giòng đời, day dứt niềm thương, đem xuống tuyền đài mối tình dang dở chưa tan.

Thứ nữa, “Hồi Âm Giòng Đồi” của Nga Sài Gòn có một giá trị văn chương cao vượt trên “Giòng Đồi” của Duy Lạc khó mà phủ nhận. Người nữ đó đã sống hết ngả truân chuyên, trôi cuốn theo giòng cuồng lưu vận nước, vô độ thảm thương hơn thân phận Thúy Kiều, khổ đau và tủi nhục trên cả Lara trong “*Dr. Jivago*”, vượt xa cơn khốn khó của Catherine Barkley trong “*A Farwell To Arms*”. Những nhân vật nữ đa truân của văn chương nhân loại. Người đàn bà tên Nga đã cho đi ở lứa tuổi thanh xuân đẹp đẽ đó, cả cuộc đời nàng vì lý tưởng thiêng liêng dành cho đất nước, thủy chung ôm giữ mối tình đầu cam lặng cùng niềm u oán... Để bốn chục năm sau, bàng hoàng sống lại nguyên tròn cảm giác bồi hồi xưa cũ, nửa đêm ngồi viết lá thư dài, gửi “*Anh Duy dấu yêu*” những lời nồng nàn tha thiết, bây giờ mới ngỏ... Để tìm người tình năm xưa quặn thắt và đau buốt nhức, tay cầm tờ thư cũng run lên, như trước đây, bên trời xa mù tấp, Nga cũng run lên “*còn hơn bị B-52 trải thảm*”, khi đọc “Giòng Đồi” trên giai phẩm Ngàn Sao. Thiên tình sử đã được viết ra bằng những giòng chữ đầm đìa ngấn lệ, văn chương tới độ chân thành, cảm động, khiến hoe rưng người đọc.

Thêm vào đó, “Hồi Âm Giòng Đồi” còn là một tác phẩm sâu sắc, tát thẳng vào mặt chế độ với những giòng chữ viết ra từ một người theo cách mạng, nói về thực chất của cái gọi là “*nhà nước*”, trên phương diện thông tin chỉ thuần mục đích tuyên truyền “*nhai đi nhai lại một luận điệu cũ rích*”, về tệ trạng tham nhũng hối mại “*chỉ cần đút lót vài ba bao thuốc thơm, chiếc đồng hồ rê tiền v.v... thì cái gì to như con voi cũng qua lọt*”, và thú nhận lầm lỡ đi theo Việt cộng chỉ là do “*định mệnh nghiệt ngã đã đẩy em thành một kẻ ruồng bỏ quê hương!*”... Em tập kết vì ngỡ mình sẽ đến được một nơi như thiên đàng, chứ không phải vì lý tưởng hay vì bị huyền hoặc bởi cái chủ nghĩa hứa hẹn không còn có cảnh người bốc lột người...”

Đó là tâm trạng náo nê của “*người đàn bà góa bụa mái tóc đã bắt đầu điểm sương ngồi viết thư cho người bạn tình xa cách nửa vòng trái đất..*” tủi buồn ngậm giọt thương thân, nhớ lại mối tình

thơ ngây không dám ngỏ và thồn thức hồi niệm cuộc chia ly định mệnh, khiến cho đời nàng giông bão “*Nhiều đêm em đã khóc vì nỗi bơ vơ của mình nơi xứ lạ quê người. Em nhớ đến anh thật nhiều...*” Nhớ đến bóng hình xưa thuở thanh xuân đèn sách học trò và giấc mơ lãng mạn “*Có lần nào anh say sưa oanh kích, mà dưới ấy là chỗ đóng quân của em? Nếu chẳng may bị trúng đạn phòng không, anh nhảy dù xuống và em là người băng bó cho anh, thì không hiểu bọn mình phải xử trí ra sao trong tình huống ấy?*”

“Hồi Âm Giọng Đời” nói lên đầy đủ cái thâm kịch của thế hệ chúng ta, của phần số đau thương bất hạnh dân tộc ta gánh chịu. Lý Tường Trân trọng mời bạn đọc theo dõi và cảm xúc với từng giòng chữ phô diễn chân thành tâm trạng người viết, để hiểu tại sao cái khổ đau ray rứt đã khiến ông Đại Tá phi công khu trục Đặng Duy Lạc không gượng nổi, phải từ giã anh em, từ giã bạn bè để ra đi mang theo tình yêu thánh hóa sang bên kia thế giới...

Đào Vũ Anh Hùng

* * *

Giòng đời

Tôi sinh ra vào thế hệ của thập niên 30. Thế hệ của chúng tôi chịu nhiều xáo trộn điên đảo nhất trong giòng lịch sử 60 năm của dân tộc (1930-1990). Chúng tôi may mắn là nhân chứng của nhiều sự hưng vong của bao chế độ và cuối cùng được nhìn tận mắt sự sụp đổ ngoạn mục của chế độ Cộng sản bạo ngược khắp thế giới. Đó cũng là một niềm an ủi cuối đời cho thế hệ chúng tôi, những người chống cộng sản phải bỏ nước ra đi lang thang, bơ vơ, chịu nhiều bất hạnh, mang nhiều nỗi đau buồn trên đất khách.

Ngày xưa từ tuổi nhi đồng qua thời niên thiếu, chúng tôi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của luân lý đạo đức Khổng Mạnh qua các tập “*Luân Lý Giáo Khoa Thư*” ở nhà trường. Trong xã hội lúc bấy giờ, một thời văn chương lãng mạn của các nhà thơ: Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên v.v... và nhóm chủ trương Tự Lực Văn Đoàn của Nhất Linh đã mang lại cho chúng tôi một ít mơ mộng về tình yêu (Hồn Bướm Mơ Tiên), hay ý thức mơ hồ về các hoạt động cách mạng (Đôi Bạn). Sau đó từ năm 1935-1945, dòng nhạc tiền chiến trữ tình và lòng yêu nước của Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Phạm Duy, Tô Vũ, Đặng Thế Phong v.v... đã thật sự thấm nhập tâm hồn tuổi trẻ vừa lãng mạn vừa khơi động tình yêu tổ quốc của tuổi thanh niên.

Kế đến thế chiến thứ hai vào giai đoạn chót bộc phát dữ dội. Bom đạn của chiến tranh bắt đầu tàn phá quê hương. Nương theo sự thất trận của Nhật, nhiều phong trào yêu nước chống Pháp nổi dậy, cuối cùng đi đến ngày 19-8-1945, ngày toàn quốc khởi nghĩa mà bọn Việt Minh Cộng sản quỷ quyệt cướp lấy công đầu. Và cũng từ hoàn cảnh đó, đám thanh niên thế hệ chúng tôi một số vào rừng, vào bưng, vào chiến khu để theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc. Một số khác vì còn trẻ tuổi, phải bỏ thành phố tản mác về vùng quê để tạm lánh cư.

Cũng như mọi gia đình khác, cha mẹ chúng tôi vội vã bỏ hết gia sản chạy về vùng quê miền Trung. Từ đó đời tôi bắt đầu một khúc quanh: cơ cực cũng lắm, hạnh phúc cũng nhiều, chạy dài suốt một thời niên thiếu. Tôi dần dần yêu thích cảnh sống đồng quê. Say sưa với núi cao, biển rộng, rừng thông, đồi cát, ruộng mía, nương khoai với những hình ảnh của đình chùa, miếu mạo. Tôi yêu thương làng tôi qua lũy tre xanh. Con đường nhỏ nhỏ thông reo. Ngôi đình cổ kính nằm bên chân đồi. Tôi mê nhất những buổi trưa hè ngồi nghe tiếng thông vi vu, réo rắt một điệu nhạc buồn như tiếng sáo diều từ lưng đồi vọng lại.

Tuổi thơ của tôi thấm đậm tình quê hương từ những ngày tháng êm đềm thơ dại đó. Những năm đầu kháng chiến, gia đình tôi chưa đến nỗi sa sút. Tôi được đi học tại trường Trung học cấp huyện, cất ngay trong làng. Ở miệt thôn quê thời kháng chiến, sự học hành bị gián đoạn

nên học sinh tuy ngồi chung lớp nhưng tuổi tác chênh lệch nhau. Trong lớp “*Đệ nhất niên*” của tôi có độ mươi cô nữ sinh. Các cô thuộc người làng hoặc từ những làng kế cận đến học. Phần nhiều nữ sinh thuộc gia đình giàu có trong đám hương mục ngày xưa như Chánh Tổng, Xã Trưởng, Hương Lý, Hương Hộ v.v...

Các cô tuy là gái quê nhưng trông cũng xinh đẹp lượt là lắm. Tôi thời đó học hành dốt nát, chỉ thích lêu lổng ngoài đường. Chuyện nhà trốn tránh, chuyện bạn bè thì mau mắn. Tôi lang thang suốt xóm trên làng dưới, tập đàn ca với đám nữ sinh cùng lớp, ít khi có mặt ở nhà. Công việc nặng nhọc trong gia đình tôi giao cho chú em kế gánh vác. Mẹ già nhiều lúc mắng mỏ rầy la, tôi vẫn trơ mặt thịt.

Đã vậy tôi còn tơ tưởng yêu đương. Tôi yêu tha thiết một cô em tên Nga cùng lớp. Em ngồi dãy bàn trước mặt. Tôi còn nhớ chiếc áo chemise lụa mỏng và chiếc quần lãnh đen của em. Em có đôi mắt nhưng huyền sâu thẳm như đáy hồ thu mà tôi tự nguyện chết đuối trong đó những lần em quay lại nhìn tôi cầu cứu. Đôi môi em đỏ hồng gợi cảm. Những lúc em ban phát cho tôi một nụ cười cảm ơn khi tôi cho cốp bi bài toán là những lần tìm tôi như ngừng đập. Em thường liếc xéo tôi mỗi khi tôi trêu chọc. Cái nguyệt dài, con mắt có đuôi, kèm theo một nụ cười mỉm của cô gái dậy thì, có lúc là một “*message*” ửng ửng kín đáo của thời đó.

Thật tình lúc bấy giờ tôi không đoán được Nga có cảm tình gì với tôi chưa. Nhưng riêng tôi, tôi đã mê tít nàng. Cứ mỗi ngày cô em nghỉ học là mỗi ngày tôi thần thờ nhớ nhung. Tôi tương tự nàng như Nguyễn Bính tương tự “*Cô hàng xóm*”:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi

Cách nhau cái dậu mỏng tơ xanh dòn...

Tuy yêu thương mê mẩn như thế, tôi chưa dám nói một lời yêu thương cùng nàng. Hồi đó tôi đen đúa xấu trai. Tóc chải bẩy ba có thêm một chút tango ỏ quạ ngay trước trán (thời trang 1945). Tôi gầy đét và cao lêu nghêu như cây sậy. Thật tình nhìn kỹ tôi chả giống con giáp nào! Tôi chỉ được tiếng “*người Sài Gòn*” và một chút tài mọn về đàn ca hát xướng. Vì vậy, tôi chủ quan nghĩ rằng em đã cảm tình với tôi. Một hôm vào dịp nhà trường tổ chức đi cắm trại qua đêm ở một rừng dừa ven biển. Dĩ nhiên tối hôm ấy có đốt lửa trại và thi đua văn nghệ, giữa mấy trăm học sinh cùng trường. Tôi táo bạo ghi tên tham dự, cốt để chứng tỏ với Nga về khả năng văn nghệ của mình. Đêm hôm đó, trước đám đông đảo học sinh, tôi đơn ca bản nhạc “*Nhớ Chiến Khu*”, một bài ca tử của tôi, “*Còn đâu trong chiến khu trên rừng chiều. Bên đèo tiếng suối reo, ngàn thông réo...*” Tôi đang mơ màng vừa ca vừa diễn xuất bộ mặt sầu sầu của anh Vệ quốc Quân nhớ nhà, nào ngờ đến đoạn cao nhất của bài hát, một phần vì khớp, một phần vì nhìn thấy cô nàng đang theo dõi mình, tự nhiên tôi té giọng kim, đứt đoạn, rồi ngừng ngang nửa chừng. Tôi đứng như trời trồng giữa tiếng vỗ tay la ó của đám học sinh. Tôi xấu hổ, tay chân thừa thãi, mặt đỏ bừng chỉ muốn độn thổ cho xong. Tội nghiệp Nga, nàng cúi đầu thương hại cho tôi.

Rồi có một lần, chuyện phải đến đã đến, Nga ngỏ lời mời tôi đến nhà nàng chơi vào chiều thứ bảy. Tôi sung sướng nhận lời. Dịp này nhất định tôi sẽ bộc lộ tâm sự với nàng bằng một lá thơ. Mấy ngày liền tôi ngồi nắn nót viết bức thư tình đầu tiên. Tôi còn nhớ rõ bức thư viết dài và hay lắm. Tôi diễn tả mọi tình say đắm của mình. Văn chương lãng mạn và ướm át vô cùng.

Trong bức thư tôi còn làm dáng về vốn Pháp văn của mình bằng hai câu bất hủ “*L’homme sans amour comme La Terre sans Lumière*” mà tôi thường được ở mấy bức thư tình của bà chị tôi. Chiều hôm ấy, tôi băng máy cánh rừng dương để đến nhà nàng.

Nhà Nga xinh xắn bao quanh bởi một vườn cau và một hàng rào bông bụp tím nhạt. Vườn có nhiều hoa và cây ăn trái. Tôi dạo chơi thơ thần trong vườn cùng nàng suốt buổi tối. Nàng bóc bưởi mời tôi ăn. Tôi trèo cây hái khế tặng nàng. Cứ như thế mãi cho đến khi trăng treo đầu ngọn cau và hoa bưởi bắt đầu tỏa hương thơm ngát, tôi mới từ giã nàng. Trước khi về tôi dúi vội bức thư vào tay nàng. Nàng ngập ngừng e thẹn nhận lấy thư tôi.

Sau ngày trao bức thư tình, tôi cảm thấy yêu đời, mơ mộng nhiều hơn. Và trong khi tôi nao nức đợi chờ hồi âm, thì hỏi ơi! Hai câu Pháp văn bắt hủ tôi viết cho nàng được loan truyền khắp nơi nhất là trong đám nữ sinh. Mấy bà chị họ, mỗi lần gặp tôi đều tủm tỉm cười, làm tôi xấu hổ vô cùng. Tôi loáng thoáng đoán rằng tôi đã làm và quá chủ quan, chớ nàng không hề yêu thương hay tình cảm gì với tôi. Nàng đã đem bức thư của tôi bêu rếu để làm trò cười. Từ đó tôi không nhìn nàng. Tôi đau khổ hận đời, hận nàng và trốn học luôn...

Cho đến một ngày trước khi xuống tàu bỏ trốn vào Nam, vì vô tình hay cố ý, Nga chặn tôi trên con đường làng vắng vẻ, gương mặt xanh xao, ánh mắt buồn buồn. Nàng khóc thật nhiều và giải thích với tôi rằng nàng đã yêu tôi. Chuyện bức thư là lỗi bất cẩn của nàng (Nga cho người bạn gái mượn quyển sách trong đó có dấu bức thư).

Nàng trách tôi tại sao bỏ học và trốn tránh không nhìn mặt nàng. Lần đầu tiên tôi run run cầm tay nàng, nhìn sâu vào đôi mắt lệ nhạt nhòa, thổn thức không nói một lời, bởi vì ngày tôi nhận được hạnh phúc tình yêu đầu đời và cũng là ngày tôi xót xa chia tay mỗi tình học trò ngán ngùi đó. Ngày hôm đó, tôi đau đớn vịnh biệt Nga mà chính nàng không hề hay biết.

Con thuyền đưa tôi vào Nam chập chùng giống bão. Giông bão xô dạt con thuyền. Giông bão ngay trong lòng tôi...

Tôi có người em kế, cùng trạc tuổi. Chúng tôi là hai thái cực. Chú Lâm hiền hòa thích sống trong gia đình. Tôi mê cuộc đời hải hồ lang bạt. Lớn lên, hai anh em cùng vào quân đội. Tôi đi lính Không Quân đồn trú tại Pleiku. Chú đi sĩ quan Thủ Đức đóng đồn ở Daksut. Những ngày cao nguyên sôi động, nhiều lần từ trời cao, tôi xót xa nhìn chú bị vây hãm dưới đồn. Anh em tuy đóng quân cùng một vùng nhưng chẳng bao giờ gặp nhau. Thịnh thoảng hành quân ngang đồn, tôi bay thấp để chào chú, hoặc liên lạc FM để thăm hỏi sức khỏe và nhắn tin nhà, thế thôi. Vậy mà chú Lâm vẫn vui vẻ sống cuộc đời gian khổ bộ binh.

Mãi đến ngày bỏ nước ra đi, chú ra đi một mình không kịp đón gia đình vợ con. Những năm tháng xa quê hương, chú Lâm vẫn sống cảnh đơn lẻ ở một tiểu bang xa lắc xa lơ. Nhưng mấy năm gần đây, chắc có lẽ chịu hết nỗi cảnh “*Đồn Lê Chiêu Xuân*” chú đã âm thầm bước thêm bước nữa để ném mùi “*một cảnh hai quê*”. Thật tội nghiệp!

Hôm Tết vừa qua, nhân dịp đi công tác cho hãng ở Hà Nội. Lâm ghé Sài Gòn thăm nhà và về làng thăm quê cũ. Một sự việc bất ngờ và cảm động là chú Lâm đã tìm được dấu tích của Nga ngày xưa. Được biết nàng đã trốn ra Bắc năm 1956 và sau ngày Việt cộng cưỡng chiếm miền Nam, nàng trở về với quân hàm Đại úy và là vợ lẽ của một ông tướng già Việt cộng. Hiện nay nàng đang ở Sài Gòn, khu cư xá sĩ quan Chí Hòa và ông tướng già đã chết. Trước khi trở về Mỹ, Lâm có đến tìm gặp nàng. Nga sung sướng mừng rỡ khi nhận ra Lâm em của tôi. Nàng vui vẻ kể chuyện xưa về tôi với chú Lâm và nói rõ lý do vì sao nàng bỏ xứ ra đi. Trong câu chuyện thăm hỏi, Lâm đã cố khơi lại chuyện tình ngày xưa của chúng tôi. Lâm nói: “*Anh tôi vẫn nhắc nhớ về chị.*” Nàng cúi đầu lặng lẽ, giọng buồn buồn: “*Dạ vâng, tôi đoán thế.*” Và nàng cảm động cho biết người làng đã kể: Có lần tôi một mình lái xe về thăm vườn cũ tìm lại người xưa, và người xưa không còn nữa. Lâm tiếp tục thăm dò: “*Chị có biết anh tôi ngày xưa làm gì không?*” “*Dạ tôi biết, nghe nói anh ấy là một phi công trong Không Lực Cộng Hòa.*” “*Chị có oán hận, căm thù gì chúng tôi không?*” Nga lắc đầu cười chua chát, “*Tôi không nghĩ đến điều đó, và chẳng bao giờ nghĩ như vậy, nhất là đối với anh ấy...*”

Nàng trả lời với đôi mắt mơ màng xa vắng. Chắc có lẽ chú Lâm đã vô tình khơi dậy những kỷ niệm thời học trò của nàng. Những kỷ niệm tưởng như đã chôn vùi dưới lớp bụi thời gian sau bốn mươi năm xa cách.

Và trong buổi chiều hôm đó, theo lời nhật xét của chú Lâm. Nga như “*lội ngược dòng thời gian*” tìm sống lại quãng đời con gái ngây thơ, cùng với mỗi tình thơ mộng và đẹp nhất của đời nàng. Vì đó là mối tình đầu và mối tình không có đoạn cuối.

Duy Lạc

* * *

Hồi âm Giọng đời

Anh Duy thân mến,

Em ngồi viết lá thư này cho anh khi cơn mưa vừa mới tạnh. Cơn giông miền nhiệt đới ào ạt, kéo dài độ chừng hai tiếng đồng hồ, nhưng cũng đã làm cho cái nóng oi bức của Sài Gòn dịu bớt. Mưa đã dứt, chỉ còn những giọt nước nhỏ thỉnh thoảng tí tách rơi trên miếng tôn mỏng hứng nước bên hiên nhà. Nghe tiếng giọt nước gõ đều đặn, rồi nghe tiếng nhịp tim mình đập, em bỗng thấy hình như mình mang một tâm trạng bồi hồi. Đặt bút viết lá thư này cho anh, lòng em cũng cảm thấy bồi hồi như thừa ấy cầm tay anh lần đầu, mà không ngờ cũng là lần chào ly biệt... Không biết rồi lá thư này có thể đến tay anh? Nếu may mà thư đến, đọc xong anh sẽ nghĩ gì? Thôi em cũng liều... Cầm bằng như gió mang đi.

Tuần trước em đến thăm chị Hạnh, người bạn làm việc cùng cơ quan với em trước đây. Chị ấy xin phục viên sớm, vì đồng lương nhà nước trả không đủ sống. Chưa kể là đôi ba tháng nhà nước không có tiền phát cho nhân viên. Chị Hạnh bây giờ làm nghề buôn chui sách báo nước ngoài. Ở chỗ này thì em phải giải thích thì anh mới rõ tại sao ngày nay nước mình lại có cái nghề lạ như vậy. Từ ngày các nước xã hội chủ nghĩa anh em ngưng viện trợ, nhà nước cần ngoại tệ nên họ đã mở cửa, khuyến khích người Việt ở nước ngoài về thăm quê hương. Tuy có lệnh kiểm soát gắt gao ở các cửa khẩu hải quan những món hàng quốc cấm như sách báo tuyên truyền của phe tư bản, nhưng tệ nạn tham nhũng tràn lan không có cách gì ngăn cản nổi. Ví thế, du khách chỉ cần dứt lốt vài ba bao thuốc thơm, chiếc đồng hồ rẻ tiền...v.v... thì cái gì to như con voi qua cũng lọt. Người dân ở quê nhà bây giờ không ai thèm đọc báo nhà nước, ngày nào ngày ấy tin tức đều nhai đi nhai lại một luận điệu cũ rích. Người ta còn khôi hài nói rằng chỉ có tin tức khí tượng là không sặc mùi tuyên truyền, còn hầu hết đều... cuội! Vì thế dân chúng mới lén lút thuê hoặc mua lại báo chí bằng Việt ngữ hay bằng ngoại ngữ xuất bản tại nước ngoài.

Gặp em, chị ấy vội kéo vào buồng trong nói nhỏ:

– Đây Nga, tôi có món quà này, chắc Nga sẽ thích vô cùng.

Em chưa kịp hỏi chị ấy món quà gì, chị Hạnh đã dúi vào tay em một tờ báo. Chị nói:

– Dấu cho kỹ vào người đi! Về nhà, chờ đêm khuya thanh vắng rồi hãy đem ra đọc. Đọc để xúc động vì “*người ta*” còn nhớ tới mình!

Nhìn trang bìa tờ báo có hình một nửa chiếc máy bay phản lực đậu trên phi đạo và tên tờ báo là Ngàn Sao, lại nghe chị Hạnh nói bóng gió xa xôi, em linh cảm một điều gì đó rất mơ hồ. Nửa năm trước, chú Lâm từ bên Mỹ đi công tác cho hãng về Việt Nam đến thăm em. Chú ấy nhắc đến anh, đến tình cảm anh vẫn âm thầm dành cho em. Giác quan thứ sáu xui em liên tưởng đến một điều gì đó (mơ hồ thôi) rằng anh, chàng Phi công Cộng Hòa lãng mạn, có thể đem chuyện tình hai đứa dặt thành văn? Cầm tờ báo trên tay, em run còn hơn bị B-52 trải thảm hay như hồi sơ tán phòng không ở Việt Bắc. Chị Hạnh trấn an:

– Làm gì mà run dữ vậy? Bề nào Nga cũng là cựu sĩ quan quân đội nhân dân, công an nào dám đụng đến?

Em run không phải là sợ công an khám xét thấy mình mang món hàng quốc cấm. Em run vì không hiểu điều dự đoán của mình có phải là sự thực. Em run vì liên tưởng đến người bạn năm xưa vẫn còn nhớ đến mình. Anh đừng cười em già rồi mà còn vớ vẩn.

Chị Hạnh là người bạn sát cánh với em vào thời kỳ chiến đấu dọc Trường Sơn. Chị ấy cũng là con nhà tiểu tư sản như mình, nên em thường nhỏ to tâm sự trong những lúc dừng quân. Em

có kể cho chị ấy nghe về anh, người bạn học cùng trường thừa thiếu thời. Về nhà, chờ đêm khuya thanh vắng, mọi người đều đã say giấc nồng, em len lén đem tờ báo ra chong đèn lên đọc. Em đọc từng trang, rồi em dừng lại ở bài viết mang tên tác giả Duy Lạc, “*Chắc chắn là anh đây rồi?!*” Em tự nhủ: Quả nhiên đúng như điều em dự đoán. Thời gian trôi nhanh quá anh nhỉ? Thấm thoát đã bốn mươi năm rồi còn gì? Bao nhiêu tấn tuồng dâu bể diễn ra! Bao nhiêu nước chảy dưới cầu! Hai mái tóc xanh của đôi trẻ ngày nay đã bắt đầu điểm trắng.

Chiến tranh bùng nổ, anh từ Sài Gòn về lánh nạn ở quê nhà. May mắn thay giấc chưa thể tràn về vùng đất của mình, nên chúng ta có một thời kỳ bình yên. Khí thế bùng bùng của phong trào giành độc lập xứ sở bốc cao khiến tất cả thanh niên hăm hở lên đường làm anh vệ quốc quân. Tuy bọn mình còn nhỏ mà trong trí óc non nớt cũng đã thấy lòng rộn ràng vui thích như đi trẩy hội ngày Xuân.

Em còn nhớ đêm liên hoan, anh hát bài “*Nhớ Chiến Khu*”. Lúc bấy giờ nghe giọng anh run run, em cứ tưởng anh vì cảm thương nỗi nhớ nhà của anh vệ quốc quân trong núi rừng thâm u; nào dè anh run ... vì ánh mắt ngưỡng mộ và say mê theo dõi của em. Thì ra nhãn lực của em cũng khá đấy anh Duy nhỉ?

Đạo ấy lần đầu tiên nghe anh trả bài thầy giáo, em mới để ý thấy cách phát âm của anh khác với những học trò con trai trong huyện. Chẳng hạn, “*mờ mịt*” thì anh phát âm thành “*mờ mịch*” hay “*vui quá*” thành “*vui góa*”. Và còn nhiều chữ độc đáo nữa...

Mới đầu bọn học trò trong lớp, rồi về sau bọn học trò của cả trường thường nhại cách phát âm ấy để trêu ghẹo anh. Thoạt tiên em cũng cười hòa theo bọn chúng, nhưng thấy anh chẳng phản ứng gì, mà chỉ nhún vai cười khinh rất là... Sài Gòn, tự nhiên em đâm ra thích cái giọng ấy mới kỳ chứ! Mỗi lần đến giờ học, em đều cầu mong thầy giáo gọi anh lên trả bài để em được nghe cái giọng ngô ngộ ấy.

Anh còn nhớ lần đi cắm trại đầu tiên do nhà trường tổ chức trước vụ Hè 51 không? Lớp mình chia làm bốn toán mà anh thì ở toán A, còn em ở toán B. Khi đến nơi, ai nấy đều lo căng lều dựng trại của toán mình, trong lúc đó anh lại chạy sang loay hoay giúp em làm chuyện này chuyện kia. Cử chỉ lãng xăng của anh có vẻ vụng về, khiến cho em vừa buồn cười vừa cảm động. Vì thế, buổi tối họp lửa trại, em mới lén dúm vào tay anh củ khoai em vui trong bếp lúc nấu cơm chiều. Em còn trêu:

– Trại sinh bên toán B ăn hết “*thịch*” (thịt) cá rồi, em chỉ còn củ khoai nóng này tặng anh dùng đỡ cho “*dzui*”!

Chẳng những anh không giận vì bị em nhái giọng, anh chia tay ra cầm củ khoai một cách hồn nhiên, mà miệng còn ấp úng nói gì nghe không rõ, em bỗng cảm thấy thương anh chi lạ!

Dân trong làng kế cận khu cắm trại, tối đến xong việc đồng áng cũng ra tham dự trò chơi lửa trại của đám học sinh. Ánh lửa hồng chờn vờn nhảy múa ngọn thấp ngọn cao, nhịp nhàng lung linh với tiếng đàn guitar bập bùng của anh tạo nên cảnh tượng kỳ ảo rất liêu trai. Con Thủy, con gái ông Xã Tài; con Nhạn, con gái ông Lý Trân, ngồi bên em cứ huých cùi chỏ vào hông em từng chập, mỗi lần chúng nó trông thấy anh gật gà gật gù theo điệu nhạc trầm bổng.

Dường như lúc bấy giờ anh say sưa với âm thanh của từng nốt nhạc, không thềm biết gì đang xảy ra chung quanh. Khách quan nhận xét, cả huyện mình đâu có cậu học trò nào chơi đàn ngọt như anh? Chúng nó cũng khoái và để ý “*người Sài Gòn*” có mái tóc chải bầy ba tango lấm đấy! Anh có biết rằng anh đã lọt vào mắt xanh của bọn học trò con gái tinh quái ấy không?

Em còn nhớ tính anh ít nói. Trong lúc mọi người ngồi huyền thuyên, thỉnh thoảng anh chêm một câu pha trò hóm hỉnh mà nhiều khi người nghe không tinh ý, phải mất ba, bốn ngày sau mới hiểu. Cái tính “*ngịch*” ấy ngày nay anh vẫn không bỏ. Trong bài “*Giòng Đồi*”, em vẫn đọc thấy thấp thoáng cái văn phong đó.

Anh cao lớn, nhưng không gầy như cây sậy và anh đâu có đen đúa xấu trai như anh tự chế

diều mình trong bài văn? Lại còn bày đặt tự chê mình học dốt!

Xong màn văn nghệ và đọc tin thời sự về những chiến thắng công đồn đả viện của bộ đội cụ Hồ cho dân chúng nghe, bọn học trò chạy xuống bờ biển nô đùa với sóng nước. Em nhớ đêm đó trăng lên muộn và trời trong xanh không một vẩn mây. Hình như đóm lửa trại cuối cùng tàn lụi rồi trăng mới lên. Khác với những học trò khác cùng lớp, anh không xuống bờ cát giữa nước, giữa trăng. Em thấy anh ngồi tựa lưng vào một cây dừa lá ngọn và đôi mắt đăm chiêu nhìn ra trùng khơi. Anh ngồi yên một cách thư thái, tự tại, đẹp như một pho tượng! Em biết rồi, người đó đang mơ mộng vì người đó đang yêu?! Lúc bấy giờ những cơn sóng bạc đầu phản chiếu ánh trăng nhấp nhô vờn nhau xô vào bờ, có làm cho tim anh xao xuyến, hỏi người nghệ sĩ với cây đàn?

Em là con gái, trời ban cho em cảm nhận bén nhạy hơn con trai. Kinh nghiệm đời trải qua, chắc bây giờ anh đã hiểu rõ điều đó. Hồi ấy, mới thoáng thấy cử chỉ ân cần và ánh mắt trìu mến của anh nhìn em trong lớp học, ngoài sân trường, em đã đọc được ý nghĩ thầm kín của anh. Nhưng em là con gái, đặc biệt vào thời buổi ấy, luân lý và bản tính rụt rè của phụ nữ đâu cho phép em có một cử chỉ gì gọi là biểu đồng tình, dù trong thâm tâm em cũng rất cảm mến anh. Cũng có những đêm nằm một mình vẫn vờ bên cửa sổ ngắm trăng, bỗng nhiên người thấy mùi hoa cau buồm từ đâu đưa lại, em chợt thềm có anh bên cạnh để... ngắm anh (!) Hoặc để luồn những ngón tay thon nhỏ của mình vào tóc người yêu. Đó là cái rạo rức rất tự nhiên của người con gái ở tuổi dậy thì khi biết mình đang có một anh chàng đang ngắm nghệ.

Em đã đọc đi đọc lại nhiều lần lá thư anh trao. Vì sự bất cẩn của em, con nhỏ Thủy – con gái ông Xã Tài – đọc trộm lá thư em dấu trong sách cho mượn, thế là nó đem đi mách lẻo với mọi người, gây ra sự hiểu lầm đáng tiếc khiến anh sinh lòng oán hận em. Nếu lá thư ấy bị một người bạn gái nào khác đọc thì chẳng đến nỗi nào. Đàng này con nhỏ Thủy vốn thầm yêu trộm nhớ anh, nên khi nó vớ được lá thư là nó kháo ầm lên để anh phải thẹn thùng với đám bạn gái của em và hai bà chị họ. Nghĩ lại, em chẳng phiền trách gì nó. Âu cũng là tại sự sơ suất của em mà thôi!

Ngày anh cầm tay em lần đầu (và cũng là lần cuối), em đã khóc, đã hết lòng gạn hỏi tại sao anh bỏ học và cố tình lẩn tránh em. Anh cứ làm lì im lặng. Không ngờ bữa đó anh đã quyết định xuống tàu trở lại chốn phồn hoa. Tuổi trẻ thường hay đặt tự ái quá cao! Anh đi biệt để lại cho em nỗi nhớ đoạn trường. Em thần thờ biếng nhác việc học hành và công việc trong nhà. Ba mẹ không hiểu chuyện cứ rầy la. Bỗng nhiên em cũng sinh lòng trách cứ anh. Anh đã từ phương xa lại, mình gặp gỡ nhau, anh gieo vào lòng em một vết thương, rồi anh lẳng lặng ra đi không một lời từ biệt. Bạn bè em một đôi đưa đem lòng thương hại, vài đứa trêu ghẹo em mang mối sầu tương tư. Em lại càng giận anh hơn.

Năm 1954, hiệp định Giơ-ne-vơ chia đôi đất nước. Một số người trong làng xã tập kết ra Bắc. Gia đình em vẫn ở lại vì thuộc thành phần địa chủ. Tổng Thống Diệm về nước, đẩy mạnh chiến dịch Tố Cộng. Gia đình em không bị ảnh hưởng gì, vì người ta biết thời ấy ai cũng chống Tây. Nhưng chỉ có một số cán bộ Tố Cộng của ông Diệm lợi dụng quyền thế, thấy em có nhan sắc nên họ gây nhiều khó dễ để cưỡng bách em trao thân gởi phận. Nếu em liều mình nhắm mắt đưa chân, chắc chắn em sẽ cũng được yên thân. Nhưng tính em ương ngạnh, không chấp nhận sự hà hiếp, em bèn tìm đường lên núi để rồi ngã về phía bên kia. Thân gái dặm trường, liệu mình bỏ gia đình ra đi đến phương trời vô định, em nào muốn làm một cuộc phiêu lưu? Nhưng định mệnh nghiệt ngã đã đẩy em thành một kẻ ruồng bỏ quê hương!

Anh Duy yêu dấu,

Nhiều đêm em đã khóc, vì nỗi bơ vơ của mình nơi xứ lạ quê người. Em nhớ đến anh thật nhiều. Nhớ đến kỷ niệm của những đêm trăng ở làng quê mình, của những buổi chiều hai đứa rong chơi lang thang trên bờ ruộng lúa vừa mới gặt, của mùi hương ngai ngái từ gốc rạ thoảng đưa trong gió. Và em còn nhớ đến cái giọng Sài gòn ngọt ngào của anh nữa!

Sự đãi ngộ ở miền Bắc không tốt đẹp như những gì mà “*người ta*” đã ngọt ngào dụ dỗ em. Cũng như những bộ mặt đàn ông nham nhở (xin lỗi anh) tìm đủ mọi cách chiếm đoạt em. Ở vào bước đường cùng, lần này em đành nhắm mắt đưa chân. Em kết hôn với một ông sĩ quan già hơn em mười lăm tuổi. Trong bài “Giòng Đồi” anh kể rằng em làm lẽ một viên tướng già là không đúng sự thực. Nhưng mà thôi, không sao! Làm vợ chính thức hay làm lẽ, số phận em vẫn hẩm hiu “*bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi!*”

Chiến tranh ngày càng lan rộng và khốc liệt. Phi cơ oanh tạc hầu như mỗi ngày. Đa số nhân dân miền Bắc đều mong mỏi được quân đội miền Nam giải phóng, vì họ hết chịu đựng nỗi đói khổ và cuộc sống hắc ám, rình rập. Em là người miền Nam tập kết muộn. Tập kết vì tưởng mình sẽ đến một nơi như thiên đàng, chứ không phải vì lý tưởng hay bị huyền hoặc bởi cái chủ nghĩa hứa hẹn không còn cảnh người bóc lột người! Em chỉ tha thiết một điều: Chiến tranh sớm chấm dứt, hòa bình mau trở lại để em được quay về xóm làng xưa. Em tình nguyện xung phong đi chiến trường B (tức là xuôi Nam) với hy vọng nhìn lại Bố Mẹ già và đàn em dại. Em lên đường như một người tìm về nơi chôn nhau cắt rốn, chứ không phải là kẻ lên đường “*làm nghĩa vụ quốc tế*” như người ta cổ võ đề cao. Trờ về đó, em lại nghe tin đồn phong phanh rằng anh đã trở thành người phi công khu trục của chính quyền Sài Gòn. Chao ôi! có lần nào anh say sưa oanh kích mà dưới ấy là chỗ đóng quân của em? Nếu chẳng may bị trúng đạn phòng không, anh nhảy dù xuống và em là người băng bó cho anh, thì không hiểu bọn mình phải xử trí ra sao trong tình huống ấy? May mà điều ấy không bao giờ xảy ra để chúng ta khỏi bị ngỡ ngàng.

Có lần em nhận được tờ truyền đơn kêu gọi chiêu hồi từ trên phi cơ thả xuống. Em vội dấu kỹ tờ truyền đơn vào lần túi áo trong để chờ dịp thuận tiện là trốn thoát, nhưng cơ hội không bao giờ đến với em cả!

Khi miền Nam được “*giải phóng*”, em nghĩ rằng đây là cơ hội em có thể tìm gặp người bạn tình năm xưa. Em biết rằng gặp nhau thì đôi ta mỗi đứa ván đã đóng thuyền, không còn hy vọng gì chấp nối, nhưng ít nhất mình cũng còn được thấy nhau sau mấy mùa chinh chiến. Niềm hy vọng ấy vội tan biến khi em biết rằng anh đã ra đi nước ngoài. Tâm tình em xen lẫn hai nỗi buồn, vui: Buồn vì không gặp được anh và vui vì anh không phải rước cảnh tù đày. Anh còn nhớ Loan, em gái của em. Nó kết hôn với Cảnh, một người Thiếu tá trong quân đội Cộng Hòa. Chồng nó bị đưa đi “*học tập cải tạo*”, rồi chết vì lao lực trong rừng thiêng nước độc và vì thiếu dinh dưỡng. Loan nhờ chồng em can thiệp cho Cảnh. Như anh biết đấy. Tuy chồng em là tướng Việt cộng mà cũng đành bó tay bất lực. Từ đó Loan không bao giờ nhìn mặt em nữa. Chị em cật ruột bỗng hóa thành kẻ thù. Nỗi khổ tâm ấy do ai gây ra, mà một mình em phải hứng chịu sự khinh khi của gia đình? Tại sao em phải chịu nhiều điều oan nghiệt thế hờ anh Duy? Năm kia, chú Lâm về Sài Gòn, chú ấy kể rất nhiều chuyện về anh. Em vô cùng xúc động vì anh vẫn giữ được trong ký ức hình ảnh và tình cảm trân trọng đối với người bạn gái đầu đời. Vận nước điêu linh, thế hệ chúng mình chẳng may phải hứng chịu nhiều thua thiệt. Thật là vô lý khi hai kẻ yêu nhau trở nên vô tình quay mũi súng bắn vào nhau. Ước mong sao những lớp người thuộc thế hệ mình nhìn rõ chân lý để cùng nhau xây dựng lại xứ sở hoang tàn bởi một thứ chủ nghĩa ngoại lai phi nhân. Mình phải có bổn phận nói rõ cho con cháu nên lấy thương yêu, chứ không phải hận thù, bù đắp những lỗi lầm của người đi trước. Có như thế thì mới hàn gắn được những đổ vỡ lớn lao trong quá khứ.

Đúng bốn mươi năm trước, dưới rặng dừa ở làng quê, anh e ấp trao em lá thư tỏ tình. Anh nao nức chờ đợi hồi âm. Em chưa kịp hồi âm thì không may xảy ra chuyện hiểu lầm. Bốn mươi năm sau, (nhờ đọc được bài văn của anh trên báo), từ phương trời này, một người đàn bà góa bụa và mái tóc đã bắt đầu điểm sương lại ngồi viết thư cho người bạn tình xa cách nửa vòng trái đất để kể về chuyện đời. Xin cảm ơn anh đã cho em một chút nắng trong buổi chiều tàn, “*Một Chút Mặt Trời Trong Ly Nước Lạnh!*” Đời em truân chuyên đã gặp nhiều bất hạnh, nhưng kể từ

khi đọc những dòng tâm tư của anh trên trang báo, em cảm thấy được an ủi phần nào. Bây giờ thì em mới biết ở nơi cuối trời xa thẳm kia có một chàng trai Sài Gòn thừa nào vẫn còn giữ trong tim hình ảnh và kỷ niệm đầm thắm của người yêu ban đầu.

Thư viết cho anh đã khá dài. Những giọt nước mưa trên mái nhà cũng đã thôi gõ đều đặn xuống tấm tôn. Đêm đã xuống từ lâu. Cảnh vật yên lặng như tờ, nhưng dường như trong tiềm thức em vẫn nghe tiếng sóng biển rì rào và âm thanh xào xạc của những ngọn lá dừa cọ xát vào nhau. Biết bao giờ hai chúng ta có thể lại cùng nhau dạo chơi hóng gió chiều và nghe sáo diều trên đường làng quê cũ anh nhỉ? Ấy chết! Em lại lẫn thẩn mất rồi! ĐỪNG! Chúng mình không nên gặp lại nhau để anh còn giữ trong trí nhớ hình ảnh con bé Nga mười mấy tuổi, má lúm đồng tiền và nụ cười răng khểnh.

Em xin dừng bút. Cầu chúc anh dồi dào sức khỏe và gia đình gặp nhiều sự may mắn, an khang, thịnh vượng. Và xin anh nhớ cho rằng ở nơi xứ sở nghèo khó này vẫn có một người luôn luôn thương nhớ anh.

Thân ái,
Em gái anh,
Nga

Tái bút: Để tránh sự kiểm soát của nhà nước, em trao lá thư này cho một sĩ quan sắp sang Mỹ theo diện H.O. và nhờ ông ta gửi đến chú Lâm bằng đường bưu điện. Em hy vọng rằng chú Lâm vẫn còn ở tại địa chỉ mà chú cho em trước đây. Đọc thư em, ước mong anh sẽ hài lòng khi thấu rõ tâm tình của em.

Phụ đính III

Dương Hùng Cường



Đào Vũ Anh Hùng

Nguyệt san Lý Tường

Khải Triều

(tên nguyên bản *Tôi đi lính không quân ở Tân Sơn Nhất*)

Một buổi tối. ông Trần quốc Minh đến chỗ tôi ở, nói cho biết: '*bộ Tư lệnh Không quân sẽ tuyển một số biên tập viên hạ sĩ quan đồng hóa; để ra một tờ báo*'. Ông biết tôi đang trong tình trạng quân dịch; và, bảo tôi đưa giấy khai sinh, để ông nộp giùm hồ sơ. Tôi cứ ở nhà, ông sẽ mang giấy biên nhận, hẹn ngày vào căn cứ Tân sơn nhất, để dự thi. Có tờ biên nhận này; tôi mới vào được TSN.

Cuộc thi tuyển mở ra sau đó ít lâu; vào một buổi chiều. Đề thi gồm 2 đề tài: một là văn

chương, gồm 1 truyện ngắn, hoặc một tùy bút; tùy thí sinh chọn. Đề tài 2 về thời sự chiến tranh Việt Nam ngày đó. Số người dự th có khoảng 20 người, có 5 người trúng tuyển -- gồm 1 chuyên viên ấn loát, một ca kịch sĩ; còn 3 người kia là biên tập viên, cấp bậc trung sĩ. Tôi là 1 trong 3 biên tập viên này, số quân của tôi: 56/ 600. 661.

Như vậy là tôi trở thành một quân nhân thuộc quân chủng Không quân. Đơn vị công là bộ Tư lệnh, nằm trong địa bàn Sư đoàn 5 Kq ở căn cứ TSN; từ tháng 2 năm 1967 đến cuối tháng 4 năm 1975. Tính ra được 8 năm + 2 tháng.

Công việc chính của tôi là viết báo cho tờ nguyệt san *Lý tưởng*. Nội dung chính là thời sự, tin tức về các đơn vị; mảng văn nghệ cũng được chăm nom kỹ. Báo *Lý tưởng* có mặt khắp các đơn vị Kq. Từ bài vở đến hình ảnh, in đẹp hầu hết từ lính đến sĩ quan đều trân trọng, thích thu cầm trên tay tờ *Lý tưởng*.

Mấy năm sau, ra tiếp tập san *Chính huấn*, xuất bản 3 tháng một lần. Tôi cũng có bài trên báo này, tập san *Chính huấn* chuyên về mặt lý luận và chính trị. Số lượng in hạn chế, không phân phát cho lính; chỉ phân phối cho các ban, ngành trong Không quân. Cho nên tập san *Chính huấn* không được đón tiếp nhiều bằng báo *Lý tưởng*. Nhất là, tờ này lan cả ra ngoài. Ban biên tập cũng mời được một số nhà văn tên tuổi ở Sài Gòn, những nhà văn dân sự + những nhà văn các đơn vị khác trong quân đội viết bài.

Không quân có được điều này; một phần do tinh thần truyền thống văn nghệ. Tư lệnh Kq, Trần Văn Minh còn là tác giả 2 tập truyện ngắn *Chết non + Trong đực*. Trưởng phòng tâm lý chiến là *Trung tá Hoàng Song Liêm*, ông làm thơ từ thời trước 1954, ở Hà Nội. Một số phi công lái trực thăng, cũng như chiến đấu cơ; cũng là nhà văn viết cho báo *Lý tưởng*. Vì vậy, chính tờ báo *Lý tưởng* đã gọi cảm hứng văn nghệ cho những người lính ở rải rác tại các đơn vị khác của Không quân. Điều này làm tăng sự phong phú và sức lôi cuốn của tờ báo.

Cái thời tôi làm nhật báo *Dân Việt*; tôi đã đọc *Đời phi công* của Toàn Phong, tức đại tá Nguyễn Xuân Vinh, từng là tư lệnh Kq, thời tổng thống Ngô Đình Diệm. Ở thời này, hầu như học sinh; nam hay nữ cũng đều đọc *Đời phi công*. Ngoài ra; còn có tác phẩm *Chuyến bay đêm* của nhà văn Pháp, Saint Exupéry, cũng được giới độc giả trẻ Sài Gòn ngày đó ưa thích.

[Và], khi tôi trở thành biên tập viên tờ *Lý tưởng*; tôi được biết trong Kq có nhiều nhà văn; tôi đã nghĩ đến một truyền thống viết văn (*có lẽ thế*), trong quân chủng này, thật dồi dào. Đây là một yếu tố, (*có lẽ thế*) làm cho sự quan hệ giữa các cấp bậc trong Kq trở nên thân tình, không mấy nguyên tắc; Không quân nói chung, được nổi danh là *hào hoa*.

Nói đến một tờ báo, không thể bỏ qua những tên tuổi của một ban biên tập. Khuôn mặt của họ trong đời cầm bút như thế nào; thì làm nên giá trị của tờ báo như vậy. Như tôi vừa nói đến trên đây, Kq có một truyền thống văn nghệ khá lâu đời.

Ngoài mấy chúng tôi; lần lượt trước, sau, gồm những nhà thơ, nhà văn được tuyển dụng từ bên ngoài vào: *Thế Phong*, Hồ Phong, Kiêm Thêm, Phạm Hồ, Thanh Chương, Khải Triều; cơ hữu sẵn có: *Dương Hùng Cường*, Nguyễn Đình Thiệu, Minh Triệu, *Phan Lạc Giang Đông*, Đinh Sinh Long, Lê Văn Trước, *Trần Ngọc Tự* (*mới từ trường Võ khoa Thủ Đức chuyển về*), Chu Tấn (*tức Trần Như Huỳnh*), Huy Sơn (*Dương Quang Thuận*) trông coi tờ *Phụng sự* của *Tổng cục Chiến tranh chính trị* được chuyển sang Kq, cùng với đại tá Vũ Đức Vinh [*nhà văn Huy Quang*], và *Vũ Đức Vinh là chủ nhiệm đầu tiên tờ Lý tưởng*. (năm 1965.)

Còn chúng tôi là những người vào Kq sau; do tình hình căng thẳng của cuộc chiến. Cũng do chiến cuộc lan rộng ra Bắc Việt; một phong trào báo chí được mở ra sau này, tuy hơi muộn; do một sĩ quan cấp tá, thiếu tá Đặng Trần Dương -- bên cạnh ông có mấy sĩ quan trẻ: các trung úy

Chu văn Hải, Đào hiếu Thảo, Hà minh Đức. Ngoài ra, thật là thiếu sót, nếu tôi không nhớ đến những nhà văn đã đóng góp nhiều vào truyền thống văn nghệ Kq (VNCH) -- như vậy cũng có nghĩa, họ đã nâng cao tầm giá trị tinh thần yêu văn nghệ + các quan hệ tình cảm giữa con người với nhau trong quân chủng này -- sự cách biệt giữa quan và lính có phần giảm trừ rất nhiều. Đồng thời, họ cũng nâng cao giá trị của tờ *Lý tưởng*; mà, họ đã đóng góp bài vở. Đặc biệt một năm trước ngày [30- 4- 1975]; những nhà văn chiến đấu rải rác khắp các đơn vị của quân chủng đã hội tụ đầy đủ trong *Tập thơ, truyện Không quân thời chiến*. (nxb Vàng son, Sài gon 12/ 1974.)

Ngoài Khải Triều ra ; những nhà văn được tuyển cùng thời kỳ với chúng tôi + những nhà văn gốc Kq đã nói ở trên; một số là phi công+ một số chiến sĩ phi công viết văn khác, đều đã có mặt trong tập thơ truyện này.(*). Tất cả đều là sĩ quan cấp đại úy đến cấp tá, có cả cấp tướng: Cung Trầm Tưởng, Trần văn Minh, Đào-Vũ Anh Hùng, MYK (*cựu tướng Nguyễn đức Khánh, Sư đoàn trưởng Kq Đà Nẵng*), ZôTa (*nguyên trung tá phi công Phạm bình An*), Phùng ngọc Ẩn, Lê bá Định, Nhân Hậu, Võ Y, Võ quang Thắm, Kha Lăng Đa, Vũ Ngô, Trần tam Tiếp, Đăng văn Âu (tức *Bằng Phong*), Nguyễn Cao Nguyên (họa sĩ *Ngô Cao Uyên*), Mây Trời, Huy Quang (*đại tá Vũ đức Vinh*), Trần viễn Phương (*nguyên hoa tiêu phi công Trần duy Mỹ*), Toàn Phong. (*nguyên tư lệnh Kq thời đệ ! Cộng hòa Ngô đình Diệm*.) Có mấy nhà văn bên ngoài: Nguyễn mạnh Côn, Phan nhật Nam, Hoàng Hương Trang (*nữ*), Mai Thảo (*tạp chí Sáng tạo*.)

* *Ban điều hợp : trung sĩ 1 Đổ mạnh Tường (TPhong) -- trung sĩ Kiều văn Bằng (Hồ Phong) một Kq tên Nghi, bỏ tiền in + Phạm quang Nhân giám đốc nxb Vàng Son lo in ấn + phát hành) + Nguyễn trọng Khôi. (trình bày bia). Ở bài ' Trường hợp ngẫu hứng trong văn chương lửa/ Tập thơ, truyện Kq thời chiến', TPhong viết:*

" ...*Tập thơ truyện Kq thời chiến' này gồm 29 tác giả. Thưa, có 4 thi, văn sĩ ở ngoài quân chủng Kq cộng tác: Trường hợp của anh Nguyễn mạnh Côn với 'Một tóe lửa một vòng đen', nói về phi công danh tiếng Kq đã gãy cánh-- và, tác giả tặng riêng cánh chim Phạm phú Quốc. Tôi nữa, Phan nhật Nam, với 2 truyện: 'Đi xuống cuộc đời' + 'Dân tàu bay,' nói đến những cánh chim khác mà anh biết, như : Khôi, Tự, Phong, Thặng. Và nhà văn cuối cùng là Mai Thảo, qua 'Một vùng trời tưởng nhớ', nhớ về không gian Hànội, có sự liên hệ với những chuyến bay đầu tiên ra miền bắc,(1965) của Liên phi đội Thần Phong. [bài viết này quên mất Hoàng hương Trang, với một bài thơ ca tụng Phạm phú Quốc.] Còn lại là 29 tác giả khác, là những phi công, chiến hữu, văn sĩ chiến hữu Kq viết về 29 trường hợp khác nhau. (...) Chúng tôi bỏ quên một số vị, vì tình cờ ; như Phùng thế Hải đã có truyện ngắn đăng ngày trên báo 'Lý tưởng' số đầu (1965, thì phải), truyện 'Ông Sếp tàu bay', 'Thoát ly', 'Người yêu của Loan', 'Thư cho người yêu;', v.v. ... Lại thêm một thiếu sót về phía chúng tôi phải nhận 1 lần nữa : đã bỏ sót Đặng trọng Phó, tác giả truyện 'Nửa đường', 'Hai bờ đối nghịch' v.v. ... -- Lưu văn Giới,tác giả những bài 'Cánh thiệp trong Nam',' Dưới rặng thông' v.v...-- Hà xuân Du (y sĩ thiếu tá Kq, sau làm thứ trưởng bộ Y tế) , tác giả 'Bệnh bông', 'Trên mây gió', Phung kim Chú (mặc dầu ra không còn ở Kq), tác giả nhiều bài thơ' Mùa xuân tâm sự', 'Nghĩ về quê hương', v.v... --Trương văn Vinh (tác giả ký sự đã xuất bản 'Biệt kích Delta') -- hoa tiêu Nguyễn kim Long, qua 1 thi phẩm ronéotypé đã in ra + truyện ngắn 'Khuất đường bay', v.v.. hoặc Huy Sơn, Hoàng song Liêm, Diệp thanh Tú, Song Thương, G.Man, Khải Triều, Ngọc Tự, Lệ trường Đại, Thanh Chương, Vĩnh Thọ, Phạm văn Láng, Mìn Nổ Chậm, Minh Nguyễn, Bùi đức Long, Vũ công Hiệp, Trác Vũ (hoa tiêu vận tải C.130), Lý Tổng, Nguyễn Quân, Nguyễn công Danh, Cáo bá Minh (họa sĩ có làm thơ), Hoàng như An, Trần bát Bạt (họa sĩ trình bày báo)v.v... và v.v... Tôi nghĩ rằng, nếu người đi sau chúng tôi còn tiếp tục thực hiện tuyển tập Kq, thì nên có sự lựa chọn phương danh các văn hữu trên; cho đầy đủ những khuôn mặt viết quen thuộc của Không quân ..."*

Trong 8 năm + 2 tháng; tôi làm lính Kq, có một sự việc liên quan tới chuyện 'bước cười' của một người bạn văn nghệ:

'Vào một buổi sáng thứ 2, sau khi chào quốc kỳ ở ngoài sân cờ bộ Tư lệnh; trong lúc những người lính+ hạ sĩ quan chúng tôi phải tập trung ở văn phòng; để một thượng sĩ già phụ trách kỷ luật nhắc nhở một vài điều -- thì, một người bạn văn nghệ vào sau tôi vài tháng, từ ngoài bước vào phòng. Đây là buổi anh phải trình diện thượng sỹ kỷ luật của đơn vị văn phòng chúng tôi đầu tiên. Vừa bước vào, chiếc mũ kaki đang đội trên đầu; anh vội bỏ xuống, 2 tay ôm nó trước ngực, rồi cúi đầu chào ông thượng sỹ. tất cả chúng tôi đang đứng xếp hàng, đều không thể nhìn được cười.'

Người trí thức 'lạc' giữa 3 quân !

(...) - tạm lược khoảng 30 dòng

Trong hơn 8 năm sống một đời biên tập viên thời chiến; ngoài công việc chính là viết bài cho tờ nguyệt san *Lý tưởng* và tập san *Chính huấn*; tôi còn được cử đến hầu khắp các đơn vị thuộc quân chủng Không quân. *Có khi đi cùng với ban văn nghệ, do trung úy Trần ngọc Tự dẫn dắt, có khi là một sĩ quan nào đó được phái đi tới một đơn vị thanh tra một vụ việc; họ lại mời tôi đi theo. ...Công việc như vậy, nên hàng năm; đoàn công tác chúng tôi phải đi đến hết các đơn vị của Kq : Biên hòa, Nha trang, Pleiku, Đà nẵng, Cần thơ, Sóc trăng*

Mỗi lần đi như thế, kéo dài cả tuần lễ. Nơi nào có thắng cảnh và bãi biển; sau giờ công tác, đoàn lại đi thăm những nơi đó. Như ở Nha trang, thì có bãi biển, có Tháp Bà; Pleiku có Biển Hồ, Phù Cát ở Bình định + Phan rang thì có Tháp Chàm, Đà nẵng có Ngũ hành sơn, chùa Non nước. Cũng có chuyến từ Đà nẵng; chúng tôi ra Huế , thăm chùa Thiên Mụ, vào thành nội và đi thăm nhà thờ Phú Cam; miền Tây thì có Cần thơ với bến Ninh kiều, tháp thoáng áo bà ba chân quê, 2 tay đưa nhẹ con đò trên sông. Ngồi trên bến , uống ly cà phê, trước bối cảnh êm ả của một buổi chiều, sau những giờ công tác trong đơn vị; tôi thấy chiến tranh như ở rất xa ...

Có một lần, cũng tại bến Ninh kiều này; tôi nghe tiếng hát của Thái Thanh, qua bài *Tình hoài hương*/ Phạm Duy; vọng ra từ một quán giải khát trên bờ. Càng hát, tiếng danh ca huyền thoại này càng da diết, thấm sâu mãi vào lòng khách ly hương.

Hắn ta nghe mà hồn như lạc về cố quận với áng mây mây chiều

trích từ Newvietart.com (fr.)

Bên dưới những đôi cánh sắt Trần Ngọc Tự



(nhân ngày Không Quân 1.7, lần thứ sáu mươi lăm)

Nhiều người mà danh tính có nêu trong các phần giới thiệu của bài viết này nay đã yên nghỉ.

Xin chân thành tưởng nhớ.

Thường ra, mỗi khi nói tới Không quân (KQ), người ta nhớ ngay đến hình ảnh người phi công với bộ đồ bay oai hùng, và những cánh chim sắt vẫy vùng ngang dọc trên khắp các vùng trời lửa đạn quê hương; cùng dáng dấp một con người hào hoa phong nhã nơi đời thường. Thêm vào đó là những chiến tích lừng lẫy qua các phi xuất ném bom, oanh kích trên đầu quân thù, yểm trợ, giải vây, tiếp tế cho quân bạn tại khắp các mặt trận, căn cứ, tiền đồn xa xôi heo hút.

Đây cũng là điều dễ hiểu, vì hình ảnh đó thường xuyên xuất hiện nơi các bản tin thời sự hàng ngày, và có mặt trong các sáng tác thơ văn, âm nhạc, giữa năm tháng quê hương đang trong chiến tranh.

Bóng dáng người phi công, người lính Không quân, thật hào hùng, được giới thiệu rất sớm trong bản hùng ca *Không quân hành khúc* của nhạc sĩ Văn Cao, sáng tác từ hồi 1945. Khi lực lượng Không quân thuộc Quân đội quốc gia Việt Nam được thành lập vào ngày 1.7.1955, bài hát này chính thức được chọn để sử dụng làm hành khúc cho Quân chủng.

Rồi sau đó, khuôn mặt người lính KQ, cách riêng người phi công, dần dần trở nên quen thuộc nhiều hơn với mọi người. Theo thời gian, hình ảnh ấy càng nổi bật thêm lên theo với sự phát triển của Quân chủng, giữa những ngày chiến sự sôi bỏng.

Khi tác phẩm *Đời Phi công* của Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh xuất hiện năm 1959, đã định hình và đưa chân dung người lính KQ, người phi công qua văn chương, trở thành như một thần tượng mới cho tầng lớp thanh niên thời đó.

Và khởi đi từ đấy, những năm tháng tiếp theo, bên cạnh tư thế chiến sĩ, người KQ có thêm những sắc diện mới, người lính KQ viết văn, làm thơ, vẽ tranh, sáng tác nhạc, ca hát... cũng như nơi một vài bộ môn, lãnh vực khác.

Cùng lớn mạnh theo đà phát triển chung của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, giữa nhịp độ chiến sự ngày một càng gia tăng, Không quân cũng đi vào các giai đoạn phát triển và bành trướng. Người lính KQ, dù là phi công ngồi trong cockpit, buồng lái, hay nơi các hoạt động yểm trợ bên dưới những đôi cánh sắt, bắt đầu đa dạng hơn và có thêm nhiều góc cạnh, qua các trang thơ văn, các nhạc phẩm nói về KQ của chính họ hay từ những người khác.

Người phi công không còn chỉ biết mỗi việc điều khiển máy bay trong chiến đấu và phục vụ, mà cùng với các chiến hữu đồng đội KQ các ngành nghề, có mặt đông hơn, trong nhiều sinh hoạt thuộc những lãnh vực khác nhau của đời sống xã hội, để giới thiệu thêm các nét về khác nữa của họ, bên cạnh nhiệm vụ quân nhân. Sự tham dự này làm cho đời lính KQ, trong đó có người phi công, thêm phong phú và mang đôi nét nghệ sĩ tính.

Các sáng tác phẩm mà người phi công và đồng đội hay thân hữu viết về tháng ngày tung mây lướt gió, giữa mùa binh lửa, về đời lính KQ, cùng những cảm nhận, suy tư về cuộc sống xã hội đời thường của chính họ, đã được đón nhận trong tâm tình chia sẻ, cảm thông của mọi người.

Qua đó, người lính KQ đã hiện diện thêm quen thuộc trong cuộc sống xã hội và xã hội luôn nhớ đến sự có mặt của người lính KQ, trong trọng trách cùng với Quân Bình chủng bạn chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và các nhiệm vụ khác của họ nơi từng vị trí.

Nhiệm vụ Bảo quốc Trấn không, bay bổng trên cao qua khắp những vùng trời đất nước, giữa tháng ngày quê hương binh đao lửa đạn, với biết bao chiến công lẫy lừng đã được ghi nhận theo từng dòng tin chiến sự.

Sự góp mặt của người lính KQ trong những lãnh vực khác bên dưới những đôi cánh sắt, cũng mang đến rất nhiều sự chú ý, nơi từng thời điểm.

Xin được trình bày một vài lãnh vực sinh hoạt khác ấy: chính trị, văn chương, báo chí, hội họa, âm nhạc, ca nhạc. Đây là những lãnh vực tiêu biểu mà người lính KQ đã tham dự, để giới thiệu chân dung của mình, để góp phần với xã hội, mà cũng là để Quân chủng họ đang phục vụ được biết đến nhiều hơn.

Đây không phải là một bài khảo cứu chuyên biệt, đầy đủ và trọn vẹn, dù đã cố gắng sắp xếp, tổng hợp những nguồn tài liệu góp nhặt được (qua internet và sách báo...). Cũng không phải là một sáng tác với những điều gì mới lạ. Mà chỉ như một tạp ghi cá nhân, có nhiều điều dựa theo trí nhớ, cùng với những điều đã biết, đã có; nhằm ghi chép lại đôi nét chấm phá, qua một số chi tiết về những con người Không Quân, được biết đến nhiều ở vài lãnh vực, sinh hoạt, đặc biệt về văn chương và nghệ thuật, trong quãng thời gian từ tháng Tư năm 1975 trở về trước.

.Về chính trị: chỉ nêu tên hai nhân vật rất quen thuộc: Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ và Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, mà không cần trình bày thêm bất cứ một chi tiết nào khác.

Có thể kể thêm về trường hợp ra tham chính ngoài dân sự của Trung tá Vũ Đức Vinh, nhà văn Huy Quang, (sẽ giới thiệu thêm nơi phần nói về tờ Lý Tưởng bên dưới). Thời gian năm 1965 ấy, ông là Trưởng phòng Tâm Lý Chiến tại Khối CTCT/Bộ Tư lệnh Không quân (TLC.CTCT/BTLKQ). Khi Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ra làm Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, ông được biệt phái đảm nhận chức vụ Tổng giám đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh, đồng thời trực tiếp trông coi Đài Phát Thanh Sài Gòn. Ông đã thực hiện trách nhiệm giữ vững làn sóng phát thanh một cách hoàn hảo trong vụ đặc công VC chiếm giữ Đài, dịp Tết Mậu Thân 1968.

Hoặc sau đó có Trung Tá Lê Vĩnh Hòa, vốn là một kỹ sư, được biệt phái ra đảm nhận chức vụ Hệ Thống Trường Hệ thống Phát thanh Truyền hình và Điện ảnh.

Cũng có nhiều trường hợp các quân nhân KQ khác được biệt phái ra ngoài phục vụ trong ngành Giáo dục, Ngoại giao, Hành chính...

Một việc quan trọng cần nhắc tới, vào gần cuối năm 1959, KQ đã mở đầu việc biệt phái cho Hàng Không Việt Nam còn non trẻ, những phi công lái máy bay vận tải dày dặn kinh nghiệm, sang phụ trách những chuyến bay dân sự, thay cho các phi công người Pháp. Việc này vẫn còn tiếp tục sau đó một thời gian.

.Về Văn chương: Đây là một trong những sinh hoạt sôi nổi và phong phú nhất. Trong lãnh vực này, có nhiều tên tuổi rất quen thuộc.

.TOÀN PHONG NGUYỄN XUÂN VINH (1930- ...). Như có nói qua bên trên, người mở đường và khai sáng cho sinh hoạt văn chương của KQ, không ai khác hơn là Trung tá Nguyễn Xuân Vinh, với bút hiệu Toàn Phong và tác phẩm *Đời Phi Công*, xuất bản năm 1959. Tác phẩm này đã được nhiều người đề cập đến từ rất lâu.

Ông xuất thân khóa 1 Sĩ quan trừ bị Nam Định (SQTB), ra trường phục vụ ngành Công binh một thời gian rồi mới xin chuyển sang KQ. Ngay sau đó đi du học bên Pháp và tốt nghiệp kỹ sư tại trường Không quân Salon de Provence năm 1954. Về nước chính thức phục vụ trong KQ từ 1955, khi ấy quân chủng ở vào giai đoạn mới bắt đầu thành lập.

Từ hồi còn trẻ ngoài Hà Nội, tuy là người rất có năng khiếu về Toán học, nhưng ông cũng say mê chữ nghĩa và từng viết bài cho tờ Thế Kỷ của giáo sư Bùi Xuân Uyên. Thời gian 1956-1957, ông cộng tác thường xuyên với hai tờ báo quân đội khi ấy là Phụng Sự và Chiến sĩ Cộng hòa.

Tác phẩm *Đời Phi Công* đã đoạt Giải thưởng Văn chương Toàn quốc năm 1961. (Được tác giả sáng tác từ 1959 và đăng tải trên Nhật báo Tự Do, trước khi in thành sách, tái bản 4 lần). Lúc đó, tác giả mang cấp bậc Trung Tá, đương nhiệm Tư lệnh Không quân (1958-1962).

Đời Phi Công với những hình ảnh lãng mạn của một câu chuyện tình yêu nhẹ nhàng, có tình yêu đất nước và lý tưởng cao đẹp của người thanh niên. Qua hình thức những lá thư trao gửi cho người tình từ phương xa, trong bối cảnh rất riêng, diễn tả tâm trạng và đời sống của nhân vật chính là người phi công, trải dài theo không gian, thời gian ở quê người, khi đi du học về phi hành, đan xen với những hình ảnh kỷ niệm năm tháng quê nhà. Chừng như trong nội dung cốt truyện của tác phẩm có phảng phất câu chuyện của chính tác giả.

Tác phẩm như là cột mốc đầu tiên, mở đường cho sinh hoạt văn học KQ sau này. Và tác phẩm cũng đã góp phần không nhỏ trong việc dẫn đưa rất nhiều con người tuổi trẻ đầy lý tưởng nhiệt huyết hăng say, tình nguyện gia nhập vào KQ để phục vụ tổ quốc thân yêu, với ước mơ được tung đôi cánh sắt, bay bổng vẫy vùng trên khắp vùng trời đất nước bao la.

Sau vụ hai phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc ném bom Dinh Độc Lập ngày 27.2.1962, Đại tá Nguyễn Xuân Vinh bị mất chức Tư lệnh Không quân, ông xin giải ngũ và sang Hoa Kỳ du học, để bước sang một chương mới của đời mình.

Chúng tôi không nói về quãng đời Quân ngũ của vị cựu Tư lệnh Không Quân đời thứ hai này(1958-1962), vì thuộc phạm vi quân sử KQ.

Ngoài *Đời Phi Công*, trước đó và thời gian sau này, ông cũng viết nhiều tác phẩm và những bài khảo cứu, tài liệu theo nhiều thể tài khác như Toán học, Khoa học không gian..., và cùng hoạt động trong các lãnh vực khác như Giáo dục, Nghiên cứu..., cũng không thuộc nội dung trình bày ở đây.

Ngoài việc viết văn, ông cũng có làm thơ, nhưng không nhiều như khi ra hải ngoại. Nhiều người gọi ông là nhà khoa học có tâm hồn nghệ sĩ, nhưng trước hết, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh là một nhà văn KQ.

Xin nói đến bài thơ *Tình hư ảo* được ông sáng tác khoảng năm 1957, 1958. Ngoài chất toán vốn đã hằn sâu trong tâm thức, lại thêm thời gian đi dạy thêm môn Toán tại Nha Trang, khi ông còn phục vụ đơn vị ngoài đó, hồi mới về nước năm 1956, cũng như ở Trung học Petrus Ký Saigon, dù chỉ qua một niên khóa 1957-1958, đã tạo nên cảm hứng, đem đến sự thú vị cho bài thơ, vì ông sử dụng những chữ nghĩa riêng biệt của toán học để nói về tình yêu, có những câu như:

*Anh tìm em trên vòng tròn lượng giác
Nét điểm kiều trong tọa độ không gian
Đôi trái tim theo nhịp độ tuần hoàn
Còn tất cả chỉ theo chiều hư ảo*

.....
.....

*Định lý đảo tìm ra vì giao hoán
Nếu mai đây tương quan thành gián đoạn
Tính không ra phương chính của cấp thang
Anh ra đi theo hàm số ẩn tàng
Em trọn vẹn thành phương trình vô nghiệm.*

Bài thơ cũng đã là sự mở đường cho thể loại *Thơ Tình Toán Học*, ảnh hưởng đến sáng tác của nhiều tác giả trẻ sau này, trong số đó sớm nhất chắc có chàng thi sĩ học trò Lê Đình Điều (1939-1999), nhân vật quen thuộc trong sinh hoạt hải ngoại một thời bên Cali), lớp đệ Nhất Ban C, trường Chu Văn An năm học 1958-1959 với bài *Tình Toán Học: (Đời tổng hợp bởi muôn nghìn mặt phẳng. Mà tình ta là quỹ tích không gian. Kiếp nhân sinh những hàm số tuần hoàn. Quanh quẩn chỉ trong một vòng lượng giác... Nếu dòng đời hoàn toàn là thông số. Bài toán tình sẽ vô nghiệm em ơi. Tình đâu phải là tam thức bậc hai. Để có thể ngồi yên mà xét dấu...)*

Các tác phẩm về văn của Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh đã xuất bản:

- Gương Danh Tướng, Saigon 1956.
- Đời Phi Công, Saigon 1959.
- Theo Ánh Tinh Cầu (ký sự), 1960, tái bản ở Hải ngoại 1991.
- Sáng tác của ông có trong Tập Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến (nhiều tác giả, nhà xuất bản Vàng Sơn Sài Gòn 1974).

Hiện ông sinh sống tại California.

CUNG TRẦM TƯỜNG (1932-...). Cung Trầm Tường là bút hiệu của Trung tá Cung Thúc Cẩn. Rất nhiều những bài thơ tình như có chịu ảnh hưởng khuynh hướng lãng mạn văn chương Pháp, được ông sáng tác trong thời gian du học bên Pháp về ngành hàng không vào những năm 1956-1957. Một số bài (như *Chưa Bao Giờ Buồn Thế*, *Mùa Thu Paris*, *Tương Phán*, *Về Đây*, *Kiếp Sau...*) đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và trở thành những nhạc phẩm rất nổi tiếng. Khi nghe ca sĩ Thái Thanh hay các ca sĩ khác hát bài *Tiến em* (phổ từ bài thơ *Chưa bao giờ buồn thế*) hay *Mùa thu Paris*, người ta nhớ ngay đến ông KQ Cung Trầm Tường và liên tưởng đến bao nhiêu điều chuyện của KQ. Có những người vì yêu thơ Cung Trầm Tường mà yêu thêm cả KQ.

Thi sĩ Cung Trầm Tưởng bắt đầu làm thơ rất sớm từ độ tuổi thiếu niên ở Hà Nội. Ông là một trong những khuôn mặt thi ca nổi bật của văn học nghệ thuật miền Nam.

Khởi đầu từ dòng thơ tình lãng mạn, về sau thơ ông đi vào hiện thực cuộc sống và những chủ đề mang tính tư tưởng. Nghe ca sĩ Anh Ngọc hát bài *Bên ni Bên nớ* do nhạc sĩ Phạm Duy phổ từ bài thơ *Tương phản* của Cung Trầm Tưởng, người ta sẽ cảm nhận thêm một góc cạnh khác trong thi ca của ông.

Ngoài thơ, ông còn sinh hoạt trong lãnh vực báo chí, từng chủ trương tờ *Văn nghệ mới* năm 1958, và cộng tác với các tạp chí ở Saigon thời đó như : Sáng Tạo, Hiện Đại, Nghệ Thuật, Văn, Khởi Hành. Trung tá Cung Thúc Cần phục vụ tại BTLKQ cho đến những ngày cuối cùng tháng 4 năm 1975.

Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, ông bị đi tù Cộng sản trong thời gian rất dài, khoảng mười năm. Khi ra hải ngoại, định cư tại Hoa Kỳ, ông lại tiếp tục sáng tác và ấn hành thêm vài thi phẩm.

Các tác phẩm đã xuất bản:

- . Tình Ca, nhà xuất bản Công Đoàn, Saigon 1959.
- . Lục Bát Cung Trầm Tưởng, Saigon 1970.
- . Có trong Tập Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến (sách đã dẫn-sđd)
- . Lời Viết Hai Tay (thơ tù cải tạo), Bonn_ Đức 1994, tái bản 1999.
- . Bài Ca Núi Quan Tài (thơ tù cải tạo), Minnesota _Hoa Kỳ 2001.
- . Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định_Hoa Kỳ 2002
- . Một Hành Trình Thơ, nhà xuất bản Tiếng Quê Hương Virginia 2012, tái bản 2019.

Ông hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ.

*

Và rồi tính từ thời điểm những năm 1964-1965 trở đi cho đến sau này, là thời kỳ nở rộ của sinh hoạt chữ nghĩa Không quân. Đây cũng là giai đoạn KQ đi vào bành trướng và hiện đại hóa. Có thể nói với sự hình thành của tờ báo Lý Tưởng hồi cuối 1964 đầu 1965, do ngành Chiến tranh Chính trị Bộ Tư lệnh Không quân (CTCT/BTLKQ) phụ trách, đã mở ra một giai đoạn mới cho Văn học Không quân. Bắt đầu xuất hiện rất nhiều người phi công, người lính Không quân viết văn, làm thơ; với những sáng tác phẩm nói về chuyện bay bổng, chuyện nhà lính Không quân, giới thiệu thêm sinh hoạt khác của quân chủng.

Tiếp theo nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh và thi sĩ Cung Trầm Tưởng, có các tác giả KQ và tác phẩm tiêu biểu (xin tạm xếp tương đối theo thứ tự thời gian, nhiều chỗ xin không ghi cấp bậc và chức vụ):

DƯƠNG HÙNG CƯỜNG (1934-22.01.1988): được mọi người biết đến qua tác phẩm quen thuộc *Buồn Vui Phi trường*, đã tái bản nhiều lần. Tác phẩm này đậm chất KQ nhiều nhất, vì thế được bạn đọc trong và ngoài KQ đón nhận và yêu thích là điều dễ hiểu.

Ông vốn xuất thân ngành cơ khí kỹ thuật KQ, và được huấn luyện bên Pháp từ năm 1953-1954. Đời binh nghiệp của ông nhiều thăng trầm vì cá tính của mình. Thời gian làm việc ở Không Lưu Khí Tượng tại phi trường Biên Hòa là quãng ngày ông tiếp tục quan sát, ghi nhớ mọi thứ chung quanh, liên quan đến những sinh hoạt trong phi trường, cộng vào chiều dài kỷ ức đời quân ngũ của mình, để hình thành rồi hoàn tất *Buồn Vui Phi Trường*. Tác phẩm gây tiếng vang ngay khi xuất hiện, đánh dấu khúc quanh quan trọng cho đời quân ngũ của ông.

Khoảng cuối 1964, đầu năm 1965, ông được chuyển về Phòng Tâm Lý Chiến Bộ Tư Lệnh Không quân (P.TLC/ BTLKQ), tham dự vào công việc của tờ Lý Tưởng giai đoạn khởi đầu, trong vai trò như một người phụ trách tòa soạn.

Từ đó, ông bắt đầu có điều kiện thuận lợi hơn để phát triển văn nghiệp. Ngoài phần vụ trong đơn vị cũng như việc sáng tác văn chương, ông còn tham gia làng báo Sài Gòn và nổi tiếng với bút danh Dê Húc Càn, phụ trách mục *Cà Kê Dê Ngỗng* của tuần báo trào phúng Con Ong. Công việc này đã gây ra cho ông nhiều hệ lụy phiền phức.

Sau ngày 30.4.1975, ông bị đi tù cải tạo Cộng sản ba năm.

Tháng 5/1984, ông bị chính quyền Cộng sản bắt giam lần nữa vì liên lạc và viết bài gửi ra hải ngoại cho Trung Tâm Văn bút Việt Nam Hải ngoại tại Paris, khi đó do nhà văn gốc KQ, cựu Trung tá Trần Tam Tiệp làm Tổng Thư ký. (Liên quan trong vụ án này, được biết đến và quen gọi là “Những tên biệt kích cầm bút”, ngoài Dương Hùng Cường, còn có các người khác như Doãn Quốc Sỹ, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hoàng Hải Thủy, Khuất Duy Trác, Lý Thụy Ý, Trần Ngọc Tụ).

Nhà văn Dương Hùng Cường chết đột ngột trong trại giam Phan Đăng Lưu (Bà Chiểu) ngày 22.01.1988.

Tên ông được khắc trên bia đá lưu niệm tại Khu Đài Tưởng niệm Phóng viên ở thị trấn Bayeux vùng Normandie Pháp quốc.

Các tác phẩm đã xuất bản:

- . Buồn Vui Phi Trường.
- . Lính Thành Phố.
- . Vĩnh Biệt Phượng.

Ông cũng có mặt trong hai tuyển tập gồm nhiều tác giả: *Những Mảnh Trời Khác Biệt* và *Tập Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến*.

NGUYỄN ĐÌNH THIỀU (1942-1975): Đây cũng là một nhà văn KQ tên tuổi. Cũng từ ngành kỹ thuật, sau thời gian phục vụ ở đơn vị, ông được chuyển về P.TLC. BTLKQ năm 1965 (tiếp theo sau Dương Hùng Cường) để có mặt trong Ban biên tập tờ Lý Tưởng. Cũng chính nhờ tháng ngày bắt đầu làm việc tại Sài Gòn mà ông có thuận dịp cộng tác với hàng chục tờ nhật báo, tuần báo dân sự phát hành khi đó. Do vốn sống thực tế vô cùng dồi dào và phong phú nơi quãng đời tuổi trẻ nay đây mai đó, đã giúp ông có thật nhiều chất liệu để sáng tác. Ông viết rất khỏe, nhanh và nhiều, về đủ thể loại từ truyện ngắn, phóng sự, truyện dài. Mỗi ngày ông cung cấp cùng lúc các truyện dài *phơi ơ tông*, nội dung khác nhau cho ba bốn nhật báo.

Tiểu thuyết *Đừng gọi anh bằng chú* của ông đã được chuyển thể thành phim nhựa với tên *Như giọt sương khuya* do Bùi Sơn Duân làm đạo diễn.

Ông từ trần tại Phú Quốc vào tháng Giêng năm 1975.

Số lượng tác phẩm của Nguyễn Đình Thiều đã xuất bản lên đến vài chục quyển. Viết về Không quân và đời lính gồm có:

- . Vở Đạn Cho Con Trai Đầu Lòng.
- . Vào Vùng Giông Bão.
- . Bay Vào Lửa Đạn.
- . Bão Mùa Xuân.
- . Đồ Chơi Trong Chiến Tranh.
- . Trên Đó Từ Đây.

TRẦN VĂN MINH(1932-1997): Trung tướng Trần Văn Minh là vị Tư lệnh KQ thứ 6, cũng là Tư lệnh sau cùng của Quân chủng và có thời gian nhiệm kỳ dài nhất. Ngoài cương vị chỉ huy, ông còn được biết đến là một người yêu thích văn chương, làm thơ và viết văn. Là một người tính tình tương đối phóng khoáng, nghệ sĩ tính nên ông rất quý mến anh em văn nghệ sĩ KQ. Giới thân cận ghi nhận nhiều giai thoại vui về ông.

Có những bài viết gửi cho tờ Lý Thường, ông ký bút hiệu Minh Đ. Khi hỏi chữ Đ. viết tắt này là chữ Đen hay Đù, ông chỉ cười không nói (cả hai đều là biệt danh của ông Tưởng). Sau này khi ra hải ngoại, mọi người hiểu thêm và cảm mến ông khi đọc tâm ký *Sự thật đời tôi* mà khi viết, ông đã bộc bạch những điều sâu kín vô cùng tâm huyết, trong một giai đoạn lịch sử của đất nước và của chính ông.

Các tác phẩm đã ấn hành:

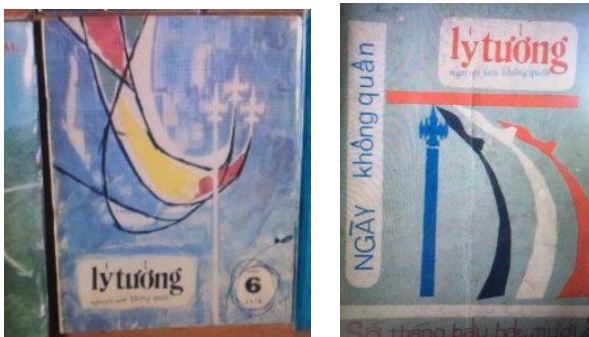
- . Chết Non 1967.
 - . Trong Đục 1971.
 - . Có mặt trong Tuyển Tập Thơ Văn Không Quân Thời Chiến (sđd)
- Ông từ trần ngày 27.8.1997 ở Los Gatos, California.

PHÙNG NGỌC ẮN (1933-2013): bút danh và cũng là tên thật của Đại tá Trưởng phòng Hành quân Chiến cuộc BTLKQ. Ông là một trong số rất đông các sĩ quan cao cấp KQ say mê văn chương chữ nghĩa. Có thời gian ông làm Chỉ Huy trưởng Căn cứ 92 KQ ở Pleiku. Ông viết truyện ngắn, truyện dài và cộng tác thường xuyên với báo Lý Thường. Các sáng tác của ông nói về cuộc sống và sự chiến đấu của người lính KQ, qua hình ảnh người phi công thời chiến, cũng không thiếu việc thăng thấn bày tỏ tâm trạng của những con người ấy,giữa khi tham dự vào cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước, và đối diện với hiện tình xã hội.Trong quân ngũ, ông giao tình thân mật và gần gũi với các nhà văn KQ cấp bậc và chức vụ thấp hơn. Sau ngày 30.4.1975 ông bị kẹt lại quê nhà và đi tù Cộng sản nhiều năm. Ra tù, ông sang Hoa Kỳ định cư.

Các tác phẩm văn xuôi đã ấn hành:

- . Bay Trong Hoàng Hôn 1968.
 - . Kê Lạc Ngũ 1972.
 - . Cánh Chim Ngoại Biên 1974.
 - . Ngoài Chân Mây (in chung với 6 tác giả khác).
 - . Những Mảnh Trời Khác Biệt (tuyển tập nhiều tác giả, nhà xuất bản Lý Thường 1971) (sđd).
 - .Tập Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến (sđd).
- Ông mất ngày 15.6.2013 tại San Diego, California.

TỜ BÁO LÝ THƯỜNG VÀ NHỮNG CÂY BÚT KHÔNG QUÂN KHÁC:



Theo ý kiến chỉ đạo khởi xướng của Chuẩn tướng Nguyễn Cao Kỳ (lúc ấy còn là Tư lệnh KQ), tờ Lý Thường được hình thành và bắt đầu xuất hiện chính thức vào khoảng tháng 8 năm 1964, do Phòng Tâm Lý Chiến Bộ Tư lệnh Không quân (P.TLC/BTLKQ) phụ trách. Và kể từ đó cho đến khi kết thúc theo ngày 30.4.1975, Lý Thường đã như một văn đàn của KQ, giới thiệu một dòng văn chương quân đội mới, với rất nhiều khuôn mặt những người KQ làm thơ, viết văn.

Thuở đầu tiên, dưới tên báo là dòng chữ Giai Phẩm Văn Nghệ. Về sau, có thời gian dài trở thành nguyệt san vì ra định kỳ hàng tháng đều đặn, và bên dưới tên báo Lý Tưởng, là những chữ Nguyệt san Không quân. Có giai đoạn, vì điều kiện khách quan, không giữ được sự liên tục. Tuy vậy vẫn thường được quen gọi ngắn gọn là báo Lý Tưởng, tập san Lý Tưởng KQ.

Riêng thời gian đầu, Lý Tưởng chú trọng về sáng tác thơ văn. Còn thường ra, mục đích và chủ trương, đường lối chính yếu vẫn luôn là để giới thiệu hoạt động mọi mặt của các đơn vị KQ, nhất là nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc, yểm trợ quân bạn... qua các hình thức thông thường như phóng sự, tin tức. Bên cạnh đó, chiếm nhiều trang báo là các sáng tác thơ văn, nói lên nhiệm vụ của KQ và các góc cạnh sinh hoạt, cũng như tâm tư của người lính KQ khi tham dự cuộc chiến, trong mọi diễn biến, hoàn cảnh.



Diện mạo tờ Lý Tưởng (hình thức trình bày, số trang, số lượng phát hành...) có lúc này lúc khác, tùy theo từng yếu tố chủ quan và khách quan ở từng thời điểm, như người phụ trách, các nguồn yểm trợ hay hoàn cảnh chung của đơn vị... Vì thế, có giai đoạn Lý Tưởng rất nổi trội, phát hành ra cả bên ngoài, mà cũng có khi chỉ ở tình trạng bình thường trong phạm vi một tờ báo của quân chủng.

Tổ chức và hoạt động, kể cả về nhân sự của tờ Lý Tưởng, chỉ là phụ trợ thêm cho công tác Tâm lý chiến, không có trong Bảng Cấp số và Tổ chức Nhân lực chính thức của đơn vị. Phụ trách thực hiện và điều hành thuộc về phần vụ của P.TLC/CTCT. (Ngành CTCT của KQ ở Bộ Tư lệnh về sau không còn gọi là Khối, và sau khi được nâng cấp, tên gọi mới là Văn phòng Tham mưu phó CTCT/BTLKQ (VP. TMP/CTCT). Lý Tưởng với sự cộng tác thường xuyên của các cây bút tại Văn Phòng, như thành phần biên tập chính, cùng những cây bút KQ tại các đơn vị, trong đó có nhiều sĩ quan chỉ huy cao cấp, thuộc giới phi hành cũng như không phi hành. Cũng còn có sự cộng tác của các nhà văn quân đội thuộc Quân Binh chủng bạn và các nhà văn ngoài dân sự.

Trong số những người KQ làm thơ viết văn, có người mới cầm bút và cũng có nhiều người đã từng sinh hoạt báo chí văn chương từ trước ngày vào lính.

Từ lúc được hình thành đến khi chấm dứt hoạt động, qua từng giai đoạn, Lý Tưởng đã do nhiều người lần lượt phụ trách, trong vai trò Chủ bút và Thư ký tòa soạn, xin được tạm phân định theo thứ tự thời gian như sau:

Từ 1964-1965: _ Thiếu tá Vũ Đức Vinh (1931-2005).

Dương Hùng Cường (đã giới thiệu ở phần bên trên)

Thiếu tá Vũ Đức Vinh, bút hiệu Huy Quang. Ông xuất thân Khóa 1 SQTB Nam Định. Ông viết văn rất sớm từ ngày còn đi học ở Hà Nội và đã có hai tác phẩm là hai truyện dài được xuất bản ngoài đó trước năm 1954: *Hai mái tóc xanh* và *Đôi ngả*. Ông cũng viết rất nhiều truyện ngắn.

Khi di cư vào Sài Gòn, ông từng làm Trưởng ban Biên tập đài Phát thanh Quân đội.

Năm 1958, qua người bạn cùng khóa là Trung tá Nguyễn Xuân Vinh, Tư lệnh KQ khi đó, ông chuyển sang KQ và phụ trách công tác TLC, và là người phụ trách tờ Lý Tưởng đầu tiên.

Các truyện ngắn của ông đăng rải rác trên các báo thời gian ấy. Và mặc dù có rất nhiều truyện ngắn, nhưng ông chưa in thành một tuyển tập nào. Tuyển tập Thơ Truyện Không quân Thời Chiến (giới thiệu bên dưới) có chọn đăng một trong những truyện ngắn đặc sắc của ông. Ông cũng còn cộng tác với thi sĩ Đinh Hùng trong chương trình Thơ văn Tao Đàn, phát thanh hàng tuần.

Năm 1965, ông được Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ đưa ra phụ trách ngành Phát thanh như đã nêu nơi phần bên trên.

Ra hải ngoại, ông sinh hoạt báo chí và cùng với nhà văn Thanh Nam làm tờ Đất Mới, một tờ báo có mặt rất sớm trong Cộng đồng Việt Nam tỵ nạn tại Hoa Kỳ.

Ông từ trần tại Seattle, Washington Hoa Kỳ ngày 9.12.2005.

Vì thời gian đầu mang danh nghĩa một giai phẩm văn nghệ, nên Lý Tường chú trọng nhiều đến các sáng tác thơ văn. Nhờ giao tình thân hữu mà Th/tá Huy Quang Vũ Đức Vinh đã có sự cộng tác của nhiều nhà văn thời danh khi đó như: Hoàng Anh Tuấn, Văn Quang, Thanh Nam, Mai Thảo, Tạ Ty, Phạm Duy, Phan Lạc Phúc, Hoàng Ngọc Liên, Huy Phương, Song Hồ, Song Nam... bên cạnh sự ít ỏi của các cây bút KQ lúc ấy, ngoài Huy Quang, mới chỉ có Nguyễn Cao Kỳ (tác giả bài thơ *Kính sám hối*, đăng trong một số báo, nói lên tâm tình của người con với mẹ đã khuất núi), Trần Văn Minh và Hoàng Song Liêm, Cung Trầm Tưởng, Nhân Hậu, Ngy Cao Uyên, Dương Hùng Cường, Nguyễn Đình Thiệu, Phan Lạc Giang Đông, Trần Ngọc Ân.

Thời gian này, tờ Lý Tường do họa sĩ Ngy Cao Uyên phụ trách việc trình bày, có Trần Ngọc Ân phụ giúp.

Lý Tường_ Giai phẩm Văn Nghệ ra hàng tháng, số ra mắt có thể là vào tháng 8/1964 và số báo cuối của giai đoạn này có lẽ khoảng tháng 5/1965, tổng cộng được chừng 10 kỳ báo, vì sau đó Thiếu tá Huy Quang Vũ Đức Vinh biệt phái ra ngoài.

Từ 1965-1966: _ Trung úy Bùi Hoàng Khải (1933-1993), cấp bậc cuối Tr/tá Tham mưu phó CTCT Sư đoàn 5 KQ.

Ông là bạn cùng khóa học về Cơ khí Kỹ thuật KQ với nhà văn Dương Hùng Cường bên Pháp những năm 1953-1954.

Ông là Trưởng phòng Chính Huấn Khố CTCT/BTLKQ và đảm trách để duy trì tờ Lý Tường trong giai đoạn chuyển tiếp, ngay sau khi Th/tá Vũ Đức Vinh biệt phái ra ngoài, với thành phần Ban biên tập có sẵn nhưng số cộng tác viên không còn nhiều như cũ. Hình thức và nội dung Lý Tường cũng thay đổi, thu hẹp bớt số trang.

Khi Đ/úy Hoàng Song Liêm về nhận P.TLC năm 1966, ông đã giao lại tờ Lý Tường.

Không phải người của sinh hoạt văn chương chữ nghĩa, nhưng ông có khả năng về tổ chức và điều hành. Ông là người lo việc in ấn và xuất bản các tác phẩm của Tướng Tư lệnh KQ.

Mấy năm sau, ngoài nhiệm vụ Trưởng phòng Kế hoạch & Chính huấn trong đơn vị, ông còn là Tổng thư ký Tổng cuộc Túc cầu Việt Nam, một tổ chức thể thao dân sự, qua mấy nhiệm kỳ liền.

30.4.1975, ông và gia đình di tản sang Hoa Kỳ. Ông mất năm 1993 tại Virginia.

Từ 1966-1968: Đại úy Trần Như Huỳnh (1939-).

Có bút hiệu Chu Tấn. Ông xuất thân khóa 7 SQTĐ Thủ Đức, ra trường phục vụ ở Pháo binh, đến năm 1963 thì xin chuyển sang KQ. Giai đoạn phụ trách công tác CTCT tại Không Đoàn (KĐ) 23 Biên Hòa, ông thực hiện tờ báo Gió Mới cho đơn vị rất thành công, gây tiếng vang, có thể nhờ vậy một phần nào từ đó, ông được chuyển về Sài Gòn.

Khi về CTCT/BTLKQ tiếp nhận tờ Lý Tường, với kinh nghiệm khi làm tờ Gió Mới, ông có những cải tiến giúp Lý Tường mang một sắc diện mới.

Ông được biệt phái ra làm Giám đốc Quốc gia Ấn quán một thời gian rồi về lại KQ, đảm nhận chức vụ Tham mưu phó Chiến Tranh Chính trị (TMP/CTCT) Sư đoàn 4 KQ dưới Cần Thơ, cho đến những ngày sau cùng với cấp bậc Tr/tá.

Sau 30.4.1975, ông bị đi tù CS nhiều năm. Vượt biển sang Hoa Kỳ năm 1987. Hiện ông sinh sống tại San Jose, California và tham gia nhiều hoạt động trong Cộng đồng người Việt tại địa phương.

Tác phẩm đã xuất bản:

_ *Tiếng Hát Trên Cánh Đồng Xanh* (tập truyện) 1972.

_ *Tác Lòng Non Nước* (khảo luận) 2018.

_ có truyện ngắn trong *Tập Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến* (sổd)

Cùng hai tác phẩm khác về Thơ văn (Thấp Sáng Quê Hương, Tuyển tập Thơ văn 1991, nhiều tác giả) và Biện luận chính trị (*Vận Động Lịch Sử* 1991, viết chung).

Thời gian này, Th/tá Hoàng Song Liêm đã là Trưởng phòng TLC/CTCT. BTLKQ, nhưng ông chưa trực tiếp tham dự nhiều vào Lý Tưởng như mấy năm sau. Lý Tưởng bị gián đoạn ít lâu vì tình hình chiến cuộc Tết Mậu Thân 1968 và những tháng tiếp theo.

Từ 1968-1969: Đại úy Lê Văn Trước (1941-).

Phụ trách điều hành tờ Lý Tưởng một thời kỳ chuyển tiếp nữa là Đ/úy Lê Văn Trước, sau khi Đ/úy Trần Như Huỳnh biệt phái ra ngoài, và tình hình chung vẫn còn nhiều khó khăn khi vừa qua khỏi những ngày chiến sự.

Đại úy Lê Văn Trước (sau lên Th/tá), sĩ quan gốc Pháo Binh, xuất thân Khóa 12 SQTB Thủ Đức. Ông chuyển sang KQ để theo học và trở thành phi công ngành Quan sát. Thuyên chuyển về P.TLC, phụ trách tờ Lý Tưởng trong thời gian ngắn, khoảng trên dưới một năm, rồi sang phục vụ bên Trại Khóa sinh KQ (Tent City). Chức vụ sau cùng của ông là TMP.CTCT Sư đoàn 6 KQ ngoài Pleiku.

Các tác phẩm đã ấn hành:

_ *Cảm Xuân, Tháng Ba Cuộc Đời.*

_ *Đường Mây* (tập truyện nhiều tác giả, in chung với Đào Vũ Anh Hùng, Kiên Thêm, Trần Viễn Phương).

_ *Ngoài Chân Mây* (tập truyện nhiều tác giả, in chung với Phùng Ngọc Ân, Lê Bá Định, Kiên Thêm, Trần Viễn Phương, Nguyễn Kim Long, Phạm Hồ, Hồ Phong).

_ Có truyện ngắn trong *Tập Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến* (sổd).

Ông cũng có cộng tác với một vài tờ báo ngoài dân sự.

Sau thời gian định cư ở Hoa Kỳ, có tin nói ông đã quay về Sài Gòn sinh sống.

Từ 1969-1973: Th/tá Hoàng Song Liêm (1934-) & Đ/úy Dương Quang Thuận (1936-).

Th/tá Hoàng Song Liêm (sau lên Tr/tá) là sĩ quan đồng hóa ngành kỹ thuật KQ. Ông làm thơ từ hồi còn trẻ và cộng tác với các báo ở Hà nội thời đó như Tia Sáng, Hồ Gươm, Giang Sơn, Giác Ngộ. Ông có in chung một tập thơ với người bạn Nghiêm Huy Giao năm 1952.

Ông là một trong những cộng tác viên của Lý Tưởng thời kỳ đầu tiên mới hình thành.

Năm 1966, đang là Liên đoàn phó Liên đoàn 62 Kỹ thuật ở phi trường Pleiku, ông được thuyên chuyển về CTCT/BTL.KQ, làm Trưởng phòng Tâm lý chiến. Nhưng mãi đến giai đoạn này mới chính thức làm chủ bút tờ Lý Tưởng, cùng với Đ/úy Huy Sơn Dương Quang Thuận từ bên KĐ 33 chuyển sang, phụ trách tòa soạn.

Cuối năm 1973, ông là Sĩ quan Phụ tá TMP.CTCT Sư đoàn 1 KQ.

Sau thời gian dài ngưng sáng tác, ông có ấn hành hai tập thơ:

_ *Thơ Hoàng Song Liêm*, 2004 (gồm các bài thơ từ thập niên 1950 và những năm 2000).

_ *Thơ Tình Hoàng Song Liêm*, 2006 (gồm những bài thơ mới sáng tác sau năm 2000. Có nhiều bài đã được các nhạc sĩ Anh Bằng, Từ Công Phụng, Phạm Tuấn, Lê Thụ phổ nhạc).

Hiện ông đang sống ở Fairfax, Virginia Hoa Kỳ.

Đ/úy Dương Quang Thuận, bút hiệu Huy Sơn (sau lên Th/tá). Ông cũng là một sĩ quan đồng hóa, phục vụ tại Nha Chiến tranh Tâm lý Bộ Quốc phòng. Ông được chuyển sang TLC/ BTLKQ vào thời kỳ Đại tá Nguyễn Xuân Vinh làm tư lệnh.

Ông sinh hoạt thơ văn và báo chí rất sớm từ hồi còn trẻ đi học ở Hà Nội. Cộng tác với các tờ báo phát hành tại Hà Nội thời đó như Cải Tạo, Giác Ngộ, Quê Hương, Bông Lúa _ và các báo ở Sài Gòn, sau khi di cư vào Nam năm 1954 như Thời Đại, Sáng Đội Miền Nam... Ông là Tổng Thư ký Tòa soạn của Văn Nghệ Tập san 1955-1956 (chủ nhiệm GS. Nguyễn Đăng Thục) và Phụng Sự 1956-1958 (nguyệt san của Quân đội).

Từ P.TLC/BTLKQ ông có thời gian sang phục vụ bên TLC. KĐ33 rồi lại quay về đảm nhận chức vụ Trưởng Khối Cổ động Tuyên truyền P.TLC, VP.TMP.CTCT/ BTLKQ, kiêm nhiệm Thư ký Tòa soạn báo Lý Thường cuối năm 1969, đầu 1970.

Cuối năm 1973, ông tuyên chuyển ra Sư đoàn 6 KQ làm Phụ tá TMP.CTCT kiêm Trưởng phòng TLC.

Ông có nhiều tác phẩm tiểu thuyết đã xuất bản:

- . Trước Mồ Trinh Nữ_ nxb Chính Ký Hà Nội 1953.
- . Anh Đi...Ngày Duyên Thắm_ nxb Hiến Nam Hà Nội 1953.
- . Thương Em...Lạc Hướng Đồi_ nxb Bốn Phương Sài Gòn 1955.
- . Đợi Một Mùa Hoa_ Sài Gòn 1955.
- . Trường Ca_ nxb Ban Mai Sài Gòn 1956.
- . Hôm Nay Ngày Mai (tập truyện)_nxb Thống Nhất Sài Gòn 1957.
- . Có truyện ngắn trong Tuyển tập Những Mảnh Trời Khác Biệt
- . Gõ Cửa Ký Ước, tuyển tập văn thơ in tại Hoa Kỳ 2012

Sau 30.4.1975, ông bị đi tù CS bảy năm. Hiện định cư tại Branford, Connecticut Hoa Kỳ.

Giai đoạn 1970-1973 này là thời kỳ khởi sắc nhất của nguyệt san Lý Thường, được phát hành đều đặn mỗi tháng, nhờ khả năng chuyên nghiệp về báo chí của những người phụ trách. Nội dung bài vở, hình ảnh đa dạng và phong phú, lên đến hơn trăm trang mỗi số báo. Ngoài các tác giả KQ, thường có thêm những sáng tác của các nhà văn tên tuổi ngoài dân sự. Những sáng tác này thường là văn phong riêng của từng tác giả, nên đã tăng thêm chất văn học cho tờ báo. Hình thức trình bày đẹp và trang nhã, từ bìa cho đến trang trong. Số lượng ấn hành mỗi kỳ cả mươi ngàn số, được phát hành rộng rãi, không chỉ trong phạm vi Quân chủng mà còn ra đến bên ngoài dân sự, tại Sài Gòn và tại các thành phố có đơn vị KQ trú đóng. Điều này đã quảng bá thêm rất nhiều cho Quân chủng KQ.

Đạt được kết quả đó, ngoài yếu tố về tổ chức và điều hành của những người phụ trách, có lẽ phải kể đến nguồn yểm trợ tài chánh dồi dào, nhờ số lượng quảng cáo trong tờ Lý Thường cho rất nhiều cơ sở công kỹ nghệ, thương mại khắp nơi *. Nguồn tài chánh có được, dùng để thanh toán chi phí ấn loát cho các nhà in tư nhân, vì nhà in của KQ, của Tổng cục CTCT hay Quốc gia Ấn quán cũng chỉ yểm trợ một phần việc in ấn chứ không bao gồm tất cả, nhất là khi tờ Lý Thường phát triển, tăng số trang và sử dụng nhiều màu nơi tranh bìa cũng như cách trình bày các trang ruột bên trong. Tác giả có bài đăng trên Lý Thường đều nhận được tiền nhuận bút như các báo ngoài dân sự. Tòa soạn cũng có ngân khoản tiếp tân những khi có anh em văn nghệ KQ từ các đơn vị thuận dịp ghé về chơi thăm.

* Phụ trách việc đi lấy quảng cáo cho Lý Thường gồm có: Phúc Lai, Ba Hội, Tư Vững (Ba danh hài này thuộc đoàn cải lương nổi tiếng Kim Chung, vào KQ do đợt đồng hóa Hạ sĩ quan, Binh sĩ năm 1967, để phục vụ trong Ban Văn nghệ KQ, cũng trực thuộc P.TLC).

Từ 1974-4/1975: Th/tá Đinh Sinh Long (1942-)& Tr/úy Trần Ngọc Tụ (1948-)

Sau lần thay chuyển nhiều nhân sự tại VP.TMP.CTCT vào cuối năm 1973, Th/tá Đinh Sinh Long từ dưới Phòng Thông Tin Báo Chí (P.TTBC) lên làm Trưởng khối Cổ động Tuyên truyền

P.TLC, tiếp nhận tờ Lý Tường, cùng với Tr/úy Hà Minh Đức, cũng là sĩ quan P.TTBC. Tr/úy Trần Ngọc Tự, cộng tác viên của Lý Tường, được giao phụ trách tòa soạn, bên cạnh nhiệm vụ chính là Trưởng ban Biên Soạn Tài liệu & Thuyết trình thuộc Đoàn Công tác Chính huấn, P. Kế Hoạch & Chính Huấn như cũ.

Th/tá Đinh Sinh Long gốc Hoa tiêu ngành Quan sát, từ Phi đoàn về phục vụ P.TTBC/B.TLKQ. Ông sinh hoạt Báo chí và Văn nghệ thời đi học tại Cư xá Đắc Lộ (Trung tâm bảo trợ các sinh viên Công giáo, do các linh mục Dòng Tên phụ trách, tọa lạc trên đường Yên Đỗ Sài Gòn).

Ông hiện sinh sống ở Huntington Beach, California; và thường tham gia các sinh hoạt Báo chí, Truyền hình và Văn học Nghệ thuật tại địa phương.

Tr/úy Trần Ngọc Tự được chuyển sang CTCT/BTLKQ sau khi mãn khóa Khóa 3/69 Sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Có làm thơ viết văn thời sinh viên. (Trong thành phần chủ trương biên tập Bán nguyệt san Văn học Thời đàm Quần Chúng, bộ cũ lẫn bộ mới 1966-1971, tờ báo do cố Chuẩn tướng Lưu Kim Cương bảo trợ sáng lập_ Chủ bút là nhà văn giáo sư Cao Thế Dung 1933-2017. Cộng tác với Tuần báo Diễn Đàn Chính đảng 1971 Chủ nhiệm Trương Vĩnh Lễ_ Chủ bút Nhị Lang. Ký các bút hiệu Ngọc Tự, Trần Ninh Bình)).

Có bốn tác phẩm về Thơ, in ấn và phổ biến hạn hẹp trong phạm vi thân hữu: *Quê Hương_ Tôi_ Và Em* 1968. *Điệp Khúc Đòi* 1969, *Những Mảnh Tình Rời* 1970, *Ở Cuộc Tình Này* 1971.

Sau ngày Cộng sản chiếm miền Nam, bị đi tù cải tạo gần 6 năm. Tháng 5/1984 bị bắt giam lần nữa rồi bị đưa ra tòa trong cùng vụ án với nhà văn Dương Hùng Cường (có nói ở phần trên).

Hiện ở thành phố Richmond, Fort Bend Texas. Cộng tác với trang mạng Thơ văn của thân hữu nhưng không thường xuyên.

Ở giai đoạn này cho đến ngày 30.4.1975, sau lần thay chuyển nhân sự, cùng với việc quân chủng KQ bắt đầu lâm vào tình trạng đình đốn (từ khi có Hiệp định Paris 27.01.1973, phải giới hạn khả năng hoạt động vì quân viện bị cắt giảm), tờ Lý Tường thu hẹp lại trong phạm vi một tờ báo quân chủng như thời gian trước.

Số báo cuối cùng đang chuẩn bị lên khuôn, dự trù phát hành trong tháng 5/1975, với chủ đề *Không Quân Giữa Những Ngày Quê Hương Thương Khó*, không thể thực hiện được như mong muốn, đã khép lại sự có mặt của tờ Lý Tường, bên cạnh quân chủng trong một quãng thời gian đầy ghi nhớ.

Nội dung số báo cuối cùng này gồm nhiều bài vở, phóng sự và 16 trang hình ảnh nói về cuộc triệt thoái của các đơn vị KQ từ các phi trường Pleiku, Đà Nẵng, Nha Trang, Phù Cát và những sinh hoạt bận rộn, sôi động tại phi trường Phan Rang, Tân Sơn Nhất trong tháng 3/1975. Diễn tả tâm trạng của các cấp chỉ huy và nhất là các phi công, giữa một hoàn cảnh khó hiểu, vô cùng hoang mang hỗn loạn khi ấy. Dầu vậy, họ vẫn không quên nhiệm vụ, tiếp tục chiến đấu cùng với quân bạn tại các mặt trận. Bên cạnh đó là công tác tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống và phụ giúp vận chuyển đồng bào đang trên đường chạy trốn Cộng sản. Ngoài tin tức, phóng sự về hoạt động của các phi tuần, phi vụ, rất nhiều câu chuyện và hình ảnh cảm động đầy đau thương nước mắt tại khu vực phi trường Đông Tác (Tuy Hòa), vùng Củng Sơn hay dọc theo Liên tỉnh lộ số 7B.

*

Khi nói về tờ Lý Tường qua các thời kỳ, ngoài những người phụ trách chính, không thể không nhắc đến phần trình bày, kỹ thuật in ấn... và thành phần đông những người đảm nhận đảo các cộng tác viên ở các Phòng, Ban khác, cùng trực thuộc VP.TMP.CTCT/BTLKQ, cũng như ở khắp các đơn vị KQ. Bên cạnh đó còn có sự góp mặt của những cây bút Quân Binh chủng bạn và các nhà văn, nhà thơ thời danh ngoài dân sự.

Làm việc trực tiếp bên cạnh những người phụ trách, không kém phần quan trọng tạo nên bản sắc cho báo, gồm có các nhóm như:

. Họa sĩ vẽ tranh bìa và minh họa trang trong có họa sĩ Hoàng Thụy Kha (Hoàng Bá Thủy), Đặng Ngọc Tộ, về sau có thêm Nguyễn Lục Phú. Thời gian đầu tiên trước đây do họa sĩ Nguyễn Cao Uyên và Trần Ngọc Ân phụ giúp.

. Kỹ thuật dàn trang và sửa chữa bản vẽ, liên lạc với nhà in gồm: Trần Kim Nho, Hoàng Bá Thủy, Thanh Chương, Đặng Ngọc Tộ.

. Hình ảnh có Đặng Văn Khuyển, Nguyễn Đình Bảng, Nguyễn Văn Thơ, sau thêm Trang Cẩm Văn, Hứa Trung Lập.

Những cộng tác viên viết bài cho Lý Tường là một thành phần đông đảo, đa dạng, rất phong phú, đã góp phần hình thành một dòng văn chương Không Quân rất riêng biệt trong sinh hoạt chữ nghĩa quân đội.

Giai đoạn đầu tiên trong khoảng gần một năm, Lý Tường là Giai phẩm văn nghệ, nên thành phần cộng tác viên gồm có các văn nghệ sĩ Quân Binh chủng bạn và bên ngoài dân sự chiếm số đông, bên cạnh Ban biên tập cơ hữu ít ỏi người. Thế rồi, số này giảm dần, chỉ còn rất ít, cho đến giai đoạn 1970-1973 mới tăng thêm trở lại.

Về sau, bài vở thường xuyên xuất hiện, chiếm hầu hết số trang trên Lý Tường, đều là sáng tác của các cây bút KQ, phần lớn lại là những phi công đã từng trải qua trận mạc ở nhiều thời điểm, hay vẫn còn đang trực tiếp bay các loại phi cơ với đủ thứ phi vụ, phi xuất, phi tuần hàng ngày, trên khắp vùng trời quê hương, bên cạnh quân bạn tại các chiến trường.

Đấy có thể là những vị chỉ huy cao cấp đơn vị, những phi công nhiều thế hệ tiếp nối của các Phi đoàn khu trục, trực thăng, quan sát hay vận tải, hoặc thuộc các ngành kỹ thuật, không phi hành...bên cạnh một số ít, ở ngay tại P.TLC và các Phòng, Ban thuộc VP.TMP.CTCT, như là thành phần biên tập. Trong số họ có những người từng là các nhà văn tiếng tăm, từng sinh hoạt văn chương, báo chí, trước khi nhập ngũ vào KQ.

Chính vì thế mà trải dài trên các số báo của Lý Tường, đã xuất hiện những câu chuyện văn chương mang tính hiện thực đời lính, đúng hơn là những câu chuyện thật của những con người KQ tham dự cuộc chiến, được diễn tả tùy theo bối cảnh nơi chốn mà họ có mặt. Những trang bút ký, phóng sự, những truyện ngắn, những bài thơ, hay những đoạn hồi ức, chuyên chở từng câu chuyện vô cùng đa dạng trong các tình tiết sự việc; và hiện diện đủ các loại phi cơ, từ khu trục, trực thăng, vận tải, vận tải vũ trang, quan sát...qua những phi xuất, phi tuần với những nhiệm vụ quen thuộc: ném bom, oanh kích, trên đầu địch quân để yểm trợ quân bạn, tiếp tế, tải thương, tìm cứu, đổ quân, tuần thám không phận...Và trải dài qua bao mùa chiến dịch, với thật nhiều những địa danh chiến trường, từ vùng hỏa tuyến Trị Thiên, Dakto, Dakseng Tây nguyên núi rừng trùng điệp, cho đến An Lộc vang danh miền đông Nam bộ, đồng bằng sông nước Cửu Long..., kể cả chiến trường ngoại biên, và các phi vụ Bắc phạt một thời.

Nơi đâu quân bạn chạm địch là KQ có mặt, nơi đâu chiến trường khốc liệt là có chiến tích của KQ. Và những chuyện đó được kể lại qua những trang chữ trên Lý Tường.

Chỉ với hai tuyển tập *Những Mạnh Trời Khác Biệt* và *Thơ Văn Không Quân Thời Chiến*, có thể cũng đã tạm đủ để giới thiệu những nét riêng biệt của văn chương Không Quân.

Không thiếu những đau thương mất mát vì từng cánh chim đồng đội lần lượt vĩnh viễn lìa đàn. Cũng không thiếu những cay đắng buồn phiền loanh quanh chuyện thế nhân. Và cũng không thiếu những mẫu chuyện vui từ ngày tháng quân trường hay trong sinh hoạt thường ngày tại đơn vị, nơi đời sống xã hội.

Những con người tưởng như đã chai đá ấy vì thường ngày vây quanh toàn bom đạn và thường trực đối diện với chuyện tử sinh, vẫn hiện diện bên cạnh một con người hào hoa lịch duyệt nơi đời thường và những phút giây mộng mơ, lãng mạn khi con tàu đang bình yên quay về phi trường thân yêu, sau một phi vụ đầy hiểm nguy vừa hoàn tất.

Có những trang viết đầy tự hào hãnh tiến với chiến công, nhưng người đọc cũng sẽ phải chùng lặng xuống khi người phi công diễn tả tâm trạng thật nặng nề u uẩn, vì trên chuyến bay của họ đang mang theo thân xác bạn mình bọc trong poncho hay trong cỗ quan tài lạnh lẽo. Và hẳn chắc độc giả của Lý Tường đã cùng cảm nhận và chia sẻ những đoạn văn bọc lộ tận cùng cảm

xúc của người phi công, khi phải đến nhà người bạn cùng phi đoàn để báo tin đau buồn, hay những lúc đứng trực canh quan tài đồng đội trong Tủ sĩ đường hoặc tại tư gia.

Những trang viết ấy như thể là những chương tiếp theo của *Đời Phi Công* và *Buồn Vui Phi Trường*.

Mỗi khi nghe thấy hoặc đọc được ở đâu đó câu nói bắt hủ *Không bỏ anh em không bỏ bạn bè*, bên cạnh ý nghĩa cao đẹp của tinh huynh đệ chi binh, người ta cũng sẽ phải nhớ nhiều đến văn chương Không Quân.

Không bỏ anh em không bỏ bạn bè là tên một bút ký của phi công Đào Vũ Anh Hùng (1943-), hiện ở Dallas, đã đăng trên Lý Tường và trong Tuyển tập Những Mảnh Trời Khác Biệt. Nội dung kể lại hành trình thần kỳ tìm về sinh lộ, về với bạn bè, anh em đồng đội của Tr/úy phi công Trần Duy Nguyễn. Trong một phi vụ liên lạc hành quân Nha Trang-Pleiku, chiếc L.19 của anh bất ngờ gặp trục trặc kỹ thuật và rơi xuống vùng đèo M' Drak hiểm trở núi non hùng vĩ. Tất cả mọi phương tiện cố gắng tìm cứu của đồng đội đều vô vọng. Anh Trần Duy Nguyễn thoát chết và chui ra được khỏi buồng lái, nhưng thương tích trầm trọng khắp thân thể, lại bị gãy cánh tay trái. Tuy vậy trong tốt cùng niềm nhớ gia đình, đơn vị, đồng đội, người phi công đảm lược này đã thu hết sức lực, nén chịu mọi đau đớn, cố gắng bò lết tằm thân tàn ma dại, sau hơn ba ngày đêm chiến đấu với tử thần giữa núi rừng bạt ngàn thâm sâu cùng cốc, tìm ra đến được con lộ có xe đò chạy qua, và rồi được đưa về với gia đình, với anh em, bạn bè

*

Xin được nêu danh tính những người đã cùng làm nên diện mạo dòng văn chương Không Quân nói trên (có thể vẫn còn thiếu sót ngoài ý muốn và nhiều danh tính cũng xin không ghi cấp bậc, chức vụ kèm theo):

. Tại VP.TMP.CTCT/BTLKQ (từ những ngày đầu tiên): Huy Quang Vũ Đức Vinh, Dương Hùng Cường, Nguyễn Đình Thiệu, Phan Lạc Giang Đông, Trần Ngọc Ân, Minh Triệu (Ngô Văn Đắc), Chu Tấn (Trần Như Huỳnh), Lê Văn Trước, Hoàng Song Liêm, Huy Sơn (Dương Quang Thuận), Thanh Chương (Trần Quang Tịnh), Trần Kim Nho, Trần Kiên Thêm, Hoàng Bá Thủy (Trần Bất Bạt, Hoàng Thụy Kha), Phạm Hồ (Phạm Trọng Tâm), Lưu Văn Giới... Sau đợt đồng hóa Hạ sĩ quan & binh sĩ năm 1967 có thêm các nhà văn Thế Phong (Thế Phong Đỗ Mạnh Tường là nhà văn tiếng tăm từ rất lâu trong văn giới. Ông có rất nhiều tác phẩm các loại đã được xuất bản. Chủ trương nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến, một cơ sở văn nghệ đặc biệt trong sinh hoạt văn chương miền Nam), nhà văn Hồ Phong (tên thật Kiều Văn Bằng), nhà văn Khải Triều (Nguyễn Văn Tuy, là nhà báo, nhà thơ, sinh hoạt báo giới Sài Gòn cũng từ lâu, trong nhóm phụ trách Bán nguyệt san Văn học Thời đàm Quần Chúng, Tổng Thư ký tuần báo Diễn Đàn Chính đảng). Cuối cùng là Trần Ngọc Tự (từ Bộ binh chuyển sang KQ). Và các sĩ quan Phòng Thông Tin Báo Chí (TTBC) như Đặng Trần Dưỡng (sĩ quan hoa tiêu trực thăng kỳ cựu), Đinh Sinh Long (hoa tiêu ngành Quan sát).

Nhiều người trong số này còn đảm nhận vai trò phóng viên đi làm phóng sự tại các đơn vị theo nhu cầu.

Đặc biệt là sự góp mặt với tờ Lý Tường nơi thời gian đầu của vị Tư lệnh KQ đương nhiệm khi ấy Nguyễn Cao Kỳ.

. Tại các đơn vị KQ:

_ Là các vị chỉ huy cao cấp : Tr/tướng Tư lệnh Trần Văn Minh, Ch/tướng Tư lệnh Sư đoàn 1 Nguyễn Đức Khánh (bút hiệu MYK), Đại tá Trưởng phòng Hành quân Chiến cuộc BTLKQ Phùng Ngọc Ân, Đại tá Liên đoàn trưởng Liên đoàn Kiểm báo Phạm Duy Thân (bút hiệu Hồng Yển Điệp Minh Hoàng), Đại tá Nguyễn Quang Tri (TMP Huấn luyện)...

_ Cấp bậc thấp hơn, phục vụ các nhiệm vụ khác nhau, hoặc là phi công tại các Phi đoàn: Nhân Hậu (TMP.CTCT sư đoàn 1 KQ), Cung Trầm Tường, Ngy Cao Uyên (Tr/tá Nguyễn Cao Nguyên)), Trần Tam Tiệp (Đạo Cù), Phùng Thế Hải (TTHLKQ Nha Trang). Phi công bay khu

trục có Lê Bá Định, Nguyễn Kim Long, Trần Viễn Phương (Trần Duy Mỹ), Zô Ta (Phạm Bình An)_ngành Vận tải có Bằng Phong (Đặng Văn Âu)..._Trục thẳng có Đào Vũ Anh Hùng (Đào Bá Hùng, đã từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo trước ngày vào KQ như Sóng, Hòa Bình, Sóng Thần, Ngày Nay, Đời, Thứ Tư tuần san...),_ngành Quan sát có Tinh Cầu (Trần Đình Hòe), Võ Ý, Kha Lăng Đa (tên thật Hồ Danh Lịch, ngoài các truyện ngắn, còn là tác giả những bài thơ vui về sinh hoạt KQ). Các tác giả khác như: Võ Quang Thẩm, Vũ Ngô, Mây Trời... là những người có bài rất đều đặn và thường xuyên

Còn nhiều tác giả KQ khác cộng tác không thường xuyên, không thể nhớ hết. Cùng các cây bút quân đội thuộc Quân Binh chủng bạn và nhà văn bên ngoài dân sự, tùy theo từng thời điểm, từng số báo... Danh sách này khá dài với những tên tuổi như:

Thái Văn Kiểm, Nguyễn Mạnh Côn, Tuệ Mai, Hoàng Hương Trang, Tạ Ty, Nguyễn Đình Toàn, Mai Thảo, Hoàng Anh Tuấn, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Thùy, Thanh Nam, Hoàng Hải Thủy, Hà Huyền Chi, Duy Năng, Uyên Thao, Vị Ý, Thảo Trường, Phạm Huân, Cao Thế Dung, Tần Vy, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Vũ, Phan Nhật Nam, Triều Linh, Ninh Chử, Văn Quang, Mai Trung Tĩnh, Trần Dạ Từ, Du Tử Lê, Hoàng Ngọc Liên, Huy Phương, Phạm Duy, Phan Lạc Phúc, Phan Minh Hồng, Song Hồ, Song Nam...

SINH HOẠT BÁO CHÍ KHÁC:

Ngoài tờ Lý Tưởng ở BTLKQ, có thời kỳ các đơn vị KQ làm báo riêng cho đơn vị mình và lưu hành trong phạm vi hạn hẹp. Không có nhiều tài liệu về các tờ nội san này. Có những tờ in ấn công phu, trình bày đẹp, nhưng cũng có những tờ thực hiện bằng hình thức quay ronéo đóng lại thành tập. Riêng một vài tên báo đã dễ dàng cho biết nơi chỗ trú đóng của đơn vị:

Cánh Thép (Sư đoàn 5), Trại Chúng Ta (Trại Khóa sinh), Phù Sa (Sư đoàn 4), Lướt Gió (Đà Nẵng). Trách Nhiệm, Gió mới, Đôi Cánh Bạc, Cánh Én, Phù Cát, Gió Cát (Căn cứ 20 Chiến thuật Phan Rang), Mây Trường Sơn, Phi Hồ, Mạch Sóng...

Nổi trội và đáng kể có tờ Gió Mới của Không đoàn 23 (tiền thân của Sư đoàn 3 KQ Biên Hòa do Chu Tấn Trần Như Huỳnh phụ trách) hay Cánh Thép của Sư đoàn 5 (giai đoạn Hoàng Như An phụ trách), và Phù Sa của Sư đoàn 4 (khi Tr/tá Trần Như Huỳnh về đảm nhận TMP.CTCT Sư đoàn).

Về nội dung chuyên biệt, tại VP.TMP.CTCT/BTLKQ còn có tờ Tin Không Quân do Phòng TTBC đảm trách, đăng tải các hoạt động về chiến sự của KQ và Tập san Chính Huân của P. Kế Hoạch & Chính huấn, chuyên về nội dung học tập chính trị, sinh hoạt đơn vị.

Cũng còn có Tập san Quân huấn Không quân thuộc Văn Phòng Tham Mưu Phó Huân Luyện/BTLKQ, chuyên về các đề tài huấn luyện, lãnh đạo chỉ huy và điều hành đơn vị.

CÁC TÁC PHẨM ẨM HÀNH:

Ngoài các tác giả và tác phẩm liên quan đã giới thiệu ở các phần bên trên, còn có một số các tác phẩm của các tác giả KQ khác được xuất bản:

. PHAN LẠC GIANG ĐÔNG:

- _ Trở Minh, thơ 1965.
- _ Đắc Khanh Và Màu Sắc Quê Hương, thơ 1967.
- _ Thông Điệp, thơ 1969.

. THANH CHƯƠNG:

- _ Cỏ Cháy (thơ, in chung với Hồ Phong) 1972
- _ Sầu Mê Điên, thơ 1973.

. TRẦN BẤT BẠT (Hoàng Bá Thủy):

- _ Cuồng Lũ, thơ 1971.

. HỒ PHONG:

- _ Người Phi Công Chưa Về (truyện dài) 1971.
- _ Mái Tóc Một Đời (truyện dài) 1971.

- _ Cỏ Cháy (Thơ, in chung với Thanh Chương) 1972.
 - _ Đồng Lửa (truyện) 1969.
- Và góp mặt trong vài tuyển tập gồm nhiều tác giả.
- . ĐÀO VŨ ANH HÙNG:
- Ngoài sự góp mặt trong hai Tuyển tập “Những Mảnh Trời Khác Biệt” và “Thơ Truyện Không Quân Thời Chiến”, còn có:
- _ Ngày Ấy Khi Ta Yêu Nhau (tập truyện, in chung với Võ Hà Anh).
 - . Tuyển Tập Truyện ngắn NHỮNG MẢNH TRỜI KHÁC BIỆT (gồm sáng tác của 9 tác giả, Lý Tường ấn hành năm 1971):
 - _ *Phượng và Dương* (Dương Hùng Cường).
 - _ *Không Bỏ Anh Em Không Bỏ Bạn Bè* (Đào Vũ Anh Hùng).
 - _ *Kỷ Niệm Hải Hùng* (Đặng Trần Dưỡng).
 - _ *Bay Vào Giông Tố* (Huy Sơn).
 - _ *Bay Trên Đất Bắc* (Lê Bá Định).
 - _ *Gãy Cánh* (Phùng Ngọc Ẩn).
 - _ *Mây Thảm Trời Cao* (Minh Triệu).
 - _ *Ông Xếp Tàu Bay* (Phùng Thế Hải).
 - _ *Phố Hoa Vàng* (Trần Viễn Phương).

Đây là những truyện ngắn hay đã được đăng tải trên Lý Tường và Tuyển tập này mở đầu cho dự trù hình thành nhà xuất bản Lý Tường, nhưng rồi dở dang bất thành. Sau này có tái bản ở hải ngoại và thêm vào những sáng tác của các tác giả KQ khác cũng như thân hữu.

Tuyển Tập THƠ TRUYỆN KHÔNG QUÂN THỜI CHIẾN (gồm sáng tác của 25 nhà thơ, nhà văn KQ và Thân hữu, do nhà văn Thế Phong và Hồ Phong thực hiện, nhà xuất bản Vàng Sơn in ấn và phát hành, Sài Gòn 1974).

Các tác giả trong Tuyển tập này gồm có:

Trần Văn Minh, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, Phùng Ngọc Ẩn
 Trần Tam Tiệp, MYK, Huy Quang, Nhân Hậu, Dương Hùng Cường, Cung
 Trầm Tường, Đào Vũ Anh Hùng, Đặng Văn Âu, Võ ý, Kha Lăng Đa, Mây Trời,
 Nguyễn Cao Nguyên, Chu Tấn, Kiên Thêm, Vũ Ngô, Phạm Hồ, Lê Bá Định,
 Hồ Phong, Thế Phong, Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo, Hoàng Hương Trang,
 Phan Nhật Nam.

TUYỂN TẬP NHẠC Cánh Chim Quê Hương do Đoàn Công Tác Chính huấn thuộc VP.CTCT/BTLKQ thực hiện tháng 6/1972, để tưởng niệm cố Đ/úy Trần Thế Vinh, người phi công lầy lừng đã bắn hạ hơn hai mươi chiến xa T.54 của cộng quân tại chiến trường vùng hỏa tuyến Quảng Trị và anh dũng hy sinh đền nợ nước ngày 9.4.1972 cũng tại nơi đó (gồm các sáng tác của Nhạc sĩ Phạm Duy, và các tác giả trong đoàn như Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Trung Cang, Duy Quang..).

. Nhà xuất bản CON ĐUÔNG của họa sĩ Ngy Cao Uyên (Tr/tá Nguyễn Cao Nguyên)

Được họa sĩ thành lập năm 1974 tại Cần Thơ, địa phương nơi ông phục vụ, với mong muốn làm nền tảng cho việc phát triển văn hóa văn nghệ vùng đồng bằng sông Cửu Long, khởi đi từ thành phố này. Ông tổ chức những buổi sinh hoạt văn nghệ tại địa phương với sự có mặt của nhiều văn nghệ sĩ thân hữu tên tuổi từ Sài Gòn xuống cùng tham dự.

Nhà xuất bản Con Đuông, bước đầu ấn hành những tác phẩm của các cây bút thân hữu tên tuổi đã thành danh như Cung Trầm Tường, Ta Ty, Hoàng Anh Tuấn, Văn Quang và các cây bút mới có nhiều triển vọng, bắt đầu với nhà thơ Bùi Đức Long, quân nhân tại SĐ 4 KQ.

Các ấn phẩm của Con Đuông thường chỉ có số lượng vài chục và không quá 100 ấn bản, được thực hiện cách trang nhã đầy công phu, rất lạ: những trang ruột quay ronéo trên giấy dày, bìa

chỉ in chữ màu tên tác phẩm, có hình chân dung tác giả là ảnh chụp dán vào, và mỗi bìa là một tranh vẽ tay của họa sĩ Lê Triều Điền, quân nhân thuộc Khối CTCT/SĐ 4 KQ.

*

Ngoài sinh hoạt văn chương báo chí kể trên, cũng còn có những tên tuổi KQ nổi bật ở nhiều lãnh vực, bộ môn khác nữa, Xin được giới thiệu:

Về hội họa:

. Họa sĩ NGUY CAO UYÊN (1933-): Tên thật Nguyễn Cao Nguyên. Ông theo học cùng khóa sĩ quan cơ khí KQ bên Pháp với thi sĩ Cung Trầm Tưởng. Là người rất đam mê hội họa và sinh hoạt trong giới này liên tục cho đến tận bây giờ. Những năm 1945-1947, ông bắt đầu thụ giáo họa sĩ Lê Quốc Lộc, một trong những người tốt nghiệp khóa cuối cùng trường Mỹ thuật Đông Dương.

Sau đó ông có cơ hội theo học với họa sĩ bậc thầy Nam Sơn (Nguyễn Vạn Thọ 1890-1973), họa sĩ đầu tiên của hội họa đương đại Việt Nam, người đồng sáng lập trường Mỹ thuật Đông Dương với danh họa Tardieu, và trực tiếp giảng dạy tại đó.

Những năm 1965-1970, ông có thời gian theo học với họa sĩ Nguyễn Gia Trí (1908-1993), cũng là một họa sĩ nổi tiếng của hội họa Việt Nam thời kỳ đầu, nổi tiếng với nghệ thuật tranh sơn mài. Trong thời gian này họa sĩ Ngy Cao Uyên sáng tác nhiều mẫu vẽ để công ty sơn mài Thành Lễ thực hiện trên các sản phẩm.

Năm 1966, ông thực hiện bộ tranh đồ họa, vẽ các thứ nghề cổ truyền của xã hội Việt Nam ngày xưa (khoảng gần 20 bức, được in ra trên loại giấy dày, khổ 18cm x 24cm, với các nghề như: làm trống, làm quạt giấy, gò hàn, rèn, làm giò chả, nghề may, nghề mộc, chạm khắc, khảm trai, làm sơn mài, in mộc bản, làm ô, đóng giày, nghề chằm nón, nghề kim hoàn, đồ tể...).

Họa sĩ Ngy Cao Uyên vẽ nhiều thể loại từ lụa, sơn mài, sơn dầu, màu nước, đồ họa, trừu tượng, hiện thực. Riêng về tranh lụa, bút pháp của ông có nét riêng biệt, khác với tranh lụa truyền thống. Tranh của ông đã được triển lãm nhiều lần tại Việt Nam cũng như ngoại quốc ở Paris, San Francisco, Maine (Hoa Kỳ) trước 1975.

Ông là một trong những người thành lập Hội Họa Sĩ Trẻ tại Sài Gòn năm 1966, và đảm nhận vai trò chủ tịch tiên khởi.

Cấp bậc và chức vụ cuối cùng của ông là Trung tá Không đoàn trưởng KĐ 40 Bảo Trì & Tiếp Liệu, Sư đoàn 4 KQ Cần Thơ.

Thời gian phục vụ dưới Cần Thơ, ông chủ trương nhà xuất bản Con Đuông.

Sau 30.4.1975, ông sang Hoa Kỳ và tiếp tục vẽ, đồng thời giảng dạy về hội họa. Ông cũng có nhiều lần triển lãm các sáng tác mới và có phòng tranh riêng ở Washington D.C từ 1995.

Ông có về Việt Nam triển lãm tranh của mình năm 2015.

Những năm 1975-1976, ông nghiên cứu và thực hiện cách vẽ tranh Âm họa, gọi đơn giản là Rửa tranh, một lối vẽ hoàn toàn mới lạ, ý tưởng phát triển từ kỹ thuật tranh sơn mài. (Vẽ tranh theo nghệ thuật, kỹ thuật này, được họa sĩ giải thích phải đi qua trình tự là: bức tranh, sau khi vẽ xong bằng màu nước trên giấy, sẽ đem ngâm trong nước cho màu sắc loang ra, tan bớt. Sau đó người họa sĩ sáng tác sẽ chỉnh sửa các đường nét, mảng màu theo ý muốn để hoàn thành).

Ông cũng còn làm thơ và viết văn. Sáng tác của ông ngoài việc gửi đăng trên tờ Lý Tưởng, còn được in chung trong Tuyển Tập Thơ Văn Không Quân Thời Chiến năm 1974.

Ông phụ trách việc trình bày và minh họa cho tờ Lý Tưởng giai đoạn đầu.

Họa sĩ Ngy Cao Uyên hiện sinh sống tại Minnesota Hoa Kỳ.

Họa sĩ CAO BÁ MINH (1942-). Ông là một trường hợp đặc biệt trong giới hội họa. Chỉ tự học do đam mê và có thiên khiếu với màu sắc, không theo học hội họa với bất cứ ai hay trường lớp hoặc sách báo, nhưng lại thành danh rất sớm chỉ sau mấy năm cầm cọ. Ông bắt đầu vẽ từ năm

1966-1967, khi nhập ngũ vào KQ được ít lâu. Phục vụ tại Khối CTCT/BTLKQ, rồi thuyền chuyển ra Đà Nẵng năm 1968.

Ông được coi như là một họa sĩ tranh sơn dầu theo trường phái trừu tượng và siêu thực. Ông có cách dùng màu và đường nét bố cục trong tranh rất lạ, mang tính đặc trưng. Tranh vẽ cũng thường có khổ lớn.

Ông cũng thực hiện nhiều mẫu bìa cho các ấn phẩm của nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến do nhà văn Thế Phong chủ trương, cùng các bìa sách, minh họa, tranh phụ bản cho tác phẩm, sách báo của các thân hữu.

Ông có cuộc triển lãm đầu tiên tại Phòng Thông tin Hoa Kỳ ngoài Đà Nẵng năm 1969 rất thành công gây tiếng vang. Tiếp theo đó là những lần triển lãm tại Trung Tâm Văn hóa Pháp ở Sài Gòn và tại Cần Thơ, Đà Lạt. Dưới sự bảo trợ của các cơ quan ngoại giao tại Việt Nam, ông cũng từng đưa tranh của mình sang giới thiệu với công chúng hội họa Pháp và Đức quốc trước 1975.

Sang Hoa Kỳ định cư năm 1991, ông tiếp tục sáng tác hội họa và nổi tiếng hơn. Tại Hoa Kỳ, ông thực hiện rất nhiều cuộc triển lãm cá nhân ở Orange County, nơi ông cư ngụ, cũng như tại các nơi khác Chicago, Virginia... Ông cũng có những lần bày tranh chung với các họa sĩ khác.

Ngoài việc vẽ tranh, ông cũng còn làm thơ và có tác phẩm xuất bản, tập thơ *Âng Mây Trắng Xóa Rợp Bóng Chiều*.

Họa sĩ Cao Bá Minh hiện sinh sống tại California.

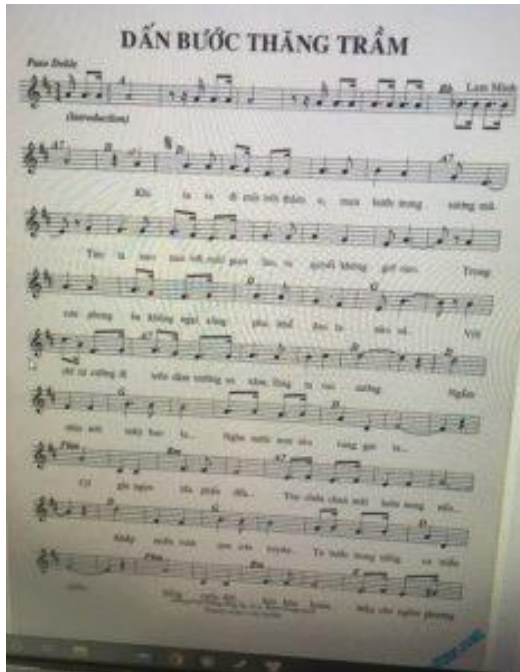
Về Âm nhạc và Ca nhạc:

Có rất nhiều những bản nhạc viết về KQ thật quen thuộc do các nhạc sĩ ngoài KQ sáng tác, đã giới thiệu hình ảnh đẹp của người chiến binh phi công KQ như: Không Quân hành Khúc (Văn Cao), *Vùng Trời Mang Tên Ta*, *Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc*, *Điệp Khúc Trần Thế Vinh* (Phạm Duy)_ *Hát Cho Người Vừa Nằm Xuống* (Trịnh Công Sơn)_ *Bài Vinh Thăng Cho Một Loài Chim* (Trầm Tử Thiêng)_ *Tuyết Trắng* (Trần Thiện Thanh)_ *Một Chuyến Bay Đêm* (Song Ngọc-Hoài Linh)...

Riêng bản *Vùng Trời Mang Tên Ta* được nhạc sĩ Phạm Duy viết cho KQ vào năm 1972, từng được đề nghị thay cho *Không Quân Hành Khúc* của nhạc sĩ Văn Cao, nhưng không được chấp thuận. Bản hùng ca này có những câu như: *Vùng trời mang tên ta những người con đất nước, chắp cánh lên trời cao với mộng ước hoa niên... Anh hoa tiêu bay vào khung trời, tôi vô tuyến bên người không rời, anh điều hành và tôi cơ khí, ôi bao la là vùng trời mang tên ta...*

Và cũng có nhiều người KQ trong lãnh vực sáng tác nhạc:

Nhạc sĩ LAM MINH (?): Đây là bút hiệu của Đại tá Trần Minh Thiện sử dụng khi viết nhạc. Ông là tác giả hai nhạc phẩm viết theo điệu Paso Doble: *Dấn Bước Thăng Trầm* và *Mơ Khúc Tương Phùng* với những giai điệu và ca từ đẹp.



Dấu Bước Thăng Trăng thật tươi vui hùng tráng, cất vang lời cổ võ thanh niên hăng say lên đường chiến đấu cho non sông đất nước, trong tinh thần hiên ngang hào sảng của tráng sĩ, luôn sẵn sàng xông pha, không ngại gì nguy khó. Bóng dáng người phi công phảng phất nhẹ nhàng nhưng rất rõ nét trong bản nhạc.

Bài này đã được nhiều ca sĩ trước năm 1975 như Thanh Lan, Khánh Ly, Lệ Thu trình bày tại các phòng trà Sài Gòn và thu đĩa. Cũng được các thế hệ ca sĩ hải ngoại sau này trình bày nhiều lần.

Mơ Khúc Tương Phùng nói về một tình yêu đẹp, thiết tha nồng cháy và không hề bi lụy thờ than, dẫu có phải dờ dang chia xa, vẫn tràn đầy tươi vui tin yêu trong nỗi ước mong buổi trùng phùng.

Nhạc phẩm này cũng được các ca sĩ Khánh Ly, Lệ Thu trình bày và thu vào băng đĩa trước 1975. Vì nội dung không như *Dấu Bước Thăng Trăng*, nên ngoài các ca sĩ hải ngoại, các thế hệ ca sĩ trẻ trong nước cũng chọn để hát trong các chương trình của mình (Tam ca Áo Trắng, Đoàn Trang...). Nhạc điệu bài hát cũng thường được dùng để mở đầu cho những buổi dạ vũ.

Không có nhiều chi tiết về năm tháng nhạc sĩ Lam Minh đã sáng tác hai bài này (đoán chừng thời ông còn trẻ, cuối năm mươi sang đầu thập niên sáu mươi, khi đã vào KQ), cũng như về các tác phẩm khác của ông. Ngoài thời gian trong đơn vị, ông còn là một nhạc sĩ chơi nhạc tại các phòng trà ở Nha Trang. Ông được biết đến như một người thật hiền lành, dễ mến và đầy khiêm tốn. Chính vì điều này, kể cả nhiều người thân cận trong KQ, ít người biết ông là tác giả hai bản nhạc thời danh, nêu trên, hướng hồ những người theo dõi sinh hoạt âm nhạc Việt Nam.

Đ/tá Trần Minh Thiện là Sĩ quan Phụ trách ngành Trực Thăng tại Bộ Chỉ huy Hành quân Chiến cuộc, trực thuộc BTLKQ từ 1973 cho đến ngày cuối cùng. Ông là một trong những cánh chim đầu đàn của ngành Trực Thăng từ những ngày đầu. Thời gian KQVN còn phụ thuộc vào KQ Pháp ngày đó, sau khi tốt nghiệp phi công cánh quạt ở trường huấn luyện bay Marrakech, cùng với mấy người cùng khóa nữa, ông được đưa lên Paris để học lái trực thăng.

Ông là Chỉ huy trưởng tiên khởi của Phi đoàn trực thăng Thần Tượng 215 tái lập ở Đà Nẵng tháng 9/1964, đầu năm 1965 chuyển về Nha Trang (PĐ 215 đầu tiên là Phi đoàn huấn luyện ở Tân Sơn Nhất, thành lập đầu 1963, giải thể tháng 5/1964).

Không có được chi tiết nào về ông sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 ở hải ngoại, chỉ biết rằng ông đã kịp rời khỏi Việt Nam.

Nhạc sĩ NGÔ MẠNH THU (1938-2004): Đây là một tên tuổi quen thuộc trước đây tại Việt Nam cũng như hải ngoại sau này. Khi viết nhạc, ông sử dụng nhiều bút danh khác nhau như, Trần Tú, Trần Thái Mưu, Tâm Hòa...

Ông tốt nghiệp Thủ khoa Trường Ca Vũ Nhạc Phổ thông Sài Gòn năm 1956 và Thủ khoa bộ môn Ca Trường, Hợp xướng Trường Quốc gia Âm nhạc năm 1961.

Ông sáng tác hàng trăm ca khúc đủ thể loại từ Tình ca, Du ca, Sinh hoạt ca, nhạc Thiếu nhi, nhạc Phật giáo... Có những bài nổi trội như Từ Một Cơn Mờ, Dòng Sông Trắng, Hoài Niệm...

Ông từng là Ca trưởng Ca đoàn Vô tuyến Việt Nam của đài phát thanh Sài Gòn, Ca trưởng Ca đoàn Lửa Việt, sinh hoạt ngoài dân sự.

Ông cũng là một trong những Trưởng trụ cột của Phong trào Du ca Việt Nam, đồng thời cũng là một Huynh trưởng Gia đình Phật tử.

Các Ban Tam ca Ngàn Thông, Tứ ca Mây Ngàn do ông thành lập trình diễn trên nhiều sân khấu. Nhưng ông được biết đến như là một nhạc sĩ nhiều hơn.

Trong quân ngũ, ông phục vụ tại Đoàn Công tác Chính huấn, thành lập năm 1970 (viết tắt CTCH), trực thuộc Phòng Kế Hoạch & Chính huấn, VP.TMP.CTCT /BTLKQ, phụ trách Toán Chiến Sĩ Ca (CSC). Toán CSC có nhiệm vụ yểm trợ các buổi Học tập Chính trị tại các đơn vị qua việc trình bày những bản hùng ca để cổ vũ sĩ khí, tinh thần chiến đấu và phục vụ cho người lính KQ, bên cạnh việc thực hiện các buổi sinh hoạt Chính huấn đơn vị. Toán CSC khác với Ban Văn nghệ KQ thuộc Phòng Tâm Lý chiến, chuyên về trình diễn giải trí đơn thuần.

Ông sang Hoa Kỳ định cư tại California năm 1994 và hoạt động sôi nổi trong nhiều lãnh vực: giáo dục, văn học nghệ thuật, báo chí, phát thanh, sinh hoạt Du ca, sinh hoạt Phật sự...

Ông từ trần ngày 17.8.2004, thọ 67 tuổi.

Nhạc sĩ NGUYỄN TRUNG CANG (1947-1985): Ông được biết đến nhiều qua nhạc phẩm nổi tiếng Thương Nhau Ngày Mưa hay các bản tình ca khác như Bước Tình Hồng, Bông Khuâng Chiều Nội Trú, Mặt Trời Đen, Phiên Khúc Mùa Đông... bên cạnh các sáng tác thể loại nhạc trẻ cùng với Ban nhạc Phượng Hoàng, (thành lập năm 1970 và có các ca nhạc sĩ Lê Hữu Hà, Elvis Phương, Trung Vinh).

Là một trong những nhạc sĩ có tiếng tăm trong phong trào nhạc trẻ của giới trẻ Sài Gòn thập niên 1970. Ngoài việc viết nhạc, ông còn sử dụng được nhiều nhạc cụ khác nhau, guitar lead, bass, keyboard...

Nhạc của ông được nhiều hãng Băng đĩa, công ty sản xuất âm nhạc, thu băng và phát hành rộng rãi.

Ông phục vụ trong Toán CSC Đoàn CTCH (có giới thiệu nơi phần nói về nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu bên trên).

Các ca sĩ hải ngoại và trong nước tiếp tục trình bày các sáng tác của ông sau ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Nhạc sĩ Nguyễn Trung Cang là một người tài hoa nhưng mệnh yếu. Sức khỏe ông không được tốt cho lắm vì có bệnh hen suyễn kinh niên khá nặng. Ông từ trần tại Sài Gòn năm 1985 khi còn trẻ, mới 38 tuổi.

Ngoài các nhạc sĩ sáng tác vừa nêu, KQ cũng có những ca sĩ thời danh:

Ca sĩ SĨ PHÚ (1942-2000): tên thật là Nguyễn Sĩ Phú, cấp bậc và chức vụ cuối cùng của ông là Th/tá Trưởng khối CTCT Căn cứ 20 Chiến Thuật KQ Phan Rang. Trước đó có thời gian ông phụ trách Ban Văn nghệ KQ, P.TLC/BTLKQ.

Ông vốn là một phi công trực thăng thuộc Đ 74 Chiến thuật dưới Cần Thơ. Đam mê âm nhạc và có chất giọng trầm ấm thiên phú, ông bắt đầu nổi danh tại Sài Gòn từ 1966 qua những chương trình truyền hình của KQ, trong phần văn nghệ với những bản tình ca thời tiền chiến và các nhạc phẩm trữ tình của các nhạc sĩ đương thời.

Giọng hát của ông cùng phong thái lãng tử, được người hâm mộ vô cùng yêu mến. Tiếng hát Sĩ Phú được xếp ngang hàng với các danh ca Anh Ngọc, Duy Trác. Ông đi hát tại một vài phòng trà và thu nhiều băng đĩa, cá nhân cũng như cùng với các ca sĩ khác.

Th/tá Sĩ Phú còn đảm nhận vai chính trong cuốn phim *Cánh Chim Tự Do* thực hiện năm 1971-1972, nhằm giới thiệu nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc trên không trung của Không Quân Việt Nam Cộng Hòa và mời gọi thanh niên gia nhập KQ. Cuốn phim có ý nghĩa như một *Đời Phi Công* của điện ảnh.

Ra đến hải ngoại sau ngày 30.4.1975, ngoài việc đi làm cho một công ty Hoa Kỳ ngành viễn thông, ông còn sinh hoạt ca nhạc một thời gian dài trước khi lâm trọng bệnh phải dừng lại.

Ông từ trần ngày 19.7.2000 khi chưa qua tuổi sáu mươi.

Ca nhạc sĩ DUY QUANG (1950-2012): tên thật Phạm Duy Quang, và hai người em là Phạm Duy Minh, Phạm Duy Hùng, những người con của nhạc sĩ Phạm Duy, cả ba đều cùng phục vụ trong Toán CSC/Đoàn CTCH. Đây là trường hợp ưu ái đặc biệt Không Quân dành cho gia đình người nhạc sĩ đã có nhiều cống hiến cho văn hóa nghệ thuật nước nhà.

Duy Quang được biết đến như đầu đàn của ban nhạc gia đình The Dreamers, thường trình diễn nhạc ngoại quốc trên nhiều sân khấu và các Club của quân đội Hoa Kỳ thời gian đó tại Việt Nam. Mãi sau ông mới hát riêng như một ca sĩ và thành danh với những bản tình ca của thân phụ, bên cạnh những bản nhạc trữ tình của các tác giả khác.

Ông sử dụng thành thạo nhiều loại nhạc cụ như guitar lead, bass, keyboard.

Tiếng hát Duy Quang được đánh giá là ấm và ngọt, diễn tả bài hát bằng phong thái rất tự nhiên một cách trọn vẹn, không hề làm dáng. Băng nhựa có tiếng hát của ông và ban nhạc The Dreamers thường có số tiêu thụ khá lớn.

Sau 30.4.1975, trước khi ra được hải ngoại tiếp tục con đường ca hát, Duy Quang và mấy người em trai có thời gian bị kẹt lại trong nước vài năm.

Là người tài hoa, nhưng trong cuộc sống tình cảm và gia đình, ông gặp nhiều lận đận, trắc trở và buồn phiền.

Duy Quang cũng có thử trong lãnh vực sáng tác và chuyển thể lời Việt các bài hát ngoại quốc nhưng không mấy thành công. Đáng kể chỉ có bài *Kiếp Đam Mê* (nguồn cảm hứng sáng tác từ thơ của Huyền Công) ở hải ngoại.

Có thể đã không có một Duy Quang và các người em trong sinh hoạt nghệ thuật. Được biết ông bà Phạm Duy-Thái Hằng đã chỉ muốn các con mình theo đuổi việc học hành là chính; và ca hát, âm nhạc chỉ là phụ mà thôi. Nhưng trước sự đam mê mãnh liệt của các con, ông bà cũng phải thuận theo và hướng dẫn thêm cho tất cả về chuyên môn trong âm nhạc.

Khoảng năm 2004, Duy Quang trở về Việt Nam ca hát, theo bước thân phụ, nhạc sĩ Phạm Duy và người em Duy Cường (một nhạc sĩ soạn hòa âm nổi tiếng).

Duy Quang quay lại Hoa Kỳ để điều trị khi lâm trọng bệnh và từ trần vào ngày 19.12.2012, để lại nhiều tiếc thương cho gia đình cùng người hâm mộ.

Ca nhạc sĩ MINH PHÚC (1949-2019): tên thật Đặng Hữu Phúc.

Có niềm đam mê âm nhạc mãnh liệt, lại được đào tạo căn bản, nên Minh Phúc có trình độ chuyên môn giỏi, khá chuyên nghiệp, nhất là về hòa âm, phối khí. Ông là một trong những học trò xuất sắc của lớp nhạc do vợ chồng nhạc sĩ Nguyễn Ngọc-Huyền Nga phụ trách (nằm trong con hẻm bên hông chùa Ngọc Hoàng, đường Phạm Đăng Hưng Sài Gòn), một nơi đã đào tạo nhiều tài năng ca nhạc. (Nhạc sĩ Huyền Nga tên thật Nguyễn Thị Nga 1929-2014, là một nữ nhạc sĩ Hạ uy cầm, hiếm hoi và nổi tiếng từ đầu những năm một chín năm mươi)

Ông có khả năng về cả thanh nhạc lẫn khí nhạc. Thường chơi guitar lead, guitar bass và cả keyboard trong ban nhạc. Ngoài việc đệm đàn, ông là giọng hát phụ họa cho nhiều tiếng hát tên tuổi trên các sân khấu trình diễn và phòng trà.

Minh Phúc thường hát những ca khúc ngoại quốc đủ thể loại khi ở trong ban nhạc The Top Five rồi Blackcaps (cùng với Tuấn Ngọc, Tùng Giang, Paolo...), chuyên trình diễn tại các Club quân đội Mỹ, cũng như tại các phòng trà và vũ trường như Chez Jo Marcel, Tự Do..., đặc biệt khi phong trào nhạc trẻ thịnh hành một thời. Sau này, nhất là khi ra hải ngoại, Minh Phúc mới hát thêm các ca khúc Việt Nam cùng với người bạn đời là ca sĩ Minh Xuân (ban nhạc Ba Con Mèo).

Minh Phúc cũng có mặt trong Toán CSC, Đoàn CTCH ngay từ ngày thành lập.

Vợ chồng Minh Phúc sang Hoa Kỳ vào những ngày cuối tháng Tư năm 1975. Họ tiếp tục con đường sinh hoạt ca nhạc và vẫn giữ được tên tuổi với nhiều thành công.

Minh Phúc từ trần ngày 19.4.2019 tại California, sau hơn bốn năm chiến đấu với bạo bệnh.

Ca sĩ ANH KHOA (1948-): tên thật Trần Công Khai. Ông phục vụ trong Ban Văn nghệ KQ và là tiếng hát chủ lực của những buổi trình diễn tại các đơn vị. Anh Khoa là một giọng hát truyền cảm quen thuộc và được mến mộ của sân khấu ca nhạc Việt Nam trước năm 1975. Có chất giọng trầm buồn rất riêng khi trình bày bài hát, như thể lời thủ thỉ tự sự, kể lể tha thiết, qua những nhạc phẩm trữ tình, lãng mạn thời đó, đặc biệt là những tình khúc của nhạc sĩ Phạm Duy hay những *Bài Không tên* của nhạc sĩ Vũ Thành An và tình ca của những tác giả khác nữa.

Anh Khoa cùng quê đất biển Phan Thiết với nhạc sĩ Trần Thiện Thanh. Có năng khiếu ca hát bẩm sinh và say mê với nghệ thuật này, nhưng vì hoàn cảnh gia đình nên không có điều kiện theo học một trường lớp chuyên môn nào về âm nhạc. Từ hồi niên thiếu, đã từng đại diện cho tỉnh nhà, dự thi và đoạt giải nhất về ca hát dành cho lứa tuổi thiếu nhi, trong một chương trình thi đua văn nghệ lớn tại rạp Quốc Thanh Sài Gòn.

Tự mày mò học hỏi và tìm hiểu qua sách báo về nhạc lý cũng như kỹ thuật sử dụng guitar. Thế nhưng Anh Khoa lại may mắn khi đạt đến danh vọng và thành công khá nhanh, chỉ một thời gian khá ngắn, khoảng chừng vài năm sau khi thử sức ở một hai ban nhạc tỉnh lẻ không suông sẻ, rồi đặt chân đến Sài Gòn năm 1969. Một phần cũng nhờ sự tận tình nâng đỡ của nhạc sĩ lão luyện đàn anh Jo Marcel (1938-), đã đưa Anh Khoa từ một nhạc sĩ chơi bass trong ban nhạc, bỗng chốc vụt sáng thành một tiếng hát ăn khách, xuất hiện hàng đêm tại các phòng trà ngày đó như Ritz, Tự Do, Queenbee... và trong nhiều băng đĩa nhạc như Shotguns, Thương Yêu, Hăng Đĩa Việt Nam... .

Anh Khoa sinh hoạt bèn bĩ với âm nhạc, kể cả sau 30.4.1975, bị kẹt lại trong nước hơn mười năm cho đến khi lập gia đình năm 1989 và sau đó sang Đông Âu sinh sống (vợ ông người Hungary, con gái một viên chức ngoại giao). Điều này khiến Anh Khoa có thời gian bị gián đoạn với âm nhạc Việt Nam. Ông đã sớm trở lại khi có sự cộng tác với các Trung Tâm Ca nhạc bên California như Asia, Thúy Nga Paris...

Năm 2015, Anh Khoa có về Việt Nam tham gia một chương trình ca nhạc cùng với nhạc sĩ Đức Huy.

Ông cũng thực hiện một vài đĩa và Album nhạc riêng cho mình.

Anh Khoa là người chung thủy và yêu quý gia đình. Dù có những dịp đi đây đó để trình diễn, nhưng Hungary vẫn là nơi chốn ông quay về bên vợ con, vì đã chọn nơi này là quê hương thứ hai cho đến cuối cuộc đời.

Thành phố Houston Hoa Kỳ cũng là một chọn lựa khác của ca sĩ Anh Khoa.

*

Tháng Tư năm 1975 đầy oan khốc và cay đắng, đã đem mây đen mù mịt bao phủ khắp vùng trời quê hương. Những cánh chim tac tác lia đàn, vội vã cất cánh, hối hả bay đi tìm phương trời tự do, bỏ lại bên dưới đôi cánh sắt, phi trường thân yêu cùng tất cả mọi thứ thân quý của bao tháng năm chất chiu.

Và cho đến ngày hôm nay, đã qua mấy mươi mùa thương hận, giữa những trang chiến sử oai hùng lẫm liệt vẫn luôn được nhắc lại, những điều trình bày trên đây chừng như lạc lõng và không cần thiết cho lắm.

Nhưng có lẽ cũng không đến nỗi thừa thãi, vì đó là một phần trong tháng năm ký ức đẹp đẽ của dòng sinh hoạt văn học nghệ thuật KQ, bên cạnh hình ảnh những cánh chim vẫy vùng trên khắp vùng trời tổ quốc Việt Nam thân yêu, đóng góp phần máu xương cho biết bao nhiêu chiến công hiển hách trong sử xanh một thời.

Và cũng để nói lên bản chất của chế độ tự do đích thực Việt Nam Cộng Hòa, mà người văn nghệ sĩ, cách riêng văn nghệ sĩ quân đội, trong đó có văn nghệ sĩ Không Quân, luôn được hoàn toàn tự do sáng tác và sinh hoạt, không bao giờ phải cúi cung giữ vai trò văn nô, làm công cụ tuyên truyền cho chế độ, như tất cả mọi tầng lớp văn nghệ sĩ dưới chế độ Cộng sản.

6/2020

©T.Vấn 2020